



NGUYỄN DU

Kim Vân Kiều

Giáo đính - Tường giải
HƯỜNG NGẠN ĐÀO TỬ
Đàm Duy Tạo

KIM VÂN KIỀU TRUYỆN - còn gọi là *Truyện Kiều*, được viết bởi đại thi hào Nguyễn Du (1765–1820) là một tác phẩm văn chương kinh điển nhất trong lịch sử văn học Việt Nam. Gồm 3254 câu thơ được viết theo thể lục bát mang đậm âm hưởng của ca dao truyền thống. *Truyện Kiều* được viết bằng chữ Nôm tượng hình, không phải bằng chữ Quốc Ngữ, hệ thống chữ viết đã được sử dụng để thay thế chữ Nôm từ đầu thế kỉ thứ XX. Tác phẩm này đã đưa tên tuổi Nguyễn Du vượt ra khỏi Việt Nam và trở thành một trong những danh nhân văn hoá thế giới.

Hàng trăm năm qua, *Truyện Kiều* là một trong số ít các tác phẩm được nhiều người dân đủ mọi tầng lớp thuộc lòng và sử dụng như một hình thức văn hoá với nhiều hoạt động như : bói Kiều, lấy Kiều, trò Kiều, vịnh Kiều, tranh Kiều...

HƯƠNG NGẠN ĐÀO TỬ Đàm Duy Tạo (1896 – 1988) sinh tại làng Hương Mặc, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Cụ thi Hương khoa Nhâm Tý (1921) nhưng ngay sau khi các kỳ thi chữ Nho bị bãi bỏ, cụ theo học Pháp văn một thời gian và trở thành giáo viên tiểu học vào khoảng năm 1920. Tuy dạy học bằng chữ Quốc ngữ và chữ Pháp, cụ suốt đời tự trau dồi chữ Hán và chữ Nôm. Cụ sang Canada định cư từ năm 1976. Tại đây, cụ đã bỏ ra hơn sáu năm trời để hoàn tất công trình văn học sâu sắc cuối đời. Đó là cuốn *Kim Vân Kiều Giáo đính và Tường giải*.

Công trình dày 570 trang này đã được cụ thuê người đánh máy từng trang, sau đó cụ viết tay từng chữ Hán và chữ Nôm vào những chỗ cần thiết. Từ tháng 5 -2009, phiên bản điện tử của tác phẩm này đã được gia đình cụ sao lưu dưới dạng ebook và chia sẻ miễn phí trên mạng internet. Cuốn sách này sử dụng ba phần của tác phẩm ấy, đó là :

Phần chính văn

Phần giáo đính - tường giải

Phần chú giải - dẫn điển

Quý vị có thể tham khảo và download toàn bộ bản thảo gốc của tác phẩm này với đầy đủ phần chữ Hán và chữ Nôm tại blog : kimvankieu.wordpress.com

CHÚNG TÔI thực hiện cuốn sách để thử nghiệm *Cadao* – một bộ font chữ gồm 6 kiểu : book, regular, **bold**, *italic*, **bold-italic** & sans – được xây dựng và phát triển dành riêng cho tiếng Việt.

Đây là bộ font chữ đầu tiên và duy nhất từ trước tới nay được thiết kế với mục đích giải quyết tất cả các vấn đề của ngôn ngữ tiếng Việt dưới dạng văn bản.

NGUYỄN DU

Kim Vân Kiều

giáo đính - tường giải

Đàm Duy Tạo

éd. đ14
amiens, 2012

*designed & typeset by éd. đ14
in Indesign CS4
on an Apple Macintosh computer*

*all text output in Cadao
a font family specially designed
for the vietnamese language requirements
by Pham Dam Ca*

*Amiens,
avril 2012*

BẢN THẢO
dựa trên nguyên tác
Truyện Kim Vân Kiều
Giáo đính & Tường giải
Đính giải giả
Hương ngọc Đào tử
Đàm Duy Tạo

Kiểu chữ
bộ font chữ Cadao,
do Phạm Đàm Ca
vẽ kiểu và phát triển

BIÊN TẬP & THIẾT KẾ
éd. đ14

1

**Mấy lời phi lộ
trước khi
đính chính
& chú giải
truyện Kiều**

Truyện *Kim Vân Kiều* hay *Đoạn Trường Tân Thanh* là một tác phẩm văn chương rất Quý không những là của riêng nước Việt Nam ta, mà còn là của chung cả thế giới nữa. Lắm người ngoại quốc đã cho truyện Kiều là một quyển truyện hay vào bậc nhất nhì trong kho văn chương hoàn cầu. Một nhà văn sĩ nước Pháp, ông Crayssac đã thán phục truyện Kiều là hay tốt bậc về đủ phương diện : lời văn êm đẹp, ý tứ thâm thúy, tả tâm tình người nào đúng người ấy, tả việc nào, cảnh nào đều khéo thật rõ để người đọc như được mục kích. Và ông đã chịu khó mất công ba năm trời diễn quyển truyện Quý nước Việt Nam này ra thể thơ pháp văn thành một tập thơ dày bốn năm trăm tờ. Ông nói ông cố dịch ra pháp văn cho người nước Pháp được thưởng thức cái hay cái đẹp vô giá của văn chương Việt Nam. Hiện nay truyện Kiều càng ngày càng được người ngoại quốc hoan nghinh, hết thấy các nước văn minh tân tiến đều đua nhau sưu tầm khảo cứu truyện Kiều để dịch ra tiếng nước mình.

Giá trị truyện Kiều cao quý như vậy, nhưng tiếc thay các bản truyện Kiều lưu hành ở nước Việt Nam ta bây giờ có nhiều chữ lệch lạc khác nhau, có nhiều chữ ý nghĩa mập mờ, khiến các nhà chú giải không nhất trí. Đó là một điều có thể làm giảm mất một đôi phần giá trị cao quý truyện Kiều. Xét ra truyện Kiều có những chỗ ý nghĩa mập mờ đó là vì các nhà chú giải không chịu suy nghĩ trước sau xa gần cho ra nghĩa thật xác đáng, chỉ giảng giải gượng ghìu xong lần. Còn về phần chữ hay câu ở các bản lệch lạc khác nhau vì các lẽ sau này :

MỘT LÀ : vì mất các bản chính. Nguyên bản thảo của tác giả mất đã đành, và những bản mới ấn hành lần đầu cũng không còn, rồi đến cả các phường bản, thợ nhà in theo các bản in lần đầu mà khắc lại, tuy có đôi chữ hoặc khắc sai nét, hoặc in nhoè nhoẹt, nhưng ta còn dấu vết để suy xét được chữ chính đáng, thì nay cũng lại đều hết cả. Hiện giờ chỉ còn những bản Kiều Nôm do các nhà văn sĩ đã cậy mình tài giỏi, tự theo ý mình mà đổi bữa bãi những chữ in sai, in nhoè nói trên, mà các ông không nhận được hoặc không đoán được ra chữ gì, các ông đã nhận lầm đổi bậy các chữ đó ra những chữ vu vơ vô nghĩa, rồi ông

thì giải giường cho xong lần, ông thì lại đổi luôn cả một vài chữ khác cho ăn nghĩa với những chữ đó. Thế là các ông đó đã phạm một lỗi lầm lớn là làm hỏng mất một câu nguyên văn rất hay thành một câu rất dở.

Thí dụ như câu 247 tả Kim Trọng tương tư Kiều đêm mất ngủ “Sầu giọng càng khắc càng chầy” nghĩa là chàng không biết hãm mối sầu lại, nên nó xuống cho khuây đi để ngủ lại cú giọng con ngựa sầu đó cho nó chạy đuổi theo bóng Kiều mãi, thành ra mất ngủ, thấy đêm càng dài thêm mãi. Câu này lấy ý ở câu thơ của Ngô Tử Kinh Sầu trực lậu thanh trường – *Sầu đuổi tiếng đồng hồ dài dài*. Câu nguyên văn ý nghĩa thật đẹp như thế mà chỉ vì các ông không biết câu thơ cổ đó, lại không hiểu nghĩa chữ “giọng” là gì, nên các ông xuất bản truyện Kiều. Ông thì đổi là “Sầu đông càng khắc càng chầy”. Ông thì đổi là “Sầu đông càng khắc càng đầy”. Có ông lại đổi là “Sầu đông càng lắc càng đầy”. Ôi câu nguyên văn lời thanh ý đẹp như thế, mà các ông đổi ra những câu ý nông cạn, lời thô quê như thế, mà cho xuất bản lưu hành, thật là sự lầm lỗi đặc tột với tác giả tiên sinh.

HAI LẦ : vì các văn sĩ ta xưa không bao giờ chú thích tác phẩm của mình. Ta có thể nói được là tác giả thu nhặt những lời hay ý đẹp trong nhiều sách Nho như Kinh Thi, Kinh Lễ, Thơ Đường, Thơ Tống, Tình Sử, Liêu Trai, Truyện Thần Tiên, Kinh Phật... cả đến Phương Ngôn, Tục ngữ, Ca dao của ta nữa, để khéo chấp nối mà viết thành quyển *Đoạn Trường Tân Thanh*, đúng như lời tác giả nói khiêm “Lời quê chấp nhặt đồng dài” ở câu kết truyện. Bởi nguồn điển tích truyện Kiều mông mênh mạn mác trong giới văn Tầu, văn ta như vậy, nên phải có những bậc văn nhân học lực đã sâu rộng, lại phải lẫn lộn tiếp xúc nhiều với dân quê ta, mới có thể chú giải đầy đủ được truyện Kiều, đại khái như cụ Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Chu Mạnh Trinh. Nhưng tiếc thay các bậc thâm nho này lại cho việc chú giải truyện Kiều là một việc không cần, chớ các cụ có biết đâu rằng truyện Kiều sẽ là cái hồn thiêng quý của nền văn chương Việt Nam khiến người Âu Mỹ bây giờ phải kính nể văn hoá Việt ta.

Giải thích những điển cố lấy ở cổ thư thì các vị thâm nho tuy đã học nhiều lại sẵn sách kê cứu, nhưng vẫn chưa đủ, vì còn có thêm những điển cố lấy ở phong dao tục ngữ ta, chỉ có những vị thâm nho nào đã từng sống nhiều ở thôn quê mới biết. Nên nhiều câu tác giả lấy điển ở ca dao, tục ngữ ta, mà ít nhà chú thích truyện Kiều nào nói đến. Thí dụ như câu 1025, Kiều bảo Tú Bà : “Sợ khi ong bướm đãi đàng” sau khi nàng nghe mẹ dỗ dành nàng rằng sẽ tìm nơi xứng đáng mà gả chồng cho nàng. Câu Kiều nói này nghĩa là : Tôi sợ bà nói đấy, rồi lại quên lời ngay, chỉ nói đãi bồi lừa nhau một lúc cho xong lần thôi.

Chữ *ong bướm* đây lấy điển ở câu ca dao “Nói lời thì giữ lấy lời. Đùng như con bướm đậu rồi lại bay” Chữ *đãi đàng* thì lấy điển ở câu : “Yêu nhau bảo thật nhau cùng. Đậu ngâm ra giá đãi đùng nhau chi” (*Đãi đùng* đổi ra chữ *Đãi đàng* cho hợp vần). Xem như câu nghe nàng nói thế, thì mẹ trả lời và thề ngay :

Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi !

Mai sau ở chẳng như lời.

Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi.

Thì biết lời mẹ đáp lại đều ý thật rõ thật hay, thật khẩn thiết với nhau. Trong cuốn truyện Thúy Kiều của hai ông Kim Kỳ xuất bản, giải nghĩa chữ “đãi đàng” là “lôi thôi” là lằm, vì câu “Sợ khi ong bướm nó lôi thôi” không khẩn thiết gì với câu mẹ nói và thề ở dưới.

Lại như câu 1363 “Đường xa chó ngại Ngô Lào” tác giả lấy điển ở câu phong dao *Chơi cho nước Tấn sang Hồ, nước Tề sang Sở, nước Ngô sang Lào* mà không thấy nhà chú thích truyện Kiều nào nhắc đến. Và như câu 2940 “Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha” lấy điển ở câu ca dao *Một liều, hai ba bốn cũng liều. Năm sáu sông cũng lội. Bảy tám chín, mười đèo cũng pha*. Chữ “pha” đây nghĩa là xông vào nơi bụi rậm gai góc, ở nhiều bản Kiều, nhà xuất bản đổi lằm ra chữ “qua”, thành kém ý nghĩa mạo hiểm. Chữ “đèo” đổi ra “ngàn” để hợp vần.

BA LÀ : Vì sao chép lại mãi, chữ nọ lằm ra chữ kia, người sau đọc đến những câu lằm đó, thấy lời văn không chạy, ý nghĩa tối tăm mà suy xét không ra các chữ sai lằm

đó, bèn đổi bùa chữ khác cho liền nghĩa vu vợ với chữ lầm trước, thế là làm mất cả lời hay ý đẹp của cả câu nguyên văn trước. Thí dụ như câu :

*Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,
Rụng rời đọt liễu, tan tành cội mai.*

Chữ *đọt liễu* là cái trồi liễu mập mập non tươi mới trồi lên từ gốc cây, tượng trưng cho Thúy Kiều, Thúy Vân; cội mai – *cái gốc già cứng cây mai* tượng trưng Vương bà. Ý hai câu này nói lũ sai nha nó thét lác làm hai cô gái trẻ và Vương bà sợ hãi tan hồn bạt vía. Câu tả cảnh này lời thật hay đẹp, ý thật đúng rõ như vậy. Thế mà chỉ vì chữ *đọt liễu* thợ in khắc lầm ra *giọt liễu* để cho mọi người tưởng lầm “giọt liễu” là những tua giải áo thắt lưng rũ xuống của đàn bà con gái, rồi mới đổi chữ *cột mai* ra làm *gối mai* để đối với “giọt liễu” cho chỉnh. Lấy nghĩa chữ *gối mai* là do chữ *mai* *trăm* dịch ra, nói sự vui vẻ đoàn tụ ở trong nhà. Đối thế đã là vô nghĩa, nhưng chưa vô nghĩa bằng có bản đã đổi “gối mai” ra “gối may” lại đối luôn cả “giọt liễu” ra “khung dệt” nữa, để đối với “gối may” cho chỉnh hơn !

Ồ ! Câu “Rụng rời đọt liễu, tan tành cột mai” nguyên văn thật ý hay lời đẹp tuyệt diệu như thế, mà chỉ vì một chữ “đọt” làm ra “giọt” lại thay đổi dần mãi thành ra “Rã rời khung dệt, tan tành gối may” sao mà lời văn thô, ý nghĩa dở được đến thế ? Thật đáng chê trách các ông văn sĩ ngông ngu sửa bậy !

Lại như câu 3176 Kim Trọng nói “Bấy lâu đây bể mò kim, Là theo vàng đá, phải tìm trăng hoa ?” nghĩa là : Ta sở dĩ cố đi dò thăm tìm nàng bấy lâu, là vì ta theo lời thể nặng với nàng, chứ đâu phải vì ta mến sắc đẹp của nàng.

Chữ “theo” in lầm ra “nhiều” thật là vô nghĩa, mà không ai để ý đến, hết thấy các bản Kiều Nôm, hay Kiều Quốc ngữ đều in là nhiều, thật là một sự lạ !

BỐN LÀ : Có nhiều chỗ trong bản Kiều nôm cũ khắc vụng in nhoè, người sau nhận không rõ, mới đoán bừa ra thành những câu vô nghĩa rồi giải gượng cho xuôi, cho xong lần, để những câu đoán lầm đó lưu truyền mãi mãi ở trong truyện Kiều. Cũng có nhà xuất bản biết là sai, có sửa lại, in lại, nhưng vì không biết điển cố, cũng lại sửa

bừa, vô nghĩa vẫn hoàn vô nghĩa. Thí dụ như câu Kiều khuyên Thúc Sinh phải về nói rõ việc mình làm lẽ cho Hoạn Thư biết, chớ không dấu mãi được đâu “Để mà bọc rẻ giấu kim, Làm chi bùng mắt bắt chim khó lòng?” Câu 6 chữ này lấy điển ở câu ca dao vợ cả đe chồng chớ thâm vụng với gái :

*Này này tỏ bảo cho hay,
Giấu kim bọc rẻ cho ngày thò ra !*

Điển này dùng vào lời Kiều khuyên đây thật hay, thật xác đáng. Thế mà vì chữ Nôm câu sáu chữ này rậm nét khó khắc, nên các bản Kiều Nôm cổ đều in nhoè nhoẹt khó nhận. Người xuất bản suy nhận không ra mới đoán lầm mà khắc lại câu này là “Để loè yếm thắm tròn kim” và cho là điển ở câu tục ngữ này là : Cái người ta không để ý đến, thì dấu như một người mặc cái yếm đỏ thắm đi qua, người ta cũng không thấy, nhưng cái người ta đã để ý đến, thì dấu nhỏ như cái lỗ ở tròn kim người ta cũng nhìn rõ ràng.

Có lẽ các ông xuất bản này đã khéo bịa ra câu tục ngữ này để làm bằng cứ mà giải nghĩa cái câu Kiều mập mờ vô nghĩa đó. Rồi lại có ông xuất bản thấy câu “Để loè yếm thắm tròn kim” vô nghĩa đó, lại đổi thành một câu nghĩa đã vô lý hơn, lời lại quá thô bỉ “Để mà ép sẫm luôn kim”. Những cuốn truyện Kiều do các ông này xuất bản thật đáng xé đốt, cho khỏi mang tiếng tác giả.

NĂM LÀ : vì chữ Nôm không có quy tắc nhất định để cho hình chữ nhất trí và tiếng đọc nhất trí. Đã một tiếng có thể viết thành ra hai, ba lối; lại một chữ có thể đọc được hai, ba tiếng, tùy theo nghĩa dùng từng chỗ. Trong câu “Hàn gia ở mé tây thiên” thì phải đọc là *mé* mới đúng nghĩa, vì mả Đạm Tiên ở mé bên bờ phía tây cánh đồng, mà trong câu “Mái Tây để lạnh hương nguyên” thì phải là *mái* mới đúng, vì chữ Mái Tây dịch chữ Tây Sương ra, *Tây Sương là mái nhà phía tây*. Chữ “Mái Tây để lạnh hương nguyên” thì các bản Kiều đều dịch đúng, nhưng chữ “Hàn gia ở mé tây thiên” thì các bản Kiều đều dịch lầm ra “mái tây thiên” thật là sai nghĩa.

Bởi sự không nhất trí của chữ Nôm như thế, *một chữ có thể đọc ra hai, ba tiếng - một tiếng có thể viết ra hai, ba chữ,*

đã gây nhiều sự khó khăn cho người phiên âm chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ. Nếu người phiên âm một cuốn truyện viết bằng chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ không đủ khả năng để hiểu thật nghĩa lý câu chuyện, hoặc không chịu khó suy nghĩ cho ra ý nghĩa xác đáng của từng chữ trong câu chuyện, thì phiên âm dễ sai lầm lắm. Thí dụ như chữ *nén* trong câu 1390 “Nén lòng e ấp tình bài phân ly”, chữ *nén* Nôm viết thạch là đá tỏ ý nặng ở bên chữ *nặng* hợp với tiếng *nặng* hay tiếng *nén* của tiếng Việt ta. Chữ Nôm trong câu Kiều này phải phiên âm là *nén* thì mới đúng nghĩa. Vì Thúc Ông lúc mới thấy Thúc, Kiều tốt đôi, trước còn e ấp dùng dằng không nỡ bắt con phải bỏ Kiều, nhưng sau ông xét ra thấy con đã phá sản quá nhiều vì Kiều, nên ông mới đành “nén” lòng e ấp ấy xuống, mà bắt Thúc Sinh phải đuổi Kiều đi. Câu này thật hay, tả rõ được nỗi phân vân trong lòng Thúc Ông, vừa có lòng nhân từ cha mẹ thương con, vừa có óc ông già buồn bán tiếc của. Thế mà hết thấy các bản truyện Kiều Quốc ngữ, kể cả hai cuốn của ông Trần Trọng Kim và của ông Nguyễn Khắc Hiếu đều phiên âm lầm ra là “Nặng lòng e ấp tình bài phân ly” thành ra vu vơ vô nghĩa. Ông Hiếu thì chịu là “không hiểu chữ e ấp nghĩa là gì ở đây” ông Kim thì giải nghĩa gượng chữ e ấp là e lệ, sợ hãi và nặng lòng e ấp là nói Thúc Ông sợ nỗi con đã có vợ rồi mà lại chơi bời, lấy gái giang hồ, vậy ông mới tính bài bắt phải bỏ ra (Lời giải số 5, trang 126, cuốn truyện Thúy Kiều, in lần thứ 8, nhà in Tân Việt.)

Lại còn một nỗi khó khăn hơn nữa cho người phiên dịch truyện Kiều viết bằng chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ. Đó là vì các bản Kiều Nôm cũ thường có nhiều chữ hoặc bị sao chép sai, hoặc bị khắc in sai, cần phải suy nghĩ khảo sát tồn công mới biết được. Mà muốn khảo sát cải chính những chữ sao khắc sai lầm này ra chữ chính xác, thì một là phải thông thạo chữ Nôm, hai là phải biết cách viết thảo chữ Hán và chữ Nôm, ba là phải nghĩ kỹ lấy ý nghĩa của mấy câu trước sau chữ sai lầm thành vô nghĩa đó. Có đủ ba điều kiện tối cần ấy thì mới có thể đem những chữ sai lầm ấy ra mà phân tích mà suy đoán, tìm lấy chữ vô nghĩa này làm hình thức bằng chứng mà đoán ngược lại lấy chữ chính xác nguyên văn.

Dưới đây tôi xin kể vài chữ thật hay đã bị người sao chép lầm thành ra chữ vô nghĩa vì hai chữ gần giống nhau.

1/ Chữ *úm* lầm ra *điểm* ở câu 367 “Một tường tuyết *úm* sương che” tả cảnh Kim Kiều nhìn ngóng nhau mãi mà chẳng thấy nhau như bị tuyết sương phủ kín. Có bản Kiều in lầm ra là “Một tường tuyết *điểm* sương che”. Rồi có mấy nhà xuất bản sau này thấy chữ *điểm* vô nghĩa, mới đổi bù ra là “Một tường tuyết *trở* sương che” hay là “Một tường tuyết *đón* sương che”. Chữ *đón* cũng gần vô nghĩa như chữ *điểm*, cả chữ *trở* cũng gần vô nghĩa như vậy. Người ta chỉ nói “cách trở” hay “ngăn trở” mới có nghĩa, chứ không bao giờ nói riêng lẻ một chữ “trở” và người ta cũng chỉ nói “che chở” chứ không bao giờ nói “trở che” hay “che trở”.

Chữ *điểm* tuy vô nghĩa thật, nhưng còn giữ được chút “di tích” nguyên văn cho ta lấy nó làm bằng cứ mà suy đoán ra chữ *úm*, vì Hán văn là *âm*, chữ Nôm mượn là *úm*.

2/ Chữ *lựa* lầm ra *lừa* ở câu 3072 “Khuôn thiêng *lựa* lọc đã đành có nơi” là lời Thúy Vân khuyên Kiều lại lấy Kim Trọng, ý nói: Trước kia Kiều đã hẹn lấy chàng rồi gặp gia biến phải bỏ ra đi, nay bỗng lại được gặp nhau. Đó thật là ông Trời đã *lựa* chọn kỹ càng hai người lấy nhau thật xứng đáng, nên nay lại cho được kết duyên. Chữ “*lựa lọc*” nghĩa là kén *lựa* rất tinh tế. Câu này lời thật hay, ý thật đúng như vậy, thế mà vì lỗi người chép lầm hay người khắc in sai *lựa* ra *lừa* rồi lại vì người phiên âm không biết nghĩ, cứ theo chữ *lầm* mà dịch bù ra “Khuôn thiêng *lừa lọc*” thành vô nghĩa. Lại có bản dám đổi hẳn là “Khuôn thiêng *lừa đảo*” nữa, thật đã quá vô nghĩa, lại quá hỗn sược với cả Trời nữa. Những cuốn Kiều đổi bù ra bài như thế nên xé đốt cho hết. Những nhà xuất bản sửa đổi cần bậy truyện Kiều này thật có tội với nền văn chương của ta.

3/ Chữ *lờ* chép lầm ra *làn* ở câu “Lờ thu thủy, nhọt xuân sơn, Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”. Hai câu lục bát này dùng bốn chữ so sánh : lờ, nhọt, ghen, hờn để tả vẻ đẹp của Kiều : Vẻ trong sáng đôi mắt thì làm lờ được màu trong hồ nước lặng mùa thu, vẻ đẹp tươi của đôi lông mày thì làm nhọt được vẻ tươi đẹp mặt cỏ núi mùa xuân, màu thắm hồng đôi má làm cho hoa thua phải ghen, màu xanh rờn lông mày làm cho liễu phải hờn tức.

Hai câu lục bát này ý thật hay, vẻ đẹp thanh tú của nàng hơn cả bốn cảnh thanh tú của trời đất, lời thật luyện và đáng đối tề chỉnh, liên tiếp với nhau. Hai vế câu sáu chữ này dịch ở hai câu : Nhỡ quang thu thủy, Mi đậm xuân sơn nghĩa là *mắt sáng hơn là nước mùa thu, lông mày làm nhọt được màu núi mùa xuân*. Câu nguyên văn diễn : lờ thu thủy, nhọt xuân sơn là rất đúng.

Nhưng sau vì một cuốn Kiều Nôm tái bản sao khắc lầm ra “Làn thu thủy, nhọt xuân sơn” hãy còn giữ nguyên chữ *nhọt* (nửa hài âm là chữ *nhật*). Rồi lại có người tái bản sau nữa đổi luôn cả chữ *nhọt* ra làm *nét* thành ra câu này là “Làn thu thủy, nét xuân sơn” nghe êm tai, nên mọi người nghe quen tai, cho là phải. Nhưng suy nghĩ cho kỹ thì thật là lệch lạc, vô nghĩa, đã không thành câu, lại thiếu ý tả vẻ đẹp, mà lại không lưu loát liên mạch với 8 câu chữ dưới. Còn chứng cứ chữ *lờ* rất đúng là bản Kiều Nôm cụ Nghè Vũ Trinh xuất bản, còn đề nguyên chữ *nhọt* để đối với chữ *lờ* viết sai ra *làn*.

2

Mục đích & Cách thức của sự Giáo dục

Tôi thấy rằng vì năm lẽ kể trên mà truyện Kiều đã bị người sau bôi nhiều vết hoen ố quá, tôi rất e sợ cho giá trị vô song của viên ngọc văn chương này có thể bị tổn thương nhiều vì những vết đó, nhất là đối với tầm mắt tinh tế của các nhà khảo cứu cổ vấn ở Âu-Mỹ. Họ dường kính mộ truyện Kiều, tìm hiểu cái hay, cái đẹp trong truyện Kiều. Tôi những lo mỗi khi họ thấy những chỗ in sai, vô nghĩa hay những chỗ sửa bậy vô ý thức đó, họ lại phê bình bất lợi cho truyện Kiều, và có thể họ đã tin lầm mà khâm ngưỡng. Bởi vậy tôi phải đành liều không quản học lực nông cạn, tứ tưởng suy quần, không sợ tiếng chê cười, mà mạo muội cố công tìm cách xoá bớt những vết hoen ố ấy đi, cho người khảo cứu được bớt mọi điều thắc mắc và việc tìm hiểu được dễ dàng hơn, cho người thưởng thức truyện Kiều được dễ hiểu thấu hơn ý nghĩa của những câu văn cảm tú này, ý hay, lời đẹp như thế nào.

Tôi sở dĩ làm tạm được việc này là nhờ còn được một quyển truyện Thúy Kiều do hai ông Kim Kỳ xuất bản trong đó có nêu qua ít chữ ít câu di đồng ở các bản khác, và may tôi còn nhớ được ít điều đã khảo cứu được khi trước, mặc dù ở nơi trọi sách vở này. Công việc giáo đính như thế nào, nghĩa là việc so sánh các chữ, các câu khác nhau để tìm lấy một chữ hay một câu chính đáng nhất mà cải chính lại chữ hay câu sai lầm như thế nào. Tôi xin kể đại khái như sau đây :

Khi gặp những trường hợp mà mỗi bản in một chữ hay một câu khác nhau, thì phải suy xét cân nhắc rõ kỹ mà lựa lấy chữ nào đúng ý, đúng nghĩa nhất ở trong câu, hay một câu nào hợp tình hợp lý nhất ở trong đoạn. Sự suy xét này cũng hơi khó vì các bản Kiều đều thường được chữ nọ, sai chữ kia, không chắc cứ nhất định vào một bản nào được. Nhà xuất bản nào mà chẳng khoe rằng bản của mình là đúng theo bản cổ ! Thí dụ chữ *ngẫm* hay *ngắm* ở câu 147 “Trông người lại ngắm đến ta” ở bản ông Kim thì để là “Trông người lại ngắm đến ta” Tôi cho là *ngẫm* đúng hơn *ngắm* nhiều. Vì Kiều thấy tướng Kim Trọng tốt quá “chẳng sân ngọc bội, cũng nhường kim môn” thì nàng lại nghĩ đến tướng nàng có người thấy tướng đoán xấu quá

“Nghìn thu bạc mệnh, một đời tài hoa” mà nàng lo rằng không biết có kết duyên với chàng được chăng ? Chữ *ngấm* nó khẩn thiết một mạch với chữ *ngiht* và chữ *nhỏ* ở hai câu 411 và 413 trên, và ý lo âu ở câu 416 dưới “Một dày một mỏng biết là có nên”. Còn chữ *ngấm* thì đã không ăn nghĩa gì với nỗi lo của nàng, lại không hợp với chỗ này, vì nàng có *ngấm* lại tướng nàng lúc này đâu. Bởi vậy chữ *ngấm* kém phần thâm thúy, không bằng chữ *ngấm*.

Cả cách lựa chọn các câu, tôi cũng cố ý cân nhắc cẩn thận như vậy để kén lấy câu thật đúng lý đúng chỗ như vậy. Trường hợp một chữ Nôm sao chép lầm hay khắc in sai thành ra vô nghĩa mà người sau suy nhận không ra, bèn đổi ra chữ khác không sát với nghĩa trong câu, hoặc sửa đổi bừa mấy chữ khác, thành câu đó không ăn nghĩa với đoạn đó. Gặp những trường hợp này, tôi phải nhận rõ ý nghĩa bao quát của cả đoạn, rồi nhận xét xem những chữ nào đáng chú ý nhất trong các câu đồng dị đó mà đem ra phân tích suy nghĩ lấy mọi hình thức biến chuyển từ sự sai nọ đến sự sai kia, mà tìm lấy chữ ý hay nghĩa đúng với cả câu đó, lẫn đoạn đó. Thí dụ như :

- Chữ *ủm* trong câu
Một tường tuyết ủm sương che
- Chữ *đọt* trong câu
Rã rời đọt liễu, tan tành cột mai
- Chữ *lựa* lầm ra *lừa* ở câu
Khuôn thiêng lựa lọc đã đành có nơi

Chữ Nôm có nhiều chữ đọc được thành hai, ba tiếng Việt, nếu người phiên dịch truyện Kiều Nôm ra Quốc ngữ mà không để ý suy nghĩ cẩn thận thì dịch dễ sai lầm. Bởi vậy, các bản truyện Kiều Quốc ngữ thường lắm chữ sai. Thí dụ : Có chữ có thể đọc là *thoát*, là *thoắt*, là *thoạt*. Có chữ có thể đọc là *mái* là *mé*. Lại có chữ có thể đọc là *nặng* là *nén*.

Trong câu “Thoắt mua về, thoắt bán đi” ông Trần Trọng Kim dịch là *thoắt* thì thật đúng, nhưng trong câu “Thoạt trông nhờn nhợt màu da” và trong câu “Thoạt trông nàng đã biết tình” mà ông dịch là “Thoắt trông nhờn nhợt màu da” và “Thoắt trông nàng đã biết tình” thì thật là lầm.

Câu “Mái Tây để lạnh hương nguyên” ông dịch là *mái* thì đúng, nhưng trong câu “Hàn gia ở mé tây thiên” hay trong câu “Gót sen thoãn thoát dạo ngay mé tường” mà ông đều dịch là *Mái Tây thiên* và *mái tường* thì thật là sai quá, vô nghĩa : *cái bờ ruộng và cái bức tường làm gì có mái*.

Còn chữ thường thường đọc là *nặng*, nhưng trong câu “Nén lòng e ấp tính bài phân ly” thì phải đọc là *nén* mới đúng nghĩa trong câu. Nhưng tất cả các bản Kiều Quốc ngữ đều phiên âm là “Nặng lòng e ấp tính bài phân ly” thành ra câu đó thật vô nghĩa.

Có nhiều chữ Nôm do tiếng Hán chuyển sang tiếng Việt, tuy đọc hơi khác nhau, nhưng nghĩa vẫn giống nhau, thường người ta vẫn lộn lộn. Thí dụ như chữ *giao* là chất dính, ta nói “keo sơn gắn bó” để chỉ đôi bạn thâm giao, tức là câu chữ Hán nói “Giao tất chi cố” - *Gắn bền như keo sơn*. Ta nói “keo loan” tức là loan giao : *keo nấu bằng xương chim phượng*. Chỉ khác là khi nói tiếng Hán thì chữ *giao* ở dưới : Loan giao, nhưng khi nói tiếng Việt thì chữ *keo* ở trên : Keo loan. Câu “Keo loan chấp mối tơ thừa cậy em” cuốn truyện Thúy Kiều dịch “Giao loan chấp mối tơ thừa cậy em” là sai ngữ pháp.

Chữ *tích* Hán chuyển ra tiếng Việt là *tiếc*, chữ này có bản Kiều để là “Nào người tích lục tham hồng là ai”. Lại có bản để là “Nào người tiếc lục tham hồng là ai”. Đành rằng đều không sai cả, nhưng tôi thiết tưởng chữ “tích lục” hơn là chữ “tiếc lục” vì hai chữ *tích lục* đều thuần túy là chữ Hán cả, nghe thuận tai hơn. Lại như chữ *trầm* tức là do chữ *trầm* Hán chuyển ra, nhưng trong câu 2963 “Nàng đã giao ngọc chìm châu” mà trong cuốn truyện Thúy Kiều để là “Nàng đã gieo ngọc trầm châu” thì đã sai văn pháp. Chữ *trầm châu* là hai chữ Hán, đi với chữ *gieo ngọc* là hai chữ Việt đã không luyện mà lại nghĩa mập mờ dễ lẫn với hai chữ *trầm châu* là *đánh chìm thuyền xuống mà chết*.

Nói tóm lại, truyện Kiều nghĩa lý sâu rộng, lời văn ngắn gọn đã rất khó hiểu rõ, khó giảng giải, lại các bản Nôm cũ thì người sao chép lầm lẫn, thợ khắc in sai vụng, các bản Quốc ngữ thì người dịch không chịu khó suy nghĩ đích đáng, phiên âm bừa bãi để xuất bản lấy tiền thế là truyện

Kiều đã giảm mất đôi phần hay đẹp, nhất là đối với các nhà khảo cứu ngoại quốc.

Bởi vậy, tôi phải rậm lời biểu lộ, trước khi không quản tài hèn, ra công giáo đính và chú giải. Trên đây, sau khi nêu rõ những cố gây khó khăn cho người khảo cứu truyện Kiều, tôi đã kể cách thức tôi giáo đính để giúp sự khảo cứu được dễ dàng hơn được phần nào.

Dưới đây, tôi trình bày những cách thức chú giải để giúp độc giả được dễ hiểu, dễ nhớ truyện Kiều hơn. Truyện Kiều được chia ra làm 30 đoạn và chú giải riêng đoạn nào ngay dưới đoạn ấy để dễ tra khảo. Mỗi đoạn có những phần sau này :

PHẦN CHÍNH VĂN

PHẦN GIÁO ĐÍNH VÀ XÁC ĐỊNH

PHẦN CHÚ GIẢI VÀ DẪN ĐIỂN

PHẦN CHÍNH VĂN có ghi rõ số từng hai câu lục bát và có đánh dấu những câu có chữ đính chính và những chữ sẽ chú giải ở ngay dưới. Trên mỗi phần chính văn, tôi có đề thêm hai câu bốn chữ đối nhau, tóm tắt đại khái sự tích trong đoạn, để độc giả dễ nhận, dễ tìm và dễ nhớ.

PHẦN GIÁO ĐÍNH VÀ XÁC ĐỊNH tôi sẽ nêu rõ những chữ sai theo hình thức chữ Nôm để làm bằng cú mà suy xét mọi lẽ biến chuyển sai dẫn ra chữ vô nghĩa, rồi suy xét ngược lại lấy chữ hình dáng tương tự mà nghĩa hay ý hợp để đính chính lại, chớ không khi nào dám tự ý đột ngột đổi hẳn ra chữ khác, trừ khi gặp những chữ tôi đã đích xác trông thấy trong một vài bản Kiều Nôm cũ xưa.

CHÚ GIẢI truyện Kiều là một sự khó khăn vô cùng, vì tác giả thu lượm điển cố rất rộng ở trong các sách Kinh, Sử, văn chương Nho, lại cả ở những phong dao, tục ngữ và sự tích Việt ta nữa. Tôi thấy có lẽ chưa quyển truyện Kiều nào đã từng chú giải được đầy đủ và không sai lầm. Mặc dù các nhà chú giải là Cử nhân, Tiến sĩ thâm nho. Các nhà xuất bản truyện Kiều gần đây đều sao chép lại những lời chú giải ở các bản truyện Kiều cũ mà thêm bớt sửa chữa ít nhiều vậy thôi.

Trong lúc tuổi già trí quẩn, lại tay trắng không chút tài liệu nào, ngoài quyển truyện Thúy Kiều ở nơi đất khách này, tôi chỉ có thể một phần gần như chép lại những câu chú giải ở trong cuốn truyện Thúy Kiều mà tôi sửa chữa lại những chỗ sai lầm. Một phần tôi thêm vào hoặc những điều tôi đã khảo cứu được hay nhớ được ở các bản Kiều cũ, hoặc những điển cố ở phong dao tục ngữ ta. Tôi rất chú trọng đến việc giải thích những tiếng cổ của ta và những tiếng ta không hay nói đến nên nhiều người Việt ta không hiểu nghĩa. Thí dụ như những tiếng *thửa* – của ai, *thốt* – nói, *rén chuông* – rón rén trình thưa, *dắng* – tiếng ho hắng ra hiệu, *góc chái* (xem giải thích câu 2853 đoạn XXIV) *bóng tàu* (xem lời giải số 42 đoạn VI). Chữ *bóng tàu* này hai ông Kim Kỳ giảng lầm là bóng tàu lá cây (xem số 4 trang 84 cuốn truyện Thúy Kiều). *Cặp sách* – cái quang chứa sách nhỏ làm bằng gỗ...

Tôi biết tuy tôi đã cố hết sức làm việc này nhưng thật chẳng thấm thía vào đâu, vì tài cùng sức kiệt.

HƯƠNG NGẠN ĐÀO TỬ

Viết hồi đầu năm 1976 tại Toronto.

3

Lược thuật tiểu sử tác giả

TÊN TUỔI QUÊ QUÁN

Tác giả truyện Kiều họ Nguyễn, tên húy là Du, tên tự là Tố Như, tên hiệu là Thanh Hiên, lại có biệt hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ - *Phường săn Núi Hồng*. Quê ông ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, miền Trung Kỳ. Vì quê ông ở làng Tiên Điền, nên mọi người thường gọi ông là Tiên Điền tiên sinh để tỏ lòng kính trọng, cũng như ông Phạm Quý Thích quê ở Hoa Đường, thường được gọi là ông Hoa Đường Tiên sinh.

Quê ngoại ông Du ở làng Hoa Thiều⁽¹⁾, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Sinh mẫu ông tên là Trần Thị Thẩn⁽²⁾, là con gái một họ thế phiệt ở làng Ông Mặc, huyện Đông Ngàn, nổi tiếng là một họ văn học trung nghĩa, trai gái người rất đẹp. Con gái thường được tuyển vào làm Cung phi, Vương phủ⁽³⁾. Bà Thẩn lấy lẽ ông Thủ tướng Nguyễn Nghiễm, được bốn con trai là Trụ, Nễ, Du, Ưc.

Ông Du sinh năm Ất Dậu (1765) tức là năm thứ 26 niên hiệu Cảnh Hưng đời vua Hiến Tông nhà Hậu Lê (không dấu ghi chép ông sinh ngày nào, tháng nào). Ông mất năm Canh Thìn (1820) tức là năm đầu niên hiệu Minh Mệnh triều Nguyễn, thọ 56 tuổi. Ông mất ngày mồng 10 tháng 8 âm lịch.

1/ Làng Hoa Thiều nguyên trước là nửa phía Nam Ông Mặc (tên Nôm gọi là làng Me) thuộc Tổng Nghĩa Lập, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Cuối đời Hậu Lê mới chia làng Ông Mặc ra làm hai, thành làng Hương Mặc và làng Hoa Thiều. Làng Hương Mặc vẫn gọi là làng Me. Làng Hoa Thiều tên Nôm gọi là làng Mắc, tức là tiếng Mặc gọi tranh ra. Bởi nguyên là một phần làng Ông Mặc, nên tổ tiên họ Trần là ông Tiến Sĩ Trần Ngạn Húc và ông Tiến Sĩ Trần Phi Nhõn trong Đăng Khoa Lục đều ghi là người làng Ông Mặc. Chính tôi, Đàm Duy Đạo, người làng Me nên tôi biết họ Trần làng Mắc này lắm.

2/ Chữ Thẩn tên sinh mẫu ông Nguyễn Du thật đáng ngờ là chữ *Tấn* lầm ra. Chữ *Tấn* nghĩa là một bậc vợ lẽ các vị vua chúa nghĩa rất hay, còn chữ *Thẩn* nghĩa rất dở, là cái áo quan có người chết chưa chôn hay chôn tạm. Tôi tưởng con gái nhà sang trọng không ai đặt tên thế.

3/ Cung phi, Vương phủ là các bà vợ lẽ vua chúa. Vợ cả vua là Hoàng Hậu, dưới Hoàng Hậu có các bà Phi và các bà Tần. Vợ cả các con vua gọi là Phi. Vợ cả Thái Tử gọi là Hoàng Phi.

GIA THẾ

Ông Du là dòng dõi một nhà trâm anh, văn chương nổi tiếng xưa nay trong nước. Cụ thủy tổ phát tích đầu tiên khoa bảng lấy lòng họ Nguyễn Tiên Điền là ông Trạng nguyên Nguyễn Thuyên, người làng Canh Hoạch, xứ Bắc⁽⁴⁾. Ông Thuyên đỗ Trạng nguyên hồi đầu nhà Mạc đồng thời với ông Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. kém ông Khiêm mấy tuổi, nhưng lại đỗ trước ông Khiêm một khoa. Hai ông rất thân nhau, và đều có ý ân hận là không may sinh vào thời Ngụy Mạc, nên khi nhà Lê Trung Hưng ở Thanh Hoá, hai ông tuy đều đã làm quan to, được phong tước Hầu với triều Mạc, nhưng đều muốn vào Thanh Hoá Hiệu Thuận⁽⁵⁾. Trong một bài thơ ông Khiêm hoạ lại thơ ông Thuyên, tỏ ý cho ông Thuyên biết : *Thế nào nhà Lê cũng lên, nhà Mạc cũng xuống, việc ông định làm là việc rất phải và nên làm ngay kéo lỗ, tôi cũng muốn làm mà chưa được. Thế là trước tôi đã thua ông một bước, nay tôi lại phải thua ông một bước nữa.*⁽⁶⁾ Ông Thuyên được lời đồng ý của ông Khiêm, liền đem gia đình vào Trung quy thuận (họ Nguyễn Tiên Điền bắt đầu vào ở xứ Trung từ đó). Ông Thuyên đi rồi, ông Khiêm bị vua Mạc giữ làm Quân sư trong cuộc Tây Chinh⁽⁷⁾ thành ra không đi được.

4/ Canh Hoạch là một làng rất nhiều người đỗ Tiến Sĩ.

5/ Hiệu Thuận là bỏ triều Ngụy-Mạc về với triều Lê-Chính thống. Lúc nhà Lê nổi lên ở Thanh Hoá, nhiều quan triều Mạc bỏ Mạc quy thuận vào với Lê. Ngoài ông Thuyên ra, sau còn mấy ông hiệu thuận rất giỏi nữa như ông Trạng Phùng Khắc Khoan và ông Lương Hữu Khánh văn võ toàn tài.

6/ Hồi ở Sài gòn, tôi có chép được một tập 100 bài thơ chữ Hán của ông Trạng Trình, trong đó có bài hoạ thơ ông Thuyên này. Tiếc thay, tôi quên hết nguyên văn, chỉ nhớ đại ý nói “Đêm sắp hết, mặt trăng sắp lặn, đàn chim ngủ ở cành cù đã dậy gọi chào vắng đông. Ông muốn đón cảnh bình minh thì dậy sớm kéo muộn. Thế là tôi lại thua ông bước dài nữa.”

7/ Tây Chinh là nhà Mạc mang quân đi đánh Gia quận công Vũ Văn Mật giữ vùng Hưng Hoá, Tuyên Quang chống lại Mạc Triều. Vua Mạc có ý giữ Khiêm nên không khiến ông làm Quân Sư đi đánh Lê Trịnh ở Thanh Hoá.

Ông Thuyên vào Trung, được Lê triều rất trọng dụng, nhưng đến đời cháu không biết vì việc gì mà phải chu di ⁽⁸⁾, may được một người trốn thoát lẫn ra Bắc với Mạc triều. Khi Mạc bại vong, gia đình họ Nguyễn lại tránh vào Trung và lập nghiệp ở làng Tiên Điền và truyền kế học hành đỗ đạt được sáu, bảy đời. Đời anh em ông Huệ, ⁽⁹⁾ ông Nghiêm là hồi họ Nguyễn Tiên Điền thịnh đạt nhất. Ông Huệ đỗ Sĩ Vọng rồi lại đỗ Tiến Sĩ khoa Quý Sửu (1733), nhưng vinh quy rồi chết ngay, vua rất thương tiếc, truy phong Phúc Thần. Ông Nghiêm năm 24 tuổi đỗ Hoàng Giáp khoa Tân Hợi (1731) làm quan đến chức Tham Tụng, Thượng Thư, Đại Tù Đốc, được phong tước Xuân quận công, về trí sĩ, sau lại khởi phục làm Đốc Tướng trong 10 năm. Ông làm quan trải 3 đời vua Thuận Tông, Ý Tông, Hiến Tông, tại chức gần 50 năm. Con trai cả ông là ông Nguyễn Khản cũng đỗ Tiến Sĩ và làm đến Tham Tụng Thượng Thư. Con thứ hai là ông Nguyễn Điều, thi Hội đỗ Tam Trường, rồi đổi sang nghề võ, làm Trấn thủ Hưng Hoá ⁽¹⁰⁾, được phong tước Điều Nhạc Hầu. Con thứ ba là Nguyễn Dao, đỗ Cử Nhân, làm Hồng Lô Tự Thừa.

—

8/ Vụ cháu chất ông Thuyên bị chu di, trong cuốn Kỷ Yếu kỷ niệm Nguyễn Du không nói rõ vì tội gì. Có lẽ vì việc mưu chống Chúa Trịnh Tùng. Trong tập Kỷ Yếu chép đủ tên các người thế hệ họ Nguyễn từ thời ông Thuyên đến đời ông Du, người nào cũng đặt tên theo bộ nhân.

9/ Chỗ nhầm ông Nguyễn Huệ Tiên Điền với ông Nguyễn Huệ là vua Quang Trung.

10/ Sử chép: năm 1786 khi quân Tây Sơn tiến đến đánh Thăng Long, Trịnh Khải cho gọi Hoàng Phùng Cơ là Trấn thủ Sơn Tây về cứu, thì biết ông Nguyễn Điều là anh ông Du đã bỏ chức Trấn thủ Sơn Tây mà mang gia đình tránh về quê ở xứ Trung ngay từ năm trước rồi.

Ông Du, tác giả truyện Thúy Kiều ⁽¹¹⁾ là con thứ 7 ông Nghiêm và là con bà Trắc Thất (vợ lẽ) Trần Thị Thân. Bà có 4 con trai là Trụ, Nễ, Du, Úc.

Ông Trụ, ông Nễ đều đỗ Cử Nhân. Trong *Việt Nam Sử Lược* nói : “Năm Giáp Thân (1784) Kiều binh Tam Phủ ⁽¹²⁾ vào phá nhà quan Tham Tụng, nhưng ông Ly chạy thoát, rồi lên Sơn Tây cùng với em là quan Trấn thủ Nguyễn Điều bàn định rước chúa Trịnh Khải ra ngoài, gọi quân các trấn về trừ Kiều binh Tam Phủ nhưng mưu cơ bị tiết lộ nên sự không thành...” Lời sử nói “quan Tham Tụng Nguyễn Ly” đây tức là quan Tham Tụng Nguyễn Khả mà sử gia chép lầm ra Nguyễn Ly. Chữ này đáng lẽ phải phiên âm ra Lê mới đúng. Hoặc giả ông Khả sau đổi tên là Lê chăng ? Nhưng ở cuốn *Đăng Khoa Lục* không thấy nói đến sự đổi tên này.

Xét trong một họ mà đồng thời có nhiều nhân vật tài cao chức trọng, chung vui chung buồn với nước như thế. Thật là ít có họ nào sánh kịp vậy.

11/Hoa Tiên là cuốn truyện cũng viết lối thơ lục bát như truyện Kiều và lời văn còn văn hoa thanh tao hơn, nhưng kênh kiệu quá, rất khó hiểu, chỉ riêng giới văn sĩ thâm thúy mới hoan nghênh. Ông Cao Bá Quát cho văn Hoa Tiên hay hơn truyện Thúy Kiều.

12/ Kiều Binh - Chúa Trịnh chỉ dùng lính người xứ Thanh, xứ Nghệ làm quân túc vệ canh phòng Vương Phủ và các nơi hiểm yếu ở Kinh đô Thăng Long gọi là Ưu Binh. Bọn Ưu Binh cậy thế Chúa Trịnh làm lắm điều tàn nhẫn, đến khi Ưu Binh ủng hộ lập được Trịnh Khải lên ngôi Chúa, lại càng kiêu ngạo tàn nhẫn hơn, cướp phá dân chúng, phá nhà và giết mấy ông quan to. Sử gọi lũ đó là Kiều Binh.

TÁC PHẨM

Tác giả sinh đã là dòng dõi trâm anh khoa bảng, sẵn văn chương nếp đất, sẵn thông minh tính trời, lại gặp hồi gia đình thịnh đạt. Cha, anh, chú, bác đều thanh giá lừng lẫy, văn đã không ai bằng, võ cũng chẳng kém ai. Tác giả thật đã dụng tâm khéo tả đúng với gia thế và tài hoa cùng tính tình của tác giả : thật là nền phú hậu, thật là bậc tài danh, thật là phong nhã hào hoa.

Các thi sĩ nổi tiếng xưa nay phải có thiên tài đặc biệt đã vậy, nhưng lại phải được tình cảnh éo le, bước đường chật hẹp nó điêu luyện, nó kích thích thì mới nảy ra được văn phẩm tuyệt tác. Ở Tàu xưa thì bài *Quy khứ lai từ* của ông Đào Tiềm, bài *Đăng Vương Các tự* của ông Vương Bột, bài *Thực đạo nan* của ông Lý Bạch, tám bài thơ *Thu hứng* của ông Đỗ Phủ, bài *Tỳ bà hành* của ông Bạch Cư Dị, hai bài *Xích Bích Phú* của ông Tô Đông Pha. Ở nước Việt ta thì như bài *Tự tình ca* của ông Cao Bá Nhạ, các bài hát nói tuyệt diệu của ông Nguyễn Công Trứ và ông Cao Bá Quát, lại còn nhiều bài thơ chữ Hán hay vô giá của các trung nghĩa thế cùng than thở, như bài *Thuật hoài* của ông Đặng Dung. Những bài thơ văn tuyệt phẩm này đều là sản phẩm trong bước gian nan của các thi sĩ.

Ông Nguyễn Du cũng vậy, có gặp cảnh long đong, nước phá nhà tan kích thích thì mới viết được quyển *Đoạn Trường Tân Thanh*, là cuốn văn thơ tuyệt tác, hiện nay lưu hành khắp thế gian, văn sĩ Đông Tây đều phải phục là hay vào bậc nhất trong kho văn chương thế giới.

TÀI TÌNH & MỆNH VẬN

Tác giả lúc nhỏ thông minh đỉnh ngộ⁽¹³⁾, lớn lên văn tài siêu việt khác người, tính tình hào hoa khoáng đạt. Nói đến cậu Bảy (vì ông Du là con thứ bảy của ông Nghiêm) thì ai cũng phải yêu quý, chịu là bậc phong lưu Công tử đệ nhất ở Kinh đô Thăng Long.

Tiếng phong nhã của cậu Bảy này còn truyền tụng đến mấy mươi năm về sau. Trong thời kỳ trẻ trung vui tươi đầy hi vọng tốt đẹp này, được vui hầy cú vui kéo uống tuổi thanh xuân, cậu Bảy đâu đã cần gì vội nghĩ đến cuộc tranh khôi đoạt giáp, vì sẵn tài hoa, sẵn nếp đất, cái cuộc Kim mã - Ngọc đường, cậu coi như nắm vững trong tay rồi, tội gì sớm buộc vào vòng công danh vội!

Những tài, mệnh ghét nhau. Năm 19 tuổi, ông vừa bước chân vào đường khoa cử tiến thân, đỗ Tam Trường, khoa Quý Mão (1783) thì ngay năm sau, Giáp Thìn (1784) bọn Kiều Binh Tam Phủ vào phá nhà ông Tham Tụng Nguyễn Khản là anh tác giả. Ông Khản chạy thoát rồi mang cả gia đình họ Nguyễn lên Sơn Tây với ông Trấn thủ Nguyễn Điều. Sau khi hai ông Khản, Điều định họp quân các trấn lại đón Chúa ra, để trừ quân Kiều Binh Tam Phủ, nhưng cơ mưu bị tiết lộ, việc cứu Chúa dẹp loạn không xong. Thế là gia đình tác giả đương thịnh hoá tan, bỏ Thăng Long về ẩn quê miền Trung.

13/ Đỉnh ngộ là trí khôn mở mang sớm và thông minh hiểu biết hơn người.

Tác giả thật đã dụng tâm ngấm tã việc Kiều Bình phá nhà họ Nguyễn làm tác giả võ mộng đẹp công danh tác giả vừa mới bắt đầu năm trước, bằng đoạn trong truyện Kiều tả lũ sai nha đầu trâu mặt ngựa, nách thước tay dao vào phá nhà họ Vương, làm cho Thúy Kiều tan duyên đẹp với Kim Trọng vừa mới đính kết đêm qua.

Còn thời kỳ tuổi trẻ tươi vui, và cái cuộc võ giấc mộng vàng thì tác giả ngụ ý nói bóng ở trong mấy câu tả tiếng đàn Kiều gảy lần sau :

Khúc đầu đầm ấm dương hoà

Ấy là Hồ Điệp hay là Trang Sinh ?

Khúc đầu êm ái xuân tình

Ấy hôn Thục Đế hay hình Đỗ Quyên ?

Tác giả ví hồi tuổi trẻ đó thật đầm ấm thanh thoi như lúc ông Trang Sinh mơ hoá bướm bay lượn trên hoa vô lo vô sự “Khúc đầu đầm ấm dương hoà, ấy là Hồ Điệp” và thật là êm ái xuân tình lòng ông Thục Đế trong hồi làm vua lúc thái bình, tha hồ hưởng lạc thú “Khúc đầu êm ái xuân tình, ấy hôn Thục Đế”.

Còn cuộc võ mộng đẹp thì tác giả ví như ông Trang Sinh lúc tỉnh dậy ngỡ ngẩn ngán mình lại hoá ra thằng Chu trăm lo nghìn chán về cuộc đời người : “hay là Trang Sinh” và ví như Thục Đế thác sinh ra hình Đỗ Quyên thăm sâu nhớ nước, kêu : “Quốc ! Quốc !” suốt đêm ngày “hay hình Đỗ Quyên ?”

LÒNG TRUNG NGHĨA VỚI LÊ HỒI NGUYỄN TRIỀU

Tuy ông Hồng Sơn Liệp Hộ đã quyết định gác bỏ công danh, vui cảnh núi rừng để giữ trọn niềm trung nghĩa với Cố Lê, nhưng khi vua Gia Long nhà Nguyễn diệt được Tây Sơn, thống nhất được sơn hà, muốn thu phục lòng người, mới ban chiếu chỉ chiêu dụ những trung thần trung nghĩa của Cố Lê và những người đứng dẫn dòng dõi thế gia vọng tộc ra lục dụng. Ông Du thật đầy đủ cả hai điều kiện không thể từ chối lẫn tránh được, nên đành phải ứng chiếu ra làm quan với Nguyễn triều cho gia đình được yên toàn. Cuộc ông phải ra làm quan với Nguyễn triều này chẳng khác gì cô sũ Trạc Tuyển Thúy Kiều phải “ngần thở dài than” mà đành nhận lời lấy Kim Trọng để chiều lòng cha mẹ. Nỗi khổ tâm đành phải tùy thời thất tiết với Cố Lê này, ông đã ngấm tở ở trong lời Kiều dở vắn dở trách nói với Kim Trọng :

*Chữ trinh còn một chút này,
Chẳng cần cho vững lại đây cho tan.*

Cái sự ông bất đắc dĩ phải nén lòng trung Lê xuống mà làm tôi nhà Nguyễn này, đã khiến ông mất lòng thành với nhà Nguyễn, nên tuy được trọng dụng mà ông chỉ làm trọn chức phận, không nói năng điều gì ngoài trách nhiệm, đến nỗi có khi vua Gia Long đã quở ông rằng : “Nhà nước dùng tài, cứ ai hiền tài thì dùng không phân biệt Nam hay Bắc. Người đã làm đến chức Á Khanh, hể biết việc gì hay thì phải nói, mới là làm hết chức trách, sao lại cứ rụt rè, e sợ, chỉ vâng-vâng, dạ-dạ xong lần như thế? ”

Cứ theo lẽ nông nổi bên ngoài mà nói, thì lời vua quả ông là đích đáng. Nhưng nếu chiếu theo cái khổ tâm “Tù Thù quy Tào” của ông mà xét cho sâu sắc đúng tình lý, thì lời quả này thật oan ức, chẳng thấu tình cho ông chút nào. Vì cái thâm tâm “cầm vững chút chữ trung còn lại” với Cố Lê lúc này ông đâu dám tỏ chút nào cho ai biết, nên ông đành ngậm oan vâng lời vua quả mà mang mối uất hận suốt đời, chỉ dám ngậm tỏ cho thiên hạ đời sau biết trong hai câu thơ ông tả tiếng đàn Kiều gảy lần sau :

Trong sao châu đỏ doanh quyền

Ám sao hạt ngọc Lam Điền mới đông !

Người ngoài vô tình thì nghe tiếng đàn trong trẻo tròn trĩnh như hạt ngọc rơi xuống mặt nước khu bể trong veo dưới ánh trăng sáng đẹp, nhưng có biết đâu dưới đáy bể có bọn giao nhân vẫn khóc, lệ châu rơi lã chã.

Người ngoài vô tình thì tiếng đàn có giọng tươi vui như bãi cỏ xuân mặt núi Lam Điền xanh rờn dưới ánh nắng ấm áp, nhưng có biết đâu dưới mặt đất núi có những hạt ngọc non mới đông bị khí nóng nắng ấm làm tan thành khói bốc lên.

Hai câu tả tiếng đàn này rõ ràng là ông dụng ý tỏ cho đời biết là chỗ thấy ông được Nguyễn triều trọng dụng mà lầm tưởng ông được vinh hiển tươi vui. Thật ra ông chỉ gượng vẻ tươi vui ở bên ngoài, nhưng trong bụng ông đầy nỗi đau thương, vẫn tủi cực khóc thầm.

LÝ LỊCH TRONG QUAN TRƯỞNG CỦA TÁC GIẢ

Năm 1802, Gia Long thứ nhất, ông ra ứng chiếu được lục dụng bổ làm Tri Huyện huyện Phù Dực, tỉnh Thái Bình, được ít lâu thăng bổ Tri Phủ phủ Thường Tín, rồi ông cáo bệnh xin về.

Năm 1806, Gia Long thứ năm, phải triệu vào Kinh trao cho chức Đông Các Học Sĩ (năm đó ông 42 tuổi)

Năm 1809, Gia Long thứ tám, được bổ ra làm Cai Bạ (tức là Bố Chính) ở tỉnh Quảng Bình (năm đó ông 45 tuổi).

Năm 1813, Gia Long thứ mười hai, ông được thăng lên chức Cần Chánh Điện Học Sĩ và sung chức Chánh Sứ sang cống Trung Hoa (ông 49 tuổi). Đi Sứ về, ông được thăng Lễ Bộ Hữu Tham Tri và được nghỉ (không biết bao lâu). Mấy năm được nghỉ này, tức là hồi ông diễn cuốn Phong tình lục thành Đoạn Trường Tân Thanh, lúc ông 50-51 tuổi.

Năm 1820, Minh Mệnh thứ nhất, lại có chỉ sai ông đi Sứ sang Tàu, nhưng chưa kịp đi thì ông bị bệnh mất. Ông mất vào ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn, thọ 56 tuổi.

4

mở đầu

mệnh ghét trai tài
trời ghen gái sắc

mệnh ghét
trai tài
giời ghen
gái sắc

- 1 Trăm năm⁽¹⁾ trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau⁽²⁾
- 3 Trải qua một cuộc bể dâu⁽³⁾
Những điều trông thấy đã đau đớn lòng.
- 5 Lạ gì bỉ sắc tư phong⁽⁴⁾
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen⁽⁵⁾

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 4 – Chữ *đà* ở câu này, nhiều bản in là *mà*, chỉ có vài bản in là “*đà*”. Xét ra *đà* có lẽ đúng hơn, vì nó tiếp nghĩa với chữ “*một cuộc*” ở câu trên, làm cho lời than đau đớn thêm, thấm thía sâu rộng: Mỗi trải qua một cuộc bể dâu, mà những điều trông thấy “*đà*” làm cho tác giả đau đớn lòng, thì từ xưa đến nay, lại từ nay về sau, còn có bao nhiêu cuộc bể dâu nữa? Nếu để chữ “*mà*” thì hai câu lục bát này không khẩn thiết với nhau.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Trăm năm** có nhiều nghĩa. Chữ “*trăm năm*” ở đây thì nghĩa là quãng thời gian lâu dài của một đời người do câu chữ Nho: Nhân sinh bách tuế vi kỳ – *đời sống của người lấy trăm năm làm kỳ hạn*. Ta chúc các cụ già sống lâu trăm tuổi, tức là chúc các cụ được sống đầy đủ cuộc đời Trời định. Tác giả dùng chữ *trăm năm* để chỉ đời tác giả.

2. **Tài mệnh ghét nhau** – Câu này lấy ý ở một câu sách Nho: Cổ lai tài mệnh lưỡng tương phương – *Xưa nay phần tài hoa và phần số mệnh, hai bên nó vẫn làm hại nhau ở đời người*.

3. **Cuộc bể dâu** – Cũng gọi là cuộc tang thương, nghĩa là cuộc biến đổi to ở đời như ruộng dâu (*tang điền*) biến thành bể rộng (*thương hải*) hay bể rộng biến thành ruộng dâu. Trong truyện Thần tiên, bà Tiên Ma Cô nói: “Từ khi ta được vào hội Tiên đến giờ, ta đã thấy ba lần bể Đông hoá ra ruộng dâu rồi. Dạo vừa rồi, ta đi dự hội ở đảo Bồng Lai, ta thấy nước bể trong và nông bằng nửa lần hồi trước, có lẽ lại sắp hoá thành ruộng dâu chăng?”. Cuộc bể dâu nói đây tức là cuộc chính biến cuối Lê sang Nguyễn.

4. **Bỉ sắc tư phong** – *bỉ là phần kia; sắc là bùn xỉn, thiếu thốn; tư là phần này; phong là đầy đủ*. Nghĩa bốn chữ này là phần kia mà trời cho bùn xỉn, thiếu kém, thì phần này Trời lại cho đầy đủ. Sách nho có câu: Phong vu tài, sắc vu ngộ nghĩa là đầy đủ về phần tài hoa, thiếu kém về phần gặp gỡ may mắn.

5. **Trời xanh quen thói** – Câu này lấy điển ở một câu trong Tình Sử: Tạo vật đổ hồng nhan – *Thờ trời ghen với má hồng*

đoạn I

trang trọng khác với
phong lưu rất mực

trời xanh
quen thói
má hồng
đánh ghen

- 7 Cảo thơm⁽¹⁾ lần giở trước đèn,
Phong tình cổ lục⁽²⁾ còn truyền sử xanh⁽³⁾
- 9 Rằng : “Năm Gia tĩn triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai Kinh⁽⁴⁾ vững vàng.
- 11 Có nhà Viên ngoại⁽⁵⁾ họ Vương,
Gia tư⁽⁶⁾ nghị⁽⁷⁾ cũng thường thường bậc trung.
- 13 Một giai con thú rất lòng⁽⁸⁾
Vương Quan là tự nối dòng nho gia⁽⁹⁾
- 15 Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
- 17 Mai cốt cách⁽¹⁰⁾ tuyết tinh thần :
Một người mỗi vẻ, mười phân vẹn mười.
- 19 Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang⁽¹¹⁾
- 21 Hoa cười ngọc thốt đoan trang⁽¹²⁾
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
- 23 Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc, lại là phần hơn.
- 25 Lờ thu thủy, nhợt xuân sơn⁽¹³⁾
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh⁽¹⁴⁾
- 27 Một hai nghiêng nước nghiêng thành⁽¹⁵⁾
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
- 29 Thông minh vốn sẵn tư trời,
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
- 31 Cung thường lầu bực ngũ âm⁽¹⁶⁾
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương
- 33 Khúc nhà tay lựa nên chương⁽¹⁷⁾
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân⁽¹⁸⁾
- 35 Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê⁽¹⁹⁾
- 37 Êm đêm trưởng rữ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai⁽²⁰⁾

GIẢI ĐÍCH – XÁC ĐỊNH

Câu 25 – “Lờ thu thủy, nhột xuân sơn” là diễn theo ý nghĩa câu chữ Nho: Nhộn quang thu thủy, mi đậm xuân sơn – *Mắt trong sáng hơn nước trong lặng mùa thu, lông mày tươi đẹp hơn núi cỏ non xanh tươi mùa xuân*. Hai câu lục bát này tả vẻ đẹp của Kiều bằng bốn cách so sánh: mắt thì trong sáng làm lờ được nước mùa thu, lông mày thì tươi đẹp làm nhột được vẻ tươi đẹp núi mùa xuân đầy cỏ non xanh tươi, đôi má hồng thì làm hoa phải ghen vì thua màu đỏ thắm, đôi lông mày thì làm cho liễu phải hờn vì kém màu xanh đẹp.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Cảo thơm** – Cảo là quyển vở do chính tay người chép. Các cụ nhà nho xưa vẫn gấp lá cây trạch lan vào trong sách quý để trừ mọt. Trạch lan người Bắc kỳ gọi là cây mần tưới, là loài thảo thân có từng đốt, mỗi đốt có hai lá mọc đối nhau, hình giống lá đào, có mùi thơm dịu, ăn được. Về mùa đông thì các cụ đeo ở áo để trừ bọ chét, về mùa hè thì nấu tắm trừ ghẻ lở. Cây mần tưới chữ Hán còn gọi là vân, nên sách để mần tưới gọi là *vân biên* hay *vân cảo*.

2. **Phong tình lục** – là cuốn truyện ông Nguyễn Du đi sứ Tàu mua được. Cụ thấy Vương Thúy Kiều tả ở trong truyện cũng tài cao số kém, gặp cảnh long đong thất chí như cụ, nên mới mang về, diễn ra thành truyện *Đoạn trường Tân thanh* để ký thác tâm sự đau buồn của cụ. Người sau cho là cụ dịch ở *Thanh tâm tài nhân* ra là lầm. Tôi sẽ có lời kể rõ truyện tưởng lầm này ở đoạn cuối quyển truyện Kiều tôi chú giải này.

3. **Sử xanh** – Người xưa, lúc chưa biết làm giấy, lấy mũi dùi nhọn viết chữ vào những thanh cột tre còn lượt tinh xanh, rồi khoan lỗ 1 đầu, khâu lại thành sách. Nhưng sách truyện bằng thanh tre xanh đó người sau gọi là *thanh sử* (sử xanh). Chữ sách trong chữ nho tượng hình thanh tre đó.

4. **Hai Kinh** – Vua Thành Tổ nhà Minh nguyên là con thứ vua Minh Thái Tổ, phong vương ở Yên Kinh, sau cướp ngôi vua của cháu ở Nam Kinh, mới gọi Yên Kinh là Bắc Kinh. Bởi vậy nhà Minh có hai Kinh đô.

5. **Viên ngoại** – Từ đời nhà Tống đến đời nhà Minh bên Tàu, những người nhà giàu, đứng đắn đều gọi là Viên ngoại, chứ không phải một chức quan Viên ngoại, Lang trung ở các bộ.

6. **Gia tư** – là tất cả vốn liếng tài sản của gia đình.

7. **Nghỉ** – là tiếng đại danh từ cổ của ta, như tiếng *nó, hắn*, hay *ông ấy, cô ấy*... Trong truyện xưa có câu nói về bà Mỹ Châu : nghỉ ngảy, nghỉ đại, nghỉ tin người – *cô ấy ngảy, cô ấy đại, cô ấy tin Trọng Thủy*.

8. **Rốt** – là người con cuối cùng, cùng với nghĩa chữ út.

9. **Tự** – đây nghĩa là tên đặt cho một người, nhất là cho con gái, đã cáo với tổ tiên. Nhiều bản quốc ngữ dịch là “chữ”. Lễ Tầu trước, cha mẹ không đặt tên sẵn cho con gái lúc nhỏ. Lúc sắp lấy chồng, hai họ mới bàn nhau đặt tên cho cô dâu, để tránh trùng tên với các cụ bên nhà rể. Cho nên con gái chưa có chồng gọi là *vị tự* (chưa có tên chính thức).

10. **Mai cốt cách** – là hình dáng người trông có vẻ thanh tao lịch sự như cành hoa mai. Tuyệt tình thân là vẻ mặt trong tình thân sáng sủa và nghiêm trang như tuyết.

11. **Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang** – Câu này lấy điển ở hai câu trong sách tướng nói : *Mặt như mặt trăng đầy, lông mày đậm và ngang như con tằm nằm là tướng tốt, có lòng phúc hậu, con cháu đông đúc, đề huề*.

12. **Thốt** – là nói. Ta có câu : “Biết thì thừa thốt, không biết thì đứng dựa cột mà nghe”. Ngọc thốt là nói tình những lời đứng đắn.

13. **Lờ thu thủy** – là lòng mắt trong sáng hơn mặt nước trong lặng mùa thu, so sánh với nhau thì mặt nước mùa thu như lờ đục đi. Nhọt xuân sơn là lông mày có vẻ tươi đẹp hơn mặt núi có cỏ xanh rờn về mùa xuân, so sánh với nhau thì vẻ tươi núi mùa xuân trông như nhọt bớt đi (xem lời đính chính câu này ở trên).

14. **Liễu hờn kém xanh** – Đồi nhà Đường con gái thường bôi lông mày bằng sáp xanh. (Hai câu lục bát này dùng 4 cách so sánh để tả sắc đẹp của Kiều : mắt thì trong sáng hơn thu thủy, lông mày thì tươi đẹp hơn xuân sơn, sắc má thì đỏ đẹp hơn hoa, sắc lông mày thì xanh đẹp hơn lá liễu).

15. **Một hai nghiêng nước nghiêng thành** – Câu này lấy điển ở câu hát của ca sĩ Lý Diên Niên đời Hán Vũ Đế (năm 140 – 87 tr. CN) để tả vẻ đẹp của em gái chàng cho vua nghe : Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập. Nhất cổ khuynh nhân thành,

Tái cổ khuynh nhân quốc – *Phường Bắc có một người đẹp tuyệt trần đứng riêng một mình. Nhìn một cái làm nghiêng một thành, nhìn hai cái làm nghiêng cả nước người.* Đây dùng điển này để tả vẻ nhìn cười đẹp của Kiều.

16. **Cung, thường, giốc, trủy, vũ** – là 5 âm về ca nhạc xếp theo giọng đục, trong, cao, thấp. Cung là âm đục và thấp nhất, thường đục thấp thứ hai, giốc là âm trung bình giữa trong đục cao thấp, trủy trong cao bậc nhì, vũ trong cao nhất. Trong như tiếng hạc bay qua, đục như nước suối mới sa nửa vời : trong tức là âm vũ, đục tức là âm cung.

17. **Chường** – là một bài hát.
Trường là một cây đàn.

18. **Một thiên bạc mệnh** – là bản đàn Kiều đặt ra để tả nỗi xấu số khổ sở của đàn bà, con gái.

19. **Cập kê** – là đến tuổi sắp lấy chồng. Kê là cái trâm gài búi tóc. Kinh Lê nói : *Con gái năm 15 tuổi thì búi tóc gọn lên mà gài cái kê vào.* Bởi vậy gọi tuổi ấy là tuổi cập kê.

20. **Tường đông** – lấy điển ở trong câu Mạnh Tử nói : *Du đông lân nhi lâu kỳ xử nữ – trèo sang hàng xóm bên đông mà lôi con gái chưa chồng người ta đi.* Đây ý nói Kiều không để ý đến cậu con trai nào gặp ghé cả.

đoạn II

vui hội đạp thanh
viếng mô vô chủ

tường đông
ong bướm
đi về,
mặc ai.

- 39 Ngày xuân con én đưa thoi⁽¹⁾
Thiếu quang⁽²⁾ chín chục đã ngoài sáu mươi.
41 Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa⁽³⁾
43 Thanh minh⁽⁴⁾ trong tiết tháng ba,
Lễ là Tảo mộ, hội là Đạp Thanh⁽⁵⁾
45 Gần xa nô nức yến anh⁽⁶⁾
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
47 Dập dìu tài tử, giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như chen⁽⁷⁾
49 Ngổn ngang gò đồng kéo lên⁽⁸⁾
Thoi vàng bỏ rác, gió tiền đầy bay.
51 Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
53 Bước lần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
55 Nao nao⁽⁹⁾ dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh⁽¹⁰⁾ bắc ngang.
57 Sè sè⁽¹¹⁾ nắm đất bên đường,
Dầu dầu ngọn cỏ, nửa vàng nửa xanh.
59 Rằng : “Sao trong tiết Thanh Minh,
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà ?”
61 Vương Quan mới dẫn gần xa :
“Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi.
63 Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa, thiếu gì yến anh⁽¹²⁾
65 Phận hồng nhan có mỏng manh,
Nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương⁽¹³⁾
67 Có người khách ở viễn phương,
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
69 Thuyền tình vừa ghé đến nơi,
Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ⁽¹⁴⁾

- 71 Buồng không lạnh ngắt như tờ⁽¹⁵⁾
Dấu xe ngựa đã rêu lở mờ xanh”
- 73 Khóc than khôn xiết sự tình
“Khéo vô duyên mấy là mình với ta !
- 75 Đã không duyên trước chẳng mà,
Thì chi chút ước gọi là duyên sau !
- 77 Sấm sanh nếp tử xe châu⁽¹⁶⁾
Bụi hồng một nắm mặc dầu cỏ hoa.
- 79 Trái bao thỏ lặn ác tà⁽¹⁷⁾
Ấy mô vô chủ ai mà viếng thăm”
- 81 Lòng đâu sẵn mối thương tâm
Thoạt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa⁽¹⁸⁾
- 83 Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung
- 85 Phũ phàng chi mấy hoá công ?
Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha
- 87 Sống làm vợ sắp người ta⁽¹⁹⁾
Hại thay thác xuống làm ma không chồng !
- 89 Nào người phượng chạ, loan chung
Nào người tích lục tham hồng là ai ?⁽²⁰⁾
- 91 Đã không kẻ đoái người hoài,
Sẵn đây ta thấp một vài nén hương.
- 93 Gọi là gặp gỡ giữa đường
Hoạ là người dưới suối vàng biết cho !⁽²¹⁾
- 95 Lầm dầm khăn khứa nhỏ to,
Sụp ngồi đặt cổ⁽²²⁾ trước mồ bước ra.
- 97 Một vùng cỏ áy bóng tà⁽²³⁾
Gió hiu hiu thổi một và bông lau.
- 99 Rút trâm sẵn giắt mái đầu
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần.
- 101 Lại càng mê mẩn tâm thần,
Lại càng đứng sững⁽²⁴⁾ tần ngần chẳng ra.

- 103 Lại càng ủ dột nét hoa⁽²⁵⁾
Sầu tuôn đứt nối⁽²⁶⁾ châu sa vẫn dài.
- 105 Vân rằng : “Chị cũng nức cười
Khéo thừa nước mắt, khóc người băng quơ !”⁽²⁷⁾
- 107 Rằng : “ Hồng nhan tự nghìn xưa,
Cái điều “bạc mệnh” có chữa ai đâu !
- 109 Nỗi niềm tưởng đến mà đau
Thấy người nằm đó biết sau thế nào !”
- 111 Quan rằng : “Chị nói hay sao !
Một lời là một vận vào khó nghe.
- 113 Ở đây âm khí nặng nề.
Bóng chiều đã ngả dặm về còn xa.”
- 115 Kiều rằng : “Những bậc tài hoa,
Thác là thể phách⁽²⁸⁾ còn là tinh anh.
- 117 Dễ hay tình lại gặp tình,
Chờ xem ắt thấy hiển linh bây giờ !”
- 119 Một lời nói chưa kịp thừa,
Phút đâu ngọn gió cuốn cờ đến ngay⁽²⁹⁾
- 121 Áo ào trút lộc⁽³⁰⁾ rung cây,
Ở trong đường có hương bay ít nhiều.
- 123 Đè chừng ngọn gió lần theo,
Dấu giày từng bước in rêu rành rành.
- 125 Mặt nhìn ai nấy đều kinh
Nàng rằng : “Này thật tinh thành chẳng xa !
- 127 Hữu tình ta lại gặp ta,
Chẳng nề u, hiển mới là chị em !”⁽³¹⁾
- 129 Đã lòng hiển hiện cho xem,
Tạ lòng nàng lại nối thêm vài lời.
- 131 Lòng thơ lai láng bồi hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 42 – Chữ “trang điểm” ở câu này, các bản quốc ngữ đều in là *trắng điểm*, đó là theo một bản in nôm của một nhà văn sĩ theo tây học, tự phụ sửa lăm *trang* ra *trắng*, cho khắc xuất bản, rồi lại được một ông văn sĩ Pháp nào đó khen chữ *trắng điểm* thật hay (sự này xảy ra hồi 1900 – 1912). Rồi các nhà xuất bản Kiều Quốc ngữ không nghĩ phải trái ủa theo lời khen của nhà văn sĩ Tây mà đều in câu này là “Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa”. Thật là nguyên ở các bản Nôm cũ đều in là “Cảnh lê trang điểm một vài bông hoa” lấy điển ở lời ông Bùi Độ, là vị Tế Tướng có danh vọng đời nhà Đường. Ông Độ có khu vườn cỏ rộng mênh mông tít tắp, về mùa xuân, cỏ non xanh rì phẳng một lượt, khách xem khen mãi. Ông chỉ lũ dê trắng và bảo khách “Vườn này đẹp thế là nhờ các chú này trang điểm cho cảnh vườn đẹp thêm”.

Chữ *trắng điểm* nghe thật ngô nghê, không đúng với lời văn tiếng Việt, vả lại nói “hoa lê” là đã đủ ý trắng rồi, cần gì phải nói trắng nữa cho thừa. Các bản cũ dùng ý hoa lê trang điểm cho cảnh vườn, ý mới hay.

Câu 48 – Chữ “Áo quần như chen” là lấy điển ở câu chữ Nho tả cảnh xem Hội “Sĩ nữ chất tị” *Con trai con gái chen nhau như rặng lược*. Chữ *áo* tượng trưng cho con trai, chữ *quần* tượng trưng cho con gái. Có bản in là *áo quần như nêm* thật gượng gịu vô nghĩa.

Câu 50 – “Thoi vàng bỏ rác, gio tiền dấy bay” nghĩa là bọn tảo mộ nào cũng mang nào là những bó vàng mã cuốn thành thoi xỏ tung ra rác cả đường để cúng những cô hồn, ma quỷ. Nào là đốt những chập giấy vàng, giấy in tiền để cúng trước mộ tổ tiên, những tro tàn ấy bốc lên bay theo gió. Bốn chữ *gio tiền dấy bay* nghĩa là thế (dấy là bốc lên). Hai câu này lấy ý ở bài thơ *Thanh Minh* của Cao Cúc Khanh.

Nam, Bắc sơn đầu đa mộ điền
Thanh Minh tế tảo các phân nhiên
Chỉ hội phi tác bạch hồ điệp
Lệ huyết nhiễm thành hồng đồ quyên

*Ở đầu núi Bắc và Nam có nhiều khu ruộng đầy mã
Đến ngày lễ Thanh Minh,
mọi người nhón nhíp đến tảo mộ cúng tế một lượt.
Tro tiền giấy theo gió bay lên trông giống như đàn bướm trắng.
Những giọt nước mắt như máu đỏ xuống
nhuộm thành màu đỏ hoa đồ quyên.*

Câu 76 – “Thì chi chút ước gọi là duyên sau” nghĩa là kiếp này đã vô duyên với nhau, thì xin chôn cất tử tế để làm duyên ước hẹn kiếp sau. Có bản in *chút ước* là *chút đỉnh* e nghĩa ý không được thiết thực như “chút ước”.

Câu 78 – “Bụi hồng một nắm mặc dầu cỏ hoa” nghĩa là chôn thành một ngôi mộ tử tế ở bên con đường cái lớn lúc nào cũng xe ngựa rầm rộ tung bụi đỏ lên, rồi giống hoa cỏ trang điểm cho đẹp, rồi từ biệt nhờ khách qua đường trông nom. Câu này tả cảnh thật là thâm thúy : một nắm mồ hoang nằm ngay giữa đám bụi hồng mà quanh năm chẳng ai thèm ngó đến. Thế mà nhiều bản in đổi chữ *bụi hồng* ra *vùi nông* nói theo chữ *thiên thổ* ở cuốn *Thanh Tâm Tài Nhân*. Đổi thế là có hai điều lắm : một là *thiên thổ* là đất nông, chôn tạm, không có long mạch, chứ đâu phải *vùi nông*; hai là người khách đã sầm nẹp tử xe châu chôn cất long trọng, hẹn ước kiếp sau, thì sao lại *vùi nông* cho xong lần một cách khinh bạc như vậy ?

Câu 82 – Như trong lời phi lộ trên đã nói, chữ có ba âm : thoát, thoát hay thoát. Chữ đó ở câu 82 phải phiên âm là *thoạt* mới đúng nghĩa : *thoạt mới nghe, Kiều đã thương tâm rồi*.

Câu 87 – “Sống làm vợ sắp người ta”. Chữ *sắp* ở câu này nghĩa là gái thanh lâu lúc sống, bất cứ ai đến đều phải làm vợ người ta cả. Nhiều bản Nôm viết dịch chữ Hán này là *sáp* - Nôm là *sắp*, chứ không viết là *kháp* (Hán) hay *khấp* (Nôm). Để chữ *khấp* thật là sai, làm vợ khấp cả mọi người thế nào được.

Câu 92 – “Sắn dây ta thấp một vài nén hương”. Chữ “thấp” câu này cả bản Nôm hay Quốc ngữ đều in không giống nhau, hoặc in là *thấp* hoặc in là *kiếm*, hoặc in là *đấp*. Nay xin xác nhận “thấp” là đúng, vì *đấp* thì vô nghĩa hẳn đi rồi. Còn *kiếm* thì tuy có nghĩa, nhưng đã “sắn dây” rồi, thì e kiếm là thừa.

Câu 102 – “Lại càng đứng sững tần ngần chẳng ra”. Chữ *đứng sững* nhiều bản Quốc ngữ in là *đứng lặng*, không đúng nghĩa bằng bản Nôm cụ Nghè Vũ Trinh in là “đứng sững” vì *đứng sững* là đứng mê đi vì thương cảm quá, còn *đứng lặng* chỉ là đứng im thôi, bụng vẫn tỉnh. Chữ *đứng sững* mới thật khẩn thiết với chữ *tần ngần*.

Câu 120 – Những bản in “ngọn gió cuốn cờ” đúng hơn những bản in “trận gió cuốn cờ” vì đây chỉ là một luồng gió lốc coi như hồn ma hiện ra, chứ không phải là một trận gió có nhiều cơn liên tiếp.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Con én đưa thoi** – là ngày mùa xuân qua lại, như cái thoi dệt vải làm hình hai con én qua lại mau chóng ở trên khung cửi khi người ta dệt vải.

2. **Thiều quang** – là ánh sáng non đẹp của mùa xuân. Chín chục thiều quang là ba tháng mùa xuân. Câu này nghĩa là 90 ngày mùa xuân đã qua mất hơn 60 ngày, tức là sang tháng ba mấy ngày rồi.

3. **Cành lê trang điểm một vài bông hoa** – là các cành lê đã nở ít hoa trang điểm cho bãi cỏ xanh thêm đẹp (xem lời đính chính câu 42 ở trên).

4. **Thanh Minh** – Âm lịch chia mỗi năm làm 12 tiết và 12 khí. Thí dụ tháng giêng bắt đầu từ ngày lập xuân gọi là tiết, giữa là ngày Vu thủy, gọi là khí. Tháng hai bắt đầu từ ngày Kinh chấp gọi là tiết, giữa là Xuân phân, gọi là khí. Tháng ba bắt đầu từ ngày Thanh Minh, gọi là tiết, giữa là ngày Cốc vũ, gọi là khí.

5. **Tảo mộ** – là ngày lễ đi thăm mộ mã tổ tiên, đắp điểm sửa sang lại cho đẹp dễ, sạch sẽ rồi cúng lễ. Đạp Thanh là ngày hội đi dạo cảnh cỏ xanh đẹp. Xưa có bà Công chúa có một khu vườn hoa rất rộng đẹp. Bà sai đắp những mộ mã tượng trưng ở trên các gò đồng trong vườn, rồi cứ đến ngày Tỵ sau tiết Thanh Minh, thì mở hội Tảo mộ Đạp thanh cho dân chúng vào xem. Hội Đạp Thanh Tảo mộ bắt đầu hợp nhất từ đó. Sau làm vào ngày tiết Thanh Minh.

6. **Yến anh** – là hai thứ chim nhỏ hay bay thành đàn. Đây là chỉ những bọn thanh niên, thanh nữ đi chơi hội.

7. **Ngựa xe như nước áo quần như chen** – Câu này lấy ý ở câu chữ Nho : Xa như lưu thủy, sĩ nữ chất tị – *Xe ngựa nối đuôi nhau đi như dòng nước chảy, con trai con gái chen nhau như rừng lược*. Áo tượng trưng cho con trai, quần tượng trưng cho con gái. (chữ Nho gọi học trò là thanh khâm – áo xanh)

8. **Gò đồng** – là lũ lượt kéo nhau lên các gò đồng để tảo mộ.

9. **Nao nao** – là dòng nước uốn lượn hơi cong cong có vẻ đẹp.

10. **Ghềnh** – là mũi đất dôi ra lòng ngòi.

11. **Sẻ sẻ** – là thấp lè tè ở mặt đất.

12. **Yến anh** – đây nghĩa hơi khác với chữ *yến anh* ở câu 45 trên. Yến anh đây nói những bọn trai gái đi hội đông như đàn chim yến, chim anh. Còn yến anh ở câu 45 nói bọn khách làng chơi.

13. **Cảnh thiên hương** – chỉ người con gái đẹp như cảnh hoa thơm trên trời. Tình sử có câu : Thiên hương nhất chi – *Một cảnh hoa thơm đẹp trên trời*.

14. **Câu 69, 70** lấy ý ở hai câu Đường thi : Nhất phiến tinh chu sơ đảo ngân. Bình tâm hoa triết dĩ đa thời – *Một chiếc thuyền tình mới tới bờ, Bình tâm hoa gầy đã lâu rồi*.

15. **Lạnh ngắt như tờ** – Lạnh ngắt nghĩa là vắng lặng lắm làm cho rùng, lạnh cả lòng khách. Chữ *tờ* ở đây tức là tờ tranh vẽ, tả cảnh buổi Đạm Tiên sau khi nàng chết, vắng ngắt im lặng như bức tranh. Các bản Quốc ngữ không hiểu chữ *tờ* này, giảng nghĩa lầm là như mặt tờ giấy. Người ta chỉ nói phẳng như tờ giấy, không ai nói lạnh hay lặng như tờ giấy.

16. **Nếp tử** – là bộ áo quan bằng gỗ tử, tức là gỗ giổi, một thứ gỗ quý làm áo quan rất tốt. Xe châu là cái xe linh-xa (xe rước hôn) chung quanh có riềng đẹp kết bằng ngọc trai. Câu này lấy điển ở trong Tình Sử kể chuyện một ông Vương tước làm ma cho một người vợ lẽ đẹp chết trẻ , có mấy câu : Tử hạp châu xa, tận nhất thì chi phú quý – *Hòn bằng gỗ tử, xe có riềng ngọc trai, hết sức vẻ giàu sang một thì*.

17. **Thỏ lặn ác tà** – thỏ là mặt trăng, ác là mặt trời.

18. **Châu sa** – là nước mắt đổ xuống thành những giọt.

19. **Sấp** – xem phần đính chính câu 87 ở trên.

20. **Người tích lục tham hồng** – là những người tiếc vẻ đẹp mặt hoa mày liễu của nàng mà chưa được tiếp xúc với nàng.

21. **Suối vàng** – là dưới âm phủ. Sách Tả truyện : Vua Trịnh Trang Công giận mẹ muốn giết mình để lập em lên thay, mới bắt mẹ ở riêng một nơi mà thề với mẹ rằng : Bất cập hoàng tuyền, vô tương kiến dã – *Chưa đến suối vàng, không gặp nhau nữa*.

22. **Đặt cỏ** – Lễ xưa bên Tàu, phúng người bằng một bó cỏ để kết thành hình súc vật mà đốt cho vong hồn.

23. **Cỏ ấy** – là cỏ mọc căn cội ở trên đất khô kiệt.

24. **Đứng sừng** – xem lời xác định câu 102 ở trên.

25. **Nét hoa** – là nét mặt đẹp con gái.

26. **Sầu tuôn đứt nối** – là mối sầu nọ nghĩ chưa hết, lại tiếp tục nghĩ mối sầu kia.

27. **Bâng quơ** – là người không có họ hàng tình nghĩa gì với mình.

28. **Thể phách** – là thân thể và phần phách (ta gọi là vía) tức là phần hồn chủ trương về thất tình : mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, ham muốn. Còn phần hồn chính chủ trương về đạo đức, là phần tinh anh. Khi chết thì thân thể về đất, phách xuống âm ty, hồn nếu hay lắm thì được lên trời, nếu không hay thì phảng phất ở thế gian.

29. **Ngọn gió cuốn cờ** – là luồng gió lốc vừa xoáy vừa đi. Ở các truyện ma quý xưa cho là hồn người chết hiện lên, chữ Nho gọi là quyển kỳ phong – *gió cuốn cờ*.

30. **Lộc** – Chữ lộc đây là những cành lá mới nảy ra còn non mềm.

31. **U hiễn** – U là tối thuộc về âm, đây tức là hồn ma. Hiễn là rõ, là sáng sủa, thuộc về dương, đây tức là người.

đoạn III

tứ duyên kỳ ngộ
giác mộng đoạn trường

gốc cây
lại vạch
một bài
cổ thi

- 133 Dừng dằng nửa ở nửa về,
 Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
 135 Trông chừng thấy một văn nhân,
 Lỏng buông tay khấu⁽¹⁾ bước lần dặm băng⁽²⁾
 137 Đề huề lưng túi gió trăng⁽³⁾
 Sau chân theo một vài thằng con con.
 139 Tuyết in sắc ngựa câu dòn⁽⁴⁾
 Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời⁽⁵⁾
 141 Nẻo xa mới tỏ mặt người,
 Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình.
 143 Hải văn⁽⁶⁾ lần bước dặm xanh,
 Một vùng như thể cây quỳnh cành dao⁽⁷⁾
 145 Chàng Vương quen mặt ra chào,
 Hai Kiều⁽⁸⁾ e lệ núp vào dưới hoa.
 147 Nguyên người quanh quất đâu xa :
 Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh⁽⁹⁾
 149 Nền phú hậu⁽¹⁰⁾ bậc tài danh⁽¹¹⁾
 Văn chương nếp đất⁽¹²⁾ thông minh tính trời.
 151 Phong tư⁽¹³⁾ tài mạo tuyệt vời,
 Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa⁽¹⁴⁾⁽¹⁵⁾
 153 Chung quanh vẫn đất nước nhà,
 Với Vương Quan trước vẫn là song thân⁽¹⁶⁾
 155 Vẫn nghe thơm nức hương lân⁽¹⁷⁾
 Một nền Đồng Tước, khóa xuân hai Kiều⁽¹⁸⁾
 157 Nước non cách mấy buồng theo⁽¹⁹⁾
 Những là trộm dấu thâm yêu chuốc mòng⁽²⁰⁾
 159 May thay giải cấu tương phùng⁽²¹⁾
 Gặp tuần đố lá⁽²²⁾ thỏa lòng tìm hoa.
 161 Bóng hồng⁽²³⁾ nhác thấy nẻo xa,
 Xuân lan, thu cúc⁽²⁴⁾ mặn mà cả hai.
 163 Người quốc sắc⁽²⁵⁾ kẻ thiên tài⁽²⁶⁾
 Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.

- 165 Chập chờn cơn tỉnh, cơn mê.
Dốn ngồi chẳng tiện, dứt về chĩnh khôn.
- 167 Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.
- 169 Dưới dòng nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.
- 171 Kiều từ giở gót trướng hoa,
Mặt trời gác núi chiêm già⁽²⁷⁾ thu không.
- 173 Gương nga⁽²⁸⁾ chênh chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
- 175 Hải đường lả ngọn đông lân⁽²⁹⁾
Giọt sương chiu nặng, cành xuân la đà.
- 177 Một mình lặng ngắm tố nga⁽³⁰⁾
Rộn đường gần với nỗi xa bởi bởi :
- 179 “Người mà đến thế thì thôi⁽³¹⁾
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi !
- 181 Người đâu gặp gỡ làm chi ?⁽³²⁾
Trăm năm biết có duyên gì hay không ?”⁽³³⁾
- 183 Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt diệu⁽³⁴⁾ ngụ trong tính tình.
- 185 Chênh chênh bóng nguyệt xế màn,
Tựa ngồi bên triện⁽³⁵⁾, một mình thiu thiu.
- 187 Thoắt đâu thấy một tiểu kiều⁽³⁶⁾
Có chiều phong vận⁽³⁷⁾ có chiều thanh tân,
- 189 Sương in mặt, tuyết pha thân⁽³⁸⁾
Sen vàng lững đững, như gần như xa.
- 191 Rước mừng, đon hỏi dò la:
“Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây ?”⁽³⁹⁾
- 193 Thừa rằng: “Thanh, khí, xưa nay⁽⁴⁰⁾
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên !
- 195 Hàn gia⁽⁴¹⁾ ở mé tây thiên⁽⁴²⁾
Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.

- 197 Mấy lòng hạ cố đến nhau⁽⁴³⁾
 Mấy lời hạ tú⁽⁴⁴⁾ ném châu gieo vàng⁽⁴⁵⁾
 199 Vâng trình Hội chủ⁽⁴⁶⁾ xem tường,
 Mà xem trong sổ Đoạn Trường có tên⁽⁴⁷⁾
 201 Âu đành quả kiếp nhân duyên⁽⁴⁸⁾
 Cũng người một hội, một thuyền dâu xa!⁽⁴⁹⁾
 203 Này mười bài mới, mới ra,
 Câu thần⁽⁵⁰⁾ lại mượn bút hoa⁽⁵¹⁾ vẽ vờ.”
 205 Kiều vâng lĩnh ý để bài,
 Tay tiên một vẫy, đủ mười khúc ngâm⁽⁵²⁾
 207 Xem thơ nắc nỏ khen thầm :
 “Giá đành tú khẩu, cảm tâm, khác thường!⁽⁵³⁾
 209 Ví đem vào tập Đoạn Trường⁽⁵⁴⁾
 Thì lèo giải nhất⁽⁵⁵⁾, chi nhường cho ai !”
 211 Thêm hoa khách đã gỡ hài,
 Nàng còn nắm lại một hai tự tình.
 213 Gió dâu sịch bức màn màng,
 Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.
 215 Trông ra nào thấy dâu nào,
 Hương thừa đường hãy ra vào dâu đây!
 217 Một mình lường lự⁽⁵⁶⁾ canh chầy,
 Đường xa, nghĩ nỗi sau này mà kinh.
 219 Hoa trôi bèo giạt đã rành⁽⁵⁷⁾
 Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi!
 221 Nỗi riêng lớp lớp sóng giời⁽⁵⁸⁾
 Nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn.
 223 Giọng Kiều⁽⁵⁹⁾ rền rĩ trướng loan,
 Nhà huyền⁽⁶⁰⁾ chột tỉnh, hỏi: “Can có gì ?
 225 Cớ sao trần trọc canh khuya,
 Mầu hoa lê hãy đầm đìa hạt mưa ? ”⁽⁶¹⁾
 227 Thừa rằng: “Chút phận ngầy thơ,
 Dưỡng sinh đôi nợ⁽⁶²⁾ tóc tơ chưa đền.

- 229 Ban ngày chơi mả Đạm Tiên,
Nhấp đi, thoắt thấy ứng liền chiêm bao.
- 231 Đoạn Trường là số thế nào?
Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.
- 233 Cú trong mộng triệu mà suy,
Phận con thôi có ra gì mai sau !”
- 235 Dạy rằng : “Mộng ảo cú đâu ?⁽⁶⁴⁾
Bỗng không mua nảo chuốc sầu, nghĩ nao !”
- 237 Vâng lời khuyên giải thấp cao,
Chứa xong điều nghĩ, đã đào mạch tướng⁽⁶⁵⁾
- 239 Ngoài song thả thả oanh vàng,
Nách tường bông liễu bay sang trước màn.
- 241 Hiên tà gác bóng nghiêng nghiêng,
Nỗi riêng riêng trạch tắc riêng một mình.

GIÁO ĐỈNH - XÁC ĐỊNH

Câu 150 – “Văn chương nếp đất, thông minh tính trời” Chữ *nếp* câu này nghĩa là lễ thói đã quen như tờ giấy đã gấp thành nếp sẵn, lúc gấp lại rất dễ. Chữ *đất* đây là mỗ mả tổ tiên táng vào được ngôi đất tốt, khiến con cháu được phát đạt. “Văn chương nếp đất” nghĩa là Kim Trọng được nền nếp sẵn sàng của mộ tổ tiên phát về văn chương, nên chàng học giỏi. Nhiều bản Quốc ngữ dịch là “Văn chương nét đất” là lầm, vô nghĩa. Chữ *nếp* câu này liên với chữ *nền* câu trên “nền phủ hậu, nếp văn chương”.

Câu 169 – “Dưới cầu nước chảy trong veo, Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha” – Hai câu này lấy hai chữ cầu làm cốt vừa để tả cảnh chiều buồn, nhất là vừa ngấm tả cảnh Kiều ghé theo mãi cho tới khi chàng Kim đã qua cầu và đi khuất bóng rồi, mà nàng vẫn còn vẫn vơ nghĩ : *thế là vắng chàng rồi, chỉ còn trơ chiếc cầu không trên dòng nước trong veo, không còn bóng chàng cuối ngựa qua cầu nữa, và chỉ còn ngọn liễu phát phơ thướt tha như đùa chàng đi*. Những bản đối chữ dưới cầu ra dưới dòng thật là lầm, đã làm mất cả ý nghĩa tế nhị thâm trầm đó, lại có thể thành ra vô nghĩa nữa : dưới gì ?

Câu 172 – “Mặt trời gác núi, chiều già thu không” – câu này lấy điển ở câu thơ của một thi sĩ đời Đường gửi cho bạn tơ lòng mong nhớ : Hà thì tối thị tư quân xứ ? Nhặt nhạp tà song văn tư chung – *Nhớ anh nhất ấy lúc nào ? Nắng xiên cửa sổ, chuông chiều chưa vang*. Chiều già tức là chuông chùa đánh lúc chiều tối để niệm Phật và gọi các cô hồ về chùa nương bóng Phật. Câu này cũng như câu trên đã nói vừa tả cảnh buồn, vừa ngấm tả tình nhớ của Kiều. Những bản đối là “chiều đà thu không” là bỏ mất ý tế nhị âm thầm nhớ chàng Kim.

Câu 176 – “Giọt sương chiu nặng cảnh xuân la đà” – Chữ *chiu nặng* nghĩa là hạt sương bám dần vào thành những giọt nước ở dưới lá làm cành cây nặng trĩu xuống. Nhiều bản Quốc ngữ in là “gieo nặng” thành ra vô nghĩa. Chữ *chiu* các bản Nôm in là *đeo*, hay là *gieo*. Có lẽ nguyên là *chiếu* : chiu, sau này phạm húy (tên một vua Nguyễn) mới đổi ra *chiếu* : chiu. Sau sao, khắc lầm ra *chiêu* : gieo.

Câu 190 – Hai chữ “lững đững” ở câu này chữ Nôm viết là *lăng đăng*, tôi nghĩ chỉ có hai tiếng *lững đững* là vừa hợp tiếng vừa hợp ý hơn cả, vì lững đững là dở như có, dở như không, gần không ra gần, xa không ra xa, đúng như hồn ma hiện. Các bản Quốc ngữ in là *lăng đăng* hay là *lăng văng* đều không hợp với ý nghĩa này.

Câu 191 – “Rước mừng đơn hồi dò la” – Chữ *đơn* đây nghĩa là đơn đả tử tình thân Quý. Nhiều bản Quốc ngữ dịch sai ra đón là thừa vì ra rước mừng rồi còn đón gì nữa. Bản Nôm viết chữ này là khẩu bên đơn thì đúng là đơn.

Câu 195 – “Hàn gia ở mé tây thiên” – Chữ *mé* câu này các bản Quốc ngữ đều dịch lầm là *mái*. Thiên là cái bờ ruộng, ở mé tây thiên là ở bên cái bờ ruộng phía tây.

Câu 210 – “Thì lèo giải nhất chi nhường cho ai” – Chữ *lèo* đây là giải bằng vải hay giấy treo ở trên giải thưởng, bên là phần thưởng hạng mấy. Trước khi ai muốn tranh phần thưởng nào thì trình diện với ban giám khảo, chấp hai tay sẽ vuốt cái lèo giải ấy mà ra thi. Bởi vậy ta gọi phần thưởng là giải thưởng, và có câu “tranh lèo giật giải”. Chữ *lèo* câu này, hết thấy các bản Kiều Quốc ngữ đều dịch là *treo*, nghĩa không trôi chảy, vì thế là không nhường cho ai sự treo giải nhất, chứ không phải nhường giải nhất.

Câu 231 – “Đoạn Trường là số thế nào?” – Chữ *số* ở câu này ứng với chữ *số* Đoạn Trường ở câu lời Đạm Tiên nói ở trên “Mà xem trong số Đoạn Trường có tên”. Hết thấy các bản Kiều Quốc ngữ đều dịch ra *số*, thật không khấn thiết với lời báo mộng.

Câu 235 – “Dạy rằng ‘Mộng ảo cú đầu’” – Chữ *mộng ảo* câu này có bản viết là *mộng triệu*. Chữ “mộng triệu” chỉ là điềm báo lúc mê ngủ, chứ không có nghĩa hư hao chẳng đáng tin như “mộng ảo”. Nên chữ “mộng ảo” đúng vào nghĩa câu này hơn “mộng triệu”.

Câu 240 – “Nách tường bông liễu bay ngang trước màn” – Có nhiều bản Quốc ngữ e chữ *màn* không vần với chữ *nghe* ở câu sau mới đổi bù ra là “Nách tường bông liễu bay sang lảng giềng” thật là vô nghĩa, mất vẻ đẹp vẻ hay của câu này. Họ không hiểu các vần *anh, inh, ênh* vẫn có vần với *iêng*.

CHÚ GIẢI – DẤU ĐIỂN

1. **Lông buông tay khấu** – Tay khấu là tay cầm cương ngựa. Khi cưỡi ngựa, tay cầm cương co đầu ngựa cao lên thì nó chạy nhanh, buông chùng cương cho đầu ngựa hạ xuống thì nó đi chậm. Đây nói “lông buông tay khấu” tức là tay cầm giây cương buông thật dài cho ngựa đi bước một rất thông thả.

2. **Dặm băng** – là nơi đường phẳng thẳng rộng rãi dễ đi.

3. **Lũng túi gió trắng** – Ngày xưa, lắm vị văn sĩ phong lưu đi dạo phong cảnh vẫn cho người mang túi thơ đi theo, để ngâm vịnh được bài thơ nào thì chép đựng vào túi đó, nên có chữ “bán nang phong nguyệt” – *nửa túi gió trăng*. Câu Kiều này ý nói ung dung đi dạo cảnh đẹp.

4. **Tuyệt in sắc ngựa câu dòn** – Câu này nghĩa là ngựa chàng cưỡi non đẹp sắc trắng ngần như tuyết. Dòn là tươi đẹp.

5. **Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời** – nghĩa là màu áo nhuộm sắc lam non nhợt, ta vẫn gọi là màu thiên thanh hay màu hồ thủy (thiên thanh là màu xanh da trời).

6. **Hài vãn** – là giấy có thêu hoa rất đẹp, lịch sự.

7. **Một vùng như thể cây quỳnh cây dao** – Câu này tả hình đàn ông đẹp, do điển : Vương Diễm như quỳnh lâm ngọc thụ – *Vương Diễm đẹp như cây ngọc dao ở trong rừng ngọc quỳnh*. Nguyên Chấn đời Đường đẹp đến nỗi đi tới đâu thì đẹp lây ra cả một một như cây quỳnh cây dao.

8. **Hai Kiều** – là hai cô gái đẹp, tức là Kiều và Vân.

9. **Nhà trâm anh** – Các quan lúc trước khi mặc triều phục vẫn gài cái trâm ở búi tóc để giữ mũ cho ngay, và buộc đôi giải mũ (gọi là anh) rủ xuống sau lưng. Nên vẫn gọi dòng dõi làm quan là nhà trâm anh.

10. **Nền phú hậu** – nghĩa là nhà chàng có đất giàu có và lòng tử tế trung hậu.

11. **Bạc tài danh** – nghĩa là chàng nổi danh tiếng là hạng người có tài hoa.

12. **Nếp đất** – xem lời đính chính câu 150 ở trên.

13. **Phong tư** – là vẻ mặt đẹp dễ đẩy dạn. Tài mạo là mặt mũi linh lợi, khôi ngô, trông biết ngay là người tài giỏi.

14. **Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa** – nghĩa là tính tình bên trong thì rất vui vẻ nhã nhặn và cách ăn ở bên ngoài thì trông rất hào hoa, lịch sự.

15. **Hào hoa** – là ăn ở có vẻ hào phóng, lịch sự.

16. **Song thân** – Song là cửa sổ, thân là bạn thân. Song thân đây là bạn học chung buổi học với nhau, nghĩa khác với song thân là bố mẹ.

17. **Hương lân** – Hương là làng, lân là láng giềng, làng bên.

18. **Một nền Đồng Tước khoá xuân hai Kiều** – Tác giả mượn ý câu cuối cùng ở bài thơ Đỗ Mục vịnh trận Xích Bích để nói nhà họ Vương có hai cô gái đẹp chưa chồng. Bài thơ đó như sau :

Triết kích trầm sa thiết vị tiêu
Tư tương ma tấy nhận tiền triều
Đồng phong bất dữ Chu Lang tiện
Đồng Tước xuân thân toả nhị Kiều

Ngọn giáo gãy chìm ở cát sông mũi sắt chưa tiêu hết.

Ta đem lên mài rửa để xem về triều đại nào.

Nếu trận Xích Bích gió đông không giúp phương tiện cho Chu Du.

Thì hai cô gái họ Kiều sẽ bị khoá xuân ở nền Đồng Tước

19. **Nước non cách mấy buồng thêu** – Buồng thêu là buồng đàn bà con gái ngồi thêu dệt, chữ Nho là tú phòng. Câu này lấy điển ở câu trong sách Quốc Sắc Thiên Hương : Tương thân chỉ xích nhi diếu nhược sơn hà – *Gần nhau chỉ một gang một thước, mà hoá cách xa nhau thăm tít như cách núi, cách sông.*

20. **Trộm dấu, thâm yêu chuốc mộng** – Chữ dấu đây nghĩa là yêu một cách sâu xa êm đềm. Trộm dấu là đem lòng mơ ước ngấm vụng không dám nói với ai. Chuốc mộng là ao ước mơ mộng.

21. **Giải cấu tương phùng** – Kinh Thi có câu : Giải cấu tương phùng, Thích ngã nguyên hê – *Tình cờ gặp nhau, thoả lòng ước nguyện.*

22. **Đố lá** – Trong những dịp dạo cảnh xuân, thường có những cuộc đố lá với nhau. Mỗi người mang một cái túi, gấp thứ cây, cỏ nào sẽ hái một túm lá bỏ vào túi. Cốt phải hái cho nhanh, kéo tiếng hiệu gọi về hái không kịp. Khi về đấu nhau, ai được nhiều thứ hơn người kia thì được cuộc.

23. **Bóng hồng** – là bởi chữ “mỹ nhân hồng ảnh” – bóng hồng của mỹ nhân tức là bóng dáng đẹp của đàn bà con gái.

24. **Xuân lan, thu cúc** – Vua Hậu Chủ nhà Trần bị nhà Tùy bắt, vua nhà Tùy hỏi “Hai người Ai Phi của nhà người ai đẹp hơn ai?” Hậu Chủ thưa : Xuân Lan thu cúc giai nhất thì chi tú dã – *Hoa lan mùa xuân, hoa cúc mùa thu đều là thứ hoa đẹp nhất một mùa*. Ý nói mỗi người đẹp nhất một vẻ, không thể nào phân bì hơn kém được.

25. **Quốc sắc** – là người con gái đẹp nổi tiếng trong nước.

26. **Thiên tài** – là người có tài hoa trời cho, hơn mọi người.

27. **Chiêng già** – là tiếng chuông chùa, thu không là đánh lúc hết ngày. Ở các vòm lính canh lúc chập tối, đánh trống báo hết ngày gọi là trống thu không, đánh báo hết đêm gọi là trống tan canh.

28. **Gương nga** – là mặt trắng.

29. **Hải đường là ngọn đông lân** – Mặt trăng buổi chiều tối hôm Thanh Minh, đầu tháng ba, đứng ở phía tây, nên bóng ngọn cây hải đường trông như là về phía đông. Câu này còn dùng ý tả ngầm : thế là lòng Kiều đã ngả về đông lân rồi.

30. **Tổ nga** – cũng là mặt trắng như gương nga.

31. **Người mà đến thế thì thôi** – chỉ Đạm Tiên.

32. **Người đầu gặp gỡ làm chi** – chỉ Kim Trọng.

33. **Trăm năm** – chỉ duyên vợ chồng.

34. **Tuyệt diệu** – là câu văn thơ hay tốt bậc, lấy điển ở chữ : tuyệt diệu hảo từ – *lời hay rất mực*. Điển tích như sau : Tào Tháo đọc một tấm bia, thấy có lời Sái Ung phê tám chữ Hoàng quyền – *lạ vãng*, Ấu phụ – *thiếu nữ*, Ngoại tôn – *cháu ngoại*, Tê cữu – *cối giã*

gừng ớt. Tháo không hiểu nghĩa mới hỏi nàng Sái Văn Cơ “câu cha nàng phê thế nghĩa là gì?” Văn Cơ không biết, Dương Tu thưa “Đó là bốn chữ Tuyệt diệu hảo tử” và chàng giảng cho Tào Tháo nghe: Lựa vàng là ti sắc (sắc tố tằm) hợp thành chữ *tuyệt*. Thiếu nữ là con gái nhỏ hợp thành chữ *diệu*. Cháu ngoại hợp thành chữ *hảo*. Cối giã gừng là đồ thụ tân (đồ chịu cay) hợp thành *tử*. Tháo giật mình và chịu Dương Tu là thông minh, tài đoán.

35. **Triện** – là chân song của sổ đóng thành hình chữ triện (đại khái như chữ thọ hình tròn, chữ phúc hình vuông).

36. **Tiểu Kiều** – là người con gái trẻ. Lấy điển ở Đại Kiều, Tiểu Kiều, là hai cô gái họ Kiều (xem lời giải số 18 ở trên)

37. **Phong vận** – là có vẻ phong nhã, tài hoa. Thanh tân là có vẻ trẻ trung lịch sự như con gái chưa chồng.

38. **Sương in mặt, tuyết pha thân** – là người đẹp trong trắng nhưng có vẻ lạnh lùng như sương như tuyết, lấy sáu chữ này tả vẻ đẹp của người con gái ma thật đúng.

39. **Đào Nguyên** – Nghĩa đen là nguồn Đào : một ngọn suối hai bờ trồng toàn đào đời nhà Tấn (205 – 420) có người ngư phủ ngược thuyền lên mãi vào một cái suối hai bờ toàn những đào hoa nở rất đẹp, mền cảnh vượt mãi lên vào một khu động phong cảnh rất đẹp, dân cư rất vui vẻ, thái bình, tranh nhau đón tiếp ngư phủ. Họ kể cho nghe là tổ tiên họ tránh loạn nhà Tấn (221 – 206 trước CN) vào ở đó. Được ngư phủ kể cho chuyện ngoài : Tấn mất, Hán lên, Hán mất, Tấn lên, họ rất thích. Khi ngư phủ về thăm nhà, rồi muốn mang gia đình lên ở thì không tìm được lối lên nguồn Đào nữa. Người sau dùng chữ *đào nguyên* để nói cảnh tiên.

40. **Thanh khí** – Kinh Dịch nói Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu – *Hai tiếng nhạc cùng âm luật thì vang ứng với nhau, hai vật cùng khí chất thì tìm hút nhau*. Đây nói vì Kiều cùng chung một tâm tình với Đạm Tiên nên cảm mến nhau.

41. **Hàn gia** – nhà rét lạnh, thường là lời nói khiêm tốn kêu nhà mình là nhà nghèo ở không được ấm áp. Nhưng ở đây thì chữ hàn gia rõ hợp với cảnh một ngôi nhà vắng vẻ quanh năm lạnh lùng chẳng ai hướng khói thăm cúng.

42. **Tây thiên** – Bốn bến bờ ruộng thì hai bờ đầu Nam đầu Bắc gọi là thiên, hai bờ đầu Đông đầu Tây gọi là mạch. Câu này chỉ có sáu chữ mà tả rõ được mả nằm ở một mé bên bờ phía Tây đầu Nam đầu Bắc.

43. **Mấy lòng hạ cổ đến nhau** – nghĩa là đem tấm lòng Quý hoá biết bao nhiêu mà cúi xuống đoái nhìn đến tôi.

44. **Mấy lời hạ tử** – là mấy bài thơ ban xuống cho tôi. Hai chữ hạ cổ, hạ tử đúng với ý người dưới mà nói với người ở trên.

45. **Ném châu gieo vàng** – là nơi hai bài thơ Kiều để ở gốc cây táng nàng Đạm Tiên, lời hay lắm như vàng như ngọc tuôn ra.

46. **Hội chủ** – là bà chủ Hội Đoạn Trường. Chủ *Đoạn Trường* lấy nguồn gốc ở truyện một con vườn mẹ thấy con mình bị người bắn chết, nó ôm lấy thân con rồi kêu thảm thiết mà lăn ra chết. Khi người ta mổ nó ra thấy ruột đứt thành nhiều đoạn. Sau có văn sĩ dùng chữ *Đoạn Trường Thanh* – tiếng đứt ruột mà đặt tên cho một cuốn sách ông ta viết. Bởi thế ông Nguyễn Du mới đặt tên truyện Kiều là *Tiếng Đứt Ruột Mới*.

47. **Sổ Đoạn Trường** – là sổ biên tên những người sổ mắc kiếp đoạn trường hoặc đã qua đời, như Đạm Tiên, hoặc còn sống mà chưa gặp kiếp đoạn trường như Kiều.

48. **Quả kiếp nhân duyên** – Theo sách nhà Phật nói thì kiếp này mình được sung sướng hay phải khổ sở là cái quả báo của việc thiện hay việc ác mình đã làm kiếp trước. Bởi vậy, ta hay dùng chữ quả kiếp để nói sự khổ nhục là cái quả báo để chuộc lại tội ác mình đã làm kiếp trước. Câu Đạm Tiên nói này nghĩa là chúng ta chỉ là vì có cái nhân duyên cùng chung một kiếp quả báo với nhau mà được gặp nhau đây.

49. **Một hội một thuyền** – là ý nói kẻ trước người sau chung một số kiếp trong hội Đoạn Trường, cũng như cùng đi với nhau trong một chiếc thuyền ở trên bến mê.

50. **Câu thần** – Những câu thơ hay như có thần giúp mới làm được, người ta gọi là thần cú.

51. **Bút hoa** – Lý Bạch xưa lúc trẻ mơ thấy cái bút ông đang viết bỗng mọc cái hoa đẹp, từ đó ông nẩy tài làm thơ nổi tiếng khắp nước, nên người sau gọi bút người tài thơ là bút hoa.

52. **Khúc ngâm** – là bài thơ, bài hát.

53. **Tú khẩu cảm tâm** – Tú khẩu là lời thơ ở miệng ra đẹp như thù hoa. Cảm tâm là ý thơ nghĩ ở trong bụng ra đẹp như dệt gấm.

54. **Tập Đoạn Trường** – là tập thơ của những khách đoạn trường tả cảnh đau thương của mình đưa cho chủ hội Đoạn Trường.

55. **Lèo giải nhất** – xem lời đính chính câu 210 ở trên.

56. **Lường lự** – là suy lường, lo nghĩ. Bản Nôm in là *lưỡng lự*, không đúng nghĩa chỗ này, vì *lưỡng lự* là dửng dăng chưa biết theo đường nào trong hai đường.

57. **Hoa trôi bèo giạt** – là kiếp long đong khổ sở nay đây mai đó như hoa trôi theo dòng suối, bèo giạt theo luồng gió thổi.

58. **Lớp lớp sóng gối** – là chưa hết điều lo nọ, lại dồn đến điều lo kia, như cánh bèo ở mặt sông hết làn sóng nọ đến làn sóng kia giấn chìm xuống.

59. **Giọng kiều** – là giọng non trẻ của con gái, không phải cô Kiều.

60. **Nhà Huyền** – là mẹ, do chữ huyền thất dịch ra. Kinh Thi có câu : Yên đắc huyền thảo, ngôn thụ chi bối – *Ước sao được cây cỏ huyền để giống ở trước buồng hướng bắc* (tức là buồng mẹ ở).

Bởi vậy các văn sĩ sau mới gọi mẹ là *huyền đường* hay là *huyền thất* (nhà huyền). Cỏ huyền gần giống cây huệ, là hình lưỡi guơm, hoa 6 cánh màu vàng hay đỏ, ăn được, phơi khô gọi là kim châm. Cây huyền xanh suốt năm, nên người xưa trồng ở trước nhà mẹ ở để chúc mẹ khỏe mạnh luôn luôn.

61. **Mẫu hoa lê hầy đầm đìa hạt mưa** – Bài *Trường Hận Ca* của Bạch Cư Dị tả hình Dương Quý Phi ở cung tiên khóc khi thấy sứ giả của Minh Hoàng đến tìm, có hai câu :

Ngọc dung tịch mịch lệ lan can,
Lê hoa nhất chi xuân đái vũ

*Mặt ngọc ủ buồn, nước mắt đầm đìa,
Như một cành hoa lê mang những giọt mưa xuân.*

62. **Dưỡng sinh đôi nợ** – ta thường nói cha sinh, mẹ dưỡng.

63. **Mộng triệu** – là điềm báo trong giấc mơ.

64. **Mộng ảo** – là sự mơ ảo trong giấc mộng chẳng đáng tin.

65. **Mạch tương** – là nguồn cơn tương tư Kim Trọng. Chữ *mạch tương* lấy điển ở câu thơ Tương tư cổ : Quân tại Tương giang đầu, Thiếp tại Tương giang vĩ. Tương cố bất tương kiến, Đồng ầm tương giang thủy – *Chàng ở đầu sông Tương, Thiếp ở cuối sông Tương. Trông nhau chẳng thấy nhau, Cùng uống nước sông Tương. Dào mạch tương là trào trạt lòng nhớ.*

Nhiều bản Kiều giảng lầm chữ *mạch tương* là nước mắt khóc lấy điển ở truyện hai bà Nga Hoàng, Nữ Anh khóc vua Thuấn ở bờ sông Tương. Như thế không đúng với trường hợp Kiều, vì khi đó Kiều chỉ ao ước lấy được Kim Trọng để gỡ số bạc mệnh, chứ không khóc.

đoạn IV

giọng sâu đuổi bóng
nhờ của gặp người

hỏi riêng
riêng trách
tắc riêng
một mình

- 243 Cho hay là giống hữu tình⁽¹⁾
 Đố ai gỡ mối tơ lành⁽²⁾ cho xong !
 245 Chàng Kim từ lại thừ song,
 Nỗi nằng canh cánh⁽³⁾ bên lòng biếng khuây.
 247 Sầu giong⁽⁴⁾ càng khắc càng chầy,
 Ba thu đón lại một ngày dài ghê !⁽⁵⁾
 249 Mấy lần⁽⁶⁾ khóa kín phòng the,
 Bóng hồng liệu nẻo đi về chiêm bao⁽⁷⁾⁽⁸⁾
 251 Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao⁽⁹⁾
 Mặt tơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.
 253 Buồng vắng hơi lạnh như đồng,
 Trúc se ngọn thỏ⁽¹⁰⁾ tơ trùng phím loan⁽¹¹⁾
 255 Mành tương⁽¹²⁾ phân phát gió đàn,
 Hường gây mùi nhớ, trà khan giọng tình⁽¹³⁾
 257 Ví chẳng duyên nợ ba sinh⁽¹⁴⁾
 Làm chi đem thói khuynh thành trêu người ?⁽¹⁵⁾
 259 Bâng khuâng nhớ cảnh, nhớ người,
 Nhớ nơi kỳ ngộ⁽¹⁶⁾ vội dời chân đi.
 261 Một vùng cỏ mọc xanh rì,
 Nước ngâm trong vắt, thấy gì nữa đâu !⁽¹⁷⁾
 263 Gió chiều như gợi cơn sầu,
 Vi lô hiu hắt như mầu kháy trêu⁽¹⁸⁾
 265 Nghề riêng nhớ ít, tưởng nhiều⁽¹⁹⁾
 Xăm xăm đề nẻo Lam kiều⁽²⁰⁾ lần sang.
 267 Thảm nghiêng, kín cổng, cao tường,
 Cạn dòng lá thắm⁽²¹⁾ dứt đường chim xanh⁽²²⁾
 269 Lỡ thơ tơ liễu buông lành,
 Con oanh học nói trên cành mĩ mai⁽²³⁾
 271 Mấy lần cửa đóng, then cài,
 Dấy⁽²⁴⁾ thêm hoa rụng, biết người ở đâu ?
 273 Tần ngần đứng trót giờ lâu⁽²⁵⁾
 Đạo quanh, chợt thấy mé sau có nhà.

- 275 Là nhà Ngô Việt thương gia⁽²⁶⁾
 Buồng không để đó, người xa chưa về.
- 277 Lấy điều du học⁽²⁷⁾ hỏi thuê,
 Túi đàn, cặp sách⁽²⁸⁾ đề huề⁽²⁹⁾ dọn sang.
- 279 Cỏ cây, có đá⁽³⁰⁾ sẵn sàng,
 Có hiên Lãm Thúy nét vàng chưa phai.
- 281 Mừng thăm suy ý chữ bài,
 Ba sinh âu hẩn duyên Trời chi đây!
- 283 Song hồ⁽³¹⁾ nửa khép cánh mây⁽³²⁾
 Tường đông ghé mắt, ngày ngày hằng trông.
- 285 Tắc gang Động khoá Nguồn phong,
 Tít mù nào thấy bóng hồng vào ra.
- 287 Nhẫn từ quán khách lân la,
 Tuần trăng thăm thoát nay đà thềm hai⁽³³⁾
- 289 Cách tường phải⁽³⁴⁾ buổi êm trời,
 Dưới đào dường thấy bóng người thướt tha.
- 291 Buông cầm, xốc áo, vội ra,
 Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh.
- 293 Lăn theo tường gấm⁽³⁵⁾ dạo quanh,
 Trên đào nhác thấy một cảnh kim thoa.
- 295 Giở tay cất lấy⁽³⁶⁾ về nhà,
 Này trong khuê các⁽³⁷⁾ đâu mà đến đây ?
- 297 Ngẫm âu người ấy, báu này,
 Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm !
- 299 Liền tay ngắt nghĩa, biếng nằm,
 Hãy còn thoang thoảng hương trầm chưa phai.
- 301 Tan sương đã thấy bóng người,
 Quanh tường ra ý tìm tòi ngẩn ngơ.
- 303 Sinh đà có ý đợi chờ,
 Cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng⁽³⁸⁾ :
- 305 “Thoa này bắt được hư không⁽³⁹⁾
 Biết đâu Hợp Phố⁽⁴⁰⁾ mà mong châu về ?”

- 307 Tiếng kiêu nghe lọt bên kia :
“Ồn lòng quân tử sá gì của rơi !
- 309 Chiếc thoa nào của mấy mươi⁽⁴¹⁾
Mà lòng trọng nghĩa, khinh tài, xiết bao !”⁽⁴²⁾
- 311 Sinh rằng: “Lân lý⁽⁴³⁾ ra vào
Gần đây, nào phải người nào xa xôi !
- 313 Được rầy nhờ chút thơm rơi,
Kể đà thiếu nảo lòng người bấy nay,
- 315 Bấy lâu mới được một ngày,
Dừng chân, gạn⁽⁴⁴⁾ chút niềm tây⁽⁴⁵⁾ gọi là !”
- 317 Vội về thêm lấy của nhà,
Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một vuông.
- 319 Bực mây đón bước ngọn tường⁽⁴⁶⁾⁽⁴⁷⁾
Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng nhe ?
- 321 Sượng sùng⁽⁴⁸⁾ giữ ý rụt rè,
Kể nhìn rõ mặt, người e cúi đầu.
- 323 Rằng: “Tù ngẫu nhi⁽⁴⁹⁾ gặp nhau.
Thăm trông, trộm nhớ, bấy lâu đã chôn⁽⁵⁰⁾
- 325 Xương mai, tính đã rủ mòn,
Lần lừa, ai biết hãy còn hôm nay !”
- 327 Tháng tròn như gửi cung mây,
Trần trần một mực ấp cây đã liễu⁽⁵¹⁾
- 329 Tiện đây xin một hai điều :
“Đài gương⁽⁵²⁾ soi đến dấu bèo⁽⁵³⁾ cho chẳng !”
- 331 Ngần ngừng nằng mới thừa rằng :
“Thối nhà băng tuyết⁽⁵⁴⁾ chất hằng phỉ phong⁽⁵⁵⁾
- 333 Dù khi lá thắm, chỉ hồng⁽⁵⁶⁾
Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha.
- 335 Nặng lòng xót liễu, vì hoa,
Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thừa !”
- 337 Sinh rằng: “Rầy gió, mai mưa⁽⁵⁷⁾
Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi !

- 339 Dù chẳng⁽⁵⁸⁾ xét tấm tình si,
Thiệt đây mà có ích gì đến ai !
- 341 Chút gì gấn bó một hai,
Cho đành, rồi sẽ liệu bài mối manh.
- 343 Khuôn thiêng⁽⁵⁹⁾ dầu phụ tác thành,
Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.
- 345 Lượng xuân⁽⁶⁰⁾ dầu quyết hẹp hòi,
Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm ru !”
- 347 Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều xuân⁽⁶¹⁾ dễ khiến, nét thu⁽⁶²⁾ ngại ngùng
- 349 Rằng : “Trong buổi mới lạ lòng,
Nể lòng, có lẽ cầm lòng cho đang !
- 351 Đã lòng quân tử đa mang,
Một lời vâng tạc đá vàng thủy chung.”⁽⁶³⁾
- 353 Được lời như cỏi tấm lòng,
Giở kim thoa với khăn hồng⁽⁶⁴⁾ trao tay.
- 355 Rằng : “Trăm năm⁽⁶⁵⁾ cũng từ đây,
Của tin, gọi một chút này làm ghi !”
- 357 Sẵn tay bả quạt hoa qùy⁽⁶⁶⁾⁽⁶⁷⁾
Với càn thoa ấy, tức thì đổi trao.
- 359 Một lời gấn bó tất giao⁽⁶⁸⁾
Mé sau đường có xôn xao tiếng người.
- 361 Vội vàng lá rụng, hoa rơi,
Chàng về viện sách, nàng dời lầu trang.

GIẢO ĐỈNH - XÁC ĐỊNH

Câu 247 – “Sầu giong càng khắc càng chầy” Chữ *giong* đây nghĩa là buông thả cho chạy, như ta nói trâu giong bỏ dắt, giong cương cho ngựa chạy nhanh và nghĩa cả câu là : chàng Kim không biết nên hăm lòng sầu nhớ Kiều cho khuây đi để ngủ, lại cứ buông thả mãi con ngựa sầu nhớ trong lòng ra và giong cho nó chạy đuổi theo bóng Kiều, những mong chóng sáng mà đi tìm nàng, thành ra lại càng thấy mỗi trống canh mỗi dài mãi ra. Câu này tác giả lấy ý ở câu thơ của thi sĩ Ngô Tử Kinh : Sầu túng lậu thanh trường – Ngồi mà thả lòng sầu cho đuổi thì giờ, thì càng thấy tiếng nước đồng hồ giọt càng kéo dài thêm mãi.

Chữ *giong* Nôm nếu là chính mình đi như giong giuổi, giong mát thì viết tức là chân bên chữ đông. Chữ “giong” này hay dùng nên nhiều người biết.

Nếu chữ *giong* là làm cho con vật chạy như ở câu Kiều này, thì chữ Nôm viết thủ là tay bên chữ đông. Chữ “giong” này ít dùng nên ít người biết.

Câu 250 – “Bóng hồng liệu nẻo đi về chiêm bao” – Hai câu lục bát này lấy ý ở hai câu kết bài thơ của Từ An Trinh đời Đường, tả tình thi sĩ đêm nghe cô gái hàng xóm gảy đàn tranh và nghĩa là : Kim Trọng nghĩ rằng chắc Kiều cũng muốn gặp mình lắm mà không sao được, nên đành khoá cửa đi ngủ (mây lần khoá kín song the) để may ra mộng hôn đi, về được với mình. Chữ *bóng hồng* ở câu 250 tức là mộng hôn của Kiều.

Vì chàng tưởng là hôn mộng Kiều sẽ tìm đến với chàng như vậy, nên khi chàng thấy “Mảnh tường phân phát gió đàn” chàng yên chí là hôn Kiều đến, nên chàng đốt hương để chào, pha trà để mời, thì thấy mùi hương cũng nồng những mùi thơm của nàng lúc chiều, và trà chàng uống cũng được Kiều mời mà hoá ra đậm đà khan lên những giọng tình tứ.

Câu 264 – Chữ *kháy* *trêu* ở câu này nhiều bản Quốc ngữ dịch là *khởi* *trêu* e không xác đáng, vì hai chữ “khởi *trêu*” chỉ có nghĩa là *trêu* người thôi. Còn “kháy *trêu*” đã đúng âm với chữ Nôm khái niêu lại đúng ý nghĩa hơn : ngọn lau sậy hình như nó thấy chàng ngơ ngẩn tên tò, nó bèn phát phơ tỏ ý chế nhạo *trêu* ghẹo chàng. Chữ *kháy* là có ý *trêu* đùa cho tức tẹn.

Câu 281 – Bốn chữ “suy ý chữ bài” ở câu này các bản Nôm đều khắc chữ *suy* lầm ra *chốn*, còn chữ ý thì cũng đọc là *ấy*. Các bản Quốc ngữ đều theo bản chữ Nôm mà dịch ra “mừng thăm chốn *ấy* chữ bài” thành ra gần như vô nghĩa.

Suy ý chữ bài nghĩa là suy ý chữ để ở biến là “Lãm Thúy hiền” (nơi mái hiền để ngồi chơi mà vợ bằng mắt lấy những cảnh hoa cỏ xanh đẹp). Nhưng chàng cho là “cái hiền để vợ lấy các cô Thúy”

Câu 285 – “Động khoá nguồn phong” nghĩa là của động Thiên Thai thì khoá lại, nguồn nước Đào Nguyên thì lấp đi. Nhiều bản Nôm khắc chữ *động* làm chữ *đồng*, người phiên âm trước không biết cử dịch theo chữ “đồng”, thành ra bắt buộc phải dịch câu này là “Tắc gang đồng toả nguyên phong” và giải nghĩa là cái khoá đồng vẫn còn khoá kín nguyên vẹn như cũ. Nên cần phải đính chính lại cho rõ nghĩa.

Câu 286 – Chữ *tít mù* nghĩa là xa xôi, biệt tăm, đối lại với chữ *tắc gang* là rất gần ở câu trên : chỉ gần thế mà thành xa xôi vô chừng.

Câu 287 – Chữ *nhẫn* câu này bản Nôm viết là “nhẫn” chứ không viết là “nhận”. Chữ “nhẫn” nghĩa là tất cả, là hết sức kiên nhẫn mà chờ đợi. Nhiều bản Quốc ngữ in là “nhận từ”, cũng có nghĩa là tính ra từ, nhưng lời không mạnh và ý không xác đáng bằng “nhẫn từ”.

Câu 295 – Chữ *cắt* câu này nghĩa là dùng tay sẽ sàng cẩn thận để nhắc lên cho khỏi gây khởi rơi. Đặt chữ “cắt” vào tình trạng đáng nâng niu âu yếm này thật hay vô cùng.

Câu 307 – Chữ *tiếng kiêu* đây là tiếng có giọng trong trẻo trẻ trung non mềm của con gái. Chữ “kiêu” đây nghĩa là non mềm.

Câu 322 – Chữ *tận mặt* ở câu này nhiều bản in là *rõ mặt* là sai. Vì chàng có nhìn “tận mặt” thì nàng mới phải e lệ cúi đầu, và phải cần nhìn tận mặt cho biết “rõ ràng là người hôm nọ” rồi mới dám ngỏ lời nói chuyện.

Câu 325 – Chữ *rủ mòn* đây nghĩa như *gày mòn*, nhưng chữ “rủ mòn” xác đáng hơn vì ta thêm được ý mỗi một như câu thơ Đường mà tác giả đã dùng làm điển : Mai cốt xấu nan chi – Vóc xương thanh lịch như cành mai, *gày quá đi như không đứng được*.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. ***Giống hữu tình*** – là hạng người tài hoa. Sách Nho có chỗ nói : Hạng Thánh nhân thì không có tình, hạng ngu đần thì không biết tình là gì, chỉ có hạng tài hoa mới là hạng người hữu tình. Bởi vậy người ta gọi bọn tài hoa là *tình chủng* – giống đa tình. Đây nói Kim Trọng, Thúy Kiều đều là tình chủng.

2. ***Mối tơ mảnh*** – là sợi tơ rất mỏng manh mà khó dứt dứt được, đó tức là sợi tơ tình, không trông thấy mà gỡ không ra, dứt không dứt được.

3. ***Canh cánh*** – là vương vít như gài bám vào lòng.

4. ***Sầu giông*** – xem lời đính chính ở câu 247.

5. ***Ba thu đón lại một ngày*** – Kinh Thi có câu : Nhất nhất bất kiến như tam thu hề – *Một ngày không thấy mặt nhau, lâu bằng ba tháng mùa thu*. (cũng có người giảng tam thu là ba năm). Chữ *đón* nghĩa là rên cái que sắt cho nhỏ lại và dài ra.

6. ***Mấy lần*** – hai câu này diễn theo ý hai câu kết bài thơ nghe gảy đàn tranh (câu 249 và 250) :

Mấy lần khoá kín – Ngăn thưng tròng quan.

Liệu nẻo đi về chiêm bao – Bất như miền khứ mộng trung khan

7. ***Bóng hồng*** – là hình bóng người con gái đẹp.

8. ***Liệu nẻo*** – là đoán chừng có lẽ bóng vía nàng sẽ tìm đến đây với ta, trong lúc nàng mơ ngủ (xem lời xác định câu 250).

9. ***Đĩa dầu*** – người xưa đốt đèn bằng dầu hột, đổ dầu vào đĩa rồi thả bắc vào, để một đầu bắc hở trên miệng mà đốt.

10. ***Trúc se ngọn thỏ*** – bút viết chữ Hán quân làm bằng giống trúc, ngòi làm bằng lông thỏ. Câu “trúc se ngọn thỏ” ý nói khi chàng muốn làm thơ, thì nghĩ không ra, hình như ngòi bút nó khô mực lại viết không được.

11. ***Phím loan*** – phím đàn hình đầu ngoài thường làm hình đầu chim phượng. “Tơ chùng phím loan” ý nói khi chàng muốn gảy đàn cho khuây thì gảy không ra tiếng, như dây đàn chùng cả đi.

12. **Mành tương** – là mành làm bằng những giống trúc con, da có vân đồi mồi, tiện ra từng đoạn ngắn, rồi khâu lại thành từng dây dài mà treo nhiều dây rủ xuống thành bức mành che cửa, khi gió thổi vào tiếng trúc đụng nhau kêu xoang xoảng như tiếng đàn.

13. **Hương gậy mùi nhỏ, trà khan giọng tình** – xem lời xác định câu 250. Chàng Kim thấy gió đụng mành kêu cho là mộng hồn Kiều đến với mình, vội vàng đốt hương lên để mừng và pha trà để cùng uống. Chàng thấy mùi hương thơm nồng ngậy lên những mùi chàng nhớ đã ngửi được lúc chiều, và vị nước trà đậm đà quá như khan họng những giọng tình trước mặt nàng.

14. **Duyên nợ ba sinh** – Ba sinh là ba đời, ba kiếp : Đời tình nhân đã thề ước mà không lấy được nhau thì phải trải qua ba đời lời thề ấy mới tan. Tình sử : Lý Nguyên và Viên Trạch yêu nhau tha thiết. Khi nàng Viên ốm nặng gần chết hẹn với chàng Lý 12 năm sau thì đến Hàng Châu gặp nhau. Lúc chàng đến Hàng Châu chỉ gặp thằng bé chăn trâu hát rằng :

Tam sinh thạch tượng cựu tình hồn
Thưởng nguyệt ngâm phong bất yêu luân
Tâm Quý cố nhân viễn tương phỏng
Thử thân tuy dị tính trường tồn.

*Tình hồn trên đá ba sinh
Thưởng trăng hát gió, kể tình nữa chi !
Thẹn mình gặp bạn cố tri
Thân này dù khác, tình kia vẫn còn.*

15. **Thối khuynh thành trên người** – ý nghĩa hai câu này nói : Nếu không có duyên nợ kiếp trước với nhau, thì làm gì nàng lại nhìn theo ta như vậy để lòng ta vương vít. Tây Sương Ký nói : lúc Thôi Oanh Oanh thấy Trương Hồng vào, vội tránh vào buồng, nhưng lại ngó lại nhìn chàng một cái làm cho chàng say sưa và nghĩ :

Ngã minh nhật, thấy cốt tủy, tương tư bệnh triền.
Chấn dương tha lâm khú, thu ba nã nhất chuyển.
Ngã tiện thiết thạch nhân, dĩ ý nhạ tình khiên.

*Ngày mai ta sẽ mắc bệnh tương tư thấm vào đến xương tủy.
Ta chịu sao nổi cái khoé mắt của cô ta khi lánh đi,
lại ngó lại liếc ra một cái.
Ta dẫu có là người sắt đá cũng phải để vương tình.*

16. **Kỳ ngộ** – là cuộc gặp gỡ lạ lùng, tình cờ.

17. **Nước ngâm trong vắt** – ý nói chỉ thấy nước im lặng trong vắt mà chẳng có bóng ai như chiều hôm qua nữa.

18. **Kháy trêu** – là có ý đùa cợt trêu ghẹo cho tức, thẹn.

19. **Nhỏ ít tưởng nhiều** – thật ra chỉ có nhỏ ít nhưng cứ tưởng tượng thêm mãi, thành ra càng nhỏ nhiều.

20. **Lam Kiều** – tức là cầu Lam. Bùi Hàng đời Đường gặp cô gái tiên tên là Vân Kiều phu nhân, có cho chàng một bài thơ trong đó có câu : Lam Kiều bản thị Thần tiên quật – *Cầu Lam là chỗ tổ thần tiên ở*. Về sau, một hôm chàng đi qua cầu Lam, vào một quán xin nước uống, gặp nàng tiên Vân Anh đẹp lắm, chàng ước ao muốn lấy. Bà mẹ nàng bảo nếu tìm được cái chày ngọc để bà tán thuốc thì bà gả nàng cho. Chàng được một bà Tiên cho chày ngọc, đem lại nộp lấy được Vân Anh. Chử Lam Kiều đây chỉ nhà Thúy Kiều.

21. **Lá thắm** – Đời vua Đường Hi Tông, Vu Hựu vớt được một cái lá ngô đồng màu đỏ từ ngòi nước ở trong cung vua chảy ra, trên lá có đề bài thơ hẹn ai bắt được lá này thì kiếp sau sẽ lấy làm chồng. Hựu quý lắm, về giữ cẩn thận, và cũng lấy cái lá ngô đồng khác để thơ hoạ lại, rồi lên đoạn ngòi trên cung vua mà thả xuống cho trôi vào. Sau có lệnh thái các cung nữ cho ra lấy chồng, Hựu lấy được cô họ Hàn, và cả hai bên đều còn giữ đủ hai lá để thơ.

22. **Chim xanh** – Vua Hán Vũ Đế một hôm đi chơi xa, bỗng thấy hai con chim xanh – *con vẹt* bay vào hành cung Đông Phương Sóc nói : “Đó là sứ giả của bà Tây Vương Mẫu đưa tin báo trước.” Được một lúc sau, quả nhiên bà đến thật.

23. **Mĩa mai** – là chê cười, chế nhạo. Sáng tìm Kiều như bị lau sậy trên cười ngoài đồng, trưa tìm Kiều thì như bị chim oanh cười chế ở trước cổng nhà Kiều.

24. **Đầy** – là đầy. Ta hay nói đầy đây.

25. **Trót giờ lâu** – là đứng trọn vẹn lâu một giờ.

26. **Ngô Việt thương gia** – là nhà buôn bán ở vùng đất Ngô đất Việt, là vùng phía đông nam nước Tàu, từ Bắc Kinh xuống Ngô Việt rất xa.

27. **Du học** – là ở xa đến đó ở trọ để học.

28. **Cặp sách** – đây là cái quang treo sách chữ Nho, làm bằng gỗ, dưới có cái ván gỗ rộng độ 2 gang, dài độ 3 gang, 2 đầu có đục 2 cái lỗ để lùa 2 thanh gỗ lên làm thành cái quang để xếp 2 chồng sách vào. Khi ở nhà thì treo lên, khi đi đâu thì gánh cho tiện.

29. **Đề huê** – đây nghĩa là dọn sách vở đồ đạc sang nhà trọ một cách đàng hoàng có ý cho ai cũng biết, đề hồng đưa tin đến hai cô láng giềng rõ chuyện mình đến đó.

30. **Đá** – đây là cảnh núi non bộ chất đá ở giữa cái hồ con.

31. **Song hồ** – là cửa sổ, cánh có dán một thứ giấy phết dầu cho trong, ánh sáng có thể qua được cho sáng nhà.

32. **Cánh mây** – là cánh cửa ở trên gác cao.

33. **Thềm hai** – Thềm đây nghĩa là sắp sửa. Thềm hai là sắp sửa được hai tháng rồi.

34. **Phải** – nghĩa là bất kỳ gặp phải. Truyện Kiều có mấy chỗ chữ *phải* nghĩa là: thật ra là hữu tình mà làm ra như có vẻ vô tình mà xảy ra như vậy.

Chữ *phải* trong câu “Buồng the phải buổi thông dong” cũng dùng nghĩa này, để nói: Gặp buổi Tết Đoan Ngọ thông dong vắng khách, nên Kiều vô ý tăm trần không đóng cửa, chứ thật ra Kiều dụng tâm làm ra vô ý để Thúc Sinh được nhìn rõ tăm thân thoát ý của mình để cố kết lòng chàng mà hết sức ra tay cứu mình khỏi lầu xanh.

35. **Tường gấm** – là bức tường có đắp hình mây, hình trện nổi.

36. **Cất lấy** – là lấy tay sẽ nhắc cao cành thoa lên mà lấy ra một cách rất nhẹ nhàng, nâng niu để khỏi gãy khỏi rơi.

37. **Khuê các** – là buồng gác đàn bà con gái ở rất lịch sự.

38. **Uởm lòng** – là thử nói để dò xét xem lòng nàng ra ý thế nào.

39. **Hử không** – là bỗng dưng.

40. **Hợp Phố** – Hợp Phố xưa kia thuộc về Giao Châu tức là nước Nam ta trước, nay thuộc miền giáp bể tỉnh Quảng Đông, bên Tàu. Hồi Bắc thuộc quan Tàu tham những bắt dân Hợp Phố mò

ngọc trai đem nộp. Các loài trai có ngọc bỏ đi nơi khác hết. Sau có quan Thứ Sử là Mạnh Thường làm quan thanh liêm, loài trai ngọc lại trở về Hợp Phố. Người sau có câu : Châu hoàn Hợp Phố – *Ngọc trai lại về Hợp Phố* để nói của Quý của ai lại trả về người ấy.

41. **Nào của mấy mươi** – nghĩa là chiếc thoa này nào có đáng giá là bao nhiêu đâu.

42. **Trọng nghĩa khinh tài** – là lòng tử tế đúng đắn biết trọng điều nghĩa mà khinh của cải.

43. **Lân lý** – lân là hàng xóm, lý là làng.

44. **Gạn** – là hỏi tỉ mỉ, rõ ràng mọi điều.

45. **Niềm tâm** – là lòng riêng tư trong bụng.

46. **Bực mây** – đây tức là những hình mây đắp nổi lên ở mặt tường găm có thể dùng làm bực leo lên được.

47. **Đón bước** – là chào một cách nhanh lẹ.

48. **Sượng sùng** – là ngượng ngịu, e thẹn.

49. **Ngẫu nhi** – là tình cờ, không hẹn mà bỗng dưng gặp nhau.

50. **Đã chôn** – là đã lâu, mỗi một lần.

51. **Cung mây, Ấp cây** – Cung mây là cung trăng, ở trên mây, ý nói chỗ người đẹp ở như cô Hằng Nga ở trên cung trăng. Ấp cây lấy tích ở chữ : thủ châu nhân – *người giữ gốc cây*.

Xưa có anh thợ cấy ngồi nghỉ ở gốc cây, bỗng một con thỏ sợ chó săn chạy đâm đầu vào gốc cây chết, anh bắt được. Từ hôm đó ngày nào anh ta cũng ra ngồi giữ gốc cây ấy để đợi bắt thỏ. Bởi vậy truyện Kiều chữ Hán cũ có câu : Nhất nguyệt gian, ký tâm vu nguyệt cung, như thủ châu nhân nhi – *Suốt một tháng, lúc nào tôi cũng để bụng nghĩ đến cung trăng, rõ như anh mê gần ngồi giữ gốc cây để đợi thỏ*. Ý nói Kim kiều công hàng tháng để mong may ra được gặp Kiều.

52. **Đài gương** – cũng như lầu trang là tiếng tôn trọng nơi chỗ đàn bà con gái ở. Đây là lời tôn trọng gọi Kiều.

53. **Dấu bèo** – là tiếng Kim Trọng nhún mình, coi mình hèn mọn như cái bèo ở đâu trôi đến.

54. **Thối nhà băng tuyết** – ý nói vốn là nhà nề nếp đứng đắn.

55. **Chất hàng phỉ phong** – ý nói nhún mình là một gái quê mùa biết giữ lễ nghiã. Kinh Thi có câu : Thái phong, thái phỉ, vô dĩ hạ thể – *Hái rau phong, hái rau phỉ, chỗ vì phần dưới cũng ăn không ngon mà bỏ*. Rau phỉ, rau phong ngon gốc đều ăn được, nhưng phần gốc lúc già ăn không ngon, nên bị bỏ. Ý nói vợ chồng phải lấy nghiã mà yêu nhau suốt đời, chỗ có khi trẻ đẹp thì yêu, khi già xấu thì bỏ.

56. **Chỉ hồng** – là duyên vợ chồng, do điển tích Vi Cố như sau :

Vi Cố học giỏi đang kén vợ. Một hôm thấy ông cụ già ngồi dưới bóng trăng giở một cuốn sách ra coi, bên mình có một túi chỉ đỏ. Cố hỏi sách gì, thì ông bảo là tập sổ biên những cặp vợ chồng phải lấy nhau. Khi ta biên tên vợ chồng vào sổ này và lấy hai sợi chỉ hồng ở túi này mà se với nhau, thì dù hai bên giàu nghèo, sang hèn khác nhau thế nào, cũng phải lấy nhau thành vợ chồng. Cố hỏi đùa ông cụ se tôi lấy ai ? thì ông cụ chỉ lấy đứa con gái rách bần, mẹ đặt ngồi ở bờ ruộng để mẹ hái rau rồi ông cụ biên tên và lấy hai sợi chỉ se với nhau. Cố giận lắm, thuê người giết con bé, và yên trí là con bé đã chết rồi. Sau Cố long đong mãi không tìm được vợ, kể cục vắn phải lấy người con gái có theo ở mang tai và nàng nói lúc bị bị tên giặc chém nhưng may không chết.

57. **Rầy gió mai mùa** – ý nói việc đời thay đổi bất kỳ, nay may gặp nhau, rồi sau đây không gặp được nữa.

58. **Dù chẳng** – nghiã là nếu không. Trong truyện Kiều, có nhiều chữ dù nghiã là nếu như vậy. Như “Khuôn thiêng dù phụ tác thành”, “Thế trong dù lớn hơn ngoài”.

59. **Khuôn thiêng** – tức là trời. Đây ám chỉ cha mẹ, để trả lời câu Kiều nói : “Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha”. Nhưng không dám nói thẳng là cha mẹ phụ lòng, e bất nhã, phải nói tránh ra là nếu trời phụ lòng.

60. **Lượng xuân** – là độ lượng rộng rãi, bao dung, do chữ : Xuân đực hải hàm – *Hỏi xuân nuôi muôn vật, lòng bể chứa muôn sông.*

61. **Chiều xuân** – tức là lòng xuân, do chữ xuân tú hay xuân tình.

62. **Nét thu** – do chữ : thu ba – *sóng mùa thu* dịch ra tức là dáng mắt trông nhìn có tình tứ.

63. **Tạc đá vàng** – là nhận lời một cách trịnh trọng như khắc vào bia đá, biển vàng.

64. **Khăn hồng** – đây tức là khăn vuông gói đôi xuyến vàng.

65. **Trăm năm** – là sự kết duyên làm vợ chồng.

66. **Bả** – là lấy hai tay nâng lên mà đưa như dâng lên trao một cách rất trịnh trọng. Khi hai tay nâng chén rượu lên mời khách gọi là bả tửu hay bả trần.

67. **Quạt hoa qùy** – là cái quạt giấy đẹp Kiều có vẽ hình cái hoa qùy (là một giống hoa sen thơm, đẹp lúc nào cũng hướng về mặt trời) để tỏ lòng lúc nào cũng ngưỡng mộ chàng. Bả quạt hoa qùy nghĩa là hai tay nâng chiếc quạt hoa qùy lên mà dâng cho chàng làm kỷ niệm.

68. **Tất giao** – Tất là sơn, giao là keo. Tất giao là hai thứ nhựa để gắn bó rất chắc. Đây nói Kim Kiều thể ước với nhau rất cẩn thận.

đoạn V

vàng đá ân cần
tóc tơ căn vặn

chàng về
viện sách
nàng đời
lầu trượng

- 363 Từ phen đá biết tuổi vàng⁽¹⁾
 Tình càng thắm thía, dạ càng ngẩn ngơ.
- 365 Sông Tương một dải nông sờ,
 Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.
- 367 Một tường tuyết ủm sương che.
 Tin xuân⁽²⁾ đâu dễ đi về cho năng!
- 369 Lần lần ngày gió đêm trăng,
 Thửa hồng rậm lục⁽³⁾ đã chùng xuân qua.
- 371 Ngày vừa sinh nhật ngoại gia⁽⁴⁾
 Trên hai đường⁽⁵⁾ dưới nũa là hai em.
- 373 Tung bùng sấm sủa áo xiêm,
 Cần dừng một lễ, quỳ đem tấc thành⁽⁶⁾
- 375 Nhà lan⁽⁷⁾ thanh vắng một mình,
 Ngẫm cơ hội ngộ⁽⁸⁾ đã rành hôm nay.
- 377 Thì trần thức thức sẵn bày⁽⁹⁾
 Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mé tường.
- 379 Cách hoa sẽ dăng⁽¹⁰⁾ tiếng vàng⁽¹¹⁾
 Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông :
- 381 “Trách lòng hồ hững với lòng,
 Lửa hương⁽¹²⁾ chốc để lạnh lòng bấy lâu !
- 383 Những là đắp nhớ đôi sầu,
 Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa dâm.”⁽¹³⁾
- 385 Nàng rằng : “Gió bắt, mưa cầm⁽¹⁴⁾
 Đã cam⁽¹⁵⁾ tệ với tri âm bấy chầy.
- 387 Vắng nhà, được buổi hôm nay,
 Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng.”⁽¹⁶⁾
- 389 Lần theo núi giả⁽¹⁷⁾ đi vòng,
 Cuối tường dường có nẻo thông mới rào.
- 391 Xắn tay mở khóa động Đào,
 Rẽ mây trong tỏ lối vào Thiên Thai⁽¹⁸⁾
- 393 Mặt nhìn mặt, càng thêm tươi,
 Bên lời vạ phúc, bên lời hàn huyên⁽¹⁹⁾

- 395 Sánh vai về chốn thư hiên,
Góp lời phong nguyệt⁽²⁰⁾ nặng nguyên non sông.
- 397 Trên yên, bút giá, thi đồng⁽²¹⁾
Đạm thanh⁽²²⁾ một bức tranh từng treo trên.
- 399 Phong sương⁽²³⁾ được vẽ thiên nhiên,
Mặn khen⁽²⁴⁾ nét bút, càng nhìn càng tươi.
- 401 Sinh rằng : “Phác họa vừa rồi⁽²⁵⁾
Phẩm đề⁽²⁶⁾ xin một vài lời thêm hoa⁽²⁷⁾.”
- 403 Tay tiên gió táp mưa sa⁽²⁸⁾
Khoảng trên, vẩy bút thảo và bốn câu.
- 405 Khen : “Tài nhả ngọc phun châu⁽²⁹⁾
Nàng Ban, ả Tạ cũng đâu thế này!⁽³⁰⁾
- 407 Kiếp tu xưa ví chưa dày,
Phúc nào nhắc được giá này cho ngang ? ”
- 409 Nàng rằng : “Trộm liếc dung quang⁽³¹⁾
Chẳng sân ngọc bội⁽³²⁾ thì phường kim môn⁽³³⁾
- 411 Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay ? ⁽³⁴⁾⁽³⁵⁾
- 413 Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
Có người tướng sĩ ⁽³⁶⁾ đoán ngay một lời :
- 415 ‘Anh hoa phát tiết ra ngoài⁽³⁷⁾
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa’.
- 417 Trông người lại ngẫm đến ta,
Một dây, một mỏng, biết là có nên ?”
- 419 Sinh rằng : “Giải cấu là duyên,
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều⁽³⁸⁾
- 421 Ví dù giải kiết⁽³⁹⁾ đến điều,
Thì đem vàng đá mà liều với thân.”
- 423 Đủ điều trung khúc ân cần⁽⁴⁰⁾
Lòng xuân phơi phới, chén xuân tàng tàng.
- 425 Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
Trông ra ác đã ngậm gương non Đoài⁽⁴¹⁾

- 427 Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng, nàng mới kíp dời song sa.
429 Đến nhà vừa thấy tin nhà :
Hai thân còn gỡ tiệc hoa chưa về.
431 Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.
433 Nhặt thưa, gương giọt đầu cành⁽⁴²⁾
Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh hắt hiu⁽⁴³⁾
435 Sinh vừa tựa án thiu thiu,
Dở chiều như tỉnh, gỡ chiều như mê.
437 Tiếng sen⁽⁴⁴⁾ sẽ động giấc hòe⁽⁴⁵⁾
Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần⁽⁴⁶⁾
439 Bâng khuâng đỉnh Giáp, non Thần⁽⁴⁷⁾
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.
441 Nàng rằng : “Khoảng vắng đêm trường,
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa⁽⁴⁸⁾
443 Bây giờ rõ mặt đôi ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao !”
445 Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen⁽⁴⁹⁾ nối sáp, song đào⁽⁵⁰⁾ thêm hương.
447 Tiên thê⁽⁵¹⁾ cùng thảo⁽⁵²⁾ một trướng,
Tóc mây một món, dao vàng chia đôi.
449 Vàng trắng vàng vạc giữa trời,
Đỉnh ninh hai miệng, một lời song song.
451 Tóc tơ căn vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ “đồng” đến xương⁽⁵³⁾

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 374 – Chữ *cần dùng* nghĩa đen là dùng một mớ rau cần, nghĩa bóng là nói khiêm nhường một lễ què mùa đơn bạc. Chữ “cần dùng” này lấy điển sách xưa nói : Có một người trồng được rau cần, mình ăn thấy ngon, mới mang một bó to đi biếu quan, quan ăn chê không ngon, người kia xấu hổ trở về. Sau người ta dùng chữ cần để nói khiêm lễ vật quà cáp của mình cho ai.

“*Quý đem tấc thành*” nghĩa là đem tỏ tấm lòng thành kính mến họ ngoại như hoa quỳnh nào cũng hướng về mặt trời.

Câu 376 – Chữ *rành* với chữ *đành*, các bản Kiều Nôm thường khắc là “*đành*” cả. Suy xét thì chữ ở câu này để là *rành* đúng nghĩa hơn.

Câu 404 – Tam Quốc có câu : Văn bất gia điểm, nhất huy nhi lựu – *Văn không chấm thêm vào, một vẩy bút là xong*, để tả tài Hàm Đan Thuần 13 tuổi, vâng lệnh quan thảo bài bia kỷ niệm Hiếu nữ Tào Nga.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Đá biết tuổi vàng** – ý nói Kim Trọng đã gạn hỏi biết đích xác được lòng Kiều rồi như dùng đá thử biết đích xác được vàng mấy tuổi. Trước kia người buôn vàng ta vẫn dùng một hòn đá màu đen để vạch thời vàng lên xem vết vàng ở mặt đá mà nhận biết tuổi vàng là bao nhiêu : vàng nguyên chất là vàng 10 tuổi, càng pha nhiều đồng chì thì tuổi càng giảm đi. Thí dụ nói vàng 7 tuổi là vàng có pha 3 phần đồng, chỉ có 7 phần là vàng.

2. **Tin xuân** – là tin tức thư từ kể tâm tình yêu nhớ nhau.

3. **Thưa hồng rậm lục** – Thưa hồng là hoa đã ít đi, rậm lục là lá cây đã mọc nhiều và màu xanh thẫm hơn. Câu này lấy ý ở câu chuyện Tây Sương Ký : Lục ám, hồng hi, xuân khứ giả – *Lá cây màu xanh đã sẫm, hoa đỏ cây đã thưa, thế là mùa xuân đã đi rồi*.

4. **Sinh nhật ngoại gia** – là lễ sinh nhật nhà họ ngoại.

5. **Hai đường** – là hai cha mẹ, chữ Hán là *song đường* tức là nghiêm đường – cha và từ đường – mẹ; hay xuân đường – cha và huyền đường – mẹ.

6. **Tấc thành** – là tấm lòng thành kính.

7. **Nhà lan** – chữ Hán là lan thất, nhà có hoa lan thơm. tức là nhà có vẻ vui đẹp, tao nhã.

8. **Hội ngộ** – là họp mặt chuyện trò với nhau một buổi.

9. **Thì trân, Thức thức** – Thì trân là những đồ ăn ngon Quý trong mùa như các thứ trái cây. Thức thức là thứ nọ thứ kia. Tác giả tả ý để phòng tình tể của Kiều. Trước khi sang hội ngộ với Kim Trọng, nàng sắp sửa việc nhà chu đáo để phòng khi cha mẹ về khỏi ngỡ nàng bỏ nhà cả ngày. Nàng bày sẵn một bàn bánh trái để khi về, ai cũng tưởng là nàng vẫn luôn luôn đợi cha mẹ và các em.

10. **Dắng** – là sẽ (khẽ) ho một tiếng để làm hiệu trước khi nói.

11. **Tiếng vang** – là tiếng trong vang, êm ái dễ nghe.

12. **Lửa hương** – là cái tình yêu đã thể với nhau, do chữ hương hoá tình dịch ra. Hương hoá tình là tình khói lửa, vì lúc thể với nhau vẫn thường đốt hương mà cùng thể ở trước trời đất, quỷ thần.

13. **Hoa dâm** – ở Bắc Việt có cây dâm, nhị hoa cái trắng cái đen, mọc thành chùm lẫn lộn nhau, nên người tóc đỏ bạc đỏ đen gọi là đầu hoa dâm.

14. **Gió bắt mưa cầm** – câu này lấy điển từ câu thơ Tiền Khởi đời Đường : Chỉ sách sâu phong vũ, Khuông Lư bất khả đăng – *Chỉ gần trong gang tấc thôi mà buồn nổi vì mưa gió mà không lên được núi Khuông Lư.*

15. **Cam** – là chịu lỗi, tri âm. Bá Nha gảy đàn, Chung Tử Kỳ nghe tiếng đàn biết là Bá Nha bụng nghĩ gì. Bá Nha liền kết bạn với Chung Tử Kỳ, gọi là bạn tri âm, nghĩa là bạn biết lòng nhau.

16. **Tạ lòng** – là tạ lỗi phụ lòng mong đợi nhau.

17. **Núi giả** – là núi chất bằng đá làm cảnh ở trong vườn.

18. **Thiên Thai** – núi Thiên Thai ở tỉnh Triết Giang bên Tàu, phong cảnh rất đẹp. Tương truyền đời nhà Hán có Lưu Thần và Nguyễn Triệu vào núi Thiên Thai hái thuốc gặp hai nàng tiên, lưu lại ở đó nửa năm rồi xin về. Khi về đến nhà thì ra đã được 7 đời. Bởi vậy sau gọi cảnh tiên là Thiên Thai.

19. **Vạn phúc, hàn huyên** – là lễ Tàu. Vạn phúc là lời đàn bà chào ai, tỏ ý chúc mừng. Hàn huyên là lời đàn ông chào ai, tỏ ý hỏi thăm sức khoẻ : hàn – rét; huyên – ấm thế nào.

20. **Góp lời phong nguyệt.** – nghĩa đen là kể những câu thơ vinh gió thuở trăng, nghĩa bóng là nói đến những chuyện tình tứ vui vẻ với nhau. Câu này lấy điển ở câu thơ đùa mục đồng là thân kiếp sau của nàng Viên Trạc đọc khi thấy chàng Lý Nguyên (tình nhân kiếp trước) lại thăm.

21. **Bút giá, Thi đồng** – Bút giá là cái giá để gác bút. Thi đồng là cái ống để đựng những bài văn, thơ viết vào giấy cuộn lại. Bút giá, thi đồng là hai thứ trang sức bày trên án thư của văn sĩ.

22. **Đạm thanh** – là lối vẽ bằng mực nhạt lỏng, thường gọi là tranh thủy mặc. Tranh tùng là tranh vẽ cây thông.

23. **Vẻ phong sương** – là vẻ già cứng vì đã chịu nhiều phen gió bão to, sương tuyết lạnh của cây thông. Người xưa Quý cây thông vì cây thông thẳng cứng, cao vững, lại chịu được sương tuyết, mùa đông vẫn xanh tốt ví như người quân tử khí khái, thẳng thắn.

24. **Mặn khen** – là khen một cách mặn mà, thành thật.

25. **Phác họa** – là vẽ một cách thô sơ, lấy hình đại khái, chưa tô điểm cẩn thận lại, đây dùng ý nói khiêm là vẽ thô vụng.

26. **Phẩm đề** – là đề một bài thơ phê bình khen ngợi khéo đẹp thế nào.

27. **Thêm hoa** – là làm cho đẹp thêm lên, lấy điển ở chữ : Cầm thượng thiêm hoa – *Thêm hoa trên gấm*.

28. **Gió táp mưa sa** – là nói viết thảo đua bút nhanh như gió và nét mực đi đến đâu như mưa tưới hoa đến đó.

29. **Nhả ngọc phun châu** – là nói ý thơ đã hay như nhả ngọc ở trong bụng ra, lời thơ lại đẹp như phun ngọc ở trong miệng ra.

30. **Nàng Ban, á Tạ** – Nàng Ban Chiêu, đời Hán và nàng Tạ Đạo Uẩn đời Tấn, đều là những tài nữ nổi tiếng thông minh từ nhỏ.

Ban Chiêu được vua Hán vời vào cung dạy Hoàng hậu và Cung phi. Nàng vào đó tra khảo sách vở tiếp tục làm xong bộ Sử của anh là Ban Cố.

Nàng Tạ Đạo Uẩn thì bàn văn thơ khiến bọn văn sĩ trứ danh phải phục.

31. **Dung quang** – là hình dạng với màu sắc và vẻ thông minh hiện ra ở mặt. Liếc dung quang tức là xem tướng mặt.

32. **Ngọc bội** – Sách Lễ Ký có câu : Quân tử bộ ngọc – *Người quân tử đeo ngọc*, để tỏ ý phải giữ đức hạnh mình trong Quý như ngọc. Sân ngọc bội là nơi sân tính những người đẹp ngọc tức là nơi triều đình, vì các quan vào chầu đều có đeo ngọc ở trước bộ áo chầu.

33. **Kim Môn** – Vua Hán Vũ Đế bắt được con ngựa thần, sai đúc tượng ngựa đồng để ở trước cửa cung Vị Ương, gọi cửa đó là Kim mã môn hay là Kim môn – *cửa ngựa vàng*. Các quan học sĩ phải ngồi ở trong nhà gần cửa Kim môn để đợi lệnh vua sai khiến. Chữ *phường Kim môn* ở đây tức là hạng quan văn học giỏi.

34. **Khuôn xanh** – cũng như khuôn thiêng, tức là trời.

35. **Vương tròn** – là được nên vợ nên chồng tử tế.

36. **Tướng sĩ** – là thầy xem tướng người.

37. **Anh hoa phát tiết ra ngoài** – là vẻ thông minh tài hoa tiết lộ ra ngoài quá là tướng xấu, nhất là về phần con gái.

38. **Nhân định thắng thiên** – nghĩa là người ta cứ quyết tâm mà làm cho kỳ được, thì có thể thắng được số trời.

39. **Giải kiết** – Giải là cởi ra, kiết là nút oan nghiệt. Giải kiết là lời độc làm bùa ếm để cởi bỏ những nút oan nghiệt cho khỏi gặp những sự tai vạ sau này. Tục ta xưa, trước khi nói, thí dụ những câu quái gở độc dữ, thường nói ếm trước rằng “Nói giải kiết đồ đi, nếu sau này có xảy ra sự ngang quải làm cho đôi ta không lấy được nhau, thì quyết giữ lòng bền vững như vàng đá mà liều bỏ một đời không lấy ai nữa”.

40. **Trung khúc** – Trung là những điều ở trong lòng, khúc là những điều kín đáo chứa ở một nơi khuất khúc trong lòng. Trung khúc là những tâm sự rất thật ở trong ý tưởng.

41. **Ngậm giường non Đoài** – là mặt trời đã lặn xuống bên kia dãy núi phía tây. Câu này lấy ý ở câu thơ cổ : Tây sơn dục hàm bán biên nhật – *Núi phía tây muốn ngậm kín nửa vành mặt trời*.

42. **Giương giọt đầu cành** – lấy ý ở câu thơ cổ : Nguyệt minh tài thưởng liễu sao đầu – *Sáng trắng vừa mới lên tới ngọn cây liễu.*

43. **Trướng huỳnh** – Đời xưa Trác Dận nhà nghèo không có tiền mua đèn dầu, phải bắt đom đóm làm đèn học đêm mà thành tài, cho nên người sau mới dùng chữ trướng huỳnh – *màn đom đóm* để nói buổi học.

44. **Tiếng sen** – là tiếng chân Kiều đi. Đời Nam Bắc Triều, Đông Hôn Hầu, lúc còn làm vua nước Nam Tề, yêu nàng Phan Phi, giắt vàng thành hình hoa sen ở nền buồng cho nàng đi lên, và cười nói : “Mỗi bước chân nàng đi sinh ra một hoa sen vàng”. Người đời sau mới dùng chữ sen vàng hay gót sen để chỉ chân đàn bà đi.

45. **Giấc hòe** – là giấc mơ ngủ. Truyện xưa kể Thuần Vu Phần nằm ngủ ở gốc cây hòe, mơ thấy được vua vời vào làm Phò Mã, được phong làm chúa tể ở đất Nam Kha (cảnh phía Nam). Chàng làm chúa vinh hiển hơn 20 năm, bỗng được tin cấp báo có con rồng vào phá kinh đô, Công Chúa yêu cầu chàng về cứu Vua, chàng giật mình tỉnh dậy thì thấy một con rắn lớn đương phá cái tổ kiến to ở trên giữa ngọn cây, mà mình thì nằm ngủ ở dưới bóng cành phía Nam. Chàng liền trèo lên đánh chết rắn để cứu đàn kiến. Văn sĩ sau lấy điển này mới gọi mơ ngủ là giấc hòe.

46. **Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần** – Câu này lấy ý ở hai câu thơ cổ :

Nguyệt đi hoa ảnh ngọc nhân lai
Nguyệt đi lê ảnh thưởng lan can

*Trăng đưa bóng hoa và người mặt ngọc lại.
Trăng đưa bóng hoa lê lên bức lan can.*

47. **Đỉnh Giáp non Thần** – Vua Tương Vương nước Sở đi du lịch, đến dãy thác Vũ Hiệp (ta thường đọc là Vu Giáp) ở đông Trảng Giang (tỉnh Tứ Xuyên) nằm mơ thấy một người đàn bà đẹp lại chơi, Vua hỏi là ai, thì nàng nói : “Thiếp là gái thần ở đỉnh núi Vu Giáp này, sớm làm mây, tối làm mưa, sớm sớm tối tối lúc nào cũng ở dưới núi Dương Đài”. Non Thần tức là Vu Sơn chỗ Thần Nữ này ở.

48. **Đánh đường** – nghĩa là vừa đi vừa dò đường vì đêm tối.

49. **Đài sen** – cây đèn bằng đồng hình hoa sen để cắm nến mà đốt.

50. **Song đào** – là cái lư hương bằng đồng để đốt trầm hương, hình quả đào, nắp có trở lỗ thông khói giống hình của sổ có trấn song.

51. **Tiên thể** – là tờ văn tế viết lời thể.

52. **Thảo** – đây là viết.

53. **Đồng** – là ở chữ đồng tâm kết. Lễ xưa khi trai gái thuận tình lấy nhau, thì bên trai đưa cho bên gái hai giải lụa điều đẹp để cô gái kết một nút đẹp nối hai giải với nhau thành một giải dài giữa có thắt nút “đồng tâm” đó.

đoạn VI

ngân khúc tiêu tao
trọng lời đoạn chính

trăm năm
tạc một
chữ “đồng”
đến xương.

- 453 Chén hà⁽¹⁾ sánh giọng quỳnh tương⁽²⁾
 Giải là hương lộn⁽³⁾ bình gương bóng lồng⁽⁴⁾
- 455 Sinh rằng : “Gió mát trăng trong,
 Bấy lâu nay một chút lòng chứa cam.
- 457 Chầy sương chứa nện cầu Lam,
 Sợ lẫn khân quá ra sầm sỡ chẳng ! ”⁽⁵⁾⁽⁶⁾
- 459 Nàng rằng : “ Hồng điệp xích thằng⁽⁷⁾
 Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri.
- 461 Đứng điều nguyệt nọ, hoa kia⁽⁸⁾
 Ngoài ra, ai lại tiếc gì với ai.”
- 463 Rằng : “ Nghe nổi tiếng cầm đài⁽⁹⁾
 “Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ.”⁽¹⁰⁾
- 465 Thừa rằng: “Tiện kỹ sá chi ! ”⁽¹¹⁾
 Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng.”
- 467 Hiên sau treo sẵn cầm trăng⁽¹²⁾
 Vội vàng Sinh đã tay nâng ngang mày.
- 469 Nàng rằng: “ Nghề mọn riêng tây⁽¹³⁾
 Làm chi cho bận lòng này lăm thẩn ! ”
- 471 So dần dây vũ, dây văn⁽¹⁴⁾
 Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.
- 473 Khúc đầu Hán, Sở chiến trường,
 Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau⁽¹⁵⁾
- 475 Khúc đầu Tư Mã Phụng cầu⁽¹⁶⁾
 Nghe ra như oán, như sầu, phải chăng ?
- 477 Kê Khang này khúc Quảng Lăng⁽¹⁷⁾
 Một rằng Lưu thủy, hai rằng Hành vân⁽¹⁸⁾
- 479 Quá quan⁽¹⁹⁾ này khúc Chiêu quân⁽²⁰⁾
 Nửa phần luyến chúa, nửa phần tử gia.
- 481 Trong như tiếng hạc bay qua,
 Đục như nước suối mới sa nửa vơi⁽²⁰⁾
- 483 Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
 Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa⁽²¹⁾

- 485 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngơ ngẩn sầu.
487 Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc⁽²²⁾ khi chau đôi mày.
489 Rằng : “Hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng, nuốt cay thế nào.
491 So chi những khúc tiêu tao⁽²³⁾
Đột lòng⁽²⁴⁾ mình lại nao nao lòng mình.”
493 Rằng : “Quen mất nét đi rồi,
Tẻ vui, thôi cũng tính trời biết sao !
495 Lời vàng⁽²⁵⁾ vâng lĩnh ý cao,
Họa dần dần bớt chút nào được không.”
497 Hoa hương càng tỏ thức hồng⁽²⁶⁾
Đầu mày, cuối mắt, càng nồng tằm yêu.
499 Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
Xem trong âu yếm, có chiều lả lơi.
501 Thừa rằng : “Đừng lấy làm chơi⁽²⁷⁾
Dẽ⁽²⁸⁾ cho thừa hết một lời đã nao !
503 Vẻ chi một đoá yêu đào⁽²⁹⁾
Vườn hồng, chi dám ngăn rào chim xanh⁽³⁰⁾
505 Đã cho vào bậc bố kinh⁽³¹⁾
Đạo tông phu⁽³²⁾ lấy chữ trinh làm đầu.
507 Ra tuồng Trên Bộc, Trong dâu⁽³³⁾
Thì con người ấy ai cầu làm chi.
509 Phải điều ăn xối ở thì⁽³⁴⁾
Tiết trăm năm⁽³⁵⁾ nỡ bỏ đi một ngày !
511 Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lúa đôi ai lại đẹp tày Thôi, Trương ?⁽³⁶⁾
513 Mây mưa đánh đổ đá vàng,
Quá chiều nên đã chán chường yếm anh.
515 Trong khi chấp cánh, liền cành⁽³⁷⁾
Mà lòng rẽ rúng đã dành một bên !

- 517 Mái tây⁽³⁸⁾ để lạnh hương nguyên,
 Cho duyên đầm thắm ra duyên bể bàng.
 519 Gieo thoi⁽³⁹⁾ trước chẳng giữ giàng,
 Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai ?⁽⁴⁰⁾
 521 Vội gì ép liễu hoa nài,
 Còn thân ắt một đền bồi có khi."
 523 Thấy lời đoan chính dễ nghe⁽⁴¹⁾
 Chàng càng thêm nể, thêm vì mười phân.
 525 Bóng tàu⁽⁴²⁾ vừa nhạt vẻ ngân⁽⁴³⁾
 Tin dâu đã thấy cửa ngăn gọi vào.
 527 Nàng thì vội trở buồn thêu,
 Sinh thì dạo gót sân đào vội ra.
 529 Cửa sài⁽⁴⁴⁾ vừa ngỏ then hoa,
 Gia đồng⁽⁴⁵⁾ vào gửi thư nhà mới sang.
 531 Đem tin thúc phụ từ đường⁽⁴⁶⁾⁽⁴⁷⁾
 Bơ vơ lữ thấn tha hưởng đề huê⁽⁴⁸⁾
 533 Liêu Dương⁽⁴⁹⁾ cách trở sơn khô,
 Xuân đường kíp gọi Sinh về hộ tang⁽⁵⁰⁾
 535 Mảng tin xiết nỗi kinh hoàng,
 Băng mình lên⁽⁵¹⁾ trước đài trang tự tình.
 537 Gót đầu mọi nỗi đình minh,
 Nỗi nhà tang tóc, nỗi mình xa xôi.
 539 "Sự dâu chưa kịp đôi hồi⁽⁵²⁾
 Duyên dâu chưa kịp một lời trao tở,
 541 Trắng thê còn đó trở trở,
 Dám xa xôi mặt, mà thừa thốt lòng !
 543 Ngoài nghìn dặm chốc ba đông⁽⁵³⁾
 Mới sâu khi gỡ cho xong còn chầy !
 545 Gìn vàng giữ ngọc cho hay⁽⁵⁴⁾
 Cho đành lòng kẻ chân mây, cuối trời."
 547 Tai nghe ruột rối bởi bởi,
 Nhịn ngừng, nàng mới giải bày trước sau.

- 549 “Ông Tơ gàng quải chi nhau ?
Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi !
- 551 Cùng nhau trót đã nặng lời,
Dẫu thay mái tóc⁽⁵⁵⁾ dám dời lòng tơ⁽⁵⁶⁾
- 553 Quần bao tháng đợi năm chờ,
Nghĩ người ăn gió nằm mưa, xót thâm⁽⁵⁷⁾
- 555 Đã nguyên hai chữ “đồng tâm”,
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai⁽⁵⁸⁾
- 557 Còn non, còn nước, còn dài,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay.”
- 559 Dừng dằng chưa nổi rời tay,
Vàng đông trông đã đứng ngay góc nhà.
- 561 Ngại ngừng một bước một xa,
Một lời trân trọng, châu sa hai hàng.
- 563 Buộc yên⁽⁵⁹⁾ quấy gánh, vội vàng,
Mối sầu xẻ nửa⁽⁶⁰⁾ bước đường chia đôi⁽⁶¹⁾
- 565 Buồn trông phong cảnh quê người,
Đầu cành quyên nhật, cuối trời nhận thừa⁽⁶²⁾
- 567 Nào người cũ gió tuần mưa⁽⁶³⁾
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.

GIÁO ĐỈNH - XÁC ĐỊNH

Câu 526 – Chữ *gọi* câu này có bản Kiều in là *gỗ*, e không hợp ý nghĩa với chỗ này vì của ngấn chỉ là thứ của tạm để phân cách địa giới bằng những thanh gỗ thừa thớt, làm gì có cánh gỗ tử tế mà *gỗ*, chỉ đứng ngoài gọi thì dễ vì rất thoáng, trông rất rõ.

Câu 548 – Nhịn ngừng là nén lòng cảm động lo buồn muốn khóc của mình đi, để giải bày rành rõ mọi điều và cũng để làm ra vẻ bình tĩnh mà yên ủi lòng chàng. Đặt chữ *nhịn ngừng* vào đây tỏ được lòng Kiều vừa thương tình Kim Trọng, vừa lo buồn muốn khóc cho số phận trắc trở của mình.

Câu 560 – “Vùng đông trông đã đứng ngay góc nhà” nghĩa là mặt trời đã mọc lên ngang với góc mái nhà. Nhiều bản Kiều phiên âm chữ *góc* ra chữ *nóc* e lắm quá, vì Kim Trọng lên sang với Kiều để báo tin và dặn dò mọi điều thì chỉ kịp ở nhà Kiều chốc lát rồi đi, có đâu dám ở lại lâu đến lúc “Vùng đông trông đã đứng ngay nóc nhà” tức là trời đã gần trưa rồi.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Chén hà** – là chén làm bằng thú ngọc thạch đỏ hồng hồng như màu ráng buổi chiều lúc mặt trời sắp lặn. Chữ Hán là hà bôi – hà là ráng, bôi là chén.

2. **Quỳnh tương** – là rượu trong như ngọc quỳnh. Thơ Đường có câu : Nhất ẩm quỳnh tương bách cảm thôi – *Một khi đã uống rượu trong như ngọc quỳnh thì lòng sinh trăm mối tình cảm.*

3. **Giải là hương lộn** – Giải là : chữ Hán là la đài, những giải dây lưng bằng lụa rủ xuống ở trước người. Giải là hương lộn là mùi thơm ở các giải dây lưng hai người lẫn lộn với nhau vì gần nhau.

4. **Bình gương bóng lồng** – Bình gương chữ Hán là ngân bình. Cánh bình phong bằng bạc làm bằng nhẵn bóng có thể soi gương được nên còn gọi là kính bình – *bình gương*. Bình gương bóng lồng là bóng hai người chiếu chung nhau trong một tấm bình phong bằng bạc đánh bóng.

5. **Lần khần** – là được cái nọ lại đòi cái kia, không biết nể nhau.

6. **Sàm sỡ** – hay sòm sỡ là không biết giữ lễ phép, đứng đắn.

7. **Hồng diệp xích thằng** – tức là lá thắm chỉ hồng. Ở đây ý nói

tuy chưa thành vợ chồng nhưng đã có duyên định rồi, để trả lời câu : “Chầy sương chưa nện cầu Lam” Kim Trọng nói ở trên.

8. **Đường điếu nguyệt nọ hoa kia** – trừ điếu hoa nguyệt ra, thì không còn tiếc điếu gì để làm vui lòng nhau. Đây là Kiều hiểu lầm câu “lần khân, sầm sỡ” của Kim Trọng mà tỏ ý nói để ngăn ngừa trước.

9. **Cầm đài** – là chữ ở Đường thi nói chỗ Tư Mã Tương Như ngồi gảy đàn quyến rũ được Trác Văn Quân. Người sau dùng chữ *cầm đài* để gọi chỗ ngồi gảy đàn.

10. **Lắng tai Chung Kỳ** – là muốn được lắng tai nghe bạn gảy đàn.

11. **Tiện kỹ** – là nghề hèn mọn, xoàng, chẳng đáng kể.

12. **Cầm trăng** – là cây đàn nguyệt.

13. **Nghề mọn** – là tiếng nói khiêm nhường. Liều Trai có câu : Khu khu tiểu kỹ, khùng phụ lương cầm – *Nghề nhỏ mọn của tôi chỉ sợ phụ cây đàn tốt này.*

14. **Dây vũ** – là dây to trên mặt đàn, dây văn là dây nhỏ.

15. **Tiếng sắt tiếng vàng** – tiếng sắt là tiếng sát phạt như tiếng gươm đao đánh nhau trong chiến trường. Tiếng vàng là tiếng hoà dịu như tiếng chuông tiếng lệnh bằng đồng đánh để thu quân.

16. **Tư Mã Phượng cầu** – Tư Mã là Tư Mã Tương Như đời Hán. Phượng cầu là khúc đàn Phượng cầu hoàng, đại ý bài đàn này nói : Một con phượng mới bay ở bể về, muốn tìm bạn hoàng (hoàng là phượng mái) mà mãi chưa được, lòng những buồn bã ước ao nếu mà tìm được sẽ sát cánh mà bay lượn chìm bổng ở trên trời cao thật vui sướng biết bao.

Khi Tương Như dự tiệc ở nhà đại phú hào Trác Vương Tôn chàng gảy khúc đàn này đã quyến rũ được con gái Trác Vương Tôn là Trác Văn Quân trốn đi theo chàng ngay đêm hôm đó.

17. **Kê Khang, Quảng Lăng** – Kê Khang, người đời nhà Ngụy, được thầy dạy gảy khúc Quảng Lăng ngay từ lúc nhỏ, nên đàn rất hay.

18. **Lưu thủy Hành vân** – Sách Lã thị Xuân Thu nói : Bá Nha ngồi gảy đàn, bụng nghĩ đến cảnh núi cao, Chung Tử Kỳ ngồi nghe nói :

Đàn gảy hay quá ! Tiếng nghe cao vọi vọi như núi Thái Sơn. Lát sau Bá Nha vừa gảy vừa nghĩ đến cảnh mây bay nước chảy, Tử Kỳ lại khen : Đàn gảy hay quá ! Tiếng nghe mông mênh nhẹ nhàng như nước chảy. Khi Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha tháo đàn, cắt dây nói : “Thiên hạ ai biết tiếng đàn của ta nữa mà gảy”. Người sau mới gọi mấy khúc đàn của Bá Nha gảy cho Tử Kỳ nghe là khúc Hành vân và khúc Lưu thủy.

19. **Quá quan, Chiêu quân** – Chiêu Quân tên là Vương Tường, một cung phi tài sắc vô song đời nhà Hán, bị họa sĩ Mao Diên Thọ báo thù, chấm một điểm nốt ruồi ở dưới mắt, biến hình nàng thành tướng sát phu, nên không được vua yêu, rồi lại bị gả cho chúa nước Hung Nô. Lúc chào vua ra đi, vua mới biết là Diên Thọ vẽ oan cho nàng và tiếc lắm. Lúc qua cửa ải, nàng nhớ vua, nhớ nhà quá ngồi trên lưng ngựa gảy một khúc đàn tì bà nghe rất buồn thảm. Người sau gọi khúc đàn đó là khúc Quá quan (qua cửa ải).

20. **Nước suối mới sa nửa vời**. – Vời là chỗ cao lắm. Câu này nghĩa là nước suối chảy từ cửa thác đỉnh trời xuống đến nửa chừng ở sườn núi nghe thành tiếng đục ồ ồ.

21. **Sấm sập như trời đổ mưa** – câu này mượn ý tả tiếng đàn tỳ bà trong bài Tỳ bà hành của Bạch Cư Dị : Đại huyên tào tào như cảo vũ – *Tiếng dây to nghe ầm ầm như mưa dồn dập đổ xuống*.

22. **Vò chín khúc** – Chín khúc đây là chín khúc ruột. Vò chín khúc tức là buồn rầu rứt ruột.

23. **Tiêu tao** – là buồn bã lo âu.

24. **Đột lòng** – cũng nói là chợt dạ, nghĩa là khi mình nghe thấy điều gì có ý báo điềm tai nạn cho mình, thì mình giật mình sinh lòng lo sợ. Kiều gảy khúc bạc mệnh, chính Kiều cũng chợt dạ.

25. **Lời vàng** – là lời khuyên răn Quý báu như cho vàng ngọc.

26. **Hoa hương càng tỏ thức hồng** – hoa hương là nói Kiều sắc đẹp như hoa, tài thơm như hương. Thức hồng là vẻ đẹp, vẻ hay. Câu này nghĩa là Kim Trọng càng tiếp xúc với Kiều càng thấy vẻ đẹp của tài sắc Kiều.

27. **Đừng lấy làm chơi** – nghĩa là chớ coi việc đó là thường. Đây là lời Kiều cảnh cáo, cảnh đẹp cái sống tình là lời của Kim Trọng.

28. **Đẽ** – là hãy nén lòng bồng bột ấy xuống, đừng nóng nảy thế.

29. **Yêu đào** – Kinh Thi có câu : Đào chi yêu yêu – *Cây đào lộc non rờn rờn*, ý nói người con gái trẻ mơn mơn đến tuổi lấy chồng. Ta vẫn dịch là đào non.

30. **Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh** – câu này không biết tác giả lấy điển ở đâu, còn nghĩa ý đại khái thì rất dễ hiểu là : Ý Kiều trước hãy nói nhún một câu là đâu dám ngăn cản như rào vườn hồng lại, không cho chim xanh vào, để sau giải bày những lẽ không thể nào quả chiều nhau như thế được.

31. **Bố kinh** – là nói tắt của chữ Bố quần kinh thoa – *Quần bằng vải thường, thoa gài tóc bằng cành gai cây kinh*. Nàng Mạnh Quang là con gái một vị Tướng Quốc, lấy ẩn sĩ Lương Hồng. Lúc về nhà chồng bỏ hết quần áo gấm vóc và các đồ trang sức bằng vàng ngọc, mặc quần vải, gài thoa gai theo chồng đi ẩn vui cảnh nghèo. Người sau dùng chữ *bố kinh* để nói người vợ hiền.

32. **Đạo tông phu** – là đạo con gái ở với chồng. Trình đây là tấm lòng bền vững, giữ nghĩa trung thành với chồng mãi mãi.

33. **Trên bực, Trong dâu** – do chữ Tang gian Bực thượng dịch ra. Đời Xuân Thu, nước Vệ có đất Tang Gian và đất Bực Thượng rất rậm rạp khuất khoắn, rất tiện cho trai gái họp riêng với nhau, nên trai gái rất dâm dăng, có nhiều câu hát dâm tình hẹn hò nhau. Bởi vậy ta dùng chữ “Trên bực, Trong dâu” để gọi trai gái lăng lợ hủ hòng.

34. **Ăn xối ở thì** – là chỉ ăn ở với nhau ít lâu rồi chán bỏ nhau. Ta nói “muốn dưa muối cà ăn xối” là thái và muốn một cách chóng được ăn, để ăn tạm vài ngày thì hết, để lâu không được.

35. **Tiết trăm năm** – là ăn ở với nhau đúng lễ nghĩa trong suốt đời.

36. **Thôi, Trương** – đời nhà Đường có nàng Thôi Oanh Oanh và chàng Trương Hồng là đôi trai gái đều tài mạo song tuyệt, gặp nhau ở chùa rồi tự tình với nhau ở hiên mái Tây chùa. Sau Trương về Kinh thi Hội đỗ làm quan, bỏ lờ Thôi, mặc dù Thôi vẫn thư từ tha thiết nhớ mong. Lúc Thôi đã lấy chồng rồi, Trương lấy cớ là anh họ ngoại đến thăm, ao ước muốn gặp mặt Thôi, nhưng Thôi không ra chào, chỉ đưa một bài thơ từ biệt, trong bài thơ có câu : *Vị lang tiểu tụy khước từ tu lang – Vàng vô vì anh lại xấu hổ không dám thấy mặt anh*.

37. **Chắp cánh liền cành** – câu này lấy ý ở câu trong bài *Trường Hận Ca* : Tại thiên nguyên tác tị dục điếu, Tại địa nguyên vi liên lý chi – Ở trời thì xin làm đôi chim liền cánh, ở đất thì xin làm đôi cây liền cành. Câu Kiều này ý nói trong khi say sưa ăn nằm với nhau, mà trai đã có ý khinh rẽ gái rồi.

38. **Mái Tây** – chữ Hán là Tây Sương, tức là chỗ Thôi – Trương trước đã thể với nhau mà sau bỏ không giữ lời thể nữa.

39. **Gieo thoi** – Tạ Côn trợ học vẫn ròm ngó một cô gái hàng xóm. Một hôm Côn thấy cô ta ngồi dệt vải một mình ở nhà, mới sang định tán tỉnh, liền bị cô gái ném cái thoi vào mặt gây mất mặt cái răng.

40. **Nên thẹn cùng chàng** – ý nhắc tới điển Thôi Oanh Oanh và Trương Hồng ở câu 512.

41. **Đoan chính** – là thẳng ngay, đứng đắn.

42. **Bóng tàu** – tàu đầu là phiến gỗ dài đỡ chân dui mái nhà ở phía trước mái nhà, chỗ gần giọt ngói.

43. **Vẻ ngân** – là màu sáng mặt trăng. Câu này nói trăng tròn xé thấp lúc gần sáng.

44. **Cửa sài** – là cái cổng ở hàng rào trước sân, cánh làm bằng những thanh gỗ ghép dọc thưa thớt, thường gọi là cổng chông.

45. **Gia đồng** – là đứa ở trai trẻ tuổi.

46. **Thúc phụ** – là chú, em trai bố, còn anh trai bố là bá phụ (bác).

47. **Từ đường** – nghĩa đen là từ giã nhà bỏ đi, nghĩa bóng là chết. Còn chữ *từ đường* viết theo chữ Hán thì nghĩa là nhà thờ. Chết ta còn gọi là *từ trần* (bỏ đời) thì thông thường hơn, nhưng ở đây vì ép vần nên gọi là từ đường.

48. **Lũ thần tha hương để huê** – lũ là quê người, thần là còn chôn tạm. Lũ thần là còn quán ở quê người. Tha hương là nơi làng khác, nơi quê người. Để huê đây là bọn vợ con còn bơ vơ, neoh nhóc ở quê người, chứ không phải là ung dung đông vui.

49. **Liêu Dương** – là tỉnh ở phía Đông Bắc nước Tàu, xa Bắc Kinh.

50. **Hộ tang** – là đi giúp đỡ trông coi mọi việc trong đám đưa ma từ xa về làng.

51. **Lẻn** – là sẽ đi riêng một mình không để ai biết.

52. **Đôi hời** – là lo liệu, bàn định mọi việc. Đây là bàn định về việc mới manh sêu cưới.

53. **Chốc ba đông** – nghĩa là một lát lâu bằng ba tháng buồn mùa đông. Nhiều người giảng là ba năm, e lâu quá.

54. **Gìn vàng giữ ngọc cho hay** – Vàng ngọc ở đây là tấm thân Quý báu như vàng như ngọc. Ý Kim Trọng muốn khuyên Kiều phải giữ mình cho vui vẻ, khoẻ mạnh để chàng ở xa được yên lòng. Câu này ý lơ lửng rất hay, vừa khuyên nàng chớ nhớ thương chàng quá mà sinh ốm đau, vừa có ý khuyên nàng chớ vì xa chàng mà không giữ được tấm lòng vàng đá cho trọn vẹn.

55. **Thay mái tóc** – là đến lúc tuổi già, tóc đen hoá tóc trắng.

56. **Đổi lòng tơ** – là đổi lòng gắn bó lúc trẻ.

57. **Ăn gió nằm mưa** – tả cảnh khổ cực khi đi đường, lấy điển ở câu thơ cổ : *Lộ túc phong san lục bách lý – Phải nằm ngủ ở ngoài đường, phải ngồi ăn ở trước gió, trong cuộc đi 600 dặm đường*. Đây đổi chữ *sường* ra chữ *mưa* cho có vần, mà lại thêm ý vất vả hơn.

58. **Ôm cầm thuyền ai** – Cổ thi có câu : *Mạn bảo tỳ bà quá biệt thuyền – Nỡ ôm đàn tỳ bà đi sang thuyền khác* để chê người đàn bà vì vắng chồng mà đi theo người khác. Câu thơ này lấy điển ở truyện ông Bạch Cư Dị kể trong bài *Tỳ Bà Hành*, đại khái nói : Ông đặt tiệc tiễn khách ở dưới thuyền, bỗng nghe thấy tiếng đàn tỳ bà gảy rất hay ở một chiếc thuyền đồ gần đó, ông đánh thuyền lại mời mãi mới được người đàn bà ôm đàn sang thuyền ông mà gảy, nghe rất náo nùng. Người ấy kể xưa nàng vốn là tay gái đàn nổi tiếng, ở Kinh đô lúc tuổi trẻ, lúc luống tuổi cô đơn quá phải lấy một người lái buôn và thường phải ở một mình dưới thuyền. Ông rất thương cảm mới làm bài *Tỳ Bà Hành* để tặng.

59. **Buộc yên** – là đóng yên lên lưng ngựa.

60. **Mối sầu xẻ nửa** – nghĩa là nỗi sầu như chia đôi, chàng một nửa, nàng một nửa, như sợi dây tở ra làm đôi mà chia cho nhau.

61. **Bước đường chia đôi** – là không nở đi, mỗi bước chỉ ngần có một nửa, còn nửa nữa để lùi lại với nàng.

62. **Quyên nhật, nhạn thưa** – quyên nhật là tiếng cuốc kêu mau, nhạn thưa là tiếng chim sếu lạc đàn lẻ loi, kêu thưa thớt tiếng một. Câu tám chữ này tả cảnh buồn khi chàng Kim đi đường, nghe tiếng cuốc kêu rộn rập ở trên cây thì nhớ nhà, nghe tiếng sếu lẻ loi kêu thưa thớt ở nẻo trời xa thì thương cảnh mình bơ vơ ở dọc đường.

63. **Cũ gió tuần mưa** – đối với người phải kiêng tránh nắng gió thì người ta gọi 7 ngày là một cũ, 10 ngày là một tuần. Sau người ta dùng chữ cũ và chữ tuần để nói sự kiêng nắng gió. Như nói đàn bà đẻ là ở cũ; người lên đậu phải cấm cũ; thấy cổng nhà nào hay cửa buồng ai có treo cành đa lá dứa để cấm cũ thì người lạ chớ vào.

Câu “Nào người cũ gió tuần mưa” này dùng chữ *cũ* và chữ *tuần* là kiêng như vậy. Nghĩa hai câu này nói Kim thường Kiều phải vì mình mà giữ gìn kiêng tránh mọi điều, không dám đi chơi bởi tiêu khiển đâu, chỉ những âm thầm ngồi ở nhà để càng ngày càng nhớ mình khổ lòng thêm mãi.

đoạn VII

sai nha quen thói
kiều nữ bán mình

một ngày
nặng gánh,
tương tự
một ngày.

- 569 Nàng còn đứng tựa hiên tây
Chín hồi⁽¹⁾ vắn vít như vầy mối tơ.
571 Trông chừng khói ngát song thưa⁽²⁾
Hoa trôi trôi thắm, liễu xơ xác vàng.
573 Tần ngần dạo gót lầu trang,
Một đoàn mừng thọ ngoại hưởng mới về⁽³⁾
575 Hàn huyên chưa kịp dãi dề,
Sai nha⁽⁴⁾ bỗng thấy bốn bề xôn xao :
577 Người nách thước, kẻ tay dao⁽⁵⁾
Đầu trâu, mặt ngựa⁽⁶⁾ ào ào như sôi.
579 Già giang⁽⁷⁾ một lão một giai,
Một dây vô lại⁽⁸⁾ buộc hai thâm tình.
581 Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh⁽⁹⁾
Rụng rời đợt liễu, tan tành cột mai.
583 Đồ tể nhuyển⁽¹⁰⁾ của riêng tây,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham⁽¹¹⁾
585 Điều đâu ai buộc ai làm ?
Vì ai đơm giậm, đặt giậm bỗng dưng ?
587 Hỏi ra sau mới biết rằng :
Phải tên xung xuất⁽¹²⁾ là thằng bán tơ⁽¹³⁾
589 Một nhà hoảng hốt, ngẩn ngơ,
Tiếng oan dậy đất⁽¹⁴⁾ án ngữ lò mây⁽¹⁵⁾
591 Hạ từ⁽¹⁶⁾ van vỉ suốt ngày,
Điếu tai lân tuất⁽¹⁷⁾ phủ tay tội tày⁽¹⁸⁾
593 Giường cao rút ngược dây oan⁽¹⁹⁾
Dẫu là đá cũng nát gan, lộ người !
595 Mặt trông đau đớn rụng rời,
Oan này còn một kêu Trời, nhưng xa.
597 Một ngày⁽²⁰⁾ lạ thói sai nha,
Làm cho khốc hại⁽²¹⁾ chẳng qua vì tiền.
599 Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,
Trong khi ngộ biến tòng quyền biết sao !⁽²²⁾

- 601 Duyên hội ngộ, đức cù lao⁽²³⁾
Bên tình, bên hiếu, bên nào nặng hơn ?
- 603 Để lời thệ hải minh sơn⁽²⁴⁾
Làm con, trước phải đền ơn sinh thành⁽²⁵⁾
- 605 Quyết tình, nàng mới hạ tình :
“Để cho để thiếp bán mình chuộc cha !”⁽²⁶⁾
- 607 Họ Chung có kẻ Lại già⁽²⁷⁾
Cũng trong nha dịch⁽²⁸⁾ lại là tù tâm,
- 609 Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
Vì nàng, nghĩ cũng thương thầm xót vay.
- 611 Tính bài lót đó, luồn đây,
Có ba trăm lạng⁽²⁹⁾ việc này mới xuôi.
- 613 Hãy về tạm phó giam ngoài⁽³⁰⁾
Dẫn nàng quy liệu⁽³¹⁾ trong đôi ba ngày.
- 615 Thương lòng con trẻ thơ ngây,
Gặp cơn vạ gió, tai bay bất kỳ⁽³²⁾
- 617 Đau lòng tử biệt sinh ly⁽³³⁾
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên !
- 619 Hạt mưa⁽³⁴⁾ sả nghĩ phận hèn,
Liều đem tắc cỏ, quyết đền ba xuân⁽³⁵⁾
- 621 Sự lòng⁽³⁶⁾ ngỏ với băng nhân⁽³⁷⁾
Tin sương⁽³⁸⁾ đồn đại, xa gần xôn xao.
- 623 Gần miền có một mộ nào,
Đưa người viễn khách⁽³⁹⁾ tìm vào vấn danh⁽⁴⁰⁾
- 625 Hỏi tên, rằng : “Mã Giám Sinh”
Hỏi quê, rằng : “Huyện Lâm Thanh⁽⁴¹⁾ cũng gần”
- 627 Quá niên⁽⁴²⁾ trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.
- 629 Trước thấy, sau tổ xôn xao,
Nhà băng đưa mối, rước vào lầu trang.
- 631 Ghế trên ngồi tốt sỗ sàng⁽⁴³⁾
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.

- 633 Nỗi mình thêm gấp nỗi nhà,
Thêm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng⁽⁴⁴⁾
- 635 Ngại ngừng dọn gió e suồng,
Ngừng hoa bóng then⁽⁴⁵⁾ trông gương mặt đầy.
- 637 Mỗi càng vén tóc, bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai⁽⁴⁶⁾
- 639 Đắn đo cân sắc, cân tài,
Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.
- 641 Mặn nồng một vẻ một ưa,
Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt dùi⁽⁴⁷⁾
- 643 Rằng: “Mua ngọc đến Lam Kiều⁽⁴⁸⁾
Sính nghi⁽⁴⁹⁾ xin dạy bao nhiêu cho tường?”
- 645 Mỗi rằng: “Giá đáng nghìn vàng,
Nghệt nhà, nhờ lượng người thương dám nài!”
- 647 Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá⁽⁵⁰⁾ vàng ngoài bốn trăm.
- 649 Một lời thuyên đã êm giầm⁽⁵¹⁾
Hãy đưa canh thiệp⁽⁵²⁾ trước cầm làm ghi.
- 651 Định ngày nạp thái vu qui,
Tiền lưng⁽⁵³⁾ đã có, việc gì chẳng xong!
- 653 Một lời cậy với Chung công,
Khất từ tạm lĩnh⁽⁵⁴⁾ Vương ông về nhà.
- 655 Thương tình con trẻ, cha già,
Nhìn nàng, ông những máu sa, ruột rầu:
- 657 “Nuôi con những ước về sau,
Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi⁽⁵⁵⁾
- 659 Trời làm chi cực mấy trời?
Này ai vu thác⁽⁵⁶⁾ cho người hợp tan?
- 661 Búa rìu bao quản thân tàn,
Nỡ dầy dọa trẻ, càng oan khóc già!
- 663 Một lần⁽⁵⁷⁾ sau trước cũng là,
Thôi thì mặt khuất chẳng thà lòng đau.”

- 665 Theo lời càng sưỡi dòng châu,
Liều mình, ông đã gieo đầu tường vôi.
667 Vội vàng kẻ giũ, người coi,
Nhỏ to, nằng lại tìm lời khuyên can :
669 “Về chi một mảnh hồng nhan,
Tóc tơ chưa chút đèn ớn sinh thành.
671 Dâng thơ đã thẹn nàng Oanh⁽⁵⁸⁾
Lại thua ả Lý bán mình hay sao ?⁽⁵⁹⁾
673 Cối xuân tuổi hạc càng cao⁽⁶⁰⁾
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành !
675 Lòng tơ⁽⁶¹⁾ dầu chẳng dứt tình,
Gió mưa âu hắt tan tành nước non !
677 Thà rằng liều một thân con,
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.
679 Phận sao đành vậy cũng vậy,
Cầm như chẳng đỡ⁽⁶²⁾ những ngày còn xanh.
681 Cũng đừng tính quẩn, lo quanh,
Tan nhà là một, thiệt mình là hai.”
683 Phải lời ông cũng êm tai,
Nhìn nhau giọt ngắn, giọt dài ngổn ngang.
685 Mái ngoài họ Mã vừa sang,
Tờ hoa⁽⁶³⁾ đã ký, cân vàng mới trao !
687 Trắng già⁽⁶⁴⁾ độc địa làm sao
Cầm dây chẳng lựa, buộc vào tự nhiên !
689 Trong tay đã sẵn đồng tiền,
Mặt lòng đổi trắng thay đen khó gì⁽⁶⁵⁾
691 Họ Chung ra sức giúp vì !
Lễ tâm⁽⁶⁶⁾ đã đặt, tụng kỳ⁽⁶⁷⁾ cũng xong.

GIẢO ĐÌNH - XÁC ĐỊNH

Câu 586 – Giậm là cái vợt to đan bằng tre để đơm cá. Miệng giậm hình bán nguyệt dài chừng gần 2 m, buộc ngang trên đầu cái cán dài. Khi bắt cá, người ta cầm đầu kia cán, đặt nghiêng miệng giậm xuống phía ngoài một góc ao cá rồi lấy chân luà cá vào giậm mà nhấc lên. Giậm là một thứ lưới rộng để bắt chim. Người ta đặt lưới ở chỗ ruộng mới gặt xong, rồi đặt chim mồi và rắc những ré lúa còn thóc để dụ đàn chim trời xuống ăn, mà bất kỳ giật lưới úp bắt. Ta hay nói “đơm giậm đặt giậm” là đơm đặt để nói bày mưu kế mà vu người mắc vào tội vạ. Câu Kiều này cốt ý ở hai chữ “đơm đặt” bỗng đứng ra tội vạ cho người.

Câu 646 – Chữ *nghe*t bản Nôm in là *ngat* và nghĩa là xúi, là dõ. Vì chữ này ít dùng, ít người biết chính âm là gì, nên mỗi người phiên âm một khác : là *ngặt* là *dốp* đều xa nguyên âm chữ “ngat” cả. Chỉ có chữ *nghe*t là vừa đúng âm đúng nghĩa. Dân quê ta thường dùng chữ “nghe” để nói khi nhà gặp cơn vận hạn túng bần. Ví dụ như người khát nợ nói : “Nhà tôi đạo này vận hạn mãi, thật tình nghe quá, vậy xin ông khoan hạn ít lâu, tôi sẽ xin trả đủ dần.”

Câu 665 – Chữ *sưởi* này bản Nôm cũ in là thủy bên *suế*. Chữ *suế* là lông tơ súc vật cũng ít dùng nên ít người biết. Hồi năm 1947, cụ huyện Phù Lưu Hoàng Mộng Lệ tản cư về nhà tôi ở làng Hương Mặc, thường hay bàn truyện Kiều với tôi.

Một hôm cụ nói với tôi : “Tôi khảo cứu truyện Kiều đã 50 năm nay rồi, mà có một chữ tôi vẫn không hiểu đọc là gì cho đúng. Đó là chữ chấm thủy bên ba chữ mao” rồi cụ giở cuốn Kiều Nôm cũ chỉ cho tôi xem chữ này. Tôi liền giở Khang Hy tự điển ra tra, nói chữ đó âm là *suế*. Tôi nghĩ một hồi rồi nói với cụ : “Có lẽ là chữ *sưởi* do chữ *suối* đọc trạnh ra và nghĩa là chảy ra như *sưởi*”. Cụ bật cười nói : “Tôi cũng nghĩ thế mới đúng” rồi cụ nói tiếp : “Thế mà các nhà tái bản họ không biết, họ đổi bù ra *sối*, ra *chảy*, ra *rội*, thật mất cả hay”.

Cụ có hẹn tôi sẽ đọc cho tôi chép lại nguyên văn bản Kiều cũ nhất của cụ. Nhưng chưa kịp thì cụ mắc bệnh lý rồi chết. Vậy đây xin ghi mấy lời làm kỷ niệm.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Chín hồi** – là 9 khúc ruột, do chữ Hán là Cửu hồi trường dịch ra. Cổ nhân cho trong bụng chủ trường sự tu tưởng mà trong bụng thì có chín khúc ruột xếp thành chín lần.

2. **Trông chừng khói ngất song thưa** – câu này dịch ở câu cổ chữ Hán : Sơ song chỉ kiến yên cao – *Trông ra ngoài cửa sổ có những trăn song thưa, chỉ thấy khói cao*. Ý nói trông chẳng thấy bóng Kim Trọng đâu, chỉ thấy khói bốc cao mù mịt.

3. **Ngoại hưởng** – là làng bên họ ngoại.

4. **Sai nha** – bọn lính tráng ở toà án sai về.

5. **Người nách thước, kẻ tay đao** – những lính tráng quan sai về dân trước thường võ trang bằng tay thước và mã tấu. Tay thước là một thanh gỗ dài độ 1m, rộng độ 4cm và dày độ 2cm, bào nhẵn, sơn bóng, một đầu dùi lỗ xâu dây để đeo lên vai được và cặp vào nách. Mã tấu là thứ dao to của lính mang để làm nghi vệ và để đánh nhau.

6. **Đầu trâu mặt ngựa** – sách *Khuyến thiện* xưa nói ở toà Diêm Vương dưới âm phủ có những lính quỷ sứ đưa thì đầu trâu có hai sừng, đưa thì mặt ngựa mõm dài, đều rất dữ dội tàn ác.

7. **Già giang** – chữ Hán già là cái gông đeo vào cổ, giang là cái cùm khoá vào hai tay. Đây dùng làm động từ, nói đóng gông, đóng cùm vào Vương Ông và Vương Quan.

8. **Dây vô loại, thâm tình** – vô loại là không nhân đức như loài người. Dây vô loại là cái dây tàn ác chỉ để trói người, tức là cái thừng cái chạc của lũ sai nha vô nhân đạo. Thâm tình là hai bố con họ Vương.

9. **Tiếng ruồi xanh** – Kinh Thi có câu : *Sương nhăng chi thanh – Tiếng ồng ồng của đàn ruồi xanh, ruồi nhặng*. Ý nói tiếng lũ tiểu nhân tham lam bẩn thỉu thét lác ồm ồm như đàn nhặng.

10. **Đồ tế nhuyễn** – chữ Hán tế là nhỏ, nhuyễn là mềm. Đồ tế nhuyễn là những đồ bé nhỏ mà Quý báu như tiền, đồ vàng bạc dễ lấy, dễ giấu hay những đồ mềm dẻo dễ vò cuốn gói bọc mang đi như lụa gấm quần áo.

11. **Túi tham** – chữ Hán có câu : Tham lam vô độ – *Túi tham không có đáy*.

12. **Xung xuất** – là gọi tên ra, nghĩa là người tù tội nó gọi tên ai ra là đồng đảng với nó. Thường lũ làm việc quan tham những vấn bất kể tù gọi tên vu cho ai để làm tiền hay báo thù.

13. **Thằng bán tơ** – Triều nhà Minh nước Tàu rất ghét nước Nhật, muốn hãm nền kỹ nghệ Nhật, nhất là nghề dệt tơ lụa của Nhật, nên cấm dân bán nguyên liệu cho Nhật, ai phạm tội này phải tử hình. Nhưng vì người Nhật mua tơ rất đắt, nên vẫn nhiều người bán tơ lậu cho Nhật. Một người buôn lậu tơ với Nhật bị nhà chức trách theo dõi, có vào dự bữa tiệc thọ, ngồi ăn với bố con Vương Ông. Khi ra bị bắt, nhân thấy nhà Vương Ông cũng hơi giàu, bọn tham quan ô lại mới bắt nó tiêu xúng là buôn tơ chung với bố con họ Vương, để họ lấy cớ bắt oan mà làm tiền.

14. **Tiếng oan rầy đất** – là tiếng kêu oan rung động cả đất.

15. **Án ngờ loa mây** – là làm tội người một cách oan ức, không coi pháp luật và trời đất ra gì. Sách Nho có chữ chê bọn gian lại là : Nhất thủ giả thiên nghĩa là một bàn tay của kẻ gian lại che kín được cả trời, làm cho kẻ bị tội oan như vướng mây không thể kêu lên trời được.

16. **Hạ từ** – là dùng những lời chịu hạ mình xuống bực thấp hèn để kêu van cho bọn sai nha thưởng.

17. **Điếc tai lân tuất** – lân tuất là thương xót người khổ. Tai lân tuất là tai nghe người khổ kêu thì biết thương xót. Lũ sai nha này nghe người khổ kêu van nó chẳng thương chút nào, như nó điếc.

18. **Phũ tay tối tàn** – tối tàn là đánh tới bởi tàn bạo. Phũ tay tối tàn là cái tay đánh người tàn ác thì thật phũ phàng.

19. **Giường cao, dây oan** – chữ giường đây là cái sà ngang cao nhất ở gian giữa nhà, hai đầu giường đóng vào đầu hai cột cái. Dây oan ý than thở nói cái dây thùng dây chảo dài dùng để trói, để treo làm đau đớn oan khổ người ta.

20. **Một ngày** – đây nghĩa là đã từ lâu rồi, xưa nay cái lũ sai nha nó tàn ác thế, chứ đâu phải mới có một ngày như thế.

21. **Khốc hại** – là dữ độc tàn hại.

22. **Ngộ biến tông quyền** – ngộ biến là gặp lúc tai biến xảy ra bất thường. Tông quyền nghĩa đen là theo cái căn căn, nghĩa rộng ra việc đời là : gặp việc gì bất thường xảy ra, ta phải suy nghĩ kỹ, như dùng cái cân mà nhắc lên xem đằng nào nặng hơn thì theo.

23. **Đức cù lao** – cù lao là khó nhọc. Đức cù lao là công đức cha mẹ nuôi con khó nhọc. Kinh Thi có câu : Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao – *Thường thay, thường thay, cha mẹ nuôi sống ta khó nhọc.*

24. **Thệ hải minh sơn** – thệ là lấy lời nói mà thề, minh là giót chén rượu cúng khấn, rồi thề và cùng uống với nhau. Tình sử có câu Hải thệ sơn minh – *Chỉ bể mà ngỏ lời thề, chỉ núi mà uống rượu thề, bao giờ núi mòn hết đá, bể cạn hết nước thì lời thề mới tan.*

25. **Sinh thành** – sinh là đẻ ra và nuôi cho sống. Thành là chăm nom dạy bảo con nên người.

26. **Đẽ cho đẽ thiếp bán mình chuộc cha** – câu này Kiều nói tạ từ Kim Trọng và nghĩa là : xin chàng hãy nén lòng, đừng giận trách thiếp mà cho thiếp được bán mình để chuộc đời của cha.

27. **Lại già** – chữ Hán là lão lại, là người làm việc giấy tờ đã lâu ở văn phòng các quan toà.

28. **Nha dịch** – là những người làm việc ở văn phòng các quan hành chính, toà án.

29. **Lạng** – hay lượng, là một đơn vị của phép cân tạ, nặng chừng 37,5 g. Xưa kia ta chỉ đúc tiền bằng đồng, bằng kẽm để tiêu, còn bạc hay vàng thì để vụn, mỗi khi tiêu phải dùng cân con mà cân. Trong sách Tầu hay sách ta thường hay nói nghìn vàng, tức là nghìn lạng bạc, không phải nghìn lạng vàng.

30. **Tạm phó giam** – ngoài nghĩa là ông họ Chung bảo đảm đem Vương Ông và Vương Quan về giữ tạm ở nhà ông để đợi xét xử, chứ không phải bị gông cùm ở trong ngục nữa.

31. **Quy liệu** – là lo chạy đúng hạn cho đủ số tiền đem nộp.

32. **Vạ gió tai bay** – chữ Hán là : Hoành họa phi tai – *Tai vạ bỗng dưng xảy ra như gió đưa đến.*

33. **Tử biệt sinh ly** – tử biệt là chia rẽ nhau bởi kẻ chết, người sống; sinh ly là liã rẽ nhau bởi người ở nhà, kẻ phải bỏ nhà ra đi, lúc còn sống.

34. **Hạt mưa** – nghĩa bóng chữ hạt mưa đây là thân phận con gái. Vì phong dao ta có câu nói về con gái rằng : *Thân em như hạt mưa rào, Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa*. Ý nói cô nào số tốt thì như hạt mưa rơi vào vườn hoa, vừa sạch sẽ vừa thơm tho; cô nào xấu số thì như hạt mưa rơi xuống giếng, tối tăm, chìm đắm chẳng ai ngó đến nữa.

35. **Đem tấc cỏ đến ba xuân** – thơ thi sĩ Mạnh Giao đời Đường có câu : *Thùy ngôn thốn thảo tâm, Báo đáp tam xuân huy – Ai bảo tấc ruột cỏ, báo đáp lại được khí sáng tốt đẹp ba tháng mùa xuân*. Trước kia ta dùng bắc ở ruột cỏ để làm môi đốt đèn dầu hột.

Có khí sáng đẹp ba tháng xuân thì cỏ mới lên được, nói ví : Có công cha mẹ sinh dưỡng thì con mới thành người được. Vậy con phải hết lòng báo đáp công cha mẹ cũng như cỏ nọ đem ruột bắc ra đốt đèn soi sáng để báo đáp lại khí sáng mùa xuân.

36. **Sự lòng** – do chữ tâm sự, là việc mình định làm ở trong bụng.

37. **Băng nhân** – chữ Hán là người đứng ở trên làn nước đá. Nghĩa bóng là người làm mối. Xưa có người nằm mơ thấy mình nói chuyện với một người đứng ở trên băng, mới nhờ người đoán hộ xem là điềm gì, thì thấy đoán mộng cho biết là điềm sắp có người làm mối vợ cho, vì người đứng ở trên mặt băng là dương, bóng người đó ở dưới mặt băng là âm, tức là nối âm dương liền với nhau. Sau quả nhiên được người làm mối vợ cho thật.

38. **Tin sương** – chữ Hán là sương tin, *tin trời báo trước là sắp có mùa sương mù đến*, như thấy chim le chim sếu ở phương Bắc bay về, thì liệu sắp sửa mọi sự phòng rét. Đây nói tin Kiều định bán mình đồn vang đây đó.

39. **Viễn khách** – là người khách lạ ở phương xa đến.

40. **Vấn danh** – trong việc cưới xin của Tàu trước có sáu lễ :

- Nạp thái – *ngỏ lời kén chọn*, tức là lễ giạm của ta.
- Nạp cát – *nhận lời cho biết là tốt đôi*.
- Vấn danh – *hỏi tên tuổi dâu rể để hai bên làm lễ cáo tổ tiên*
- Nạp trưng – *dẫn đồ cưới*, ta gọi là dẫn cưới.
- Thỉnh kỳ – *xin nhà gái định ngày cưới là hôm nào*, ta gọi là xin cưới.

- Thân nghinh – *nhà trai đón dâu về*.
Còn nhà gái thì gọi là Vu quy – *đưa con về nhà chồng*.

41. **Lâm thanh** – là một huyện ở gần Bắc Kinh, còn quê thật Mã Giám Sinh thì ở huyện Lâm Chi, rất xa. Nhưng hai chữ tên hai huyện này thì viết chỉ khác nhau có nửa chữ.

Mã Giám Sinh nói dối có hai mục đích lừa nhà gái, vừa để nhà gái tưởng gần dễ bằng lòng, vừa để sau này khó tìm, khỏi sinh kiện cáo. Vì vậy sau này Kim Trọng tìm mãi mười mấy năm không thấy Kiều ở đâu.

42. **Quá niên** – là đã đứng tuổi đã quá tuổi thanh niên, nhưng chưa già.

43. **Sổ sàng** – là trớ tráo, thô bỉ không có lễ độ lịch sự.

44. **Lệ hoa** – là nước mắt đầm đìa ở trên mặt nàng như những giọt mưa đọng ở đoá hoa ủ rũ dưới mưa.

45. **Ngừng hoa bóng thẹn** – nghĩa là vừa ngại ngừng dở đi dở đứng, vừa nhìn xuống đầy hoa thấy bóng mình ở trên hoa mà thẹn với hoa. Trước kia thấy bóng mình lẫn với hoa thì vui đẹp thế, mà bây giờ thấy bóng mình như bị hoa nó miả mai.

46. **Nét buồn thu cúc, điệu gầy như mai** – câu này theo ý câu chữ Hán : Dung đậm như cúc, cách xấu như mai – *Vẻ mặt buồn nhạt như hoa cúc, hình dạng khô gầy như cành mai*, tả vẻ buồn của cô gái thanh tao lịch sự tuyệt hạng mà gặp cảnh ê chề nhục nhã, tuy buồn rầu gầy vồ mà vẫn nguyên vẻ thanh cao.

47. **Dặt dìu** – là lời nói đắn đo, lựa ý mà tùy cơ mà cả.

48. **Lam Kiều** – là nơi có núi Lam Điền trồng ngọc, là nơi tiên ở.

49. **Sính nghi** – là lễ cưới, là đồ dẫn cưới.

50. **Ngã giá** – là mà cả đã thành giá, đôi bên cùng thoả thuận.

51. **Êm giãm** – tục ngữ nói : “Buông tay giãm, cầm tay lái” nghĩa là khi lái dò mà cả với khách hàng đã thành giá rồi, thì bỏ tay giữ cái hãm thuyền ra, cầm lấy mái chèo để cho thuyền đi.

52. **Canh thiếp** – là tờ thiếp biên niên canh, tức là tuổi năm đẻ và tên của hai dâu rể.

53. **Tiền lưng** – là tiền sẵn có ở trong tay để lo mọi việc.

54. **Khất từ tạm linh** – làm đơn xin mang tạm Vương Ông về nhà.

55. **Trao tơ, gieo cầu** – sách Thiên Bảo Dị Sử chép : “ông Trương Gia Trinh đời Đường có năm con gái, muốn gả một cô cho Quách Nguyên Trấn là một thanh niên tài mạo hơn người. Ông đưa cho mỗi cô cầm đầu một sợi chỉ to dài màu khác nhau, ngồi ở nhà trong, rồi ông dòng các sợi tơ đó ra nhà ngoài, bảo Nguyên Trấn chọn lấy một sợi, đúng sợi cô nào thì lấy cô ấy. Nguyên Trấn rút sợi màu đỏ, lấy được cô thứ ba là cô đẹp nhất.” Đó là tích *trao tơ*.

Sách Tam Hợp Bảo Kiếm chép : “Vua Hán Vũ Đế muốn kén Phò Mã. Cho Công chúa ngồi trên lầu, ném một quả cầu bằng gấm thêu xuống lũ con trai vua đã kén, đi lại ở dưới, tin người nào thì người ấy được làm Phò Mã.” Đó là tích *gieo cầu*.

56. **Vu thác** – là đặt ra tội mà vu cho người ta phải chịu.

57. **Một lần** – đây là một lần chết.

58. **Nàng Oanh** – truyện Liệt Nữ của Lưu Hưởng chép : Đời vua Hán Văn Đế, Thuần Vu Ý bị tội tử hình. Con gái Ý là nàng Đề Oanh dâng thư lên Vua xin nộp mình vào quan tỳ – *đưa ở suốt đời một sở công*, để chuộc tội cho cha. Vua xem thư rất thương, liền tha cho cha nàng và hạ chiếu bỏ tội chết.

59. **Ả Lý** – sách Tùng Thư đời Đường chép : nàng Lý Ký nhà nghèo tình nguyện bán mình làm lễ cúng thần rắn để lấy tiền nuôi cha mẹ. Sau nàng giết được rắn thần và lấy được vua Việt Vương.

60. **Cội xuân, tuổi Hạc** – nghĩa bóng là cha già làm cội gốc cho gia đình. Theo Trang Tử nói : “Cây xuân sống rất lâu, lấy 8000 năm làm mùa xuân, 8000 năm làm mùa thu” nên trong văn chương gọi cha là xuân đường (nhà xuân hay nhà thông) để tỏ ý chúc mong cha sống lâu mãi mãi.

Người xưa nói chim hạc và con ruà đều sống hàng nghìn năm, nên trong văn chương gọi tuổi già là hạc toán – *tuổi hạc* hay quy linh – *tuổi ruà*.

61. **Lòng tơ** – là lòng vương vít vì tình.

62. **Chẳng đỡ** – là chẳng nuôi được, chết ngay từ lúc mới đẻ.

63. **Tờ hoa** – là tờ văn tự bán Kiều, viết bằng giấy hoa tiên – *một thứ giấy viết thư có in hình cảnh hoa đào*.

64. **Trăng già** – do chữ nguyệt lão dịch ra, tức là nguyệt hạ lão nhân, ông già ngồi dưới trăng se chỉ kết duyên vợ chồng cho mọi người.

65. **Đổi trắng thay đen** – đây là câu tục ngữ để nói lũ tham quan ô lại bỗng dưng buộc tội cho người để dọa nạt làm tiền, thế là đổi trắng ra đen; khi đã được tiền rồi thì lại xoá tội đi, thế là đổi đen ra trắng.

66. **Lẽ tâm** – là cửa đút lót thầm kín.

67. **Tụng kỳ** – là việc kiện cáo phải đến hầu kiện ở toà án.

đoạn VIII

nhờ em giả nghĩa
mắc bọm buôn hoa

lễ tâm
đã đặt,
tụng kỳ
cũng xong.

- 693 Việc nhà đã tạm thông dong,
Tinh kỳ ⁽¹⁾ giục giã hầu mong độ về.
695 Một mình nường ngọn đèn khuya,
Áo dầm giọt tủi, tóc se mái sầu.
697 Phận dầu, dầu vậy cũng dầu ⁽²⁾
Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời
699 Công trình kể biết mấy mươi,
Vì ta khăng khít ⁽³⁾ cho người dở dang ⁽⁴⁾
701 Thề hoa ⁽⁵⁾ chưa ráo chén vàng,
Lỗi thề, thôi đã phụ phàng với hoa !
703 Trời Liêu ⁽⁶⁾ non nước bao xa,
Nghĩ đâu rẽ cửa, chia nhà tự tôi !
705 Biết bao duyên nợ thề bồi,
Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì !
707 Tái sinh ⁽⁷⁾ chưa dứt hương thề,
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai ⁽⁸⁾
709 Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan ⁽⁹⁾
711 Nỗi riêng riêng những bàn hoàn,
Dầu chong trắng đĩa ⁽¹⁰⁾ lệ tràn thấm khăn.
713 Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han :
715 “Cớ trời dẫu bể đa đoan ⁽¹¹⁾
Một nhà để chị riêng oan một mình.
717 Cớ chi ngồi nhẩn tàn canh,
Nỗi riêng còn mắc với tình chi đây ? ”
719 Rằng : “Lòng rộn rã thức đày,
Tở duyên còn vướng mối này chưa xong.
721 Hé môi ra cũng thẹn thùng,
Để lòng thì phụ tấm lòng với ai!
723 Cậy em, em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa

- 725 Giữa đường đứt gánh tương tư⁽¹²⁾
Keo loan⁽¹³⁾ chấp mối tơ thừa mặc em.
- 727 Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
- 729 Sự đâu sóng gió bất kỳ,
Hiếu, tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.
- 731 Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ, thay lời nước non.
- 733 Chị dầu thệt nát xương mòn,
Ngậm cười chín tuổi⁽¹⁴⁾ hãy còn thơm lây.
- 735 Chiếc vành với bức tờ mây⁽¹⁵⁾
Duyên này thì giữ, vật này của chung.
- 737 Dù em nên vợ, nên chồng,
Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên.
- 739 Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa⁽¹⁶⁾
- 741 Mai sau, dầu có bao giờ,
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.
- 743 Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
- 745 Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ liễu, đền nghì trúc mai.
- 747 Dạ đài⁽¹⁷⁾ cách mặt khuất lời,
Rảy xin chén nước cho người thác oan !
- 749 Bây giờ trâm gãy gương tan⁽¹⁸⁾
Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân !
- 751 Trăm nghìn gửi lạy tình quân⁽¹⁹⁾
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi !
- 753 Phận sao phận bạc như vôi !
Đã đành nước chảy, hoa trôi lỡ làng⁽²⁰⁾
- 755 Ôi Kim lang ! Hỡi Kim lang !
Thôi thôi, thiếp đã phụ chàng từ đây !”

- 757 Cạn lời, hôn ngất máu say,
 Một hơi lặng ngắt, đôi tay lạnh đông.
 759 Xuân, huyên chợt tỉnh giấc nồng,
 Một nhà tấp nập, kẻ trong người ngoài.
 761 Kẻ thang, người thuốc bồi bồi,
 Mới tan cơn vùng, chưa nguôi giọt hồng⁽²¹⁾
 763 Hỏi : “Sao ra sự lạ lòng ?”
 Kiều càng nức nở, nói không ra lời.
 765 Nỗi nàng, Vân mới rỉ tai :
 “Chiếc thoa này với tờ bồi ở đây !
 767 Này cha làm lỗi duyên may,
 Thôi thì việc ấy sau này đã em !
 769 Vì ai rụng cải rơi kim⁽²²⁾
 Để con bèo nổi mây chìm vì ai ?⁽²³⁾
 771 Lời con dặn lại một hai,
 Dầu mòn bia đá, dăm sai tấc vàng ! ”⁽²⁴⁾
 773 Lạ thôi, nàng lại rén chường :⁽²⁵⁾
 “Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
 775 Sá chi thân phận tôi đòi,
 Dầu rằng xương trắng quê người, quản đâu ! ”
 777 Xiết bao kẻ nổi thảm sâu !
 Khắc canh⁽²⁶⁾ đã giục nam lâu⁽²⁷⁾ mấy hồi.
 779 Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
 Quản huyền⁽²⁸⁾ đâu đã giục người sinh ly !
 781 Đau lòng kẻ ở, người đi,
 Lệ rơi thấm đá⁽²⁹⁾ tơ chia rũ tằm⁽³⁰⁾
 783 Trời hôm mây kéo tối rầm⁽³¹⁾
 Dầu dầu ngọn cỏ, dầm dầm cành sương.
 785 Rước nàng về đến trú phường⁽³²⁾
 Bốn bề xuân tỏa, một nàng ở trong.
 787 Ngập ngừng then lục e hồng⁽³³⁾
 Nghĩ lòng lại xót xa lòng đôi phen.

- 789 Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
Hoài công nằng giũ mưa gìn với ai !
791 Biết thân đến bước lạc loài⁽³⁴⁾
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung !
793 Vì ai ngăn đón gió đông⁽³⁵⁾
Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi.
795 Trùng phùng⁽³⁶⁾ dầu họa có khi,
Thân này thôi có còn gì mà mong !
797 Đã sinh ra số long đong,
Còn mang lấy kiếp má hồng được sao ?
799 Trên yên sẵn có con dao,
Giấu cầm nàng đã gói vào chéo khăn.
801 Phòng khi nước đã đến chân⁽³⁷⁾
Dao này thì liệu với thân sau này.
803 Đêm thu, một khắc một chầy⁽³⁸⁾
Bâng khuâng như tỉnh, như say một mình.

GIẢI ĐÌNH - XÁC ĐỊNH

Câu 694 – Chữ *độ* về có bản in là *trở về*. Xét chữ *độ* sát nghĩa với chữ *tình* kỳ hơn : kỳ là hẹn, độ là lúc – lúc hẹn về.

Câu 706 – Có bản in là “Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì”, mới nghe thì tưởng là hay thì cũng như nhau cả. Nhưng suy luận thì thấy “Kiếp này thôi thế là thôi còn gì” có ý than tiếc sâu xa hơn vì mình vô tội trong việc phụ tình. Nếu để là “Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì” thì có ý mình hối hận là mình đã phạm lỗi.

Câu 721 – Chữ *hé* câu này, bản Nôm viết khẩu bên chữ hứa cũng có thể đọc là *hở*. Bởi vậy các bản Quốc ngữ đều dịch là “hở môi”. Nhưng “hở môi” mới là nói những điều thâm vụng đáng thẹn của mình cho người khác biết. Còn “hở môi” thì lạc nghĩa ở đây. Ta chỉ dùng “môi hở răng lạnh” để nói làm mất người che chở cho mình, tức là làm hại mình.

Câu 726 – Chữ *keo loan* nhiều bản Quốc ngữ để là *giao loan*. Nguyên chữ Hán giao là keo, mà chữ Nôm cũng viết keo là giao. Keo loan là thứ keo nấu bằng xương con phượng mái (loan). Nếu nói chữ Nho thì phải nói là “loan giao”, nhưng nếu tiếng Nôm Việt ta thì phải nói là “keo loan” mới đúng.

Câu 730 – Chữ *khôn* này các bản Nôm cũ thường in là *có*, đó là theo lối văn cổ trước thường nói có tức là không thể có được. Nhưng chắc người sau thấy lối nói này cổ quá, khó hiểu nên đổi ra là khôn cho thông thường dễ hiểu.

Câu 762 – Chữ *ngươi* này nhiều bản để là *giọt hồng*, tôi e vô nghĩa, vì giọt hồng đây là nước mắt, chứ đâu phải màu đỏ mà phai được, hoặc giả nghĩa là nước mắt vẫn tràn trề thê thảm như đỏ máu, nhưng nghe nghĩa khác khổ quá, khó hiểu.

Câu 796 – Chữ *còn gì* có bản in là *ra gì*. Xét ra chữ “còn gì” mới sát nghĩa với tình lý tiếc tấm thân trong trắng lúc này. Còn chữ “ra gì” không ăn nghĩa chút nào với sự tiếc thân hiện tại.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Tinh kỳ** – là giờ đón dâu về nhà rể. Hôn lễ nói: Hôn giả kiến tinh nhi hành. Nghĩa là lễ cưới thấy sao mọc, mới đưa dâu đi. Vì dâu là con gái thuộc về âm, nên rước dâu ban đêm mới hợp lẽ trời.

2. **Phận dầu dầu vầy cũng dầu** – nghĩa hai câu lục bát này là Kiều nghĩ: phận mình dù đau khổ sao cũng đành chịu vầy, chỉ thương xót cho chàng Kim, rồi cố giữ mãi lời thể khẳng khí với mình mà dở dang suốt đời.

3. **Khăng khít** – là thể bồi gắn bó chặt chẽ với nhau lắm.

4. **Dở dang** – là không lấy ai nữa, thành cả đời không vợ con.

5. **Thể hoa** – là lời thể viết trên giấy hoa tiên.

6. **Trời Liêu** – là đất Liêu Dương, nơi Kim Trọng đi hộ tang. Nói trời Liêu là tỏ ý xa thăm ở tận chân trời.

7. **Tái sinh** – là kiếp thứ hai, tức là kiếp sau.

8. **Làm thân trâu ngựa đến nghè trúc mai** – câu này lấy điển ở câu chuyện sau: Một người vay của bạn một số tiền to để đi buôn, không may thua lỗ mất hết cả, tuy bạn không đòi, nhưng anh ta vẫn ân hận mãi và lúc gần chết vẫn nhắn lại bạn là sẽ trả. Được ít lâu, bỗng một hôm người bạn mơ thấy anh ta vui vẻ đến trả nợ. Sáng sau, người bạn thấy con trâu nái nhà mình đẻ một con trâu đực con rất mập mạp, biết là bạn đến trả nợ, chăm nuôi rất tử tế. Con trâu lớn lên rất ngoan, kéo cày rất khoẻ.

Mỗi khi trâu mệt, kéo cày có ý chểnh mảng, thợ cày nói đến nợ thì trâu lại cố kéo. Người chủ thấy vậy rất thương tình. Một tối nợ mới bảo trâu rằng: “Bác trả nợ tôi thế là hết rồi, từ mai không phải đi làm nữa, ở đây chơi với tôi cho vui.” Sáng hôm sau, trâu chết lúc nào không ai biết. Người chủ chôn cho tử tế.

9. **Khối tình** – Tình sử chép: Một cô gái phải lòng một chàng lái buôn thuyền đỗ ở bến trước nhà, sớm tối mê mết về tiếng sáo chàng thổi. Sau chàng chở thuyền đi nơi xa không về, cô tưởng tư ốm nặng, rồi gọi mãi tên chàng mà chết. Cha mẹ đem hoá táng, xương thịt cháy hết, mà còn lại một cục rất cứng trong như ngọc, trong đó có hình người lái thuyền thổi sáo. Cha mẹ giữ lại để thờ.

Khi người lái buôn trở lại nghe chuyện vào hỏi thăm, thương cô lắm, cầm khối ngọc đó mà khóc, nước mắt giỏ vào khối tình ấy tan ra thành máu.

10. **Dầu chong trắng đĩa** – là đèn đốt chong chong mãi không tắt dầu cạn hết, hồ trắng cả chôn đĩa.

11. **Đa đoan** – đoan là đầu mối sợi tơ, sợi chỉ. Người ta ví việc trời như một mớ tơ có nhiều đầu mối, khó tìm được đầu mối sợi nào ở chỗ nào. Việc trời định cũng vậy, thật là lằng trờ, ta khó biết trước để tìm lối tránh.

12. **Giữa đường đứt gánh** – tục ngữ ta có câu : Không may đòn đứt gánh giữa đường để nói sự vợ chồng phải liã rẽ nhau lúc đương thì, nhất là chỉ sự vợ chồng kẻ chết người còn. Bởi vậy những đòn gánh gãy hay quang đứt bỏ giữa đường không ai dám nhặt.

13. **Keo loan** – keo nấu bằng xương chim loan (con phượng mái). Hán Thư nói : có người Hán Vũ Đế thứ keo này để gắn dây cung hay đàn đứt. Một hôm Vua đi săn, dây cung đứt, Vua sai lấy keo này gắn lại, quả nhiên lại bắn được như thường, và gắn dây đàn đứt lại được như cũ. Văn sĩ sau mới dùng chữ : Loan giao tục huyền – *Keo loan nối dây đàn đứt* để chỉ sự vợ chết hay chồng chết lại lấy vợ khác, chồng khác.

14. **Ngậm cười nơi chín suối** – nghĩa là dầu chết xuống âm phủ cũng vẫn được vui lòng. Chữ Hán là : Hàm tiếu cửu tuyền.

15. **Chiếc vành, Tờ mây** – tức là chiếc xuyến vàng Kim Trọng gói vào chiếc khăn hồng đưa cho Kiều với chiếc thoa (câu 354).

Tờ mây do chữ vân tiên – vân là mây, tiên là tờ giấy đẹp để viết thơ văn. Vân tiên là giấy có in hình mây hoa nên cũng gọi là hoa tiên. Đây tức là bài văn khấn hôm thề ước.

16. **Mảnh hương nguyên** – là mảnh gỗ trầm đốt trong lư hương cúng thể còn giữ lại làm kỷ niệm (xem câu 446).

17. **Dạ đài** – là nền đêm, tức là chốn âm phủ như cửu nguyên.

18. **Trâm gãy gương tan** – tục xưa bên Tàu, lúc vợ chồng hay đôi tình nhân phải liã rẽ nhau vì biến loạn, thường bẻ chiếc trâm gài đầu, mỗi người giữ làm kỷ niệm và so lại khi tái ngộ xem đúng không, cho có chứng cớ.

19. **Tình quân** – nghĩa như tình lang nhưng trân trọng hơn.

20. **Nước chảy hoa trôi** – do chữ : Lưu thủy lạc hoa – *Cái hoa ở cây rừng rụng xuống dòng suối chảy, trôi đi không bao giờ về lại gốc cây cũ nữa.* Ý nói người đàn bà con gái lưu lạc nay đây mai đó không tìm được về quê cha mẹ nữa.

21. **Giọt hồng** – xưa có người con gái bị kén vào làm Cung phi, nhớ cha mẹ khóc nhiều nước mắt quá phải lấy chậu hứng. Nước mắt nàng đông lại thành màu đỏ như máu. Văn sĩ sau dùng chữ giọt hồng để nói nước mắt khóc thảm thiết.

22. **Rụng cái rơi kim** – sách Nho có câu : Hổ phách thập giới, từ thạch dẫn châm – *Ngọc hổ phách hút hột cải, đá nam châm hút kim sắt.* Câu Kiều này nói vì ai đã làm cho hổ phách phải bỏ hột cải rụng xuống, đá nam châm phải bỏ rơi kim. Ý là vì ai đã vu thác để làm cho Kiều phải cắt duyên với Kim Trọng.

23. **Bèo nổi mây chìm** – bèo nổi là lưu lạc đây đó như cánh bèo trên mặt sóng. Mây chìm sa ngã đoạ đây như bóng mây ở dưới đáy nước.

24. **Tấc vàng** – là tấm lòng thành thật, giữ bền lời hứa hẹn.

25. **Rén chuông** – Rén là đáng thông thả, giọng sẽ sàng. Chuông hay chiêng tức là trình. Ta thường nói trạnh tiếng *trình* ra tiếng *chiêng* hay *chuông* như mấy câu ca dao : “Chiêng làng, chiêng phe, nghe tôi giáo trâu. Lúa tốt bằng đầu, Cò bay thẳng cánh...” hay như “Anh cả đi cấy, Chị cả đem cốm, Ra bờ xới xới dóm dóm, Chuông anh hãy nghỉ ngơi cốm em về”.

26. **Khắc canh** – Khắc là những vạch khắc ở trên mũi tên chia thì giờ đựng trong đồng hồ bằng nước thời cổ. Nước rõ đầy dần, nâng mũi tên lên cao lên hỏ dần từng khắc chỉ canh. Lối canh ở các đồn trại lính trước chia đêm làm 5 canh, mỗi canh lâu 2 giờ đồng hồ bây giờ. Từ 7h tối đến hết 8h là canh một; từ trống cầm canh đánh một tiếng, gọi là canh một. Rồi tiếp tục từ 9h tối đến hết 10h là canh hai, trống đánh hai tiếng...Lúc hết 5h sáng là hết canh 5, thì hồi trống tan canh.

27. **Nam lâu** – là lầu cầm canh ở phía Nam thành, tức là lầu cầm canh chính ra hiệu trống cho các lầu khác đánh theo.

28. **Quản huyền** – quản là ống tức là sáo, huyền là dây, tức là đàn. Quản huyền là tiếng đàn sáo bát âm.

29. **Lệ rơi thấm đá** – là nước mắt khóc nhiều rơi xuống làm ướt cả đá ở mặt đường.

30. **Tổ chia rũ tằm** – là đau thương quá héo quắt cả ruột gan như con tằm kéo hết tơ, mình tằm là rũ xuống như chết.

31. **Trời hôm mây kéo tối rầm** – câu này dùng chữ trời hôm để tả thêm cảnh thảm đạm cuộc chia ly và lấy ý ở câu thơ cổ : Hoàng hôn dục vũ hắc như lam – *Cảnh buồn như lúc sắp tối, trời giờ mưa trông đen xám như màu lam.*

32. **Trú phường** – là nhà trọ có một dãy buồng riêng nhau cho người thuê ít lâu.

33. **Thẹn lục e hồng** – chữ lục đây là lông mày do chữ lục liễu (lông mày tươi xanh như lá liễu) và chữ hồng là má đào do chữ hồng nhan. Thẹn lục e hồng là trông thấy mày mặt mình mà thẹn với mày mặt mình, tiếc cho mày mặt mình.

34. **Lạc loài** – là gặp bước ê chề nhục nhã.

35. **Vì ai ngăn đón gió đông** – Kiều nghĩ hối hận cái lúc sống tình xiêu xiêu, âu yếm có chiều lả lơi, sao mình lại ngăn lại.

36. **Trùng phùng** – là gặp lại lần sau.

37. **Nước đã đến chân** – ta vẫn hay nói câu : phải phòng bị từ trước, chớ để nước đến chân mới nhảy thì không kịp nữa.

38. **Đêm thu một khắc một chầy** – thơ Đường có câu : Thu tiêu chỉ vị nhất nhân trường – *Đêm mùa thu chỉ dài cho riêng một người.*

đoạn IX

sưởi lệ phân ly
lưỡi dao oan nghiệt

bâng khuâng
như tỉnh,
như say
một mình.

- 805 Chẳng ngờ gã Mã Giám Sinh,
Vẫn là một đứa phong tình⁽¹⁾ đã quen.
807 Quá chơi⁽²⁾ lại gặp hồi đen⁽³⁾
Quen mui lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.
809 Lầu xanh có mụ Tú Bà,
Làng chơi đã già⁽⁴⁾ về già hết duyên.
811 Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mặt cửa mướp đấng⁽⁵⁾ đôi bên một phường.
813 Chung lưng⁽⁶⁾ mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn bán hưởng đã lên⁽⁷⁾
815 Đạo tìm khắp chợ thì quê,
Giả danh hầu hạ⁽⁸⁾ dạy nghề ăn chơi.
817 Rủi may âu cũng sự Trời,
Đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên.
819 Xót nàng chút phận thiên quyên,
Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn.
821 Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
Sính nghi⁽⁹⁾ rẻ giá, nghinh hôn sẵn ngày.
823 Mừng thầm cờ đã đến tay⁽¹⁰⁾
Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng⁽¹¹⁾
825 “Đã nên quốc sắc thiên hương⁽¹²⁾
Một cười này, hảnh nghìn vàng chẳng ngoa !
827 Về đây, nước trước bể hoa,
Vương Tôn⁽¹³⁾ Quý khách, ắt là đua nhau.
829 Hảnh ba trăm lạng kém đâu,
Trước đà vừa vốn, còn sau là lời.”
831 Miếng ngon kê đến tận nơi,
Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham.
833 Đào tiên đã bén tay phàm⁽¹⁴⁾
Thì vin cành quít⁽¹⁵⁾ cho cam sự đời.
835 Dưới trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa, đã dễ mấy người biết hoa.

- 837 Nước vỡ lựu, máu mào gà⁽¹⁶⁾
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên⁽¹⁷⁾
- 839 Mập mờ đánh lộn con đen⁽¹⁸⁾
Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi !
- 841 Mụ già hoặc có điều gì,
Liều công mất một buổi quỳ mà thôi.
- 843 Vả đây đường sá xa xôi,
Mà ta bất động⁽¹⁹⁾ nữa người sinh nghi !
- 845 Tiếc thay một đóa đồ my,
Con ong đã mở đường đi lối về.
- 847 Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương.
- 849 Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa⁽²⁰⁾ để đó, mặc nàng nằm trơ.
- 851 Giọt riêng tâm tã tuôn mưa,
Phần cầm nổi khách, phần dơ nổi mình.
- 853 Tuồng chi là giống hôi tanh⁽²¹⁾
Thân nghìn vàng để ô danh má hồng⁽²²⁾
- 855 Thôi còn chi nữa mà mong,
Đời người thôi thế là xong một đời.
- 857 Giận duyên, tủi phận, bởi bởi,
Cầm dao, nàng đã toan bài quyên sinh⁽²³⁾
- 859 Nghĩ đi nghĩ lại một mình,
Một mình đã vậy, hai tình thì sao ?⁽²⁴⁾
- 861 Sau dù sinh sự thế nào,
Truy nguyên⁽²⁵⁾ chẳng kéo lựu vào song thân.
- 863 Nổi mình âu cũng giãn dần⁽²⁶⁾
Kíp chầy, thôi cũng một lần mà thôi !⁽²⁷⁾
- 865 Những là đo đản ngược xuôi,
Tiếng gà nghe đã gáy sôi mé tường.
- 867 Lầu mai⁽²⁸⁾ vừa rúc còi sương,
Mã Sinh giục giã vội vàng ra đi.

- 869 Đoạn trường thay lúc phân kỳ⁽²⁹⁾
Vó câu khắp khển, bánh xe gập ghềnh.
871 Bề ngoài mười dặm tràng đình⁽³⁰⁾
Vương Ông mở tiệc tiễn hành đưa theo.
873 Ngoài thì chủ khách dập dìu,
Một nhà huyên với một Kiều ở trong.
875 Nhìn càng lã chã giọt hồng,
Rủ tai, nàng mới giải lòng trước sau :
877 “Hổ sinh ra phận thơ đào⁽³¹⁾
Công cha, nghĩa mẹ kiếp nào trả xong ?
879 Lỡ làng nước đục, bụi trong⁽³²⁾
Trăm năm để một tấm lòng từ đây.
881 Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
Thân con chẳng kéo mắc tay bọm già !
883 Khi về, bỏ băng trong nhà,
Khi vào dùng dằng, khi ra vội vàng.
885 Khi ăn khi nói lỡ làng,
Khi thấy khi tỏ xem thường xem khinh.
887 Khác màu kẻ quý, người thanh,
Ngắm ra cho kỹ như hình con buôn.
889 Thôi con, còn nói chi con,
Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người !”
891 Vương bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên⁽³³⁾.
893 Vài tuần⁽³⁴⁾ chưa cạn chén khuyên,
Ngoài hiên nghĩ đã giục liền ruỗi xe.
895 Xót con lòng nặng chề chề,
Trước yên ông đã nằn nì thấp cao :
897 “Chút thân yếu liễu thơ đào,
Nghệt nhà đến đổi giấn vào tôi người.
899 Từ đây góc bể bên trời,
Nắng mưa thui thủi, quê người một thân !

- 901 Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân,
Tuyết sương che chỗ cho thân cát đằng.”⁽³⁵⁾
- 903 Cạn lời khách mới thừa rằng :
“Buộc chân, thôi cũng xích thẳng nhiệm trao”⁽³⁶⁾
- 905 Mai sau dầu đến thế nào,
Kìa gương nhật nguyệt nọ dao quỉ thần.”⁽³⁷⁾
- 907 Đùng đùng gió giục, mây vần⁽³⁸⁾
Một xe trong cõi hồng trần như bay⁽³⁹⁾
- 909 Trông vời gạt lệ chia tay,
Góc trời thăm thẳm, tháng ngày dăm dăm⁽⁴⁰⁾
- 911 Nàng thì cõi khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá⁽⁴¹⁾ đen rầm ngàn mây.
- 913 Vi-lô san sát hơi may⁽⁴²⁾
Một trời thu để riêng say một người⁽⁴³⁾
- 915 Dặm khuya ngất tạnh mù khơi⁽⁴⁴⁾
Thấy trắng mà thẹn những lời non sông.
- 917 Rừng thu rõ biếc uá hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn⁽⁴⁵⁾
- 919 Những là lạ nước, lạ non,
Lâm Chi vừa một tháng tròn tới nơi.
- 921 Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
- 923 Thoạt trông lờn lợt màu da,
Ăn gì cao lớn, đẩy đà làm sao !
- 925 Trước xe lời lả han chào,
Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi.
- 927 Bên thì mấy ả mảy ngài,
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
- 929 Giữa thì hương lửa hân hoi.
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày⁽⁴⁶⁾
- 931 Lầu xanh quen thói xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này Tiên Sư.

- 933 Hường hoa hôm sớm phụng thờ,
 Cô nào xúi vía có thừa mối hàng.
- 935 Cởi xiêm, lột áo chán chường,
 Trước thân, sẽ nguyện mảnh hương lâm râm⁽⁴⁷⁾
- 937 Đổi hoa lót xuống chiếu nằm,
 Bướm ong bay lại âm âm tứ vi !
- 939 Kiều còn ngỡ ngẩn biết gì,
 Cứ lời lay xuống, mụ thì khẩn ngay :
- 941 “ Cửa hàng buôn bán cho may,
 Đêm đêm Hàn thực, ngày ngày Nguyên tiêu⁽⁴⁸⁾
- 943 Muôn nghìn người thấy cũng yêu,
 Xôn xao anh yến, dập dìu trúc mai.
- 945 Tin nhận vắn lá thư bởi⁽⁴⁹⁾
 Đưa người cửa trước, rước người cửa sau.”
- 947 Lạ tai nghe chữa biết đâu,
 Xem tình ra cũng những màu đỏ dang.
- 949 Lễ xong hương hỏa gia đường⁽⁵⁰⁾
 Tú Bà vắt nóc⁽⁵¹⁾ lên giường ngồi ngay.
- 951 Dạy rằng : “ Con lay mẹ đây,
 Lay rồi sang lay cậu mày bên kia.”
- 953 Nàng rằng : “ Phải bước lưu ly,
 Phận hèn vâng đã cam bề tiểu tỉnh⁽⁵²⁾
- 955 Điều đâu lấy yến làm anh⁽⁵³⁾
 Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì ?⁽⁵⁴⁾
- 957 Đủ điều nạp thái vu quy,
 Đã khi chung chạ, lại khi đứng ngời.
- 959 Bây giờ thay bậc đổi ngôi,
 Dám xin gửi lại một lời cho mình.”
- 961 Mụ nghe nàng nói hay tình,
 Bấy giờ mới nổi tam bành⁽⁵⁵⁾ mụ lên :
- 963 “ Này này ! Sự đã quả nhiên,
 Thôi đà cướp sống của mìn đi rồi !

- 965 Bảo rằng : Đi dạo lấy người,
Đem về rước khách kiếm lời mà ăn.
- 967 Tuồng vô sỉ ở bất nhân,
Buồn mình trước đã tần mần thử chơi !
- 969 Màu hồ ⁽⁵⁶⁾ đã mất đi rồi,
Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma !
- 971 Con kia đã bán cho ta,
Nhập gia ⁽⁵⁷⁾ phải cú phép nhà tao đây !
- 973 Lão kia có giở bài bầy,
Chẳng văng vào mặt sao mày lại nghe ? ⁽⁵⁸⁾
- 975 Cớ sao chịu tốt một bề ?
Gái tơ mà đã ngựa nghê sớm sao !
- 977 Phải làm cho biết phép tao !”
Chập bì tiên rập sấn vào ra tay.
- 979 Nàng rằng : “Trời thăm Đất dày !
Thân này đã bỏ những ngày ra đi !
- 981 Thôi thì thôi có tiếc gì !”
Sấn dao tay áo, tức thì giở ra.
- 983 Sợ gan, nát ngọc liễu hoa,
Mụ còn trông mặt, nàng đà quá tay.
- 985 Thương ôi, tài sắc bậc này,
Một dao oan nghiệt, đứt dây phong trần ! ⁽⁵⁹⁾
- 987 Nỗi oan vỡ lở xa gần ⁽⁶⁰⁾
Trong nhà người chặt một lầu như chen.
- 989 Nàng thì bần bật giấc tiên ⁽⁶¹⁾
Mụ thì cầm cập, mặt nhìn hồn bay.
- 991 Vực nàng vào chốn hiên tây,
Cắt người coi sóc, rước thầy thuốc thang.

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 808 – Chữ *mui* này các bản Nôm viết khẩu bên môi nên có thể phiên là *môi* hay *mui* hay *mùi*. Nhưng theo tiếng thông thường ta hay nói là “mùi”, ví dụ như “quen mui như mèo thấy mỡ”, “quen mui thấy mùi đời mãi”, chứ ít khi nói “quen mùi” hay “quen môi”.

Câu 845 – Đồ my là một thứ cây cảnh có hoa đẹp hay trồng thành giàn ở trong vườn cảnh.

Câu 872 – Chữ *gánh tiệc* này nhiều bản Nôm in là *mở tiệc*. Chữ “gánh tiệc” ở đây đúng với tình cảnh buồn thảm vội vàng. Những bản in là “mở tiệc” nghe lịch sự và trang trọng hơn, nhưng lại làm mất tình ý của tác giả.

Câu 873 – Câu này nghĩa là ở ngoài nhà thì Vương Ông và Mã Giám Sinh uống rượu tiễn biệt rót đi rót lại mời mọc lẫn nhau để tỏ tình thân nhớ chào nhau.

Câu 898 – Nghĩa là vì tình thế nhà eo hẹp quá đến nỗi nó phải tự ý liều thân bán mình chịu kiếp tôi đòi nhục nhã.

Câu 917 – Câu này tả cảnh rừng bắt đầu điều tàn vì hơi sương lạnh mùa thu, chỗ thì những chòm lá xanh biếc đã lốm đốm điểm những lá vàng như người mặt rỗ, chỗ thì những lá xạm lại thành màu đỏ ứa buồn.

Câu 934 – Chữ *xúi viá* này các bản Quốc ngữ đều dịch là *xấu viá*. Nhưng “xấu viá” khác với “xúi viá”.

Người “xấu viá” là người trời sinh ra có cái hồn viá xấu, chuyện trò giao thiệp với ai là làm người ta xúi quẩy gặp những sự không may; người “xúi viá” thì không thể nào chữa được. Người “xúi viá” là người bị người “xấu viá” làm cho xúi quẩy, gặp sự không hay, như bán hàng thì hàng ế, sinh đẻ thì con sài ồm... Người bị “xúi viá” thì có thể chữa được bằng cách “đốt viá, phỉ phui” hay bằng cách cầu cúng như các cô “xúi viá” ở câu này.

Câu 967 – Truyện Tầu, vẫn gọi những thằng đàn ông đều cang làm nghề đồ gái, lừa gái, dắt gái cho trai để kiếm tiền là vô sỉ – *không biết xấu hổ* hay là vong bát – nghĩa là quên cả tám đức tính: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm sỉ và thường nói tránh ra là thằng *vường bát*. Cũng như ta nói thằng đều, thằng ma cô.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Phong tình** – là kẻ ăn chơi chỉ thích những cuộc trăng hoa trai gái và tự cho mình là hạng phong lưu tình tứ.

2. **Quá chơi** – là ăn chơi quá độ thành hết của.

3. **Hồi đen** – là lúc vận xấu, gặp sự không may, hao tiền tốn của.

4. **Làng chơi đã già** – vì già xấu, khách chơi không ai ngó đến nữa. Già nghĩa là từ già.

5. **Mặt của múp đấng** – truyện cổ tích ta nói : Một người đem mặt của ra chợ bán giả làm cam và một người đem múp đấng ra chợ bán giả làm dưa chuột, nhưng đều ế cả. Lúc chợ gần tan, hai bên gặp nhau cùng nói khéo bán lẫn cho nhau, cùng mừng thầm là đánh lừa được nhau. Lúc về nhà mới biết là cùng bị lừa.

Sau hai người gặp nhau cùng oà ra cười và cùng chửi nhau là tài lừa bịp, mới kết bạn với nhau để đi lừa thiên hạ.

6. **Chung lưng** – là góp tiền vốn với nhau để buôn bán.

7. **Đã lẽ** – là đã quen, đã thành lệ thói đủ ngón trong nghề.

8. **Giả danh hầu hạ** – là mượn tiếng mua gái về làm vợ lẽ để lừa nhà có con gái.

9. **Sính nghi** – là số tiền nhà trai phải nộp cho nhà gái để sắm sửa cho cô dâu. Nghinh hôn là lễ đón dâu.

10. **Cờ đã đến tay** – tục ngữ ta có câu “cờ đến tay ai thì người đó phát”.

11. **Khúc vàng** – nguyên là tấm lòng, cũng gần như tác vàng, đáng tin cậy. Nhưng ở đây tác giả đổi ra khúc vàng để tỏ ý mỉa mai và tấm lòng tham ô bẩn thỉu.

12. **Quốc sắc thiên hương** – bởi câu chữ Hán : Nhất tiểu thiên kim – Một cười đáng nghìn vàng. Xưa vua U Vương nhà Chu thưởng một nghìn lạng vàng cho người làm được Bao Tự cười một cái.

13. **Vương Tôn** – là nói những khách ăn chơi phong lưu như con cháu nhà vua.

14. **Đào tiên, tay phàm** – Câu này có lẽ tác giả dùng điển ở truyện Ông Ngâu của ta : Bà Ngâu bay lên Tiên mất, ông Ngâu bế con lên được cung Tiên tìm thấy vợ. Bà Ngâu đưa cho quả đào tiên, ông Ngâu không biết cách ăn cho lịch sự, vội vàng cùng con gặm ăn thô鄙, bị các nàng Tiên chê cười, bà Ngâu lại dùng dây cho hai bố con xuống cõi phàm. Ý câu này than tiếc cho Kiều gặp kẻ phàm phu không biết đối đãi nàng một cách thanh lịch xứng đáng.

15. **Vìn cảnh quýt** – câu này lấy điển ở câu thơ Tô Đông Pha : Lão nhân du hí như đồng tử, bất triết mai chi triết quất chi – *Người già mà chơi đùa như trẻ con, vào vườn hoa chẳng biết bẻ cành hoa mai trắng đẹp mà ngấm cho vui mắt, lại bẻ cành quýt lấy quả ăn cho sướng miệng.*

Tác giả dùng ý câu thơ này chửi mỉa Mã Giám Sinh là kẻ tục phu, chỉ biết cái thú thô tục như trẻ tham quýt, không biết hưởng cái thú thanh tao như người tao nhã thích ngấm hoa mai.

16. **Nước vô lựu, máu mào gà** – sách Bắc Lý nói : gái thanh lâu vẫn nấu nước vô lựu cho đặc để rửa chỗ kín cho co gọn lại như gái thanh tân và chứa ngấm sẵn máu mào gà để khi tiếp khách xong, thì ngấm đổ một chút vào mà nói là mới bị khách phá trinh.

17. **Chiều tập, còn nguyên** – là sửa chữa gọn gàng lại. Còn nguyên là nguyên vẹn như con gái thanh tân.

18. **Con đen** – do chữ kiểm lê hay lê nguyên dịch ra, đều nghĩa là lũ dân còn đen đầu, khờ khạo.

19. **Bất động** – là không làm gì.

20. **Đuốc hoa** – do chữ hoa trúc dịch ra. Hoa trúc là cây nến có hình cành hai hoa trang điểm quần quýt chung quanh. Tục xưa, trong buồng dầu rế đêm tân hôn vẫn đốt cây đuốc hoa để làm lễ hợp cẩn rồi để luôn suốt đêm trong buồng vợ chồng mới.

21. **Giống hôi tanh** – thơ ông Tô Đông Pha có câu : Nhữ phi kỳ nhân thân tinh chiên – *Mày phải là người, thân mày hôi tanh lắm.*

22. **Ô danh** – là làm dơ bẩn mất cả tiếng thơm của khách má đào.

23. **Quyên sinh** – là bỏ đời sống, tức là tự tử.

24. **Một tình đã vậy, hai tình thì sao** – chữ tình câu này nghĩa

là cái tình lý. Lễ này lễ kia sẽ xảy ra sau này theo tình thế việc mình làm.

Một tình đã vậy nghĩa là việc mình tự vẫn nếu theo một lễ nông nổi mới nghĩ là chết đi thì hết mà êm đi, thế là chết được. Hai tình thì sao nghĩa là sự mình tự vẫn nghĩ lại cho kỹ thì có thể xảy ra tình lý thứ hai nữa, là Mã Sinh sẽ sinh sự kiện cáo bố mẹ mình là lừa nó, như vậy thì chết không xong.

25. **Truy nguyên** – nghĩa đen là xét lại đến tận nguồn gốc.

26. **Giãn dần** – tức là nguôi dần bớt nổi căng thẳng trong lòng.

27. **Một lần** – ý câu này là chẳng chết trước thì chết sau, thế nào cũng một lần chết là xong.

28. **Lầu mai** – là lầu lính canh buổi sáng sớm. Còi sương là hồi còi lính canh rúc báo lúc tan canh, hồi sương đêm gần tan.

29. **Phân kỳ** – phân là chia, kỳ là chỗ đường rẽ làm đôi ngã. Nghĩa hai chữ phân kỳ là chia rẽ nhau mỗi người đi một ngã.

30. **Tràng đình** – hay trường đình. Hán sử chép : Đường quan lộ trước, cứ 5 dặm đặt một quán nghỉ nhỏ gọi là đoàn đình, 10 dặm thì đặt một quán nghỉ lớn gọi là trường đình.

Lễ tiễn biệt nhau, thường đưa nhau đến mười dặm thì từ biệt; nếu có tiệc tiễn biệt thì đặt ở trường đình.

31. **Thơ dào** – là phận con gái hãy còn trẻ đại yếu đau.

32. **Nước đục bụi trong** – câu này lấy điển ở câu thơ trong Tình Sử của một ca kỹ tiền tình nhân đi Kinh thi Hội. Nàng chắc rằng thế nào chàng cũng đổ và lo sẽ bỏ rơi mình, nên thơ nàng tiễn có câu : Thiếp vi trọc thủy nê, Quân vi thanh lộ trần – *Thiếp là bùn đọng mãi ở dưới nước đục bẩn, Chàng là bụi được gió đưa đi trên con đường trong sạch.*

33. **Vạch trời kêu lên** – Vạch mây cho hở trời ra mà kêu lên cho trời nghe tiếng oan khổ.

34. **Vài tuần** – đây tức là tuần rượu. Mỗi lần chủ rót rượu mời khách và khách mời lại là một tuần rượu.

35. **Cát đằng** – Cát là cây sắn dây, đằng là mấy thứ cây dây leo

cuốn gốc cây khác. Cát đằng để nói đàn bà con gái làm lẽ mọn.

36. **Nhiệm trao** – là trao lại cho nhau một cách nhiệm màu như có trời định sẵn.

37. **Giương nhật nguyệt, dao quỷ thần** – Mã Sinh chỉ mặt trời mặt trăng xin chứng minh cho lời thề hẹn của nó, và khấn quỷ nếu nó không giữ lời thề hẹn thì sẽ bị chết đâm chết chém.

38. **Gió giục mây vân** – câu này lấy điển ở câu chữ Hán : Vân trì phong trực – *Mây chạy gió đuổi* nghĩa là nó giục đi cho mau như mây bay gió thổi.

39. **Côi hồng trần** – là vùng lấm những bụi đỏ bốc lên vì đông người đua nhau xe ngựa giông ruổi ngược xuôi để mưu cầu danh lợi sa hoa.

40. **Tháng ngày dăm dăm** – ngày nào, lúc nào lòng Kiều và lòng bố mẹ cũng thương nhớ nhau khôn khổ.

41. **Cầu giá** – là những cầu có sương trắng phủ như băng đọng ở trên mặt. Giá là sương đọng thành văng. Trong câu này, tác giả dùng chữ “bạc phau cầu giá” để tăng thêm nỗi lòng buốt lạnh của Kiều và chữ “đen rầm ngàn mây” để tăng thêm nét mặt u buồn của nàng.

42. **Vi lô san sát hơi may** – vi lô là các loài lau sậy về mùa thu thì bắt đầu khô tàn. San sát là tiếng lá khô gió đưa cọ sát vào nhau. Hơi may là hơi gió khô lạnh mùa thu để làm cho người xa nhà cảm nhớ đến cảnh ảm cúng của gia đình.

43. **Một trời thu để riêng say một người** – cảnh thu buồn ai cũng chán, nhưng riêng Kiều bây giờ thấy nó hợp với nỗi lòng mình, nên có ý thích ngắm, như nó chia sẻ nỗi buồn với mình, nhưng càng ngắm thì cảnh thu càng làm cho nàng buồn tê tái.

44. **Dặm khuya ngắt tạnh mù khơi** – dặm khuya là độ đường đi lúc đêm khuya, ngắt là trời cao ngắt; tạnh là trời không có mây, mù khơi là trời không cao tít mù xa thẳm.

45. **Tấm lòng thần hôn** – thần là buổi sớm, hôn là buổi tối. Lễ xưa nói con nuôi cha mẹ già, sớm dậy phải chào hỏi cha mẹ xem đêm ngủ có ngon không, tối phải đến hỏi xem cha mẹ ngày hôm đó có

được vui không, ăn có ngon không. Nếu cha mẹ có điều gì buồn thì khuyên giải, nếu mình có điều lầm lỗi thì xin lỗi.

46. **Tượng trắng đôi lông mày** – sách Giã Hoạch Biên nói : Các nhà thanh lâu thờ thần Bạch my xích nhỡn – *Mắt đỏ lông mày trắng* làm Tiên Sư. Tục ta hay Tầu trước nghề gì cũng có thờ một ông Tiên Sư tức là ông đã sáng lập ra nghề đó.

47. **Lắm rằm** – ta có câu tục ngữ : “lắm rằm như đi khấn Tiên sư”.

48. **Hàn thực, Nguyên tiêu** – là hai ngày Tết rất vui vẻ, náo nhiệt về mùa xuân.

Tết Nguyên tiêu vào đêm rằm tháng giêng, có cuộc treo đèn khắp nhà khắp phố, yến tiệc khắp nơi.

Tết Hàn thực vào ngày mồng ba tháng ba (tức là Tết Thanh Minh) có những cuộc đạp thanh, tảo mộ.

Hàn thực vui vẻ ban ngày, Nguyên tiêu vui vẻ về ban đêm. Câu này ý nói đông khách vui vẻ luôn luôn, bất phân ngày đêm, lúc nào cũng như Tết.

49. **Tin nhận vắn, lá thơ bồi** – tin nhận là thư khách xa đưa tới. Lá thơ là những thơ tình xuống họa hẹn hò nhau. Đây dùng chữ lá thơ lấy điển ở truyện *Lá thắm để thơ* giữa Vu Hựu và cung nhân là Hàn Thi.

50. **Gia đường** – là ban thờ ở trong nhà.

51. **Vất nóc** – là lên ngôi một cách oai vệ ở chỗ cao Quý nhất để tỏ ra mặt bà chủ tôn trọng nhất trong nhà, trùm lợp cả mọi người như nóc nhà trùm lợp cả nhà vậy.

52. **Tiểu tinh** – nghĩa đen là sao nhỏ, nghĩa bóng là vợ lẽ. Kinh Thi có câu : Tuê bị tiểu tinh – *Ngôi sao bé nhỏ kia* ý nói các vợ lẽ như ngôi sao nhỏ.

53. **Lấy yến làm anh** – lấy chim én làm chim anh (con vẹt). Ý nói đối vợ lẽ hoá ra con nuôi.

54. **Danh phận** – danh là tên gọi, phận là phần quyền lợi, là bốn phận. Danh phận đây là được xếp vào hạng người nào trong nhà.

55. **Tam Bành** – là thần Bành. Sách Phật nói : trong người ta có ba cái thần là Bành Kiêu, Bành Cú, Bành Chất; ba thần này hay

xúi ta làm điều ác, rồi cú đến ngày Canh Thân thì lên tàu Ngọc Hoàng Thượng Đế. Bên đạo giáo thì gọi là Tam Thi.

56. **Màu hồ** – trong nghề buôn bán, thường hồ hàng hoá cho đẹp để bán. Hàng hoá đã mất màu hồ thì khó bán. Đây là lời Tú Bà chửi Mã Giám Sinh đã làm mất màu hồ của Kiều.

57. **Nhập gia** – tục ngữ có câu : Đạo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục – *Thuyền tới sông nào thì phải chở theo chiều cong khúc sông đó; người vào nhà ai thì phải theo tục nhà ấy.*

58. **Văng vào mặt** – là văng những lời thô tục ra mà chửi vào mặt.

59. **Dây phong trần** – quãng đời ô nhục.

60. **Vỡ lở** – là tin Kiều tự tử hờ tung ra nhiều người biết.

61. **Giấc tiên** – đây là giấc mê lịm đi chẳng biết gì coi như thoát nợ đời lên cảnh tiên.

đoạn X

lời hẹn tiền đường
mẹo lửa ngưng bích

cắt người
coi sóc,
rước thầy
thuốc thạḡ.

- 993 Nào hay chưa hết trần duyên⁽¹⁾
Trong mê đường⁽²⁾ đã đứng bên một nàng.
995 Rỉ rằng : “Nhân quả⁽³⁾ dở dang,
Đã toan trốn nợ đoan trường được sao !
997 Số còn nặng nghiệp má đào⁽⁴⁾
Người dầu muốn quyết⁽⁵⁾ trời nào có cho !
999 Hãy xin hết kiếp liễu bồ⁽⁶⁾
Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau.”
1001 Thuốc thang suốt một ngày thân,
Giấc mê nghe đã giầu giầu vừa tan.
1003 Tú Bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải mơn man⁽⁷⁾ gỡ dần :
1005 “Một người dễ có mấy thân,
Hoa xuân đương chiếu, ngày xuân còn dài.
1007 Cũng là lỡ một lần hai,
Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây⁽⁸⁾
1009 Lỡ chân trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non⁽⁹⁾
1011 Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà⁽¹⁰⁾
1013 Làm chi tội báo oan gia⁽¹¹⁾
Thiệt mình mà hại đến ta hay gì ?”
1015 Kề tai mấy nỗi nằn nì,
Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi⁽¹²⁾
1017 Vả chẳng thần mộng mấy lời,
Túc nhân⁽¹³⁾ âu cũng có trời ở trong.
1019 Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ trồng kiếp sau !⁽¹⁴⁾
1021 Lặng nghe thấm thía gót dẫu,
Thưa rằng : “Ai có muốn đâu thế này !
1023 Được như lời thế là may,
Hắn rằng mai có như vậy cho chăng ?

- 1025 Sợ khi ong bướm dãi dăng⁽¹⁵⁾
Đến điều sống đục, sao bằng thác trong !”
- 1027 Mụ rằng : “Con hãy thông dong,
Phải điều lòng lại dối lòng⁽¹⁶⁾ mà chơi !
- 1029 Mai sau ở chẳng như lời,
Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi.”
- 1031 Thấy lời quyết đoán hản hoi,
Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.
- 1033 Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân⁽¹⁷⁾
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung⁽¹⁸⁾
- 1035 Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia⁽¹⁹⁾
- 1037 Bẽ bàng mây sớm đèn khuya⁽²⁰⁾
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.
- 1039 Tưởng người dưới nguyệt chén đồng⁽²¹⁾
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
- 1041 Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai ?
- 1043 Xót người tựa cửa hôm mai⁽²²⁾
Quạt nồng ấp lạnh⁽²³⁾ những ai đó giờ ?
- 1045 Sân Lai⁽²⁴⁾ cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm !⁽²⁵⁾
- 1047 Buồn trông cửa bể chiều hôm⁽²⁶⁾
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
- 1049 Buồn trong ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác⁽²⁷⁾ biết là về đâu ?
- 1051 Buồn trông nội cỏ⁽²⁸⁾ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
- 1053 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh⁽²⁹⁾
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
- 1055 Chung quanh những nước non người,
Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu.

- 1057 Ngậm ngùi rủ bức rèm châu,
Cách tường, nghe có tiếng dâu họa vắn⁽³⁰⁾
- 1059 Một chàng vừa trạc thanh xuân,
Hình dong chải chuốt áo khăn dịu dàng.
- 1061 Nghĩ rằng cũng mạch thư hương⁽³¹⁾
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh.
- 1063 Bóng Nga thấp thoáng dưới màn,
Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai⁽³²⁾
- 1065 “Than ôi ! sắc nước hương trời,
Tiếc cho dâu bông lạc loài đến đây !
- 1067 Giá đành dưới nguyệt trên mây⁽³³⁾
Hoa sao hoa khéo đọa đầy mấy hoa !
- 1069 Nỗi gan⁽³⁴⁾ riêng giận trời già⁽³⁵⁾
Lòng này ai tỏ cho ta, hỡi lòng !
- 1071 Thiên quyên ví biết anh hùng,
Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi !”
- 1073 Song thu⁽³⁶⁾ đã khép cánh ngoài,
Tai còn đồng vọng⁽³⁷⁾ những lời sắt đanh⁽³⁸⁾
- 1075 Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
Cảm lòng chua xót, nhạt tình bơ vơ⁽³⁹⁾
- 1077 Những là lần lửa nắng mưa,
Kiếp phong trần biết bao giờ là thôi !
- 1079 Đánh liều nhả một hai lời,
Nhờ tay tể độ vớt người trầm luân⁽⁴⁰⁾
- 1081 Mảnh tiên⁽⁴¹⁾ kể hết xa gần,
Nỗi nhà báo đáp, nỗi thân lạc loài.
- 1083 Tan sương vừa rạng ngày mai,
Tiện hồng⁽⁴²⁾ nàng mới nhả lời gửi sang.
- 1085 Trời hôm lã đẽng bóng vàng⁽⁴³⁾
Phúc thư⁽⁴⁴⁾ đã thấy tin chàng đến nơi.
- 1087 Mở xem một bức tiên mai⁽⁴⁵⁾
Rành rành “Tích Việt” có hai chữ đề⁽⁴⁶⁾

- 1089 Lấy trong ý tứ mà suy :
“Ngày hai mươi mốt Tuất thì phải chăng ?”
- 1091 Chim hôm thoi thóp⁽⁴⁷⁾ về rừng,
Đóa đồ my đã ngậm trăng nửa vành.
- 1093 Tường đông lay động bóng canh⁽⁴⁸⁾
Rẽ song, đã thấy Sở Khanh lên vào.
- 1095 Sượng sùng⁽⁴⁹⁾ đánh dạn ra chào,
Lạy thôi nàng mới rỉ trao ân cần.
- 1097 Rằng : “Tôi bèo bọt chút thân,
Lạc đàn⁽⁵⁰⁾ mang lấy nợ nần yền anh.
- 1099 Dám nhờ cốt nhục tử sinh⁽⁵¹⁾
Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau.”⁽⁵²⁾
- 1101 Lặng ngòi lảm nhảm gật đầu :
“Ta đây nào phải ai đâu mà rằng !
- 1103 Nàng đà biết đến ta chẳng ?
Bể trầm luân⁽⁵³⁾ lấp cho bằng mới thôi.”
- 1105 Nàng rằng : “Muôn sự ơn người⁽⁵⁴⁾
Thế nào xin quyết một bài cho xong ?”
- 1107 Rằng : “Ta có ngựa truy phong⁽⁵⁵⁾
Có tên dưới trướng⁽⁵⁶⁾ vốn dòng kiện nhi⁽⁵⁷⁾
- 1109 Thừa cơ⁽⁵⁸⁾ lên bước ra đi,
Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn ?⁽⁵⁹⁾
- 1111 Dầu khi gió kếp mưa đôn⁽⁶⁰⁾
Có ta đây cũng chẳng can có gì !”⁽⁶¹⁾
- 1113 Nghe lời, nàng đã sinh nghi,
Song đà quá đổi, quản gì được thân.
- 1115 Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Thử xem con tạo⁽⁶²⁾ xoay vần đến đâu !
- 1117 Cùng nhau lên bước xuống lầu,
Song song ngựa trước, ngựa sau một đoàn.
- 1119 Đêm thu khắc lậu⁽⁶³⁾ canh tàn,
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm sương.

- 1121 Lối mòn⁽⁶⁴⁾ cỏ nhột mùi sương⁽⁶⁵⁾
Lòng quê đi một bước đường một đau.
- 1123 Tiếng gà xao xác gáy mau,
Tiếng người đâu đã mé sau dãy dàng.
- 1125 Nàng càng thốn thức gan vàng,
Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào.
- 1127 Một mình khôn biết làm sao,
Dậm rừng bước thấp bước cao hải hùng.

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 1004 – Chữ *lựa* câu này có bản in là *dịu*, chữ *khuyên giải* có bản in là *ồn thoả*, đều không được xác đáng. “*Lựa* lời *khuyên giải*” là tìm lời hợp tình hợp lý mà dễ dàng *khuyên nhủ* cho vừa lòng. Để chữ “*ồn thoả*” đã mất âm điệu, lại không khẩn thiết lắm với chữ *lựa* lời. Còn để chữ “*dịu*” thì hình như thừa vì đã có chữ “*mơn man*” ở dưới tức là *dịu* rồi.

Câu 1006 – *Chiếng* là mới nở đường lúc tươi đẹp.

Câu 1057 – Là Kiều vịnh thơ xong rồi sinh buồn chán mới đứng ngậm ngùi thương thân nhớ nhà. Có bản đổi chữ “*ngậm ngùi*” làm “*tần ngần*” e không khẩn thiết bằng.

Câu 1092 – Giá đồ my là giàn hoa đồ my. Cây đồ my mềm yếu mà mọc cao, phải bắt giàn cao để đỡ.

Câu này do điển trong *Tình Sử*: nàng Vương Kiều hẹn với tình lang rằng: “*Phía trước cửa sổ buồng thiếp có giàn đồ my, phía sau giá đồ my có gian nhà mát nhỏ, chung quanh nhiều cây kín khuất. Tối nay lúc trăng nửa vành mọc thì chàng đến dưới giàn đồ my đợi, thiếp sẽ hé cửa sổ mà chờ*”.

Câu 1094 – Chữ *rẽ song* nhiều bản Quốc ngữ dịch là *đẩy song*, là đẩy cánh cửa sổ vào. Thật lắm vì cánh cửa sổ đều mở ra ngoài, muốn mở thì phải *rẽ* hai cánh ra, chữ *đẩy* không hợp lý.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. ***Trần duyên*** – là cuộc tình duyên của mình còn vương vít ở cõi trần tục cần phải trả cho xong.

2. ***Đường*** – là hình như.

3. ***Nhân quả*** – nhân là cái nhân cái mầm mình gây ra từ kiếp trước; quả là cái kết quả mình phải chịu trong kiếp này. Nhân quả là cái số phận trời theo việc kiếp trước mình làm mà định cho mình phải chịu kiếp này.

4. ***Nghiệp má đào*** – do chữ hồng nhan bạc mệnh dịch ra và nghĩa là gái má đào hay xấu số hình như hay bị trời bắt phải chịu kiếp oan nghiệp khổ sở.

5. ***Quyết*** – là tự tử do chữ tự quyết dịch ra và nghĩa là tự ý quyết định làm cho mình chết đi.

6. **Kiếp liễu bồ** – liễu bồ là đàn bà. Tục ngữ có câu : “Xấu số mới phải làm đàn bà”. Kiếp liễu bồ tức là kiếp khổ sở vất vả của đàn bà.

7. **Món man** – là sẽ sẽ thăm dò ý tứ mà dùng lời êm ngọt dỗ dành vuốt ve cho vừa lòng người dạ.

8. **Đá vàng , mây mưa** – đá vàng là tấm lòng giữ bền chặt lấy trinh tiết. Mây mưa là sự trăng hoa trai gái. Vua Sở Tương Vương đi thuyền chơi ở vùng thác Tam Hiệp sông Trường Giang, một đêm mơ thấy Thần Nữ ở đỉnh Vu Sơn đến hầu và bảo vua rằng : “Thiếp là Thần nữ chỉ chuyên việc sớm làm mây, tối làm mưa”. Câu này nghĩa là cô đã quyết lòng bền giữ trinh tiết thì đâu ta nỡ bắt tiếp khách nữa.

9. **Ngày đào non** – là ngày con gái đi lấy chồng.

10. **Làm con cái nhà** – là làm dâu con nhà người ta.

11. **Tội báo oan gia** – là đặt tội ra mà vu cho nhà người ta mắc tội oan, ý nói làm gì mà phải tự tử để báo thù cho ta phải tội oan.

12. **Thị phi rạch ròi** – thị là phải, phi là trái. Thị phi rạch ròi là biết rõ ràng mọi lẽ phải trái.

13. **Túc nhân** – túc là cũ, nhân là mầm trong hột. Túc nhân là cái mầm tội nghiệp cũ mình đã gây ra cho mình từ kiếp trước, nên trời bắt kiếp này mình phải đền tội.

14. **Nợ trồng** – là nợ kiếp nợ trồng lên kiếp kia. Nợ kiếp trước chưa trả, lại gây thêm nợ kiếp này nữa, để kiếp sau chịu mấy lần nợ chồng chất lên nhau.

15. **Ong bướm đãi dăng** – chữ *ong bướm* câu này khác nghĩa với chữ *ong bướm* là khách làng chơi ở câu : “Bướm ong bay lại âm ẩm tứ vi”. Chữ “ong bướm” này lấy điển ở câu ca dao : “Nói lời thì giữ lấy lời, Đừng như con bướm đậu rồi lại bay”. Tác giả đổi chữ *con bướm* ra *ong bướm* cho lời văn được chải chuốt thanh nhã và để tránh chữ “con bướm” là tiếng lóng thô tục.

Chữ *đãi dăng* nghĩa là khéo nói đãi bôi trước mặt để lấy lòng nhau một lúc cho xong lần, rồi sau đâu lại hoàn đấy. Chữ này lấy điển ở câu ca dao : “Yêu nhau bảo thật nhau cùng, Đậu ngâm ra giá đãi dùng nhau chi !” nghĩa là chớ nói dối nhau, thế nào mai sau cũng phải lộ sự giả dối ra, như hột đậu ngâm vào nước thì thế

nào cũng nút mầm thò đuôi rể ra mà mọc thành rau giá. Đãi dâng là đãi dùng, tác giả đổi đãi dùng ra thành đãi dâng để hợp vần.

16. **Lòng dối lòng** – là lòng tôi nghĩ thế nào thì tôi nói thế, chứ đâu phải chuyện đùa mà dám nói dối lừa nhau.

17. **Ngưng bích** – là tên căn lầu Kiều cấm cung và nghĩa là lầu có cảnh ở trước trên thì có trời, dưới thì có bể cao rộng xanh biếc. Ngưng là đọng lại, bích là màu xanh biếc.

18. **Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung** – chữ *non xa* và chữ *trăng gần* ở câu này đều có nghĩa đen và nghĩa bóng. Vẻ non xa nghĩa đen là cảnh ngày ngày Kiều ngồi buồn ngắm dãy núi ở phía xa ở bên kia sông mà nhớ nhà. Nghĩa bóng là đôi lông mày tươi đẹp giống như hình dãy núi xanh xanh ở xa. Thơ cổ thường dùng viễn sơn (núi xa) để tả lông mày đẹp.

Trăng gần nghĩa đen là đêm đêm ngồi buồn ngắm mặt trăng chiếu ở trước cửa coi như người bạn cũ duy nhất của mình khi còn ở nhà cha mẹ. Nghĩa bóng vừa là cái gương tròn, vừa là khuôn mặt đầy đặn sáng sủa của mình.

Nghĩa đen câu này tả cảnh cô đơn của Kiều, phải ngày thì lấy núi, đêm thì lấy trăng làm bạn, coi núi là bạn trung gian ở đất, trăng là bạn trung gian ở trời để liên lạc tinh thần giữa mình và gia đình. Nghĩa bóng câu này tả cảnh cô độc, nhớ nhà thương thân, chỉ những quanh quẩn ra vào ngắm gương trên vách lấy bóng mình làm bạn với mình.

19. **Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia** – câu này nghĩa đen tả cảnh thật hiện trước mắt : chỗ thì bãi cát vàng vắng vẻ quanh hiu, chỗ thì đường xe ngựa lấm bụi hồng nhộn nhịp. Nghĩa bóng là cái cảnh buông tay xuống nằm dưới bãi cát bằng kia nó liền ngay với cuộc xe ngựa đua tranh trên đường danh lợi, khiến lòng Kiều càng thêm buồn chán cảnh đời ngắn ngủi.

20. **Mây sớm đèn khuya** – câu này tả cảnh buồn chỉ những bề bằng với mây buổi sớm, với đèn cảnh khuya. Trước kia trong cảnh đoàn viên gia đình, mỗi buổi sớm dậy cùng nhau tươi cười ngắm áng mây hồng phương Đông và mỗi khi buổi tối, cả nhà sum họp chuyện trò trước ngọn đèn khuya sao vui vẻ đầm ấm thế. Mà nay đây mây sớm, đèn khuya chỉ bơ vơ lẻ loi một mình.

21. **Dưới nguyệt chén đồng** – là chén rượu cúng thể “đồng tâm” ở dưới trăng. Mấy câu này nói nhớ thương Kim Trọng.

22. **Người tựa cửa** – tức là cha mẹ, lấy điển ở truyện Vương Tôn Giả đời Chiến Quốc : Vua Mân Vương nước Tề bị Náo Sĩ cướp ngôi phải nước đi trốn. Vương Tôn Giả làm quan to không theo vua, mẹ mắng rằng : “Buổi chiều sớm, buổi chiều chiều, buổi nào ta cũng ra tựa cửa ngoài đợi mày về. Thế mà bây giờ sao mày lại bất trung bỏ vua như vậy ?” Vương Tôn Giả tạ từ mẹ rồi đi khỏi quân giết được Náo Sĩ.

23. **Quạt nồng ấp lạnh** – do chữ ở Kinh Lễ Lễ : Đông ôn, hạ sanh – *Mùa đông làm cho cha mẹ được ấm, mùa hè làm cho cha mẹ được mát.* Truyện Nhị thập tứ hiếu kể : “Hoàng Hương còn bé thờ cha mẹ rất hiếu. Tối mùa đông vào nằm trước giường bố, giường mẹ cho nóng chỗ, để khi bố mẹ vào ngủ được ấm áp. Mùa hè thường quạt cho bố mẹ được mát mẻ.”

24. **Sân Lai** – truyện Cao Sĩ nói : “Đời nhà Chu có ông lão Lai đã 70 tuổi vẫn còn cha mẹ. Ông thường mặc áo sặc sỡ mà đùa múa như trẻ con ở ngoài sân để cha mẹ vui lòng quên cảnh già nua.” nên người sau gọi nơi con nuôi cha mẹ già là sân Lai.

25. **Gốc tử vùi người ôm** – sách Chu Tử Gia Huấn có truyện : “Một người học trò đi học xa, mỗi khi về nhà thường thấy cha ngồi đợi mình ở dưới gốc cây tử – *cây thị* giống trước cửa nhà. Khi bố mất rồi, mỗi khi ông về tới nhà lại ôm gốc cây tử đó mà khóc. Khi ông đã đỗ đạt làm quan to và gốc cây tử đã vùi người ôm, mỗi khi về ông vẫn ôm cây mà khóc như trước”.

26. **Cửa bể chiều hôm** – cảnh cửa bể lúc chiều tối, Kiều thấy cảnh ai ai cũng trở về nhà sum họp với gia đình, lại càng thương thân lưu lạc.

27. **Hoa trôi man mác** – thấy hoa bị nước đưa ra bể, mỗi cái một nơi, Kiều cảm thấy cảnh mình cũng vậy, chẳng biết rồi sẽ lưu lạc đến đâu nên càng thêm lo sợ càng thêm đau lòng.

28. **Nội cỏ** – là cánh đồng cỏ. Nội là cánh đồng, ngoài đồng.

29. **Mặt doanh** – là mặt nước sông bể mênh mông.

30. **Cách tường nghe có tiếng đầu hoa vãn** – câu này lấy điển ở Tây Sương Ký có câu : Cách tường nhi thủ hoa đáo thiên sinh – *Cách tường mà ngấm thơ sướng hoa với nhau cho đến sáng.*

31. **Mạch thư hương** – là dòng dõi con nhà học hành tử tế. Mạch là mạch đất, thư hương là tiếng thơm về sách vở.

32. **Đeo đai** – ý nói bận lòng vướng vít thương xót, muốn cứu giúp.

33. **Giá đành dưới nguyệt trên mây** – phẩm giá bậc tài sắc này thật đáng ở cung núi Quần Ngọc trên mây, hay Giao Đài trong cung trăng. Quần Ngọc Giao Đài là hai cung trên cỏi tiên có nhiều tiên nữ ở. Câu này tác giả đặt theo ý hai câu cuối trong một bài Thanh Bình điệu của Lý Bạch tả sắc đẹp của Dương Quý Phi, được vua Minh Hoàng rất hâm chuộng. Hai câu ấy như sau :

Nhược phi Quần Ngọc sơn đầu kiến
Hội hướng Giao Đài nguyệt hạ phùng

*Nếu không thấy Quý Phi ở trong mây tiên núi Quần Ngọc,
Thì nên đi về Giao Đài ở dưới cung trăng là gặp.*

34. **Nổi gan** – tục ngữ nói : “Giận nổi ruột nổi gan lên” nghĩa là giận quá gan ruột nóng sôi lên như nước sôi.

35. **Trời già** – do chữ Lão Thiên dịch ra. Chữ Hán có câu : Lão thiên liêu nhân đa ác thái – *Trời già trên người nhiều thói ác.*

36. **Song thu** – là cửa sổ về mùa thu. Mùa thu buồn bã lạnh lẽo khiến người ở xa hay sinh lòng nhớ nhà, thường ngồi trong cửa sổ mà ngắm cảnh buồn, ngắm nghĩ nhớ nhà.

37. **Đồng vọng** – là nghe như còn tiếng vang vọng ở bên tai.

38. **Lời sắt đá** – chữ Hán có câu : Kỳ ngôn như trảm đinh tiết thiết – *Lời nói quyết đoán như cầm guôm chém đinh chặt sắt.* Nghĩa là nói sao thì quyết làm được như vậy.

39. **Nhặt tình bơ vơ** – câu này nghĩa là Kiều nghe thấy Sở Khanh nói có ý cay chua, thương xót mình mà rất cảm động, nhẹ nhặt bớt được nỗi lòng bơ vơ lẻ loi của mình.

40. **Tế độ, trầm luân** – tế độ là cứu vớt người sắp chết đuối mà đem lên bờ. Trầm luân là bị chìm đắm ở dưới nước.

41. **Mảnh tiên** – là tờ giấy nhỏ để viết thư có vẽ hoa.

42. **Tiện hồng** – tiện là nhân dịp thuận tiện nhờ người đưa hộ. Hồng là chim ngỗng trời. Chim hồng mùa rét bay về Nam ở, mùa

nóng lại bay về Bắc. Chữ hồng tiện – *ta nói là tiện hồng*, nghĩa là nhờ chim Hồng đưa thư.

Chữ này lấy điển ở truyện Tô Vũ đòi Hán Vũ Đế. Tô Vũ sang sứ nước Hung Nô. Vua Hung Nô thấy ông giỏi, dụ ông hàng, ông không chịu mới đẩy ông lên vùng Mạc Bắc và nói dối vua Hán là ông chết rồi. Ông lấy lụa viết thư buộc vào chân chim hồng. Khi chim hồng bay về Nam, vua Hán bắt được thư, sai sứ sang đòi ông. Vua Hung Nô sợ lắm phải tha ông về.

43. **Lãng đăng bóng vàng** – là lúc mặt trời lặn rồi, trời sẫm sẫm vàng tối dần dần. Lãng đăng cũng có thể nói là lũng đũng.

44. **Phúc thư** – là tờ trả lời.

45. **Tiên mai** – chữ Hán là mai tiên tức là giấy viết có in hình cảnh hoa mai cho đẹp và lịch sự.

46. **Tích Việt** – thư Sở Khanh trả lời Kiều chỉ có hai chữ Tích Việt; phân tích hai chữ này ra thì chữ Tích có ba chữ: chấp nhất nhật – *ngày hai mươi một*. Chữ Việt có hai chữ: Tuất – *giờ tuất* và tẩu – *chạy*. Hợp lại thành năm chữ: Chấp nhất nhật tuất tẩu. Tức là Sở Khanh hẹn ngầm với Kiều đến giờ tuất (trước nửa đêm) ngày 21 thì hắt mang Kiều đi trốn.

47. **Thoi thóp** – là có vẻ mệt mỏi muốn về tổ nghỉ.

48. **Tường đông lay động bóng cảnh** – Tây Sương Ký có câu : Cách tường hoa ảnh động – *Cách tường bên kia có bóng hoa động lung lay*.

49. **Sượng sùng** – là có ý hồ thẹn ngượng ngịu nhưng đành bạo dạn ra chào.

50. **Lạc đàn** – là lưu lạc ra khỏi gia đình, quê quán.

51. **Cốt nhục tử sinh** – là lời rút ngắn ở câu : Cốt nhi nhục chi, tử nhi sinh chi – *Làm cho xương lại mọc thịt, chết lại hoá sống*. Ý nói xin cứu vớt cho thoát khỏi nạn to, như cải tử hoàn sinh.

52. **Kết cỏ ngậm vành** – hai chữ này đều nghĩa là báo ơn.

Điển tích *kết cỏ* : Ngụy Thu người Tấn thời Chiến Quốc có người vợ lẽ trẻ đẹp, lúc gần chết dặn con là Ngụy Khoả đem người vợ lẽ đó chôn theo mình. Nhưng Ngụy Khoả không nghe lời cha

dận, cho người vợ lẽ đó về nhà cha mẹ nàng. Sau Ngụy Khoả làm tiếng, phải đánh nhau với một dũng tướng nước Tần là Đỗ Hồi ở trên bãi cỏ, bỗng Đỗ Hồi chân vướng cỏ ngã, bị Khoả đâm chết. Đêm hôm ấy, Khoả ngủ mơ thấy cha người vợ lẽ đó báo cho Khoả biết rằng : “ Vì Tướng quân tha không chôn sống con tôi, nên tôi đã kết cỏ làm Đỗ Hồi vướng ngã để báo ơn ông.”

Diễn tích *ngâm vành* : Dương Bảo đời Đông Hán một hôm đi chơi thấy một con chim sẻ vàng bị chim cắt đánh rơi xuống đất, Bảo cứu lấy đem về nuôi, khi lành mạnh thả cho bay đi. Sau bỗng có đứa trẻ mặc áo vàng miệng ngâm 4 chiếc vòng ngọc đến biếu Bảo và nói : “Tôi cảm ơn ông đã có lòng nhân đức cứu tôi thoát nạn, lại chăm nuôi tôi nên nay tôi xin đem ngọc này đến tạ ơn ông. Ông được ngọc này con cháu ông sẽ đời đời vinh hiển.”

53. **Bể trầm luân** – là cái bể làm cho người ta phải đắm đuối chết chìm. Ý câu này nói : ta phải quyết cứu cho nàng thoát khỏi chỗ đầy đoạ ô nhục này mới thôi.

54. **Muôn sự ở người** – chữ *người* đây là tiếng tôn trọng để gọi người mà mình rất quý trọng coi như ông Thần, quý trọng hơn tiếng ngài một bậc.

55. **Ngựa truy phong** – truy là đuổi, phong là gió. Ngựa truy phong là ngựa chạy nhanh như gió, đuổi kịp gió bão.

56. **Tên đuổi trưởng** – là đứa hầu tó thân như lính hầu ở trong nhà quan, ta thường gọi là thủ hạ hay trưởng hạ.

57. **Kiện nhi** – là người có sức vóc khoẻ mạnh. Kiện là khoẻ, nhi là người. Kiện nhi tức là tráng sĩ.

58. **Thừa cơ** – là nhân dịp may, cơ hội tốt.

59. **Ba mươi sáu chước** – đời Nam Bắc triều, Đàn Công bảo Vương Kính Tắc : Tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách – *Trong ba mươi sáu chước chỉ có chước chạy trốn là hay nhất.*

60. **Gió kếp mưa đơn** – là những sự hiểm nguy dồn dập đến.

61. **Can cố** – chữ Hán là tội vạ về việc này. Ta hay nói can phạm là kẻ bị tội, vô can là người xét ra không có can hệ gì đến án này.

62. **Con tạo** – tức là ông Trời do chữ tạo vật dịch ra.

63. **Khắc lậu** – là cái đồng hồ đo thì giờ đời xưa bằng nước rỏ giọt dẫn xuống cái chậu đồng giữa có cái que khắc thì giờ. Thứ đồng hồ xưa này có nhiều kiểu, kiểu thông thường đúng nhất có ba cái chậu. Hai chậu trên đều có lỗ rất nhỏ ở đáy để nước chậu trên nhất rỏ xuống chậu hai, nước chậu thứ hai rỏ xuống chậu thứ ba. Ở chậu ba có que khắc giờ, phút, cầm đứng thẳng trên cái phao, nước đẩy phao nổi lên dần, giờ phút nào ở que khắc thì giờ ngang với miệng chậu tức là giờ phút ấy.

Muốn cho nước chậu hai rỏ đều dẫn xuống chậu ba thì gần miệng chậu hai này có cái lỗ, hễ nước đầy đến lỗ này thì tràn ra ngoài, làm cho mặt nước chậu này lúc nào cũng ngang với lỗ này. Chậu thứ hai thường kê chếch ra ngoài miệng chậu dưới và lỗ đáy chậu làm thành hình vòi rồng dẫn nước rỏ xuống chậu thứ ba. Bởi vậy có câu “Giọt rồng canh đã điểm ba” – câu 1865.

64. **Lối mòn** – là lối người ta đi mãi thành mòn phẳng ở những miền rừng núi.

65. **Cỏ nhột màu sương** – là cỏ có sương đêm mùa thu thấm vào, trông màu sắc nhột nhạt.

đoạn XI

chừa lòng trinh bạch
trả nợ phong trần

dậm rững
bước thấp
bước cao
hãi hùng

- 1129 Hóa nhi⁽¹⁾ thật có nỡ lòng,
 Làm chi dày tía đoạ hồng⁽²⁾ lảm nao ?
- 1131 Một đoàn đồ đến trước sau⁽³⁾
 Vuốt đầu xuống đất, cánh đầu lên trời
- 1133 Tú Bà tốc thẳng đến nơi⁽⁴⁾
 Hầm hầm áp điệu một hơi lại nhà.
- 1135 Hùng hăng chẳng hỏi, chẳng tra,
 Đang tay vui liễu, gặp hoa tới bời.
- 1137 Thịt da ai cũng là người,
 Lòng nào hồng rụng thắm rời chẳng đau ?
- 1139 Hết lời thú phục⁽⁵⁾ khẩn cầu,
 Uốn lưng xương nổ, cắt đầu máu sa.
- 1141 Rằng : “Tôi chút phận đàn bà,
 Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây.
- 1143 Bây giờ sống thác ở tay,
 Thân này đã đến thế này thì thôi !
- 1145 Những tôi có sá chi tôi,
 Thân tôi đã vậy, vốn người để đâu ?
- 1147 Thân lươn bao quản lấm đầu⁽⁶⁾
 Trót lòng trinh bạch từ sau cũng chừa ! ”⁽⁷⁾
- 1149 Được lời mụ mới tùy cơ,
 Bắt người bảo lĩnh⁽⁸⁾ làm tờ cung chiêu⁽⁹⁾
- 1151 Bầy vai⁽¹⁰⁾ có ả Mã Kiều,
 Xót nàng ra mới đánh liều chịu đoan⁽¹¹⁾
- 1153 Mụ càng kể nhặt, kể khoan,
 Đón rào đến mực nồng nàn mới tha.
- 1155 Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
 Mã Kiều lại ngỏ ý ra dận lời :
- 1157 “Thôi đà mắc lận thì thôi⁽¹²⁾
 Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh ?
- 1159 Phụ tình nổi tiếng lâu xanh,
 Một tay chôn biết mấy cảnh phù dung ! ”⁽¹³⁾

- 1161 Đà đao⁽¹⁴⁾ lập sẵn chước dùng,
Lạ gì một cốt một đồng xưa nay!⁽¹⁵⁾
- 1163 Có ba mươi lạng trao tay,
Không dùng⁽¹⁶⁾ chỉ có truyện này trò kia
- 1165 Rồi ra trở mặt tức thì,
Bớt lời, liệu chỗ trây chi mà đời!"⁽¹⁷⁾⁽¹⁸⁾
- 1167 Nàng rằng: "Thề thốt nặng lời,
Có đâu mà lại ra người hiểm sâu?"
- 1169 Còn đương suy nghĩ trước sau,
Mặt mo⁽¹⁹⁾ đã thấy ở đâu dẫn vào.
- 1171 Sở Khanh lên tiếng rêu rao:
"Nọ nghe rằng có con nào ở đây.
- 1173 Phao cho⁽²⁰⁾ quyến gió rủ mây,
Hãy xem có biết mặt này là ai?"
- 1175 Nàng rằng: "Thôi thế thì thôi!
Rằng không! thì cũng vâng lời rằng không!"
- 1177 Sở Khanh quát mắng dùng dùng,
Bước vào vừa rắp thị hùng ra tay⁽²¹⁾
- 1179 Nàng rằng: "Trời nhé có hay?
Quyến anh rủ yến sự này tại ai?"
- 1181 Phỉnh⁽²²⁾ người giẫy xuống giếng khơi⁽²³⁾
Nói lời rồi lại ăn lời được ngay!
- 1183 Còn tiên "Tích Việt" ở tay,
Rõ ràng mặt ấy, mặt này chú ai!"
- 1185 Lời ngay⁽²⁴⁾ đông mặt trong ngoài,
Kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương
- 1187 Phụ tình án⁽²⁵⁾ đã rõ ràng,
Nhớ tuồng nghĩ mới kiếm đường tháo lui⁽²⁶⁾
- 1189 Buồng riêng, riêng những sứt sùi,
Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân.
- 1191 "Tiếc thay trong giá⁽²⁷⁾ trắng ngần⁽²⁸⁾
Đến phong trần cũng phong trần như ai!

- 1193 Tẻ vui cũng một kiếp người,
 Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru ? ⁽²⁹⁾
- 1195 Kiếp xưa đã vụng đường tu,
 Kiếp này chẳng kéo đến bù mới xuôi !
- 1197 Dấu sao bình đã vỡ rồi ⁽³⁰⁾
 Lấy thân mà trả nợ đời cho xong ! ”
- 1199 Vừa tuần nguyệt sáng trong gương ⁽³¹⁾
 Tú Bà ghé lại thông dong dạn dò :
- 1201 Nghề chơi cũng lắm công phu,
 Làng chơi ta phải biết cho đủ điều.”
- 1203 Nàng rằng : “Mưa gió dập dìu,
 Liễu thân thì cũng phải liễu thể thôi ”
- 1205 Quở ⁽³²⁾ rằng : “Ai cũng như ai,
 Người ta ai mất tiền hoài đến đây !
- 1207 Ở trong còn lắm điều hay,
 Nỗi đêm ⁽³³⁾ khếp mở, nỗi ngày riêng chung.
- 1209 Này con thuộc lấy làm lòng :
 ‘Vành ngoài bảy chữ ⁽³⁴⁾ vành trong tám nghề.’ ⁽³⁵⁾
- 1211 Chơi cho liễu chán hoa chê,
 Cho lẫn lóc đá, cho mê mẩn đời ! ⁽³⁶⁾
- 1213 Khi khóe hạnh, khi nét ngài ⁽³⁷⁾
 Khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười cợt hoa.
- 1215 Đều là nghề nghiệp trong nhà,
 Đủ ngần ấy nét, mới là làng soi.”
- 1217 Cúi đầu vâng dạy mấy lời ⁽³⁸⁾
 Đường chau nét nguyệt, đường phai vẻ hồng ⁽³⁹⁾
- 1219 Những nghe nói, đã thẹn thùng,
 Nước đời lắm nỗi lạ lùng khắt khe !
- 1221 Xót mình của các buồng khuê ⁽⁴⁰⁾
 Vỡ lòng, học lấy những nghề nghiệp hay !
- 1223 “Khéo là mặt dạn mày dầy,
 Kiếp người đã đến thế này thì thôi !
- 1225 Thương thay thân phận lạc loài,
 Dấu sao cũng ở tay người biết sao ! ”

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 1134 – Chữ *hăm hăm* ở câu này nghĩa là nét mặt giận dữ đỏ bừng có vẻ tàn bạo đáng sợ. Có bản Kiều dịch là *hăm hăm* là sai ý nghĩa vì “hăm hăm” nghĩa là hăm dọa, hăng hái, lắm le muốn làm một sự vui thích trái ý với giận dữ ở cảnh này.

Câu 1140 – Chữ *xương nổ* câu này các bản Kiều Nôm hay Quốc ngữ đều in là *thịt đỏ*, gần như vô nghĩa. Tôi đọc tiểu thuyết Tầu có câu tả người bị đòn đau rằng: Chu thân cốn bát, cốt tiết cách cách địa hưởng – *Khấp mình máu cuộn cuộn như muốn toé ra, các khớp xương nổ kêu lắc rắc khi cử động*. Tôi mới biết “Uốn lưng xương nổ, cát đầu máu sa” là đúng.

Câu 1145 – Chữ *những* câu này nhiều bản dịch là *nhưng*. “Những tôi” nghĩa là cứ những như riêng phần tôi, thì nào có đáng kể gì, chết cũng được, chỉ nỗi tôi chết thì vốn bà bỏ ra mất không. Nếu để chữ “nhưng” thì hết ý khẩn thiết sâu sắc.

Câu 1154 – Đón rào là đón trước rào sau. Tú Bà kể các lễ bắt Mã Kiều làm tờ cam đoan phải chịu trách nhiệm đủ mọi lễ trước sau thật kín đáo chặt chẽ, không thiếu lễ gì hồng lật lùa được. Nhiều bản đổi *đón rào* ra *gạn gùng* là sai nghĩa, vì “gạn gùng” chỉ là lời tra hỏi cặn kẽ, chứ không phải là lời viết ở tờ cam đoan.

Câu 1172 – Chữ *nghe* tả rõ khẩu khiêu (giọng nói) của kẻ ngông cuồng ra bộ hống hách người trên, bước chân vào nhà chẳng chào hỏi ai, lên mặt thét ngay, đặt lời mạnh mẽ cứng rắn của kẻ ngông làm bộ. Nhiều bản đổi thành *nghe như*, lời thật yếu ớt, không đúng giọng của Sở Khanh bấy giờ.

Câu 1216 – Chữ *làng soi* câu này nhiều bản để là *người soi* không sát nghĩa. Làng soi là hạng làng chơi đủ mảnh khoé, đáng làm gương trong làng chơi. Còn chữ “người soi” thì ý nghĩa vu vơ.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Hoá nhi** – là ông Trời trẻ con. Chữ hoá nhi dùng trong văn thơ để tả nhữngгы than thở trời đùa trên làm khổ người như đứa trẻ.

2. **Đầy tia đoạ hồng** – là đầy đoạ làm khổ người con gái đẹp.

3. **Đổ đến** – là ào ạt chạy tới như nước trên cao đổ xuống.

4. **Tốc thẳng** – là chạy mau một mạch đến. Tốc là nhanh.

5. **Thú phục** – thú là thú tội mình đã trót làm; phục là chịu tội, không dám chối cãi nữa.

6. **Thân lươn bao quản lấm đầu** – con lươn thường rúc chui ở dưới bùn, nên ta có câu tục ngữ này để nói đành chịu thân phận khổ cực lấm than.

7. **Trót lòng trinh bạch từ sau cũng chữa** – tấm lòng trinh bạch là tấm lòng bền giữ một niềm trong trắng cao Quý. Sự trinh trắng của đàn bà đáng Quý biết bao, thế mà đây phải nói vút đi; tình cảnh thật là hết sức thê thảm. Câu này là một lời “đoạn trường” mỉa mai thói đòi ô uế tham lợi hà hiếp bắt người tử tế phải bỏ lương tâm đạo nghĩa.

8. **Bảo lĩnh** – bảo là giữ, lĩnh là đem về cai quản. Người bảo lĩnh là người xin với người trên tha người có tội, giao cho mình đem về trông coi và chịu trách nhiệm bắt người có tội ở theo đúng phép.

9. **Tờ chiêu cung** – là tờ khai thú nhận tội lỗi và xin chuộc tội.

10. **Bầy vai** – là người ngang vai với nhau.

11. **Chịu đoan** – do chữ cam đoan dịch ra, là làm tờ cam kết bắt Kiều phải làm đúng như lời trong tờ cung chiêu và lời Tú Bà yêu cầu.

12. **Mắc lận** – tức là bị lừa, tục ngữ thường nói “Thua lừa mắc lận”.

13. **Cảnh phù dung** – tức là nói gái đẹp mà mệnh bạc. Hoa phù dung buổi sớm nở rất đẹp, rồi chiều đến tàn héo ngay.

14. **Đà đao** – là miếng võ hiểm, kéo lê thanh long đao giả vờ thua chạy để lừa tướng địch đuổi đến gần mà hất đao lên chém giết.

15. **Một cốt một đồng** – cốt là bà cốt thờ thần đàn bà, đồng là ông đồng thờ thần đàn ông. Khi cúng khấn thì thần nhập vào bà hay ông này mà phán mọi điều cho người kêu cần biết. Lũ đồng cốt thường thông tin ngầm cho nhau biết, để khi ai cần hỏi cả đôi bên, thì nói cùng đúng để lừa người tin là lời phán đúng. Chữ một cốt đây là Tú Bà, một đồng đây là Sở Khanh.

16. **Không dùng** – nghĩa là nếu không có mưa lừa định sẵn thì đâu có chuyện Sở đến lừa.

17. **Trây chi** – là giấy chi, ý nói dụng chạm đến. Mã Kiều khuyên Kiều nhìn chỗ nói dụng chạm đến Sở Khanh nữa, chỗ giấy với nó, tránh xa nó ra.

18. **Mà đời** – tức là bỏ đời, chết.

19. **Mặt mo** – khi có kẻ làm việc gì bậy bạ xấu lắm, người ta thường nói “rõ thật là đeo mặt mo” ý nói phải đeo mo kín mặt để cho người ta khỏi phải nhớ vào mặt. Kẻ làm việc xấu mà không biết xấu hổ, người ta gọi là đứa “mặt mo” nghĩa là đứa mặt như có mo đeo sẵn. Đây nói Sở Khanh.

20. **Phao cho** – nghĩa là thả lời nói cho ai cũng biết.

21. **Thị hùng** – là cây thế khoẻ mạnh.

22. **Phỉnh** – là tán tụng, khen ngợi người ta cho tin yêu mình rồi tìm cách lừa người lấy lợi vào mình. Chữ *phỉnh* này ý nói đến những lời Sở Khanh khen Kiều là sắc nước hương trời, Hằng Nga trong cung Giao đài, tiên tử trên cung mây. Chữ *phỉnh* câu này tả ý Kiều trách mắng Sở Khanh là thâm độc, đều giả lừa nàng.

23. **Giấy xuống giếng khơi** – giếng khơi là giếng miệng hẹp và rất sâu, quanh năm có nước sạch. Câu Kiều này lấy điển ở câu trong sách Mạnh Tử: Thôi nhân nhập tỉnh, nhi hạ chi thạch – *Đẩy người xuống giếng, rồi quăng đá xuống*.

24. **Lời ngay** – là lời có lẽ thẳng, lẽ phải.

25. **Án** – là kết tội về việc gì.

26. **Nhớ tướng tháo lui** – là Sở Khanh tự thấy mình là đồ xấu xa nhớ nhục. Tháo lui là vội vàng rút lui ra ngoài.

27. **Trong giá** – giá là nước đóng thành băng tuyết. Trong giá là tắm thân trong sạch như băng như tuyết.

28. **Trắng ngân** – ngân là bạc, do chữ ngân đọc trạnh ra. Trắng ngân là trắng đẹp như màu bạc.

29. **Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru** – câu này lấy ý ở câu: Tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh – *Từ xưa khách hồng nhan hay xấu số*, và nghĩa là phải chăng khách hồng nhan là cái giống trời sinh ra để chịu số kiếp cực khổ ở đời.

30. **Bình dã vô rồi** – câu này lấy ý ở truyện: Hai người cùng đi đường, người đi trước quấy cái chỗ ở sau lưng, bỗng chỗ rơi vỡ. Người đi sau hỏi: “Chỗ anh rơi vỡ rồi, anh có biết không mà không thấy anh ngoảnh lại?”. Người kia nói “Chỗ vỡ rồi, còn để ý làm gì nữa mà ngoảnh lại.” Người bạn phục là đạt lý biết vui yên phận. Câu Kiều này nghĩa là cái số kiếp mình trời đã bắt phải khổ nhục rồi, ví như cái bình đẹp đã vỡ rồi thì còn tiếc làm gì nữa.

31. **Nguyệt sáng gương trong** – nghĩa bóng câu này là khi Kiều đã bình phục hẳn, mặt mày tươi đẹp sáng sủa như mặt trăng đã hết mây ám lại sáng, như gương đã lau hết bụi lại trong.

32. **Quở** – là quát mắng một cách oai nghiêm.

33. **Nối đêm** – là các cách tiếp khách ban đêm, tức là tám nghề vánh trong nói ở câu tám chữ dưới. Khép mở là khi thì khép chặt khi thì mở rộng để chiêu ý khách.

Nối ngày là cách đối đãi khách ban ngày, tức là bảy chữ vánh ngoài ở lời giải 34 dưới đây.

Riêng chung là cách khéo tỏ ý chung tình riêng đặc biệt với khách, để ai cũng tưởng là chỉ riêng mình được ta đặc biệt yêu Quý nhất. Cũng theo nghĩa chớm chính thô tục của hai chữ khép mở này mà người ta có làm câu đối dán cửa ngày Tết cho một thanh lâu rằng:

*Tối ba mươi, đóng cho rõ khít khịt khìn khìn,
chẳng kẻo Ma Vương đem quỷ lại.
Sáng mồng một, mở cho rõ toàng toang toác toác,
để cho Tào Hoá hút xuân vào.*

34. **Vánh ngoài bảy chữ** – tức là bảy cách dùng bên ngoài để làm cho khách phải quyến luyến không bỏ được mình, đó là:

- Khấp – *khóc sùi sụt* (để làm cho khách sinh lòng thương mến)

- Tiễn – *cắt* (cắt tóc để tặng và thề với khách)
- Thích – *đâm, trích* (lấy mực trích tên khách vào cánh tay)
- Thiêu – *đốt* (đốt hương để thề sẽ lấy khách)
- Giá – *lấy chồng* (hẹn hò sẽ kết duyên làm vợ khách)
- Tẩu – *chạy* (hẹn sẽ trốn chạy theo khách)
- Tử – *chết* (làm bộ sẽ tự tử vì tình với khách)

35. **Vành trong tám nghệ** – tức là tám cách tiếp khách ở trong buồng. Vì tục quá không thể kể rõ được, đại khái là phải tùy sức vóc, tùy lực lượng, tùy tính tình, tùy sở thích mà khéo lựa cách làm cho khách thật thoả mãn dục tình.

36. **Lăn lóc đá cho mê mẩn đời** – nghĩa là làm cho tượng đá cũng phải lăn lóc vì tình, người sống phải mê mẩn như tượng đá.

37. **Khi khoe hạnh khi nét ngài** – khi khoe hạnh là sẽ nhoèn miệng cười nụ cho đẹp như miệng quả hạnh đào chín nứt để quyến rũ khách phải say sưa ngất.

Khi nét ngài là khi thì sẽ nhịu đôi lông mày cho thật duyên dáng, rồi sẽ đưa cặp mắt liếc một cách rất tình tứ để đưa tình riêng cho một ông khách, tỏ ra như mình chỉ yêu một ông ấy hơn cả mọi người.

38. **Vâng dạy** – là kính vâng nghe lời dạy.

39. **Dưỡng chau nét nguyệt đường phai vẻ hồng** – nét nguyệt là đôi lông mày cong như hình mặt trăng lưỡi liềm. Câu này tả lòng Kiều đau đớn hiện ra ngoài mặt, đôi lông mày đẹp như muốn cau có lại, đôi má đường hồng phải xanh tái đi.

40. **Xót mình của các phòng khuê** – là mình những thương mình là con gái nhà khuê các lịch sự. Chữ *các* câu này các bản Nôm đều dịch là *gác* cho dễ đọc, thành ra xa với ý con nhà khuê các.

đoạn XII

lầu xanh vui gượng
phận bạc lo xa

“dầu sao
cũng ở
tay người
biết sao!”

- 1227 Lầu xanh, mới rủ trưởng đào,
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người⁽¹⁾
- 1229 Biết bao bướm lả ong lời,
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
- 1231 Dập dìu lá gió cành chim⁽²⁾
Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràng Khanh⁽³⁾
- 1233 Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.
- 1235 Khi sao phong gấm rủ là⁽⁴⁾
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường ?
- 1237 Mặt sao dày gió dạn sương !
Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân !
- 1239 Mặc người mưa Sở, mây Tần⁽⁵⁾
Những mình, nào biết có xuân là gì !
- 1241 Đòi phen gió tựa, hoa kề
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn hè trăng thâu⁽⁶⁾
- 1243 Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu ?
Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ !
- 1245 Đòi phen nét vẽ, câu thơ,
Cung cầm dưới nguyệt, nước cờ trong hoa⁽⁷⁾
- 1247 Vui là vui guộng kéo là,
Ai tri âm đó mặn mà với ai ?
- 1249 Thờ ở gió trúc mưa mai⁽⁸⁾
Ngẩn ngơ trăm nỗi, giúi mãi một thân.
- 1251 Nỗi lòng đòi đoạn⁽⁹⁾ xa gần,
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau.
- 1253 Nhớ ơn chín chữ cao sâu⁽¹⁰⁾
Một ngày một ngả bóng dâu tà tà⁽¹¹⁾
- 1255 Dặm nghìn nước thẳm non xa,
Nghĩ dâu thân phận con ra thế này ?
- 1257 Sân hòe⁽¹²⁾ đôi chút thơ ngây,
Trần cam⁽¹³⁾ ai kẻ đỡ thay việc mình ?

- 1259 Nhớ lời nguyên ước ba sinh,
 Xa xôi ai có biết tình chẳng ai ?
- 1261 Khi về hỏi liễu Chương Đài⁽¹⁴⁾
 Cảnh xuân đã bẻ cho người chuyên tay.
- 1263 Tình sâu, mong trả nghĩa dày,
 Hoa kia đã chấp cảnh này cho chưa ?
- 1265 Mối tình đòi đoạn vò tơ,
 Giấc hương quan⁽¹⁵⁾ luống lẫn mơ canh dài.
- 1267 Song sa vò võ phương trời⁽¹⁶⁾
 Nay hoàng hôn đã, lại mai hôn hoàng⁽¹⁷⁾
- 1269 Lăn lăn thỏ bạc ác vàng⁽¹⁸⁾
 Xót người trong hội đoạn trường đòi cơn
- 1271 Đã cho lấy chữ hồng nhan,
 Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân.
- 1273 Đã dày vào kiếp phong trần,
 Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.
- 1275 Khách du⁽¹⁹⁾ bỗng có một người,
 Kỳ Tâm họ Thúc⁽²⁰⁾ cũng nài thử hương.
- 1277 Vốn người huyện Tích, châu Thường⁽²¹⁾
 Theo nghiêm đường mở ngôi hàng Lâm Chi⁽²²⁾
- 1279 Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi,
 Thiếp hồng tìm đến hương khuê gởi vào⁽²³⁾
- 1281 Trướng tô⁽²⁴⁾ giáp mặt hoa đào,
 Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa !
- 1283 Hải đường mơn mớn cảnh tơ,
 Ngày xuân⁽²⁵⁾ càng gió, càng mưa càng nồng
- 1285 Nguyệt hoa, hoa nguyệt nảo nùng,
 Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chẳng ?
- 1287 Lạ gì thanh khí lễ hằng⁽²⁶⁾
 Một dây một buộc, ai giằng cho ra !
- 1289 Sớm đào, tối mạn, lân la⁽²⁷⁾
 Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng.

- 1291 Dịp đâu may mắn lạ đường,
Lại vừa gặp khoảng xuân đường lai quê !
- 1293 Sinh càng một tỉnh mười mê,
Ngày xuân, lắm lúc quên về với xuân.
- 1295 Khi gió gác, khi trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nổi thơ ⁽²⁸⁾
- 1297 Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vây ⁽²⁹⁾ điểm nước, đường tơ họa đàn.
- 1299 Miệt mài trong cuộc truy hoan ⁽³⁰⁾
Càng quen thuộc nét, càng dan díu tình.
- 1301 Lạ cho cái sóng khuynh thành,
Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi.
- 1303 Thúc sinh quen thói bốc trời,
Trăm nghìn đổ một trận cười như không.
- 1305 Mụ càng tô lục, chuốt hồng,
Máu tham hể thấy hơi đồng thì mê ⁽³¹⁾
- 1307 Dưới trăng quyên đã gọi hè ⁽³²⁾
Đầu tường lửa lựu ⁽³³⁾ lập lòe đóm bông.
- 1309 Buông the phải buổi thông dong ⁽³⁴⁾
Thang lan rủ bức trướng hồng tẩm hoa ⁽³⁵⁾
- 1311 Rõ màu trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên ⁽³⁶⁾
- 1313 Sinh càng tỏ nét càng khen,
Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường.
- 1315 Nàng rằng : “Vâng biết ý chàng,
Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu ⁽³⁷⁾
- 1317 Hay hèn lẽ cũng nổi điêu ⁽³⁸⁾
Nổi quê nghĩ một hai điều ngang ngang.
- 1319 Lòng còn gửi đám mây Hàng,
Họa vắn ⁽³⁹⁾ xin hãy chịu chàng hôm nay.”
- 1321 Rằng : “Sao nói lạ lùng thay !
Cảnh kia chẳng phải cõi này mà ra ?”

- 1323 Nàng càng ủ dột thu ba⁽⁴⁰⁾
 Đoạn trường lúc ấy dở mà buồn tênh !
- 1325 “Thiếp như hoa đã lìa cành,
 Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.
- 1327 Chúa xuân⁽⁴¹⁾ đành đã có nơi,
 Ngẩn ngàng, thôi chớ dài lời làm chi !”
- 1329 Sinh rằng : “Tử thuở tương tri,
 Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non⁽⁴²⁾
- 1331 Trăm năm tính cuộc vương tròn,
 Phải dò cho đến ngọn nguồn, lạch sông.”
- 1333 Nàng rằng : “Muôn đời ớn lòng,
 Chút e bên thú, bên tông dễ đâu !⁽⁴³⁾
- 1335 Bình Khang⁽⁴⁴⁾ nấn ná bấy lâu,
 Yêu hoa, yêu được một màu điểm trang.
- 1337 Rồi ra lạt phấn, phai hương,
 Lòng thêm giữ được thường thường mãi chẳng ?
- 1339 Vả chẳng thêm quế cung trăng⁽⁴⁵⁾
 Chủ trương đành đã chị Hằng ở trong.
- 1341 Bấy lâu khăn khít dải đồng⁽⁴⁶⁾
 Thêm người, người cũng thêm lòng riêng tây.
- 1343 Vẽ chi chút phận bèo mây⁽⁴⁷⁾
 Làm cho bể ái⁽⁴⁸⁾ khi đầy khi vơi.
- 1345 Trăm điều ngang ngửa vì tôi⁽⁴⁹⁾
 Thân sau⁽⁵⁰⁾ ai chịu tội trời ấy cho ?
- 1347 Như chàng có vững tay co⁽⁵¹⁾
 Mười phân cũng đắp điểm cho một vài.
- 1349 Thế trong⁽⁵²⁾ dù lớn hơn ngoài,
 Trước hàm sư tử gửi người đằng la⁽⁵³⁾
- 1351 Cúi đầu luôn xuống mái nhà⁽⁵⁴⁾
 Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng⁽⁵⁵⁾
- 1353 Vả trên còn có nhà thông⁽⁵⁶⁾
 Lòng trên trông xuống, biết lòng có thương ?

- 1355 Sá chi liễu ngô hoa tường,
Lầu xanh, lại phó ra phường lầu xanh !
- 1357 Lại càng dơ dáng đại hình,
Đánh thân phận thiếp, nghĩ danh giá chàng.
- 1359 Thương sao cho vẹn thì thương,
Tính sao cho vẹn mọi đường thì vâng.”
- 1361 Sinh rằng : “Hay nói dè chừng⁽⁵⁷⁾
Lòng đây, lòng đấy chưa từng hay sao ?
- 1363 Đường xa chốn ngại Ngô Lào,
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta !
- 1365 Đa gần chi có điều xa,
Đá vàng cũng quyết, phong ba⁽⁵⁸⁾ cũng liễu.”
- 1367 Cùng nhau căn vặn đến điều,
Chỉ non thể bể nặng gieo đến lời.
- 1369 Nỉ non đêm ngắn tình dài,
Ngoài hiên tỏ đã non Đoài ngậm gương.

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 1282 – Chữ *nét* câu này nhiều bản Kiều dịch là *nét*, e không hợp lý, vì Thúc mới gặp Kiều biết thế nào được các “nét” Kiều. Nét đây là hình dáng mặt mày, hình thể như nét vẽ.

Câu 1294 – “Ngày xuân lắm lúc quên về với xuân” nghĩa là vì say sưa cuộc xuân mà quên cả ngày, coi ngày cũng như đêm. Câu này lấy ý ở câu trong bài *Trường Hận Ca*: Xuân nhật xuân du dạ chuyển dạ – *Ngày xuân chơi xuân như đêm nọ liền với đêm kia*.

Câu 1303 – Bốc trời là tăng bốc người ta cao lên như đến trời, để rồi cầu lợi với người ta. “Thúc Sinh quen thói bốc trời” nghĩa là Thúc Sinh bị Tú Bà phỉnh bốc mãi nên quen đi, tưởng mình tài giỏi cao cả như trời, thành tính ngông đời ra tay hào phóng vút của không tiếc. Người Bắc Kỳ gọi lối cười để phỉnh bốc nhau là “cười bốc trời”. Ví dụ nói “Anh này chỉ cười bốc trời là khéo thôi” Vì tiếng trời dễ lẫn với tiếng rời nên các bản Kiều đều in lầm “trời” thành “rời”.

Câu 1310 – Thang lan là nước nấu cây trạch lan để tắm trừ ghẻ lở. Cây trạch lan là loài thảo, tiếng Bắc gọi là cây mấm tưởi, lá giống lá đào nhưng răng cưa to hơn, thân mềm có nhiều đốt. Lá trạch lan có mùi thơm, ăn được. Tục Tàu trước mừng 5 tháng 5 vẫn nấu nước trạch lan để tắm trừ ghẻ lở. Chữ hoa câu này nghĩa là thân thể đẹp của con gái, nhất là của kỹ nữ.

Câu 1319 – Đám mây Hàng là đám mây ở trên dãy núi Thái Hàng. Ông Dịch Nhân Kiệt đời Đường đi làm quan xa nhớ bố mẹ, khi trông thấy đám mây ở trên núi Thái Hàng, thường chỉ đám mây đó mà nói: “Cha mẹ ta ở dưới đám mây kia đó”.

Câu 1337 – Câu này Kiều nói: Tôi e chàng chỉ yêu tôi về phần vật chất trang điểm, rồi khi chàng đã chán tôi rồi, thì dầu tôi đánh phần khéo thế nào chàng cũng cho là nhạt nhẽo chẳng đẹp; dầu tôi có bôi nước hoa thế nào, chàng cũng thấy thoảng không, chẳng thơm nữa. Có bản đổi chữ *lạt phần* ra *lở phần*, tức là tuổi già da khô nhăn nheo, bôi phần không ăn nữa. Như thế là lầm.

Câu 1342 – Những bản đổi *cũng thêm* ra *cũng chia* thì lời văn thành rời rạc mà lại thừa chữ “chia”, vì tây là chia rồi.

Câu 1356 – Chữ *phó* nghĩa là đuổi về, trả lại có ý theo luật phép. Có bản đổi chữ “phó” ra “bỏ” thành gần như vô nghĩa.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Phẩm người** – chữ Hán là nhân phẩm, là giá trị của người theo giai cấp về phần tài năng, đạo đức. Ở đây thì theo tài sắc.

2. **Lá gió cành chim** – nàng Tiết Đào đời Đường có tài làm thơ. Năm mới lên 7 tuổi, một hôm thấy cha làm thơ vịnh cây liễu ở trước nhà, mới viết được hai câu, nàng liền viết tiếp theo hộ cha hai câu sau là : Chi nhành Nam Bắc liễu, Diệp tống vãng lai phong – *Cành đón chim Nam, Bắc, Lá đưa gió lại qua*. Ông bố thấy hai câu thơ nàng viết vậy, biết cuộc đời xon sau này sẽ không ra gì. Sau quả nhiên, cha chết sớm, mẹ con lưu lạc, nàng bán mình làm kỹ nữ trong giáo phường của một vị quan to sống một đời sa đoạ.

3. **Tống Ngọc, Tràng Khanh** – Tống Ngọc người nước Sở đời Chiến Quốc. Tràng Khanh tức là Tư Mã Tương Như. Hai người đều rất đẹp trai và hào hoa, nhiều gái mê.

4. **Phong gấm rủ là** – nghĩa là giữ gìn thân thể một cách Quý trọng cẩn thận, như lấy gấm lấy lụa mà bao bọc kín đáo.

5. **Mây Tần** – vua Mục Công nước Tần ngủ một giấc lâu 5 ngày mới tỉnh, mơ gặp một cô gái rất trắng đẹp, mặc lối Vương Phi đến đón vua cùng cưỡi mây bay lên trời châu Thượng Đế. Lúc ra về bảo vua : “Thiếp là Bảo Phu nhân, vua nên lập đền thờ thiếp, thiếp sẽ giúp vua làm nên nghiệp Bá.”

6. **Gió tựa hoa kè, tuyết ngậm trăng thâu** – dùng đủ bốn cảnh đẹp nên thơ trong văn chương là : phong, hoa, tuyết, nguyệt để tả cảnh vui chơi với khách trong thanh lâu.

7. **Nét vẽ câu thơ, cầm dưới nguyệt cờ trong hoa** – dùng bốn thú cầm, kỳ, thi, hoạ để tả cảnh mua vui với khách trong thanh lâu.

8. **Gió trúc mưa mai** – gió trúc là gió êm ấm mùa xuân thổi vào cảnh tre xanh đẹp. Mưa mai là mưa mát mùa hè làm mai chín vàng đẹp. Đó là hai cảnh “mưa gió” làm cho người ta say mê, hay ngâm thơ để vịnh gió, uống rượu để nếm quả mơ.

9. **Đòi đoan** – truyện Kiều hay dùng chữ đòi thay chữ nhiều.

10. **Chín chữ cao sâu** – là chín chữ tả nỗi khó nhọc nuôi con của cha mẹ. Kinh Thi có bài thơ của người con vì việc công phải đi xa không ở nhà chăm sóc cha mẹ được, có làm bài thơ này để tả

cảnh cha mẹ nuôi mình khó nhọc bằng chín chữ :

- Sinh – *để và nuôi cho con sống*
- Cúc – *cúi xuống mà nâng niu chăm chút*
- Phủ – *vuốt ve vỗ về*
- Súc – *chăm nuôi bú mớm*
- Trưởng – *nuôi dạy cho khôn lớn nên người*
- Dục – *nuôi dạy cho nên người có tài đức*
- Cổ – *săn sóc trông nom*
- Phục – *xem xét tình hình mà dạy bảo*
- Phúc – *giữ gìn trông nom*

11. **Bóng dâu tà tà** – câu này có ý nói cha mẹ già chóng suy yếu như mặt trời khi đã xế xuống tới ngọn dấy dâu ở phía tây thì chóng lặn lắm. Điển này lấy ở câu chữ Hán : Nhật lạc tang du – *Mặt trời xế mau như rơi xuống dấy dâu dấy du.*

12. **Sân hoè** – là sân có ba cây hoè, nghĩa bóng nói là cha mẹ nuôi con mong cho con thành đạt. Ông Vương Hựu đời Tống có công to, vua không thưởng. Ông nói : “Thế nào trời cũng thưởng thay cho ta trong ba đứa con ta, thế nào cũng có đứa thành đạt to.” Ông mới trồng ba cây hoè ở sân và nói : “ba cây hoè này mà tốt thì lời ta nói đúng.” Sau quả nhiên con ông là Vương Đán đỗ Trạng Nguyên làm Tế Tửng. Người sau dùng chữ *Tam hoè đình* để chỉ nhà có ba con trai.

13. **Trân cam** – trân là những đồ ăn Quý ngon, cam là những đồ ăn ngọt. Ta dùng chữ trân cam để nói những đồ ăn ngon ngọt con nuôi cha mẹ.

14. **Liều Chương Đài** – Hàn Hoành đời Đường có tình nhân là kỹ nữ họ Liều ở đường Chương Đài.

Khi Hoành phải đi làm quan xa, viết thư cho nàng vẫn gọi nàng là Chương Đài Liều – *cây liễu ở Chương Đài*. Liều thị ở một mình được mấy năm thì bị Phiền tướng là Sa Xá Ly bắt đi.

Khi Hoành được đổi về gần nơi Phiền tướng đóng, biết vậy thương tiếc lắm.

Có người Bộ tướng là Hứa Tuấn thấy vậy mang cờ của Hoành đi đón nàng. Tuấn giả trang làm bộ hạ của Phiền tướng, phi ngựa đến dinh của Phiền tướng nói Phiền tướng ngã ngựa gần chết, cấp tốc đón nàng cho kịp gặp mặt.

Nàng được thư của Hoành, giả cách khóc, vội vã ra đi. Thế là lại được đoàn tụ với nhau. Câu Kiều này lấy ý ở bài ca lúc xa Hoành gửi cho nàng rằng :

Chương Đài Liễu,
Tích nhật thanh thanh kim tại phủ ?
Dã ứng phân triết tha nhân thủ ?

*Hồi cây liễu Chương Đài ?
Xưa kia xanh xanh thế
Bây giờ còn đó không ?
Rất e tay khác bẻ đi rồi !*

15. **Giấc hương quan** – là giấc ngủ mơ về quê nhà.

16. **Song sa vô võ phương trời** – song sa là cửa sổ có màn the đẹp. Thơ xuân oán của Lưu Phương Bình đời Đường có câu : Sa song nhật lạc tiệm hoàng hôn, Kim ốc vô nhân kiến lệ ngân ! – *Ngày ngày ngời một mình trong cửa sổ mà nhìn thăm thẳm phương trời qua bức màn the, cho đến lúc mặt trời xế xuống và bóng tối vàng sẫm dần dần. Thế mà trong căn nhà vắng này, chẳng hề có ai thấy vết nước mắt của mình buồn khóc.*

17. **Nay hoàng hôn đã, lại mai hoàng hôn** – câu này lấy ý ở một câu thơ đời Tống :

Khấp tổn song mâu, trường dục đoạn.
Phạ hoàng hôn đáo hựu hoàng hôn

*Khóc sưng đôi mí mắt, ruột muốn đứt.
Chỉ sợ buổi hoàng hôn này đến, rồi lại buổi hoàng hôn kia đến,
lần lượt mãi không thôi.*

18. **Thỏ bạc ác vàng** – trong văn chương ta vẫn gọi mặt trăng là ngọc thỏ – *con thỏ ngọc* và gọi mặt trời là kim ô – *con ác vàng, con quạ vàng*. Vì người xưa tin rằng trong mặt trăng có con thỏ ngọc giã thuốc; trên mặt trời có con quạ vàng ba chân. Chữ *thỏ bạc* câu này nghĩa là mặt trăng lúc gần sáng sắc đã trắng nhợt đi. Chữ *ác vàng* nghĩa là mặt trời lúc chiều hôm đã vàng ử đi.

19. **Khách du** – là khách ăn chơi nay đây mai đó.

20. **Kỳ Tâm họ Thúc** – Thúc Sinh tên là Thúc Thủ, tự là Kỳ Tâm. Nghĩa cả bốn chữ Thúc Thủ Kỳ Tâm là bó giữ lòng mình. Điềm báo trước là sợ vợ, phải bó giữ lòng mình cho kín, không dám nói cho vợ biết.

21. **Huyện Tích** – là huyện Vô Tích, theo địa lý Tầu thì ở tỉnh Giang Tô, thuộc Châu Thường.

22. **Lâm Chi** – thuộc tỉnh Sơn Đông, là nơi đô hội, nguyên trước là kinh đô nước Tề. Lâm Chi cách xa Vô Tích một tháng đường bộ.

23. **Thiếp hồng, hương khuê** – là tờ danh thiếp, viết vào giấy đỏ để tự giới thiệu. Hương khuê – buồng thơm, tức là buồng con gái.

24. **Trướng tô** – là màn có riềm tua kết đẹp, rủ xuống chung quanh phía trên. Chữ *trướng tô* này lấy điển ở câu trong khúc ca Phù Nam của Vương Duy : *Thúy vũ lưu tô trướng – Cái màn có riềm giải rủ xuống kết bằng lụa xanh biếc như lông chim phỉ thúy.*

25. **Ngày xuân** – là những ngày có mưa hoà gió ấm của mùa xuân.

26. **Thanh khí lễ hằng** – thanh là đồng thanh tương ứng – *tiếng cùng một thanh thì vang ứng với nhau.* Khí là đồng khí tương cầu – *các vật cùng một khí thì tìm hút lấy nhau.* Hai câu “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” nghĩa bóng nói hai người cùng một tính tình với nhau thì yêu mến quyến luyến nhau ngay.

Lễ hằng là lễ thường, lễ tự nhiên.

27. **Sóm dào tối mặn** – Kinh Thi có câu : *Đầu chi dĩ đào, báo chi dĩ lý – Trai dưa cho quả đào thì gái cho lại quả mận.* Câu này nói lúc mới chỉ yêu nhau lơ phờ thế thôi, sau lần la thành quyến luyến thể thốt nặng lời.

28. **Câu thần nối thơ** – câu thần là những câu thơ hay, coi như thần giúp mới làm được. Nối thơ là lối vui chơi bằng thơ : một người nghĩ câu đầu, người kia nghĩ nhanh lấy hai câu tiếp theo, rồi người thứ nhất lại tiếp theo ngay hai câu nữa. Lối chơi thơ này chữ Hán gọi là liên ngâm.

29. **Bàn vây** – là đánh cờ vây.

30. **Cuộc truy hoan** – là cuộc vui chơi hết cuộc nọ đến cuộc kia liên tiếp nhau.

31. **Hôi đồng** – là tiền, do chữ đồng xú – *mùi tanh hôi tiền đồng.*

32. **Quyên dã gọi hè** – quyên là chim cuốc. Về mùa hè, chim cuốc thường kêu suốt đêm, tiếng nghe rất buồn.

33. **Lửa lựu** – do chữ lựu hoà dịch ra. Các vua đời xưa bên Tàu theo từng mùa mỗi năm mà khoan một thứ gỗ để lấy lửa ban cho

dân dùng. Về mùa hè thì khoan gổ lựu lấy lửa, gọi là lựu hoả. Câu này mượn chữ lựu để tả cảnh hoa lựu đỏ đẹp về mùa hè.

34. **Buồng the phải buổi thông dong** – chữ *buổi* câu này là nói ngày 5 tháng 5 tết Đoan Ngọ. Dân ta và dân Tàu xưa tin rằng ngày Tết Đoan Ngọ phải kiêng việc vợ chồng. Trai gái nếu không kiêng thì chỉ trong ba tháng thế nào cũng chết một hay cả đôi. Bởi vậy, Kiều được thông dong vắng khách.

Chữ *phải* nghĩa là được, cũng như chữ “phải” ở câu “chớ ngập phải ruồi” nghĩa là may mà được.

35. **Trưởng hồng tằm hoa** – chữ *hoa* câu này nghĩa là thân hình đẹp của con gái, nhất là kỹ nữ.

36. **Một toà thiên nhiên** – chữ *toà* đây là một toà tượng, một pho tượng. Một toà thiên nhiên tức là pho tượng để nguyên như trời sinh ra, không chút quần áo trang điểm. Câu Kiều này khéo dịch nghĩa ở câu trong Ngọc Trai tập : Trú tựu thiên nhiên nhất dạng cốt tướng – *Đúc thành một thân hình thiên nhiên*.

37. **Lời châu ngọc, hàng gấm thêu** – câu này đặt theo ý nghĩa trong câu chữ Hán : Cẩm tâm tú khẩu – *Bụng nghĩ đẹp như gấm, miệng nói đẹp như thêu*.

38. **Nói điều** – nghĩa đen chữ *nói điều* là lấy đuôi chớ nói vào đuôi điều thữ, nghĩa bóng là hoạ thơ lại một cách vụng kém, không hay (lời nói khiếm). Nguồn gốc chữ “nói điều” như sau : Đời nhà Tấn, Ngự Sử là chức quan danh giá nhất, chỏm mũ làm bằng đôi điều thữ, một loài sóc. Khi gặp hồi loạn, các quan võ cậy công đua nhau xin vua phong chức Ngự Sử nhiều. Nhảm quá, người nước Tấn mới có câu : Điều bắt túc, cẩu vĩ tục – *Đuôi điều không đủ, đuôi chó nói vào*, để chê cười lũ Ngự Sử nhảm đó. Người sau mới dùng chữ “tục điều, nói điều” để nói khiếm là mình nói vụng thơ một cách vụng về, chẳng xứng đáng với bài thơ trước.

39. **Hoạ vắn** – là theo mấy chữ gieo vắn của người ta mà làm bài thơ của mình trả lời lại người ta.

40. **Ủ dột thu ba** – thu ba là lòng mắt trong như sóng nước mùa thu. Ủ dột thu ba là hai mắt ủ xuống trông buồn bã nghĩ ngợi. Bởi vì Kiều cảm thấy Thúc Sinh chỉ là một người tầm thường, không có con mắt tinh đời, chỉ biết phần đẹp vật chất, chứ không nhận ra phần đẹp tinh thần. Đã được nhìn rõ vẻ ngà ngọc của Kiều mà

vẫn yên chí Kiều là con đẻ của mẹ Tú. Nghe nàng tỏ ý nhờ cha mẹ lại ngạc nhiên tưởng là nàng nói dối. Nên đang vui hoá buồn.

41. **Chúa xuân** – là Thanh Đế, thần coi về mùa xuân. Nghĩa bóng của chữ chúa xuân ở câu này là người đàn ông đã có vợ rồi.

42. **Nặng vì nước non** – nghĩa là nặng vì những lời chỉ nui chỉ sông mà thể.

43. **Bên thú, bên tông** – thú là lấy vợ, tông là lấy chồng.

44. **Bình Khang** – là phố có các thanh lâu. Đời Đường ở Trường An có phố Bình Khang là nơi các kỹ nữ ở, những tân khoa Tiến sĩ thường tới đó vui chơi. Bởi vậy sau gọi thanh lâu là Bình Khang.

45. **Thềm quế cung trăng** – do chữ Nguyệt cung Quế điện – *đền Quế ở trên cung trăng* dịch ra, nghĩa là dinh Hằng Nga ở mặt trăng. Nghĩa bóng là nhà Thúc Sinh ở với vợ cả.

46. **Khăng khít giải đồng** – lễ hôn Tầu trước, khi làm lễ đính hôn, nhà trai đưa cho nhà gái hai giải lụa để cô dâu nối lại bằng một nút đẹp gọi là đồng tâm kết – *nút đồng tâm*, thành một giải dài gọi là đồng tâm đái – *giải đồng tâm*. “Giải đồng” đây tức là giải đồng tâm. “Khăng khít giải đồng” nghĩa là vợ chồng rất thân thiết tin cậy nhau.

47. **Phận bèo mây** – là thân phận lưu lạc như cánh bèo mặt nước, bãi mây trên trời.

48. **Bể ái** – là tình vợ chồng yêu nhau sâu rộng như bể, chữ Hán là ái hà – *sông yêu* hay tình hải – *bể tình*.

49. **Trăm điều ngang ngửa vì tôi** – ngang ngửa đây là vợ chồng sinh chuyện lung củng không hoà với nhau. Ý câu này Kiều sợ lấy Thúc Sinh sẽ làm cho gia đình Thúc Sinh phải lộn xộn.

50. **Thân sau** – là kiếp sau.

51. **Vững tay co** – là vững tay co kéo, bênh vực cho nàng.

52. **Thế trong** – tức là thế lực của vợ; thế ngoài là thế lực của chồng.

53. **Sư tử, đằng la** – nghĩa bóng đây là vợ cả dữ dội làm cho chồng phải sợ. Điển tích gọi vợ dữ là sư tử lấy ở câu thơ của Tô Đông Pha. Bạn của ông Tô Đông Pha là Trần Quý Thưởng, người Hà Đông có vợ rất dữ, tiếng rất to. Ông Tô Đông Pha có mấy câu thơ đùa bạn rằng : Hốt văn Hà Đông sư tử吼, trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên – *Chợt nghe con sư tử gầm lên, rồi mất gậy đường chống ở tay, bụng thì sợ hãi như mê đi.*

Đằng la là mấy loài thảo dây leo cuốn ở gốc cây to, các văn sĩ thường dùng để gọi những đàn bà làm vợ lẽ. Kinh Thi có câu : Nam hữu cù mộc, cát lũy luy chi – *Đất Nam có cây to, dây sắn dây bìm quấn leo ở gốc.*

54. **Cúi đầu luôn xuống mái nhà** – sách Nho có chỗ nói : “Vợ lẽ với vợ cả, lúc nào cũng phải khúm núm như vào nhà mái thấp phải cúi đầu xuống.” Trương Thoán đời Đường làm chức Bạ ở huyện Hoa Âm bị viên Thú lệnh bắt nạt, than nói “Ở dưới mái nhà thấp này không thể ngóc đầu lên được”, liền bỏ chức đi.

55. **Giấm chua, lửa nong** – Vũ Hậu ghen quá, giết mấy bà Phi của vua Cao Tông, ngâm thây trong giấm. Đây nói giấm chua là kiếp khổ nhục của vợ lẽ bị vợ cả đánh ghen.

Lửa nong là do chữ hoà khang – *hang lửa* dịch ra. Ý nói cảnh thanh lâu nóng như hang lửa.

56. **Nhà thông** – là nhà cha, do chữ xuân đường dịch ra. Xuân là loài thông sống hàng mấy vạn năm.

57. **Nói đề chùng** – là nói đoán chùng trước những sự sẽ xảy ra.

58. **Phong ba** – là sóng gió. Đây nói những sự nguy hiểm trong cuộc lấy nhau này như đi thuyền gặp sóng bão.

đoạn XIII

nghiêm phụ phân ly
phủ quan tác hợp

ngoài hiên
thỏ đã
non đoài
ngậm gương

- 1371 Mượn điều trúc viện thừa lương⁽¹⁾
Rước về hãy tạm giầu nàng một nơi.
1373 Chiến, hòa, sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thấy thợ, mượn người dò la.
1375 Bắn tin⁽²⁾ đến cửa Tú Bà,
Thua cơ, mụ cũng cầu hòa, dám sao.
1377 Rõ ràng của dẫn tay trao⁽³⁾
Hoàn lương⁽⁴⁾ một thiệp, thân⁽⁵⁾ vào cửa công.
1379 Công tử đôi lẽ đều xong⁽⁶⁾
Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai.
1381 Một nhà sum họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
1383 Hương càng đượm, lửa càng nồng⁽⁷⁾
Càng sôi vẻ ngọc⁽⁸⁾ càng lỏng màu sen⁽⁹⁾
1385 Nửa năm hơi tiếng vừa quen⁽¹⁰⁾
Sân ngô cảnh bích đã chen lá vàng⁽¹¹⁾
1387 Giậu thu vừa nẩy chồi sương⁽¹²⁾
Xe bổ đã thấy xuân đường đến nơi.
1389 Phong lôi⁽¹³⁾ nổi trận bởi bởi,
Nén lòng e ấp, tính bài phân chia.
1391 Quyết ngay biện bạch một bề⁽¹⁴⁾
Dạy cho má phấn lại về lầu xanh.
1393 Thấy lời nghiêm huấn rành rành⁽¹⁵⁾
Đánh liều sinh mới lấy tình nài kêu.
1395 Rằng : “Con biết tội đã nhiều,
Dẫu rằng sấm sét, búa rìu cũng cam⁽¹⁶⁾
1397 Trót vì tay đã giúng chàm⁽¹⁷⁾
Dại rồi còn biết khôn làm sao đây !
1399 Cùng nhau vả tiếng một ngày⁽¹⁸⁾
Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành !
1401 Lượng trên quyết chẳng thương tình,
Bạc diên thôi có tiếc mình làm chi !”
1403 Thấy lời sắt đá tri tri⁽¹⁹⁾
Sốt gan, ông mới đơn quì cửa công.

- 1405 Đất bằng nổi sóng ùng ùng⁽²⁰⁾
 Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra⁽²¹⁾
- 1407 Cùng nhau theo gót sai nha,
 Song song vào trước sân hoa lay quỳ⁽²²⁾
- 1409 Trông lên mặt sắt đen sì⁽²³⁾
 Lập nghiêm⁽²⁴⁾ trước đã, ra uy nặng lời :
- 1411 “Gã kia đại nết chơi bời,
 Mà con người thế là người đơng đưa !
- 1413 Tuồng chi hoa thái, hương thừa,
 Mượn màu son phấn đánh lừa con đen !
- 1415 Suy trong tình trạng nguyên đơn⁽²⁵⁾
 Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.
- 1417 Phép công chiếu án luận vào,
 Có hai đường, ý muốn sao mặc mình :
- 1419 Một là cú pháp gia hình,
 Hai là lại cú lầu xanh phó về !”
- 1421 Nàng rằng : “Đã quyết một bề,
 Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần ?⁽²⁶⁾
- 1423 Đục trong thân cũng là thân,
 Yếu thơ vâng chịu trước sân loi đình.”
- 1425 Dạy rằng : “Cú phép gia hình !
 Ba cây⁽²⁷⁾ chập lại một cành mẫu đơn.”
- 1427 Phận đành chi dám kêu oan,
 Đào hoen quện⁽²⁸⁾ má, liễu tan tác mây.
- 1429 Một sân lấm cát đã đầy,
 Gương lơ nước thủy, mai gầy vóc sường.
- 1431 Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
 Nẻo xa trông thấy lòng càng xót xa.
- 1433 Khóc rằng : “Oan khốc vì ta⁽²⁹⁾
 Có nghe lời trước, chí đà lụy sau.
- 1435 Cạn lòng⁽³⁰⁾ chẳng biết nghĩ sâu,
 Để ai trắng tủi, hoa sầu vì ai ?”
- 1437 Phủ đường nghe thoảng vào tai,
 Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.

- 1439 Sút sùi chàng mới thừa ngay⁽³¹⁾
Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân⁽³²⁾
- 1441 “Nàng đà tính hết xa gần,
Từ xưa nàng đã biết thân có rầy !
- 1443 Tại tôi hứng lấy một tay,
Để nàng cho đến nỗi này vì tôi.”
- 1445 Nghe lời nói cũng thương lời,
Dẹp uy mới dạy đến bài giải vi⁽³³⁾
- 1447 Rằng : “Như hửn có thể thì,
Trăng hoa song cũng thị phi biết điều !”
- 1449 Sinh rằng : “Chút phận bọt bèo,
Theo đòi vả cũng ít nhiều bút nghiên.”⁽³⁴⁾
- 1451 Cười rằng : “Đã thế thì nên
Mộc già⁽³⁵⁾ hãy thử một thiên trình nghệ !”
- 1453 Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê⁽³⁶⁾ xem tường.
- 1455 Khen rằng : “Giá đáng Thịnh Đường⁽³⁷⁾
Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân.
- 1457 Thật là tài tử giai nhân,
Chu Trần nào có Chu Trần nào hơn !⁽³⁸⁾
- 1459 Thôi đừng rước dữ cứu hờn,
Làm chi lỡ dịp cho đàn ngang cung !
- 1461 Đã đưa đến trước cửa công,
Ngoài thì là lẽ, song trong là tình.
- 1463 Dâu con trong đạo gia đình,
Thôi thì dẹp nỗi bất bình là xong !”
- 1465 Kíp truyền sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa⁽³⁹⁾ cất gió, đuốc hồng điểm sao.
- 1467 Bày hàng cổ xúy xôn xao⁽⁴⁰⁾
Song song đưa tới trưởng đào sánh đôi.
- 1469 Thương vì nét, trọng vì tài,
Thúc ông thôi cũng dẹp bài phong ba.
- 1471 Huệ lan⁽⁴¹⁾ sức nức một nhà,
Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa.

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 1388 – Xe bồ châu Hán là bồ xa – *cái xe vành bánh quẩn lá cỏ* bồ để người già đi cho êm.

Sử ký nói : “Khi đi tế Phong Thiên – tế trời đất, người xưa làm xe bồ để đi khỏi nát đá của Đất, nát cây cỏ của Trời. Sau vua Hán Tuyên Đế dùng xe bồ để tiễn thầy học là Sô Quang và Sô Thụ về hưu. Từ đó xe bồ hay dùng để chở người già đi xa.”

Câu 1390 – Tác giả dùng chữ “nén lòng e ấp” là ý nói Thúc ông cũng có chút thương Kiều, trước còn dùng dằng không nỗ đuổi, sau vì giận Thúc Sinh phá nhiều của quá, mới đành nén lòng mà bắt Thúc phải đuổi Kiều. Và vì có chút lòng thương ấy mà sau này không kêu nài gì khi quan cho Thúc, Kiều đoàn tụ.

Câu 1402 – Hai chữ *bạc điền* này chữ Hán là *bạc – bến sông* và *điền – đỉnh núi cao*. Nhà văn hay dùng chữ “bạc điền” để nói sự tự tử vì tình. Bạc là ra bến nhảy xuống sông, điền là lên núi nhảy xuống đất.

Câu 1404 – Chữ *đơn quỳ* ở câu này có bản in là *cáo quỳ*, lại có bản in là *thân quỳ*. Xét ra đều có nghĩa giống nhau là làm đơn đưa lên quan mà kiện. Nhưng để “cáo quỳ” thì đọc nghe không êm tai, mà nghĩa cũng không trôi chảy. Nếu để “thân quỳ” thì nghĩa khó hiểu cho người không thạo chữ trong việc quan. Chỉ có “đơn quỳ” là thông dụng lại dễ đọc.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Trúc viện thừa lương** – là đi hóng mát ở nơi nhà chơi vui, chung quanh có tre tốt mát mẻ.

2. **Bắn tin** – là đưa tin cho biết một cách mau lẹ, kín đáo.

3. **Cửa dẫn** – là đưa tiễn đến trả tận nhà.

4. **Hoàn lương** – là cho gái thanh lâu được về lấy chồng, thành người tử tế. Luật Tầu xưa gái thanh lâu phải có giấy quan cho phép mới được hoàn lương.

5. **Thân** – là đưa lên trình quan để xin phép.

6. **Công tư đôi lẽ** – công tức là giấy phép quan phê cho được hoàn lương, Tư tức là hai bên giao nhận tiền chuộc cho nhau.

7. **Hương đượm lửa nồng** – nghĩa đen là hương cháy êm chậm thơm ngát, lửa cháy nổ sáng. Nghĩa bóng là cuộc tình duyên càng đậm thắm, do chữ hương hoá là tình vợ chồng.

8. **Sôi vẻ ngọc** – là vẻ đẹp phát hiện từng bừng ra ngoài.

9. **Lồng màu sen** – là sắc mặt đẹp như hoa sen lồng lẩy nổi lên. Hai câu lục bát này ý nói tình duyên càng nồng đậm, sắc đẹp càng lồng lẩy.

10. **Hỏi tiếng vừa quen** – ta vẫn thường hay nói : “vợ chồng đã quen hỏi bèn tiếng nhau rồi.”

11. **Sân ngô cành bích** – Trong tám bài thơ tả cảnh thu của Đỗ Phủ có câu : Bích ngô thê lão phượng hoàng chi – *Có cây ngô đồng những cành màu bích, đó là những cành mà xưa kia chìm phượng hoàng đậu mãi đã già sạm.* Chữ *cành bích* do chữ bích ngô dịch ra. Cành cây ngô đồng mùa xuân non thì da vỏ mầu lục và nhẵn bóng; mùa thu thì mầu đỏ lục đỏ xanh sạm đục hết mầu nhẵn bóng, có vẻ già cứng.

12. **Giậu thu, chổi sương** – giậu thu do chữ thu ly dịch ra, Ly là hàng rào thấp để ngăn các luống hoa cúc trong vườn khỏi đổ. Về mùa thu các hoa đều tàn, chỉ có cúc thường vẫn nẩy những chồi non, người ta gọi là chổi sương hay giò sương. Thơ Tô Đông Pha có câu : Cúc tàn do hữu ngạo sương chi – *Cúc tàn những hỡi còn những chổi coi thường khi sương lạnh.*

13. **Phong lôi** – phong là gió bão, lôi là sấm sét. Câu này nghĩa là cơn giận nổi lên ầm ầm như gió bão sấm sét.

14. **Biện bạch** – là nói rõ ràng hẳn hoi.

15. **Nghiêm huấn** – là lời dạy bảo nghiêm khắc của cha.

16. **Sấm sét buá riu** – sấm sét là chịu tội với trời, buá riu là chịu tội với người, với là luật pháp.

17. **Tay đã giúng chàm** – người thợ nhuộm khi đã giúng tay vào nước chàm để nhuộm vải thì khó rửa được tay sạch hết mầu xanh, nên ta vẫn nói : “chớ giúng tay vào chàm” để tỏ ý khuyên người chớ làm việc dở, nhất là chớ đùa với gái mà quen đi, khó chừa được nữa.

18. **Tiếng một ngày** – tục ngữ ta có câu : “Vợ chồng một ngày nên nghĩa”. Hai câu lục bát : “Cùng nhau vả tiếng một ngày, Ôm cầm ai nõ dứt dây cho đành” nghĩa là vợ chồng đã trót lấy nhau rồi thì đầu một ngày cũng đã nên nghĩa với nhau rồi, sao lại nõ dứt duyên mà bỏ nhau được.

19. **Tri tri** – tức là trơ trơ một mực, nhất định không nghe lời.

20. **Đất bằng nổi sóng** – do câu chữ Hán : Bình địa ba đào dịch ra.

21. **Phiếu hồng, thôi tra** – Phiếu hồng là giấy quan đưa cho dân đóng nhiều dấu đỏ, tỏ ý khẩn cấp. Thôi tra là thúc giục đến cửa quan để tra xét.

22. **Sân hoa** – đời xưa dinh quan phủ huyện hay trồng hoa đào nên gọi là đào viện. Sân hoa tức là sân trước toà án phủ.

23. **Mặt sắt đen sì** – ông Bao Chửng đời Tống là Giám sát Ngự Sử, là chức thay vua đi xét xử các việc hình án khó khăn oan ức. Ông tra án rất nghiêm minh thẳng cứng, ai cũng sợ. Vì mặt ông đen và lạnh lùng ít cười, nên người ta gọi ông là Thiết diện Ngự Sử – *Ông Ngự Sử mặt đen và lạnh như sắt*. Tác giả mượn điển này để tả vẻ oai nghiêm của quan phủ.

24. **Lập nghiêm** – là tỏ vẻ oai nghiêm cho dân kính sợ.

25. **Nguyên đơn** – là đơn kiện của bên nguyên. Trong sự thừa kiện nhau có bên nguyên đơn và bên bị cáo, gọi tắt là bên nguyên và bên bị. Bên nguyên bắt đầu đưa đơn khởi việc kiện, bên bị là người bị kiện.

26. **Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần** – câu này ý nói đã quyết một bề dứt bỏ lầu xanh mà lấy Thúc Sinh, thì nhất quyết không về lầu xanh nữa. Ca dao có câu : “Làm thân con nhện mấy lần trăng tơ” nghĩa là thân người con gái đã lấy ai thì lấy hẳn một người, chứ có phải con nhện dâu mà dứt lưới tơ này lại đi trăng lưới tơ khác.

27. **Ba cây** – do chữ tam mộc dịch ra. Tam mộc là ba thứ đồ gỗ để gông cùm tội nhân.

Đó là nữu – *cùm tay*, già – *gông cổ*, chất – *cùm chân*.

28. **Hoen quện** – hoen là lấm bẩn nhem nhuốc, quện là nhẵn nhỏ

ủ tái. Câu này nghĩa là má đào của nàng thì nhem nhuốc ủ tái, mày liễu của nàng thì nhăn nhó xác xơ.

29. **Oan khốc** – là bị tội đánh oan đau đớn.

30. **Cạn lòng** – là lòng nông nổi, không biết nghĩ lẽ sâu xa.

31. **Thua ngay** – là dịch câu thường dùng trong giấy tờ việc quan : Cứ thật tường khai – *Khai rõ theo đúng sự thật*. Chỗ lằm ra nghĩa là vội vàng kể lại ngay lập tức.

32. **Câu thân** – là sự bàn định tỏ ý xin lấy nhau.

33. **Giải vi** – là cởi mở vòng vây ra, nghĩa bóng là gỡ ra khỏi tội.

34. **Theo đòi bút nghiên** – đây tức là theo đòi việc đi học tử tế.

35. **Mộc già** – là cái gông bằng gỗ cứng. Quan Phủ bảo Kiều làm một bài thơ vịnh cái gông.

36. **Án phê** – là bản giấy quan ngồi phê phán xét xử.

37. **Thịnh Đường** – thơ đời nhà Đường (618—908) là thơ hay nhất nước Tàu. Người ta chia thơ đời Đường ra làm ba thời kỳ, thời kỳ giữa hay nhất gọi là Thịnh Đường.

38. **Chu Trần** – ở tỉnh Sơn Đông có thôn Chu Trần. Trước kia hai họ Chu và Trần đời đời trai gái lấy nhau, nên sau dùng chữ Chu Trần để gọi đôi vợ chồng.

39. **Kiếp hoa cát gió, đuốc hồng điểm sao** – là quan làm lễ cưới, kiệu hoa đuốc hồng là nghi lễ đưa dâu. Cát gió là rước một cách vui vẻ, phơi phới trước gió. Điểm sao là rước về ban đêm, đèn đuốc lấp lánh lẫn với sao trên trời. Lễ cưới xưa vẫn đưa dâu về ban đêm, bởi vậy chữ *nữ* viết bên *hôn* là tối. Đạo còn ở Bắc Kỳ, tôi thấy dân Bắc Giang vẫn theo lệ đưa dâu ban đêm.

40. **Cổ xúy** – cổ là đánh các thứ trống, xúy là thổi kèn sáo và gảy đàn. Đây nói các phường bát âm rước dâu tả cách quan sửa soạn lễ cưới rất trang trọng.

41. **Huệ lan** – văn chương dùng chữ hoa huệ, hoa lan để nói đàn bà con gái có hiền đức lịch sự, trang quý.

đoạn XIV

xa xôi lo phận
thâm lặng lửa chồng

từng cay
đắng lại
mặn mà
hơn xưa.

- 1473 Mảng vui rượu sớm cờ trưa,
Đào đà phai thắm, sen vừa nẩy xanh⁽¹⁾
- 1475 Trưởng hồ⁽²⁾ vắng vẻ đêm thanh,
E tình⁽³⁾ nàng mới bày tình riêng chung :
- 1477 “Phận bồ từ vẹn chữ tòng,
Đổi thay nhận yến⁽⁴⁾ đã hồng đây niên⁽⁵⁾
- 1479 Tin nhà ngày một vắng tin,
Mặn tình cát lữ nhạt tình tao khang⁽⁶⁾
- 1481 Nghĩ ra thật cũng nên đường⁽⁷⁾
Tăm hơi⁽⁸⁾ ai kẻ giữ giàng cho ta !
- 1483 Trộm nghe kẻ lớn⁽⁹⁾ trong nhà,
Ở vào khuôn phép nói ra mối giường⁽¹⁰⁾
- 1485 E thay những dạ phi thường,
Dễ dò rốn biển, khôn lường đáy sông⁽¹¹⁾
- 1487 Mà ta suốt một năm ròng,
Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.
- 1489 Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao⁽¹²⁾
Hoặc là trong có làm sao chẳng là ?
- 1491 Xin chàng liệu kíp lại nhà,
Trước người đẹp ý⁽¹³⁾ sau ta biết tình.
- 1493 Đêm ngày giữ mực giấu quanh,
Nay lần mai lửa, như hình chứa thông.”
- 1495 Nghe lời khuyên nhủ thông dong,
Đành lòng Sinh mới quyết lòng hồi trang⁽¹⁴⁾
- 1497 Sáng ra gửi đến xuân đường
Thúc ông cũng rội giục chàng ninh gia⁽¹⁵⁾
- 1499 Tiến đưa một chén quan hà⁽¹⁶⁾
Xuân đình thoát đã dạo ra Cao đình⁽¹⁷⁾
- 1501 Sông Tần một giải xanh xanh⁽¹⁸⁾
Lôi thôi bờ liễu mấy cành Dương Quan.
- 1503 Cầm tay dài ngắn thở than,
Chia phơi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời.

- 1505 Nàng rằng : “Non nước xa khơi,
Sao cho trong ấm, thì ngoài mới êm.
- 1507 Dễ mà bọc rẻ giấu kim !
Làm chi búng mắt bắt chim khó lòng ? ⁽¹⁹⁾
- 1509 Đôi ta chút nghĩa đèo bông,
Đến nhà, trước liệu nói sòng cho mình ⁽²⁰⁾
- 1511 Dầu khi sóng gió bất tình ⁽²¹⁾
Lớn ra oai lớn, tôi đành phận tôi.
- 1513 Hơn là giấu ngược giấu xuôi,
Lại mang những việc tà trời đến sau.
- 1515 Thương nhau xin nhớ lời nhau,
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy !
- 1517 Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi ngày này năm sau.”
- 1519 Người lên ngựa, kẻ chia bào ⁽²²⁾
Rừng phong thu đã nhuộm màu quan sơn ⁽²³⁾
- 1521 Dặm hồng ⁽²⁴⁾ bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh ⁽²⁵⁾
- 1523 Người về chiếc bóng năm canh ⁽²⁶⁾
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
- 1525 Vầng trăng ai xẻ làm đôi, ⁽²⁷⁾
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường ?
- 1527 Kể chi những nỗi dọc đường,
Buồng trong này nỗi chủ trương ở nhà :
- 1529 Vốn dòng họ Hoạn danh gia ⁽²⁸⁾
Con quan Lại Bộ tên là Hoạn Thư.
- 1531 Duyên dang thuận nẻo gió đưa ⁽²⁹⁾
Cùng chàng kết tóc, xe tơ những ngày.
- 1533 Ở ăn thì nét cũng hay,
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.
- 1535 Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lẩm, tin nhà thì không.
- 1537 Lửa tâm càng giập, càng nồng,
Trách người đen bạc ⁽³⁰⁾ ra lòng trắng hoa.

- 1539 Ví chẳng thú thật cùng ta,
Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên.
- 1541 Đại chi chẳng giữ lấy nền,
Hay chi mà rước tiếng ghen vào mình.
- 1543 Lại còn bưng bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười !
- 1545 Tính rằng : “ Cách mặt, khuất lời,
Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho.
- 1547 Lo gì việc ấy mà lo,
Kiến trong miệng chén còn bỏ đi đâu ? ⁽³¹⁾
- 1549 Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đầy đọa cất đầu chẳng lên,
- 1551 Làm cho trông thấy nhãn tiền ⁽³²⁾
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay ! ” ⁽³³⁾
- 1553 Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặc gió bay mé ngoài.
- 1555 Tuần sau bỗng thấy hai người,
Mách tin, ý cũng liệu bài tâng công.
- 1557 Tiểu thư nổi giận dùng dùng :
“ Gớm tay thêu dệt ra lòng treu người
- 1559 Chồng tao nào phải như ai !
Điều này hẳn miệng những người thị phi ! ”
- 1561 Vội vàng xuống lệnh ra uy,
Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.
- 1563 Trong ngoài kín mít như bưng,
Nào ai còn dám nói năng một lời !
- 1565 Buồng đào khuya sớm thanh thời,
Ra vào một mực nói cười như không.
- 1567 Đêm ngày lòng những dặn lòng ⁽³⁴⁾
Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên.
- 1569 Lời tan hợp, nỗi hàn huyền,
Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.
- 1571 Tẩy trần ⁽³⁵⁾ vui chén thông dong,
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra ! ⁽³⁶⁾

- 1573 Chàng về xem ý tứ nhà,
Sự mình cũng rắc lân la giải bày.
- 1575 Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc tơ bất động mảy may sự tình.
- 1577 Nghĩ đà bưng kín miệng bình⁽³⁷⁾
Nào ai có khảo⁽³⁸⁾ mà mình lại xưng !
- 1579 Những là e ấp dùng dằng,
Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi⁽³⁹⁾
- 1581 Có khi vui chuyện mua cười,
Tiểu thư lại giở những lời đầu đầu.
- 1583 Rằng : “Trong ngọc, đá, vàng, thau⁽⁴⁰⁾
Muội phần ta đã tin nhau cả mười.
- 1585 Khen cho những miệng đông dài,
Bướm ong lại đặt những lời nọ kia.
- 1587 Thiếp dầu vụng chảnh hay suy,
Đã dờ bụng nghĩ, lại bìa miệng cười !”
- 1589 Thấy lời thủng thỉnh như chơi,
Thuận lời chàng cũng nói xuôi dõ dòn⁽⁴¹⁾
- 1591 Những là cười phấn cợt son,
Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai.
- 1593 Thú quê thuần hức bén mùi⁽⁴²⁾
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô⁽⁴³⁾
- 1595 Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
Một niềm quan tái⁽⁴⁴⁾ mấy mùa gió trắng.
- 1597 Tình riêng chưa dám rỉ rã,
Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua :
- 1599 “Cách năm, mây bạc xa xa,
Lâm Chi cũng phải tính mà thần hôn.”
- 1601 Được lời như cổi tắc son,
Roi câu⁽⁴⁵⁾ thảng ruổi nước non quê người.
- 1603 Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.
- 1605 Roi câu vừa gióng dặm trường,
Xe hương⁽⁴⁶⁾ nàng cũng thuận đường qui ninh⁽⁴⁷⁾

GIẢO ĐỈNH - XÁC ĐỊNH

Câu 1493 – Chữ *đêm ngày* có bản in là *ví bằng*. Xét thấy chữ “đêm ngày” xác đáng hơn vì liên nghĩa với mấy chữ “nay lẫn mai nữa” ở câu sau, lại có nghĩa là lo ngày lo đêm, không lúc nào yên tâm.

Câu 1502 – Chữ *lôi thôi* này có nhiều bản Quốc ngữ phiên âm là *loi thoi*. Thế là lầm vì “loi thoi” là hình dấy liễu lẽ thể cao thấp không đều, được trông thấy từ đằng xa. Còn đây tả cảnh liễu ở nơi tiền biệt như Dương Quan, nó có những cành rủ xuống dài lôi thôi trước mặt. Đối với người đi như có tình lưu luyến giữ lại khi gió ngược; như có ý thân mến tiễn theo khi gió xuôi. Làm cho người đi thêm lòng nhớ tiếc lôi thôi mãi.

Câu 1507 – Câu này lấy ý ở câu tục ngữ “giấu kim bọc rở có ngày lòi ra” và nghĩa rất giản dị là không thể giấu được mãi.

Câu 1534 – Chữ *giàm* nghĩa đen là lấy cái rọ con đan bằng tre gọi là cái giàm mà bịt vào mõm trâu bò cho nó khỏi vớ lúa; nghĩa bóng là tìm lời chèn lẩn không cho người ta nói, như bịt miệng người ta lại. Hai câu này nêu ra cái đáo để của Hoạn Thư : kể bên ngoài thì cách ăn ở đối với chồng rất hay, rất có lễ độ, nhưng tâm trí rất thâm hiểm khôn ngoan khi chuyện trò khéo tìm lời lẽ chèn lẩn, như bịt miệng chồng lại không cho chồng nói.

Chữ *buộc* thì nghĩa là khéo dùng mưu mẹo làm như trói buộc tay chồng lại không cho làm được việc gì ngoài ý định của nàng.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Đào phai thắm, sen nảy xanh** – hoa đào nở về xuân, đào phai thắm tức là hết mùa xuân. Sen nở hoa về mùa hè, sen bắt đầu nảy lá xanh tức là sang mùa hè.

2. **Trướng hồ** – là bức màn che cửa bằng vải mỏng phát hồ cho đỡ gió mà buông vẫn sáng.

3. **E tình** – là lo ngại cho tình hình của mình.

4. **Đổi thay nhận yến** – nhận là vệt trời. Giữa mùa thu thì nhận đến yến đi. Yến là chim én, giữa mùa xuân thì yến đến, nhận đi. Chữ Hán có câu : Nhận yến đại phi – *Chim nhận chim yến thay nhau mà bay để nói hết mùa nọ đến mùa kia*.

5. **Đã hòng đầy niên** – là sắp được đầy một năm.

6. **Cát lũy, tao khang** – là hai thứ cây dây leo : cây sắn dây và cây lá bạc thau, hay cuốn leo ở gốc cây to. Kinh Thi có thơ *Cát lũy* để khen bà Hậu Phi có độ lượng bao dung các vợ lẽ : Nam hữu cù mộc, Cát lũy luy chi – *Đất Nam có cây to, dây cát dây lũy quấn vào cây đó*. Nên người sau dùng chữ “cát lũy” để chỉ vợ lẽ, “cù mộc” để chỉ vợ cả.

Tao khang nghĩa đen là bã rượu và tấm cám, đồ ăn nuôi lợn; nghĩa bóng là vợ lấy từ lúc còn nghèo phải ăn tao khang. Vua Hán Quang Vũ có bà Công Chúa là chị vua hoá chồng, muốn lấy ông Tống Hoàng. Vua để bà chị đứng khuất ở trong màn, và gọi ông Tống Hoàng lại hỏi : “Ta nghe như có câu tục ngữ nói : ‘giấu đối bạn, sang đối vợ’ có phải không ? ” Ông thưa : “thần không nghe thấy câu ấy, chỉ nghe thấy câu ‘Bần tiện chi giao bất khả vong, Tao khang chi thê bất khả hạ đường – *Bạn cũ lúc nghèo hèn không được quên, Vợ cũ lúc còn ăn cám bã với mình, không được đuổi xuống dưới thêm* – nghĩa là bỏ.’ ” Vua ngoảnh lại bảo bà chị : “Việc không xong rồi !”

7. **Nên đường** – là đáng ngại, đáng để ý mà lo.

8. **Tăm hơi** – nghĩa bóng là tin tức, hơi tiếng. Nghĩa đen thì tăm là những bọt cá làm nổi lên trên mặt nước, người đi câu vẫn tìm chỗ nước nào có nhiều tăm xủi lên thì thả câu. Hơi là những mùi con vật để lại ở lối nó đi hay chỗ nó ở. Ta vẫn dùng chớ để tìm hơi vật săn, như cày, cáo, chim chóc...

9. **Kẻ lớn** – đây là vợ cả, tức là Hoạn Thư.

10. **Ở vào khuôn phép** – là ăn ở phải đúng vào trật tự trong lễ phép, trên dưới rõ ràng.

Nói ra mỗi giường là nói ra những oai quyền khuôn phép đầu vào đáy cho người dưới phải theo, như cầm cái dây giường lưới mà kéo thì cả các mắt lưới phải cùng đi.

11. **Rốn bể, đáy sông** – rốn bể là chỗ sâu nhất của bể, đáy sông là đường sâu nhất của sông. Người ta ví lòng người hiểm sâu khó dò, khó đo được cũng như khó dò được rốn bể, khó đo được đáy sông. Câu này theo ý câu tục ngữ : “Sông sâu còn có kẻ dò, lòng người hồ để ai đo cho cùng”.

12. **Tiêu hao** – là những tin tức báo cho biết mọi sự biến chuyển rủi may, hay dở sẽ xảy ra thế nào.

13. **Đẹp ý** – là làm cho vui lòng vừa ý.

14. **Hôi trang** – là sắp sửa các đồ hành trang để về.

15. **Nhìn gia** – là về thăm nhà ở quê quán.

16. **Chén quan hà** – là cuộc rượu tiễn biệt người đi xa. Vì cuộc tiễn biệt này hay ở quán rượu gần *cửa ải* – quan hay trên *bến sông* – hà nên gọi là chén quan hà.

17. **Xuân đình, Cao đình** – xuân đình là chỗ vui chơi; cao đình là nơi tiễn biệt. Gọi là Cao Đình vì quán này hay đặt ở chỗ giang cao – *chỗ bờ sông uốn cong*.

18. **Sông Tần một giải xanh xanh** – câu này lấy điển ở câu hát cổ : Dao vọng Tần xuyên, Can trường đoạn tuyệt – *Xa trông sông Tần gan ruột như đứt thành từng đoạn*.

19. **Búng mắt bắt chim** – đây là câu tục ngữ chê người ngu dốt tự dối mình trước để dối người : Muốn bắt con chim đang đậu, sợ nó trông thấy mình nó bay, lại bịt mắt mình lại. Câu “bọc rỏ giấu kim” ở trên thì nói không thể giấu lâu được; câu này thì nói người ta đã biết thừa đi rồi, lại còn tự dối mình coi như người ta không biết để giấu người ta.

20. **Nói sông** – là nói công khai sự thật ở trước mặt mọi người cho ai cũng biết. Sông là phơi bày ra, như nói : “Sông tiền ra coi” hay “mua bán sông phẳng”.

21. **Bất tình** – là bất kỳ ngoài sự mình tưởng đoán.

22. **Chia bào** – bào là vạt trước áo dài mặc ngoài. Chia bào là vợ chồng chia tay nhau khi tiễn biệt, chữ Hán là phân muội – *chia vạt áo*.

23. **Rừng phong thu đã nhuộm màu quan sơn** – phong là loài cây to, lá hình bàn tay có bay hay năm mảnh, đến mùa thu thì lá màu đỏ đẹp. Nhưng cuối thu thì tàn rụng rất buồn. Câu Kiều này dùng điển ở một câu trong Tây Sương Ký : Thu lai thùy nhiễm phong lâm thúy – *Mùa thu đến, còn ai nhuộm được sắc rừng phong cho nó xanh trở lại*.

24. **Dặm hồng** – là đường đi bụi đỏ bốc lên bởi xe, ngựa.

25. **Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh** – câu này dùng điển ông Lưu Bị tiễn Từ Thúc thời Tam Quốc. Khi Từ Thúc phải bỏ ông Lưu Bị về với mẹ ở bên Ngụy, ông Lưu Bị tiễn Từ Thúc đi rồi đứng nhìn theo mãi đến lúc Thúc đi đã khuất mấy ngàn dâu xanh rồi vẫn chưa về, rồi giận mấy ngàn dâu đó, sai người chặt hết.

26. **Chiếc bóng** – là lẻ loi một mình lúc đêm khuya; trước kia có hai bóng ở trước đèn, bây giờ chỉ có một bóng mình.

27. **Vầng trăng ai xẻ làm đôi** – thơ cổ có câu vịnh cảnh trăng nửa vành hạ tuần : Thủy bà ngọc bội phân lưỡng đoạn, Bán trâm thủy để bán phù không – *Ai đem chén ngọc này chia làm hai nửa, một nửa chìm ở đáy nước, một nửa nổi ở trên không ?*. Hai câu này dùng ý thơ tả cảnh mà tả tình nhớ nhau. Kiều trông trăng thì nghĩ trăng đương soi đường Thúc đi, Thúc trông trăng thì nghĩ trăng đương soi buồn Kiều lúc canh khuya.

28. **Danh gia** – là nhà dòng dõi quan sang, danh giá, nổi tiếng.

29. **Duyên dang thuận nẻo gió** – là duyên tự trời, số trời dặt lại. Câu này lấy ý thơ trong bài *Bạch đầu ngâm* của Lý Bạch :

Thỏ ty cố vô tình
Tùy phong nhiệm điền đào
Thùy sử nữ la chi
Nhi lai cưỡng oanh bào
*Cây dâu thỏ ty vốn trước nó không có tình ý gì cả
Nó cứ ngã nghiêng theo gió đưa đi đâu thì đi
Ai suì khiến cành cây nữ la kia
Mà nó đến cố tình ôm cuốn lấy*

30. **Đen bạc** – là người bụng dạ điên đảo, bội bạc.

31. **Kiến bò miệng chén** – ý nói việc không thể nào tránh thoát ra khỏi tay mình được, như con kiến bị úp trong miệng cái chén thì còn chạy đi đâu được nữa, mở ra bất lúc nào chẳng được.

32. **Trông thấy nhân tiên** – là trông thấy ngay trước mắt.

33. **Thăm ván bán thuyền** – câu này lấy ý ở câu tục ngữ : “Chưa thăm ván đã bán thuyền”. Ý là Thúc Sinh lấy Kiều chưa thật chính thức đủ phép đối với gia đình, mà đã quên vợ cả.

34. **Lòng dạn lòng** – là Hoạn Thư lúc nào lòng cũng đinh ninh lại dạn nhủ mình rằng phải giữ cho kín đừng hở cho ai biết ý định lừa chồng của mình.

35. **Tẩy trần** – là bữa tiệc đón mừng người đi xa về. Nghĩa đen chữ tẩy trần là rửa cho sạch bụi khi đi đường; nghĩa bóng là rửa cho hết sự mệt nhọc khi đi đường.

36. **Nối lòng ai ở trong lòng mà ra** – tục ngữ có câu : “Nào có trong lòng nhau ra đâu mà biết” nghĩa là có vào được trong lòng nhau mà bởi tìm được sự bí mật của nhau, thì lúc ra mới biết được. Còn như không ở trong lòng nhau mà ra, biết được lòng nhau thế nào.

37. **Bưng kín miệng bình** – câu này nghĩa là Thúc Sinh nghĩ rằng ta đã giấu kín được việc lấy Kiều, Hoạn Thư không biết chút tâm hơi nào, như bình rượu kia ta đã nút kín không bốc chút hơi nào ra ngoài, thì ta cứ giữ cho thật kín miệng như giữ kín miệng bình rượu. Hầu hết các bản Kiều Quốc ngữ dẫn điển câu : Thủ khẩu như bình – khuyên người ta chớ hay nói, phải giữ miệng cho kín, cho im như miệng bình. Như thế, khác với ý nghĩa ở tình trạng Thúc Sinh lúc này, đáng lẽ phải nói thì lại không nói.

38. **Khảo** – là tra hỏi.

39. **Rút dây động rừng** – tục ngữ có câu : “Chớ rút dây mà động rừng” nghĩa đen là khi vào rừng chớ rút những dây leo mà hổ báo ra nguy hiểm lắm; nghĩa bóng ở đây là sợ nói đến chuyện lấy Kiều, thì Hoạn Thư giận dữ lên.

40. **Ngọc, đá, vàng, thau** – sách Nho có câu : Vũ phu loạn ngọc – Đá vũ phu đẹp lẫn với ngọc. Ca dao ta thì có câu :

*Trách cha trách mẹ trách chàng,
Cầm cân chẳng biết rằng vàng hay thau,
Thật vàng chẳng phải thau đâu,
Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng.*

Ý câu này Hoạn Thư nói vợ chồng chúng ta đã tin nhau lắm rồi, chẳng còn chút ngờ lòng nhau là thật hay giả dối nữa.

41. **Nói xuôi đõ đòn** – nghĩa là theo lời theo ý nàng mà nói xuôi đi một chiều cho xong lẫn, đõ để nàng ngờ vực điều gì mà tra hỏi.

42. **Thú quê thuần hức bén mùi** – thú quê là cái sở thích có ở nơi quê nhà mình. Thuần là thứ rau mọc ở nước ăn về mùa thu. Hức là thứ cá để ăn gỏi. Câu này dùng điển Trương Hàn đòi Tấn. Hàn quê ở đất Ngô Trung vào làm quan ở Lạc Dương, thấy gió thu thổi, nhớ đến canh rau thuần, gỏi cá lô, bảo mọi người rằng : “Người ta sống trên đời quý nhất là được thích chí mình, hơi đâu làm quan xa để cầu tiếng hão huyền”. Ý câu này nói Thúc Sinh thấy cảnh thu, nhớ thương Kiều.

43. **Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô** – giếng vàng do chữ Kim tỉnh dịch ra. Xưa có cái giếng về mùa thu thì nước trong màu vàng, nên gọi là kim tỉnh. Văn sĩ đời sau hay dùng chữ “kim tỉnh” làm điển tả mùa thu. Cổ thi có câu : Ngô đồng nhất điệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu – *Cây ngô đồng rụng một lá, người thiên hạ biết là mùa thu đến*.

44. **Quan tái** – quan là cửa ải, tái là chỗ bờ cõi xa. Quan tái là nơi cửa ải ở chỗ biên thùy xa xôi. Câu này nói cảnh đi đường nơi xa lạ. hết nơi lạ này đến nơi lạ kia.

45. **Roi câu** – câu là con ngựa non.

46. **Xe hương** – là xe lịch sự của đàn bà đi thời cổ. Đường Thi có câu : Du bích hương xa bất tái phùng – *Không gặp lại cái xe thơm ngoài sơn đầu bóng nữa*.

47. **Quy ninh** – đàn bà đã lấy chồng, khi về thăm cha mẹ gọi là quy ninh – *về thăm xem cha mẹ có được vui không*.

đoạn XV

bắt người tráo xác
nhờ khách tìm hồn

xe hương
nàng cũng
thuận đường
qui nhĩn

- 1607 Thừa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
- 1609 Nghĩ rằng : “Ngứa ghẻ, hờn ghen⁽¹⁾
Xấu chàng mà có ai khen chi mình
- 1611 Vậy nên ngảnh mặt làm thinh,
Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày⁽²⁾
- 1613 Lâm Chi đường bộ thánng chầy,
Mà đường hải đạo sang ngay thì gần.
- 1615 Dọn⁽³⁾ thuyền lựa mặt gia nhân,
Hãy đem dây xích⁽⁴⁾ buộc chân nàng về.
- 1617 Làm cho : cho mệt, cho mê,
Làm cho : đau đớn ê chề cho coi.
- 1619 Trước cho bỏ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau.”
- 1621 Phu nhân⁽⁵⁾ khen chúc rất màu.
Chiều con mới dạy mặc dầu ra tay.
- 1623 Sửa sang buổi gió lèo mây,
Khuyến, Ủng lại lựa một bầy côn quang⁽⁶⁾
- 1625 Dẫn dò hết các mọi đường,
Thuận phong một lá⁽⁷⁾ vượt sang bên Tề.
- 1627 Nàng từ chiếc bóng song the⁽⁸⁾
Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.
- 1629 Bóng dâu đã xé ngang đầu⁽⁹⁾
Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi.
- 1631 Tóc the đã chấm ngang vai⁽¹⁰⁾
Nào lời non nước, nào lời sắt son.
- 1633 Sấn bìm chút phận cỏn con,
Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chẳng ?
- 1635 Thân sao nhiều nỗi bất bằng⁽¹¹⁾
Liệu như cung Quảng ả Hằng nghĩ sao ?⁽¹²⁾
- 1637 Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời⁽¹³⁾

- 1639 Nén hương đến trước Phật đài,
Nỗi lòng khẩn chữa cạn lời vân vân.
- 1641 Dưới hoa dật lữ ác nhân⁽¹⁴⁾
Âm âm khóc quỷ kinh thần mọc ra.
- 1643 Đây sân gươm tuốt sáng lòà,
Thất kinh nàng chữa biết là làm sao.
- 1645 Thuốc mê đầu đã tước vào,
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì.
- 1647 Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng đào viện sách, bốn bề lửa giông.
- 1649 Sẵn thầy vô chủ bên sông,
Đem vào để đó lặn sông ai hay⁽¹⁵⁾
- 1651 Tôi đòi phách lạc hồn bay,
Pha càn⁽¹⁶⁾ bụi cỏ gốc cây ẩn mình.
- 1653 Thúc ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa thất kinh rụng rời.
- 1655 Tổ thầy chạy thẳng đến nơi,
Tới bờ tưới lửa tìm người lao xao.
- 1657 Gió cao, ngọn lửa càng cao,
Tôi đòi tìm đủ nàng nào thấy đâu.
- 1659 Hốt hơ hốt hải nhìn nhau,
Giếng sâu, bụi rậm, trước sau tìm quàng.
- 1661 Chạy vào chốn cũ phòng hương,
Trong gio thấy một đồng xương cháy tàn,
- 1663 Ngay tình, ai biết mưu gian,
Hắn nàng, thôi lại còn bàn rằng ai !
- 1665 Thúc ông sùi sụt ngắn dài,
Nghĩ con vắng vẻ, thương người nét na.
- 1667 Di hài nhặt sắp về nhà,
Nào là khâm liệm nào là tang trai⁽¹⁷⁾
- 1669 Lễ thường đã đủ một hai,
Lục trình⁽¹⁸⁾ chàng cũng đến nơi bấy giờ.

- 1671 Bước vào chốn cũ lâu xưa,
Tro tàn một đống, nắng mưa bốn tường.
1673 Sang nhà cha, tối trung đường⁽¹⁹⁾
Linh sàng⁽²⁰⁾ bài vị, thờ nàng ở trên.
1675 Hỡi ôi ! Hỡi hết sự duyên,
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan.
1677 Gieo mình vật vã khóc than :
“Con người thế ấy, thác oan thế này !
1679 Chắc rằng mai trúc lại vậy,
Ai hay vĩnh quyết⁽²¹⁾ là ngày đưa nhau !”
1681 Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
Để ai rắp thăm, quạt sầu cho khuây !
1683 Gần miền nghe có một thầy.
Phi phù trí quý⁽²²⁾ cao tay thông huyền.
1685 Trên Tam đảo dưới Cửu tuyên⁽²³⁾
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.
1687 Sấm sanh lễ vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
1689 Đạo nhân phục trước tỉnh đàn⁽²⁴⁾
Xuất thần⁽²⁵⁾ giây phút chưa tàn nén hương.
1691 Trở về minh bạch nói tường :
“Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra :
1693 Người này nặng nghiệp oan gia,
Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho !
1695 Mạnh cung⁽²⁶⁾ đang mắc nạn to,
Một năm nữa mới thăm dò được tin.
1697 Hai bên giáp mặt chìn chìn,
Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay !”
1699 Nghe lời nói lạ đường này,
Sự nàng đã thế, lời thầy dám tin !
1701 Chẳng qua đồng cốt quàng xiên,
Người đâu mà lại thấy trên cõi trần ?
1703 Tiếc hoa, những ngậm ngùi xuân,
Thân này để lại mấy lần gặp tiên !

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 1671 – Chữ *lầu xưa* câu này có bản in là *lầu thơ*, lại có bản in là *lầu thư*. Chắc đổi ra thế cho đúng với chữ “phong đào viện sách” ở trên, nhưng e câu nệ quá và không được thanh thoát bằng “chốn cũ lầu xưa”.

Câu 1693 – Có bản in là “Người này nặng kiếp oan gia”. Chữ *nghiệp* ăn nghĩa với chữ *oan gia* hơn là chữ *kiếp*.

Câu 1697 – Giáp mặt chìn chìn là giáp mặt nhau gần gần quá, gần như hai mặt sát vào nhau, đụng vào nhau. Hai chữ *chìn chìn* nguyên âm Hán là chiến chiến, nên nhiều người đọc “chìn chìn” ra “chiến chiến”.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Ngựa ghê hờn ghen** – tục ngữ thường nói : “Ngựa như ngựa ghê, đòn như đòn ghen” nghĩa là ghê ngựa thì gãi không chán tay, cơn ghen nổi lên thì đánh không mỏi tay, nhất là vợ cả ghen vợ lẽ.

2. **Rấp rãnh** – là sắp sửa định liệu đã lâu.

3. **Dọn** – dẹp hết đồ đạc không cần trong thuyền để đi cho lanh lẹ.

4. **Dây xích** – là cái dây để buộc chân lại, như cái xích, cho khỏi trốn. Đây dùng ý nói đi bất về giữ lại, chứ không phải dùng dây buộc chân lại thật.

5. **Phu nhân** – đây tức là Hoạn Bà, mẹ của Hoạn Thư.

6. **Côn quang** – là hạng người côn đồ, trộm cướp. Chữ Hán là quang côn, tiếng Việt nay là du côn.

7. **Thuận phong một lá** – là kéo buồm thuyền dương lên chỉ một lần, rồi thuận gió một chiều mà đi, rất thuận lợi.

8. **Chiếc bóng song the** – là ở một mình trong buồng, lúc nào cũng ngồi buồn bã ở trong cửa sổ ngoài che màn the.

9. **Bóng dậu đã xế ngang dậu** – ý nói : cha mẹ tuổi già như mặt trời buổi chiều đã xế xuống ngang dậu trên ngọn dầy dậu trồng ở phía tây nhà để che nắng buổi chiều. Chữ *dậu* nói ở đây là loài dậu bụi (hay dâm bụi), chữ Hán là tang du. Câu này lấy điển ở câu : Nhật lạc tang du – *Mặt trời xế xuống ngọn dầy dậu bụi*.

10. **Tóc thể đã chấm ngang vai** – là chỗ chân món tóc nàng cắt để thể với Kim Trọng, bây giờ đã mọc lại dài xuống đến vai rồi. Ý nói nàng rất ân hận vì nỗi số kiếp khiến nàng không lấy được Kim Trọng mặc dù đã thể cẩn thận với chàng.

11. **Nỗi bất bằng** – đây là những nông nỗi oan khổ mà số mệnh bất nàng phải chịu, khiến lòng nàng lúc nào cũng ân hận lo buồn không yên tĩnh.

12. **Cung Quảng ở Hằng** – cung Quảng là Quảng Hàn Điện ở trên mặt trăng. Nghiã đen chữ “Quảng Hàn Điện” là toàn đèn mệnh mỏng lạnh lẽo.

Á Hằng là nàng Hằng Nga. Truyền thần tiên xưa nói : Hậu Nghệ được bà tiên Tây Vương Mẫu cho gói thuốc bất tử. Bà vợ Hậu Nghệ là Hằng Nga uống trộm rồi trốn bay lên mặt trăng ở điện Quảng Hàn.

Đọc lại câu Kiều dẫn đo muốn từ hôn với Thúc Sinh trước :

“Vả trong thêm Quế cung Trăng,
Chủ trưởng đành đã chị Hằng ở trong”

thì biết chữ *Á Hằng* này tác giả dùng để chỉ Hoạn Thư, và chữ *Cung Quảng* để nói nàng đã bị chồng bỏ lửng suốt một năm.

13. **Nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời** – ba sao là ba ngôi sao to sáng đều nhau, lại đứng thẳng hàng gần nhau, cách quãng rất đều thành chòm sao đẹp nhất trên bầu trời. Thiên văn Tàu gọi là sao Tâm, tức là ba ngôi sao đứng thành cái đai lưng chòm sao cầm kiếm mà ta vẫn dùng làm đích để ngắm hướng. Ngôi Sao Ba này lúc nửa đêm dạo tháng 8, tháng 9 đứng ở giữa trời ta trông thấy rất rõ.

Câu này lấy điển ở bài thơ Khuyển Thiện của ông Trần Đoàn đời Tống như sau :

Hữu tâm vô tướng tướng tức tâm sinh
Hữu tướng vô tâm tướng tùy tâm diệt
Tam điểm như tinh tượng
Hoành câu bán nguyệt tà
Phi mao tòng thủ đắc
Tổ Phật già cho tha

*Có lòng mà không có tướng, tướng sẽ theo lòng sinh ra,
Có tướng mà không có lòng, tướng sẽ theo lòng tiêu diệt.
Tướng ngoài sáng đẹp như hình Sao Ba,
Mà trong lòng thì độc ác như trăng lưỡi liềm nằm ngang,
Khi bởi lòng xem tướng ai, thì cứ xét chỗ đó là được,
Dù ai ngoài mặt làm ra bộ hiền lành như Phật, cũng mặc.*

Bài thơ này khuyên người ta phải giữ lòng cho ngay thẳng tử tế thì mới được hay, được khá. Nếu trông tuồng tốt thật, nhưng lòng hiểm ác thì cũng sẽ khổ sở chẳng làm nên điều gì.

14. **Dậy lũ ác nhân** – chữ *dậy* này nghĩa là nổi dậy, bỗng hiện ra.

15. **Lộn sông** – hay lộn sông, là tráo lộn để đánh lừa ngay trước mắt đám đông.

16. **Pha càn** – là xông bừa vào.

17. **Khâm liệm, tang trai** – lễ tang ta, người chết rồi, rửa mặt, cắt móng tay chân, mặc quần áo tử tế; để nằm ngay ngắn; lấy giấy trắng phủ mặt. Trước khi vào áo quan, trải hai bức mền vải xuống đất, bức rộng màu vàng gọi là đại khâm ở dưới, bức hẹp hơn màu trắng ở trên gọi là tiểu khâm hay liệm y; dưới tiểu khâm đặt sẵn ba băng vải. Rồi làm lễ Phạn Hâm – *bỏ vàng ngọc hay tiền gạo vào mồm*, và hạ thổ đặt người chết xuống đất trên hai bức mền. Gối bức tiểu khâm lại, buộc cho vuông gọn, rồi gọi con cháu thân cận chung quanh bức đại khâm mà sẽ khiêng lên đặt vào trong áo quan. Lễ gói bọc thân ma như thế gọi là *khâm liệm*.

Tang trai là các lễ chôn cất và tụng kinh cúng lễ.

18. **Lục trình** – là đường trên cạn, hay đường bộ.

19. **Trung đường** – là nhà giữa. Đây ý là Thúc Ông thương Kiều quá, đặt bàn thờ nàng ở chính nhà sang nhất. Đáng lẽ phận lễ mọn chỉ được thờ ở nhà ngang, nhà dưới.

20. **Linh sàng** – là bàn thờ người mới chết.

Bài vị là cái biển gỗ nhỏ biên tên tuổi người chết, thường đặt trên cái ngai ở trên cùng bàn thờ.

21. **Vinh quyết** – là lời dặn lại khi chào nhau ra đi lần cuối cùng, nhất là lúc sắp chết.

22. **Phi trù trí quỷ** – là phép đốt tờ giấy bùa để đưa hồn người sống đi tìm hồn người chết về của các thầy đồng. Tục gọi là đánh đồng thiếp. Thông huyền là giao thông với hồn người chết.

23. **Tam đảo, Cửu tuyến** – tam đảo là ba núi tiên ở trên trời ngoài bể: Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu.

Cửu tuyến là cõi âm phủ, vì ở dưới chín lần suối.

24. **Tĩnh đàn** – là bàn thờ rất thanh tịnh lập ra để cúng cầu thần thánh.

25. **Xuất thần** – là thả hồn mình ra khỏi xác để đi tìm hồn người chết mà hỏi han.

26. **Mạnh cung** – tử vi có 12 cung như Thân cung nói về cha mẹ, Mạnh Cung nói về thân mình, Bào cung nói về anh em... Sách nói Mạnh Cung mà khi có sao Bội tối thì có tai nạn vào thân.

đoạn XVI

oai bà lại bộ
nhục kiếp thanh y

thân này
để lại
mấy lần
gặp tiên!

- 1705 Nước trôi hoa rụng đã yên⁽¹⁾
Hay dâu địa ngục⁽²⁾ ở miền nhân gian !
- 1707 Khuyển, Ung đã dắt mưu gian⁽³⁾
Vực nằng đưa xuống để an dưới thuyền.
- 1709 Buồm cao lèo thẳng cánh suyền⁽⁴⁾
Đè chừng huyện Tích, bằng miền vượt sang.
- 1711 Đỗ dò, lên trước sảnh đường⁽⁵⁾
Khuyển, Ung, hai đứa nộp nằng dâng công.
- 1713 Vực nằng tạm xuống môn phòng⁽⁶⁾
Hãy còn thêm thiếp giặc nông chưa phai.
- 1715 Hoàng lương⁽⁷⁾ chột tỉnh hồn mai,
Cửa nhà dâu mất, lâu đài nào đây ?
- 1717 Bàng hoàng⁽⁸⁾ dở tỉnh dở say,
Sảnh đường mắng thấy đòi ngay lên hầu.
- 1719 Nha hoàn⁽⁹⁾ liền xuống giục mau,
Hải hùng nằng mới theo sau một người.
- 1721 Ngược trông⁽¹⁰⁾ tòa rộng dãy dài,
Thiên quan Chủng tế⁽¹¹⁾ có bài treo trên.
- 1723 Ban ngày sập thấp hai bên,
Giữa giường thất bảo⁽¹²⁾ ngồi trên một bà.
- 1725 Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra,
Sự mình nằng đã cú mà gửi thừa.
- 1727 Bất tình nổi trận gió mưa,
Dức⁽¹³⁾ rằng : “Những giống bơ thờ quen thân !
- 1729 Con này chẳng phải thiện nhân,
Chẳng phượng trồn chủ⁽¹⁴⁾ thì quân lộn chồng.
- 1731 Ra tuồng mèo mả, gà đồng⁽¹⁵⁾
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
- 1733 Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn khùng khỉnh làm cao thế này !
- 1735 Nào là gia pháp nọ bay,
Hãy cho ba chục, biết tay một lần !”

- 1737 Nha hoàn trên dưới dạ rân,
Dầu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào !
- 1739 Trúc côn ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng khinh !
- 1741 Xót thay đào lý một cành,
Một phen mưa gió tan tành một phen.
- 1743 Hoa nô, truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy áp vào phiên thị tỳ⁽¹⁶⁾
- 1745 Ra vào theo lũ thanh y⁽¹⁷⁾
Dãi dầu tóc rối, da chì quần bao !
- 1747 Quần gia có một mụ nào,
Thấy người thấy nét ra vào mà thương.
- 1749 Khi chèn chén⁽¹⁸⁾ khi thuốc thang,
Đem lời phương tiện mở đường hiếu sinh⁽¹⁹⁾
- 1751 Dạy rằng : “May rủi đã đành,
Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay.
- 1753 Cũng là oan nghiệt chi đây,
Sa cơ mới đến thế này chẳng dưng.
- 1755 Ở đây tai vách mạch rừng⁽²⁰⁾
Thấy ai quen thuộc cũng dưng nhìn chi.
- 1757 Kẻo khi sấm sét bất kỳ,
Con ong cái kiến kêu gì được oan !”
- 1759 Nàng càng giọt ngọc như chan,
Nỗi lòng luống những bàn hoàn niềm tây.
- 1761 Phong trần kiếp đã chịu dày,
Lầm than⁽²¹⁾ lại có thứ này bằng hai !
- 1763 Phận sao bạc chẳng vừa thôi ?⁽²²⁾
Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan !
- 1765 Đã đành tức trái tiền oan⁽²³⁾
Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi !
- 1767 Những là nường nấu qua thì,
Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia.

- 1769 Mẹ con trò chuyện lân la,
Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời :
1771 “Tiểu thư dưới trướng thiếu người,
Cho về bên ấy, theo đòi lầu trang.”
1773 Lĩnh lời, nàng mới theo sang,
Biết đâu địa ngục, thiên đàng là đâu ?
1775 Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,
Phận con hầu giũ con hầu dám sai.
1777 Phải đêm êm ả chiều trời,
Trúc ty⁽²⁴⁾ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.
1779 Lĩnh lời nàng mới lựa dây,
Nỉ non thánh thót, dễ say lòng người.
1781 Tiểu thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.
1783 Cửa người đầy đọa chút thân,
Sớm than thở bóng, khuya năn nỉ lòng.
1785 Lâm Chi chút nghĩa đèo bông,
Nước non để chữ tương phùng kiếp sau.
1787 Bốn phương mây trắng một màu⁽²⁵⁾
Trông vời cố quốc⁽²⁶⁾ biết đâu là nhà.
1789 Lần lần tháng trọn ngày qua,
Nỗi gần nào biết đường xa thế này.

GIẢI ĐÍCH – XÁC ĐỊNH

Câu 1727 – Chữ *gió mưa* có nghĩa là giận dữ. Nhiều bản in lầm ra *mây mưa*, thật không hợp nghĩa ở chỗ này.

Câu 1784 – Nghĩa là ban ngày thấy bóng mình trước nắng lại thương mình chỉ dám than thở với bóng mình, không dám để ai biết. Lúc canh khuya cũng vậy, ngủ không được mà chỉ những mình lại năn nỉ nỗi đau xót với chính lòng mình, chẳng dám nói cùng ai. Tả cảnh cô đơn khổ cực vô cùng.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Nước trôi hoa rụng** – lấy điển ở câu chữ Hán : Lưu thủy lạc hoa – Hoa rụng vào suối nước chảy, phải chìm chìm nổi nổi mà chẳng biết trôi đi đâu.

2. **Địa ngục** – nhà giam tù ở cõi âm phủ.

3. **Đã dắt mũi gian** – là đã làm trôi chảy được các mưu chước giả dối như buôn bán được đắt hàng.

4. **Thăng cánh suyền** – Suyền là đi thật nhanh một mạch. Thăng cánh suyền là gió thuận thổi vào cánh bướm đi nhanh như bay.

5. **Sánh đường** – là nơi quan làm việc công. Tác giả dùng chữ này để tả sự hống hách quá phép của Hoạn Bà. Các bà quan hay có thói lạm quyền như vậy.

6. **Môn phòng** – là căn phòng giam giữ phạm nhân ở gần cổng canh trước dinh các quan.

7. **Hoàng lương** – nghĩa đen là kê vàng. Ngày xưa Lữ Sinh đời nhà Đường, thi hỏng về gặp ông Lã Tiên ở một quán ăn. Ông thấy Lữ buồn chán, mới cho mượn chiếc gối, bảo Lữ gối đầu mà ngủ cho đỡ phiền. Lúc đó người chủ quán mới quấy nồi cháo kê vàng. Lữ mới gối đầu nằm, liền thấy lấy được vợ họ Thôi rất đẹp, rất giàu; lại đồ Tiên sĩ được vua yêu cho làm quan to; lại có công phá được giặc Nhung, được làm Tể Tướng hơn 10 năm, có 5 con trai đều làm quan to, có 10 cháu trai đều làm rể nhà quan sang; sống hơn 80 tuổi mới chết... thì bỗng tỉnh dậy, thấy nồi cháo kê vẫn chưa chín. Lữ quái lạ hỏi Lã Tiên, thì Lã nói : “Lạ gì, cuộc phú quý đời người đều như thế cả, ta còn ham muốn làm gì cho nhọc bưng”.

Do truyện này người sau mới gọi giấc mơ ngủ là giấc Hoàng lương. Cái gối Lã Tiên đưa cho Lữ Sinh nằm ngủ được giấc mơ

phú quý ấy làm bằng gỗ cây mai, nên các văn sĩ sau gọi giấc mộng là Hồn mai.

8. **Bàng hoàng** – là hãy còn say như mê, lúc mới tỉnh dậy có vẻ ngơ ngác lo sợ.

9. **Nha hoàn** – nhiều người đọc trại đi là A hoàn, là đứa hầu tố gái, tóc còn đen như quạ (nha là quạ) và kết thành hai món trái đào hình như chữ “nha” là vật có phần ngọn chia hai nhánh. Lại có người nhìn lầm chữ *nha* ra *tiểu* mà đọc lầm ra là tiểu hoàn.

10. **Ngước trông** – là sợ hãi quá, chỉ dám hơi đưa to mắt lên mà nhìn, chứ không dám ngửa hẳn mặt lên.

11. **Thiên Quan Chung Tế** – là chức quan cao nhất ở triều đình xưa. Nhà Chu đặt ra chức Thiên Quan Chung Tế để cai quản tất cả các quan. Về đời Minh, các quan hơi cao ở Bộ Lại đều lạm xưng là Lại Bộ. Vì Bộ Lại là Bộ giữ việc tuyển bổ thăng giáng các quan, nên nhà họ Hoạn dám lạm quyền treo bảng “Thiên Quan Chung Tế” cho oai.

12. **Giường thất bảo** – là giường đẹp sang nhất hạng, có khảm bảy thứ vàng ngọc quý báu.

13. **Dức** – quan mắng, quan gắt gọi là dức. Tác giả dùng chữ này để tả nổi bật vẻ hách dịch của bà Lại Bộ họ Hoạn.

14. **Trốn chủ** – tục Tàu xưa, chủ nhà giấu sang hay xuất tiền ra mua con gái nhà nghèo về làm tôi đòi; nếu không có tiền chuộc ra, thì phải ở hầu hạ suốt đời. Nếu chủ có độ lượng thương người thì còn khá, nhưng phần nhiều họ cậy của hành hạ bất nhân. Nên hay có những vụ gái nghèo trốn chủ ra đi, nếu chủ bắt được thì bị tội vạ khổ sở.

Lộn chồng là bỏ chồng cũ trốn đi lấy chồng khác.

15. **Mèo mả gà đồng** – là nói những gái du đãng, giang hồ, vô gia đình sống vất vả hư hỏng như con mèo già hoá cáo ở nhà mả ngoài đồng. Gà đồng là loài gà rừng, dù bắt về chăm nuôi thế nào cũng không quen, thả ra là bay.

16. **Áp vào phiên thị tỳ** – là biên tên vào sổ hầu gái. Chữ *áp* tức là áp danh – *biên tên vào sổ*.

17. **Thanh y** – tục Tàu trước, các tôi tớ trong nhà vẫn mặc áo xanh, nên gọi là lũ thanh y. Chữ *phiên* tức là các thị tỳ phải cắt phiên nhau mà hầu.

18. **Chè chén** – là chén trà chén cháo chăm nom lúc Kiều ốm đòn.

19. **Đem lời phương tiện mở đường hiếu sinh** – lời phương tiện là những lời theo chiều hướng thuận tiện mà khuyên nhủ cho người hiểu mọi lẽ. (phương – *chiều hướng*)

Mở đường hiếu sinh là khuyên nhủ khiến cho Kiều khỏi chán đời mà lại muốn cố sống.

20. **Tai vách mạch dừng** – vách là những bức thuận chia ngang nhà ở ra làm các phòng. Dừng là những bức vách dọc đằng sau nhà làm bằng những thanh tre đan dừng với nhau, ngoài chất đất cho kín phẳng.

Tục ngữ có câu : “Dùng có mạch, vách có tai” nghĩa là ngoài bức vách chung quanh chỗ ta ở, thường có kẻ áp tai nghe, ghé mắt dòm để rình ta, nên ta phải giữ gìn.

21. **Lắm than** – do chữ đồ than dịch ra. Đồ là bùn lắm ở mặt đường, thán là than tro. Nghĩa bóng chữ “lắm than” là khổ sở nhục nhã như phải lăn lộn ở mặt đường những than bùn đen bẩn.

22. **Bạc chẳng vừa thôi** – nghĩa là sao số phận bạc quá, bạc thế.

23. **Tức trái tiền oan** – nghĩa là nợ cũ đã lâu, hay oan nghiệp từ kiếp trước, bây giờ phải trả, phải đền.

24. **Trúc ty** – trúc là tre, tức là cái ống sáo, ty là tơ tức là đàn.

25. **Bốn phương mây trắng một màu** – thơ cổ có câu : Tú cổ bạch vân mê – *Ngó trông bốn bề chỉ thấy mây trắng mù mịt một màu, chẳng biết quê cha mẹ ở đâu.*

26. **Cố quốc** – nghĩa đen là nước cũ; nghĩa rộng là nơi quê quán cha mẹ của mình.

đoạn XVII

thấp cao chung sợ
đau sướng khác lòng

hỏi gần
nào biết
đường xa
thế này.

- 1791 Lâm Chi từ thuở uyên bay⁽¹⁾
Buồng không, thương kẻ thảng ngày chiếc thân.
- 1793 Mây xanh trắng mới in ngần⁽²⁾
Phấn thừa hương cũ⁽³⁾ bội phần xót xa.
- 1795 Sen tàn, cúc lại nở hoa⁽⁴⁾
Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.
- 1797 Tìm đâu cho thấy cố nhân ?
Lấy câu vận mệnh⁽⁵⁾ khuây dần nhớ thương.
- 1799 Trạnh niêm nhớ cảnh gia hương,
Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê.
- 1801 Tiểu thư đón cửa đã đề⁽⁶⁾
Hàn huyền vừa cạn mọi bề gần xa.
- 1803 Nhà hương⁽⁷⁾ cao cuốn bức là,
Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
- 1805 Bước ra một bước một dừng,
Trông xa, nàng đã tỏ chùng nẻo xa :
- 1807 “Phải rằng nắng quáng đèn lò⁽⁸⁾
Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc sinh ?
- 1809 Bây giờ tình mới tỏ tình,
Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai !
- 1811 Chúc đâu có chúc lạ đời !
Người đâu mà lại có người tinh ma !
- 1813 Rõ ràng thật lứa đôi ta,
Làm ra con ở chủ nhà đôi nơi !
- 1815 Bề ngoài thơn thớt nói cười⁽⁹⁾
Mà trong nham hiểm, giết người không dao !⁽¹⁰⁾
- 1817 Bây giờ đất thấp, trời cao,
Ăn làm sao nói làm sao bây giờ ?”
- 1819 Càng trông mặt, càng ngắn ngớ,
Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời.
- 1821 Sợ oai dám chẳng vâng lời,
Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.

- 1823 Sinh đà phách lạc, hồn xiêu :
 “Thương ôi ! chẳng phải nàng Kiều ở đây ?
- 1825 Nhân làm sao đến thế này ?
 Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi !”
- 1827 Sợ quen dám hở ra lời⁽¹¹⁾
 Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi giở sa.
- 1829 Tiểu thư trông mặt hỏi tra :
 “Mối về có việc chi mà động dung ?”⁽¹²⁾
- 1831 Sinh rằng : “Hiếu phục vừa xong⁽¹³⁾
 Suy lòng trắc dĩ, đau lòng chung thiên !”⁽¹⁴⁾
- 1833 Khen rằng : “Hiếu tử đã nên,
 Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu.”
- 1835 Vợ chồng chén tạc chén thù⁽¹⁵⁾
 Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi⁽¹⁶⁾
- 1837 Bắt khoan bắt nhật đến lời,
 Bắt quì tận mặt bắt mời tận tay.
- 1839 Sinh càng như đại như ngây,
 Giọt dài, giọt ngắn, chén đầy, chén vơi.
- 1841 Ngánh đi chợt nói chợt cười,
 Cáo say chàng đã giạm⁽¹⁷⁾ bài lảng ra.
- 1843 Tiểu thư vội thét : “Con Hoa,
 Khuyên chàng chẳng cận thì ta có đòn !”
- 1845 Sinh càng nát ruột tan hồn,
 Chén mời, phải ngậm bồ hòn⁽¹⁸⁾ ráo ngay.
- 1847 Tiểu thư cười nói tỉnh say,
 Chứa xong cuộc rượu, lại bày trò chơi.
- 1849 Rằng : “Hoa nô đủ mọi tài,
 Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe.”
- 1851 Nàng đà than hoá tên mê
 Vâng lời ra trước bình the⁽¹⁹⁾ vắn đàn.
- 1853 Bốn dây như khóc như than,
 Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng !

- 1855 Cũng trong một tiếng tơ đồng⁽²⁰⁾
 Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.
- 1857 Giọt châu lã chã khôn cầm,
 Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt sương⁽²¹⁾
- 1859 Tiểu thư lại thét lấy nàng :
 “Cuộc vui gây khúc đoạn trường ấy chi ?
- 1861 Sao không biết ý tứ gì ?
 Cho chàng buồn bã tội thì tại người !”
- 1863 Sinh càng thảm thiết bồi hồi,
 Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua.
- 1865 Giọt rỗng canh đã điểm ba,
 Tiểu thư nhìn mặt dường đà cam tâm.
- 1867 Lòng riêng tấp tễnh mừng thầm,
 “Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay !”
- 1869 Sinh thì gan héo, ruột đầy,
 Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.
- 1871 Người vào chung gối loan phòng,
 Nàng ra tựa bóng đèn gióng canh dài⁽²²⁾
- 1873 Bây giờ mới tỏ tấm hơi,
 Máu ghen, đâu có lạ đời nhà ghen !
- 1875 Chúc đâu rẽ thúy, chia uyên⁽²³⁾
 Ai ra đường nấy, ai nhìn được ai ?
- 1877 Bây giờ một vực, một trời⁽²⁴⁾
 Hết điều khinh trọng, hết lời thị phi !
- 1879 Nhẹ như bắc, nặng như chì,
 Gỡ cho ra nữa, còn gì là duyên !
- 1881 Lỡ làng chút phận thiên quyên,
 Bể sâu sóng cả, có tuyến được vay ?
- 1883 Một mình âm ỷ canh chầy,
 Đĩa dầu vơi nước mắt đầy năm canh.
- 1885 Sớm khuya lệ tủi đầy đoanh,
 Tiểu thư chạm mặt⁽²⁵⁾ dè tình hỏi tra.

- 1887 Lựa lời, nàng mới thừa qua :
 “Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.”
- 1889 Tiểu thư hỏi lại Thúc Sinh :
 “Cây chàng tra lấy thực tình cho nao !”
- 1891 Sinh đà ruột rút như bào⁽²⁶⁾
 Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang.
- 1893 Những e lại lụy đến nàng,
 Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra.
- 1895 Cúi đầu quỳ trước sân hoa,
 Thân cung⁽²⁷⁾ nàng mới dâng qua một tờ.
- 1897 Diện tiền trình với tiểu thư,
 Thoạt xem dường có ngẩn ngơ chút tình.
- 1899 Liền tay trao lại Thúc Sinh,
 Rằng : “Tài nên trọng, mà tình nên thương,
- 1901 Ví chẳng có số giàu sang,
 Giá này dẫu đúc nhà vàng⁽²⁸⁾ cũng nên !
- 1903 Bể trần⁽²⁹⁾ chìm nổi thiên quyên,
 Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời !”
- 1905 Sinh rằng : “Thật có như lời,
 Hồng nhan bạc mệnh, một người nào vay !
- 1907 Nghìn xưa âu cũng thế này,
 Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa.”
- 1909 Tiểu thư rằng : “Ý trong tờ,
 Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa Không⁽³⁰⁾
- 1911 Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
 Cũng cho cho nghỉ trong vòng bước ra.
- 1913 Sẵn Quan Âm Các vườn ta⁽³¹⁾
 Có cây trăm thuốc, có hoa bốn mùa⁽³²⁾
- 1915 Có thảo thụ, có sơn hồ,
 Cho nàng ra đó giữ chùa tụng kinh.”
- 1917 Tàng tàng trời mới bình minh,
 Hưởng hoa ngũ cúng sắm sanh lễ thường.

- 1919 Đưa nàng đến trước Phật đường,
Tam quy ngũ giới⁽³³⁾ cho nàng xuất gia.
- 1921 Áo xanh đổi lấy cà sa,
Pháp danh⁽³⁴⁾ lại đổi tên ra Trạc Tuyên.
- 1923 Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
Xuân, Thu⁽³⁵⁾ cắt sẵn hai tên hương trà.
- 1925 Nàng từ lánh gót vườn hoa,
Đường gần rừng tía⁽³⁶⁾ đường xa bụi hồng.
- 1927 Nhân duyên đâu nữa mà mong,
Khỏi điều thẹn phận, tủi hồng thì thôi.
- 1929 Phật tiền thăm lấp sâu vùi,
Ngày pho thủ tự⁽³⁷⁾ đêm nôi tâm hương⁽³⁸⁾
- 1931 Cho hay giọt nước cành dương⁽³⁹⁾
Lửa lòng⁽⁴⁰⁾ tưới tắt mọi đường trần duyên.
- 1933 Nâu sông từ trở màu thiên⁽⁴¹⁾
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu,
- 1935 Quan phòng⁽⁴²⁾ then chặt lưới mau,
Nói lời trước mặt, rơi châu vắng người.
- 1937 Gác kinh viện sách đôi nơi,
Trong gang tấc lại gấp mười quan sơn.

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 1851 – Than hoá là bệnh trúng gió làm cho trí óc mê sảng và người co run. Đây nói Kiều được lệnh gầy đàn cho Thúc Sinh nghe, giật mình như bị trúng gió, người run lên.

Câu 1885 – Câu này lấy ý ở câu chữ Hán : Sầu lệ thường doanh khuông – *Nước mắt sầu tủi thường ứa ra đầy trong vành mắt*. Khuông là hai mí mắt, doanh là vùng bể. Mắt doanh là mắt bể. Sách thuốc gọi mắt là Ngân hải – *bể bạc*. Trong văn chương, mắt người khổ cực khóc nhiều vẫn gọi là Lệ hải – *bể nước mắt*.

Câu 1893 – Chữ *những* ở câu này, các bản Kiều đều phiên âm là *những*, thành ra nghĩa câu này không liên tiếp với mấy câu trên và dưới. Phải đề là “nhưng” mới thật đúng.

Câu 1915 – Có thảo thụ nghĩa là có cảnh hoa cỏ đẹp, cây cối mát. Có bản in chữ *thảo thụ* là *cổ thụ*, nghĩa không đẹp bằng, đổi lại không chỉnh với hai chữ *sơn hồ*.

Câu 1916 – Chữ *chép kinh* có bản in là *đọc kinh*, có bản in là *viết kinh* đều lầm cả. Chữ *đọc* thì thật sai hẳn nghĩa, còn chữ *viết* thì không xác đáng bằng chữ *chép*. Vì viết kinh còn có nghĩa là sáng tác ra một quyển kinh. Bên Phật giáo có tục chép kinh Phật để phân phát cầu phúc. Có người thuê chép hàng trăm quyển kinh để phát cho dân chúng.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Uyên bay** – uyên ương là loài chim chân vịt, có lông đẹp, sống ở sông hồ, đôi nào riêng đôi ấy, luôn ở bên nhau. Nên văn sĩ vẫn dùng chữ uyên ương để chỉ vợ chồng. Đây nói uyên bay nghĩa bóng là Kiều bị bắt đi.

Đáng lẽ nói ương bay mới đúng, vì ương mới là con mái. Nhưng vì tiếng *ương* nghe không đẹp, vì gần chữ *ương* *ngạnh* hay *tai ương* nên con gái chỉ đặt tên là *uyên* cho đẹp. Tác giả cũng theo tục ấy, nói “uyên bay”

2. **Trắng mới in ngần** – ý nói Thúc Sinh mỗi khi trông thấy trắng đầu tháng hình cong như cánh cung, lại nhớ đến đôi lông mày đẹp của Kiều giống như vậy.

3. **Phấn thừa hương cũ** – văn chữ Hán có câu : Thặng phấn dư hương – *Phấn hương còn thừa của người vợ đã mất đi làm cho chồng trông thấy, người thấy lại càng thương nhớ khổ sở*.

4. **Sen tàn cúc lại nở hoa** – sen nở về mùa hè, cúc nở về mùa thu. Nghĩa bóng là mùa hè đã hết, lại sang mùa thu rồi. Ý nghĩa thâm thúy của câu này nói : Cái tình đầm thắm như hoa sen, đối với Kiều thì đã tàn rồi, và cái tình nhạt nhẽo đung đẵng như hoa cúc đối với Hoạn Thư lại sắp sửa nảy nở trở lại.

5. **Vận mệnh** – tức là vận hạn số mệnh do trời định cho mình, mình phải chịu không thể trốn tránh được.

6. **Dã dề** – là vui vẻ niềm nở.

7. **Nhà hương** – là nhà có hoa lan thơm, do chữ lan thất dịch ra, nên bản kinh để nguyên chữ là *nhà lan*, tức là căn nhà lịch sự sạch thơm để tiếp khách.

8. **Nặng quáng đèn loà** – nghĩa là bị nặng làm cho quáng mắt, bị đèn làm cho loá mắt. Ý câu này nói : nào có phải mắt Kiều bị nặng, bị đèn làm cho quáng loà đâu. Rõ ràng Kiều trông thấy Thúc Sinh ngồi hần hoi.

9. **Thơn thớt** – là cười nói tỏ ra một cách vui vẻ bên ngoài.

10. **Giết người không dao** – chữ Hán có câu : Sát nhân vô đao kiếm – *Giết người không cần dùng đến dao gươm*.

11. **Sợ quen** – ý nói Thúc Sinh sợ vợ đã thành thói quen rồi, không chữa được.

12. **Động dung** – là đổi nét mặt vì lòng thương cảm.

13. **Hiếu phục** – là con mặc quần áo tang mẹ. Xem câu này thì biết Thúc Sinh lấy Kiều trong khi còn tang mẹ là trái lễ trái luật, nên lại sợ Hoạn Thư không dám nhận Kiều là vợ lẽ.

14. **Trắc dĩ, chung thiên** – trắc dĩ nghĩa là nhớ bố mẹ. Trong Kinh Thi có mấy bài thơ của người lính thú phương xa tả lòng nhớ mẹ, có câu : Trắc bi dĩ hề, Chiêm vọng mĩ hê – *Lên núi kia này, trông ngóng mẹ này*.

Chung thiên, sách Nho gọi con để tang cha mẹ là Chung thân chí tang – *Cuộc tang chở suốt đời*. Nên gọi cha mẹ là *chung thiên* nghĩa là cho đến lúc hết tuổi trời cho.

15. **Chén tạc chén thù** – tạc là rượu mời, thù là rượu mời trả lại.

16. **Trì hồ** – là người cầm hồ rượu mà đứng hầu, thấy chén ai cạn thì đến rót mời thêm.

17. **Giặm** – là nói uống trước. *Giặm bài lẳng ra* tức là Thúc Sinh tỏ ý mình đã uống say rồi, thôi không muốn uống nữa để Kiều khỏi phải đứng hầu.

18. **Bồ hòn** – là thứ quả cây hình tròn và cũng có hạt đen như quả nhãn, nhưng vỏ có nhiều nhựa rất dính và dùng để giặt quần áo được. Quả bồ hòn trong rất ngon, trẻ con không biết bỏ vào mồm ăn là vùi nhè ra ngay. Cho nên khi ta gặp việc đắng cay đau khổ mà cứ phải đành chịu thì nói là ngậm bồ hòn.

Ca dao có câu : “Đắng cay em ngậm quả bồ hòn, Con nhà gia thế mà chồng con kém người.”

19. **Bình the** – tức là bức bình phong bằng the căng trong mấy khung gỗ.

20. **Tơ đồng** – chữ *đồng* đây là cây đàn làm bằng gỗ cây ngô đồng. Tiếng tơ đồng là tiếng đàn gảy. Sách Hán nói : “Có người đốt gỗ ngô đồng để nấu cơm. Ông Sái Ung nghe tiếng lửa nổ kêu sang sáng biết là gỗ làm đàn tốt, liền đổi gỗ củi khác, xin về làm đàn, quả nhiên tiếng đàn gảy rất hay. Người sau mới biết dùng gỗ cây ngô đồng làm thân cây đàn.”

21. **Giọt sương** – là giọt nước mắt cố kìm hãm lại chỉ còn như hạt sương bám vào cánh hoa.

22. **Đèn giong** – là ngọn đèn đốt suốt đêm.

23. **Rẽ thùy chia yên** – thùy là phi thùy, yên là yên ướng. Phi thùy và yên ướng là hai giống chim đều có lông đẹp và đều đôi nào riêng đôi ấy suốt đời ở với nhau. “Rẽ thùy chia yên” nghĩa là làm chia rẽ đôi vợ chồng ra mỗi người một nơi.

24. **Một vực một trời** – là cao thấp cách nhau xa quá như trên đỉnh trời với dưới đáy vực. Chữ Hán có câu : Thiên yên tương khứ – *Trời vực cách nhau*.

25. **Chạm mặt** – là gặp mặt nhau.

26. **Rát ruột như bào** – đau đớn như ruột bị bào, bị nạo.

27. **Thân cung** – là tỏ khai bày tỏ sự lòng và ý nguyện của mình.

28. **Đúc nhà vàng** – lúc vua Hán Vũ Đế còn nhỏ, mới làm Thái tử, một hôm đến chơi nhà bà Trưởng Công chúa, bà chỉ mấy người thị nữ thật đẹp mà hỏi đùa Thái tử có muốn lấy cô nào không. Thái tử đều lắc đầu. Bà mới chỉ con gái bà mới lên 7 tuổi, mà hỏi muốn lấy Ắ Kiêu không? Thái tử nói: “Nếu cháu lấy được Ắ Kiêu, thì cháu đúc nhà vàng cho ở.” Vì chuyện này người sau mới có câu: Kim ốc trữ Kiều – Đúc nhà vàng để chứa nàng Kiều.

29. **Bể trần** – chữ Hán là trần hải, là bể bụi để ví người ta sống ở đời như sống trong vùng rộng như bể, đầy những khổ sở.

30. **Cửa Không** – chữ Hán là Không môn – cửa Phật, vì đạo Phật cho cái gì cũng là không cả.

31. **Quan Âm Các** – là lầu thờ Phật Quan Thế Âm.

32. **Cây trăm thuốc, hoa bốn mùa** – câu này mượn ý ở trong kinh Phật: Bồ đề bách sách thụ, liên toạ tứ thì hoa – Bồ đề là cây cao trăm thuốc, toà sen là hoa nở bốn mùa.

33. **Tam Quy, Ngũ Giới** – Tam Quy là: Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng, nghĩa là phát nguyện đem cả thân và lòng hướng về Phật, hướng đạo Phật, hướng về các vị sư chân chính.

Ngũ Giới là năm giới:

- Giới dâm – răn mê trai gái
- Giới tửu – răn uống rượu
- Giới vọng – răn nghĩ bậy
- Giới đạo – răn trộm cắp
- Giới sát – răn sát sinh

34. **Pháp danh** – tên đặt lúc xin theo đạo Phật. Bên đạo Phật, cái gì thuộc về Phật cũng đều gọi là Pháp, như con nuôi Sư gọi là Pháp Tử, áo mặc lễ Phật gọi là Pháp y, các đồ đạc thờ Phật gọi là Pháp khí.

35. **Xuân, Thu** – là tên hai đứa hầu gái coi sóc Kiều, gọi là Xuân Lan, Thu Nguyệt.

36. **Rừng tiá** – trong tiểu thuyết Tây Du Ký có chữ: Tử trúc lâm – Rừng tre tiá là chỗ Phật Thế Âm ở. Chữ “rừng tiá” này tả cảnh Phật, đối lại với chữ “bụi hồng” là cõi tục.

37. **Pho thủ tự** – là bộ sách tay nàng chép.

38. **Nội tâm hương** – là nội hương do tâm niệm thành kính mà nàng đốt từng nén hương cắm vào để cầu nguyện.

39. **Giọt nước cành dương** – cành dương tức là cành dương liễu. Chỉ riêng lá dương liễu mặt trên bạc, hơi trắng mà mặt dưới lại xanh, có ý hướng về cõi âm, về linh hồn. Nên Phật Quan Âm dùng cành lá dương liễu vẩy nước cam lồ vào chúng sinh cho linh hồn người sống kẻ chết đều được mát mẻ hay siêu sinh tịnh thổ.

40. **Lửa lòng** – là lòng nóng nảy bùng bột, nó sui người sinh lòng ham muốn tình dục.

41. **Mâu thiên** – là ăn mặc theo lối tu hành như quần áo nâu sồng, ăn chay dưa muối.

42. **Quan phòng** – là canh giữ phòng bị không cho Thúc Sinh và Kiều gặp nhau.

đoạn XVIII

nghe ngấm biết hết
cười hiểm dọa chơi

trong gang
tắc lại
gấp mười
quan sơn.

- 1939 Những là ngậm thở, nuốt than,
Tiểu thư phải buổi vãn an⁽¹⁾ về nhà.
- 1941 Thừa cơ, Sinh mới lên ra,
Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.
- 1943 Sụt sùi dở nỗi đoạn tràng,
Giọt châu tầm tã đượm tràng áo xanh⁽²⁾
- 1945 “Đã cam chịu bạc với tình,
Chúa xuân để tội một mình cho hoa.
- 1947 Thấp cổ thua trí đàn bà,
Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.
- 1949 Vì ta cho lụy đến người,
Cát lầm ngọc trắng, thiệt đời xuân xanh.
- 1951 Quẩn chi lên thác xuống ghềnh,
Cũng toan sống thác với tình cho xong.
- 1953 Tông đường⁽³⁾ chút lửa cam lòng,
Nghĩ rằng bẻ một chữ đồng làm hai.
- 1955 Thẹn mình đá nát vàng phai,
Trăm thân, dễ chuộc một lời được sao !”⁽⁴⁾
- 1957 Nàng rằng : “Chiếc bách⁽⁵⁾ song đào,
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may.
- 1959 Chút thân quần quai vũng lầy,
Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao !
- 1961 Cũng liều một giọt mưa rào⁽⁶⁾
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay.
- 1963 Xót vì cầm đã bén dây,
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.
- 1965 Liệu bài mở cửa cho ra,
Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu.”
- 1967 Sinh rằng : “Riêng tưởng bấy lâu,
Lòng người nham hiểm, biết đâu mà lường.
- 1969 Nữa khi giông tố phũ phàng,
Thiệt riêng đây cũng lại càng cực đây.

- 1971 Liệu mà xa chạy cao bay,
 Ái ân ta có ngần này mà thôi.
- 1973 Bây giờ kẻ ngược người xuôi,
 Biết bao giờ lại nổi lời nước non ?
- 1975 Dẫu rằng sông cạn, đá mòn,
 Con tằm đến thác cũng còn vương tơ.”⁽⁷⁾
- 1977 Cùng nhau kể lẽ sau xưa,
 Nói rồi lại nói lời chưa hết lời.
- 1979 Mặt trông tay chẳng nở rời,
 Hoa tì đã động tiếng người nẻo xa.
- 1981 Nhịn ngưng nuốt tủi đứng ra,
 Tiểu thư đâu đã rẽ hoa bước vào.
- 1983 Cười cười nói nói ngọt ngào,
 “Hỏi chàng mới ở chốn nào lại chơi ?”
- 1985 Dối quanh Sinh mới liệu lời :
 “Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh.”
- 1987 Khen rằng : “Bút pháp⁽⁸⁾ đã tinh,
 So vào với thiếp Lan đình⁽⁹⁾ nào thua !
- 1989 Tiếc thay lưu lạc giang hồ,
 Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài !”
- 1991 Thiên trà cạn nước hồng mai⁽¹⁰⁾
 Thông dong nổi gót thừ trai cùng về.
- 1993 Nàng càng e lệ ủ ê,
 Rỉ tai hỏi lại Hoa Tỳ trước sau.
- 1995 Hoa rằng : “Bà đến đã lâu,
 Dón chân⁽¹¹⁾ đứng nắp độ đâu nửa giờ.
- 1997 Rành rành kẻ tóc chân tơ,
 Máy lời nghe hết đã dư tỏ tường.
- 1999 Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,
 Nỗi ông vật vã nỗi nàng thở than.
- 2001 Dặn tôi đứng lại một bên,
 Chán tai rồi mới bước lên trên lầu.”

- 2003 Nghe lời kinh hãi xiết đâu,
“Đàn bà thế ấy thấy âu một người !
- 2005 Ấy mới gan ấy mới tài,
Nghĩ càng thêm nổi sồn gai⁽¹²⁾ rụng rời !
- 2007 Người đâu sâu sắc nước đời,
Mà chàng Thúc phải ra người bó tay !⁽¹³⁾
- 2009 Thật tang⁽¹⁴⁾ bắt được dường này,
Máu ghen ai chẳng chau mày nghiêng rặng.
- 2011 Thế mà chẳng nói chẳng rằng,
Chào mời vui vẻ nói năng dịu dàng.
- 2013 Giận dầu ra dạ thế thường⁽¹⁵⁾
Cười dầu mới thực khôn lường hiểm sâu.
- 2015 Thân ta ta phải lo âu,
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.
- 2017 Ví chẳng chấp cánh cao bay,
Trèo cây lâu cũng có ngày bẻ hoa !⁽¹⁶⁾
- 2019 Phận bèo bao quản nước sa,
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh !
- 2021 Chín e quê khách một mình,
Tay không chưa dễ tìm vành ấm no.”
- 2023 Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân.
- 2025 Bên mình giắt để hộ thân⁽¹⁷⁾
Lần nghe canh đã một phần trống ba.
- 2027 Cát mình qua ngọn tường hoa.
Lần đường theo bóng trăng tà về tây.
- 2029 Mịt mù dặm cát đồi cây,
Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giày cầu sủng⁽¹⁸⁾
- 2031 Canh khuya thân gái dặm trường,
Phần e đường sá, phần thương dải dẫu.
- 2033 Trời đông vừa rặng ngàn dâu⁽¹⁹⁾
Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà.

- 2035 Chùa đâu trông thấy nẻo xa,
Rành rành “Chiêu Ẩn Am”⁽²⁰⁾ ba chữ bài.
- 2037 Xăm xăm gỗ mái cửa ngoài,
Trụ trì⁽²¹⁾ nghe tiếng rước mời vào trong.
- 2039 Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
Giác Duyên Sư trưởng lành lòng⁽²²⁾ liền thương.
- 2041 Gạn gùng ngành ngọn cho tường,
Lạ lùng nàng hãy tìm đường nói quanh :
- 2043 “Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh,
Quy sư, quy Phật⁽²³⁾ tu hành bấy lâu.
- 2045 Bốn Sư⁽²⁴⁾ rồi cũng đến sau,
Dạy đưa Pháp bảo sang hầu Sư huynh.”⁽²⁵⁾
- 2047 Rầy vâng diện hiến⁽²⁶⁾ rành rành,
Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.
- 2049 Xem qua sư mới dạy qua :
“Phải Ni Hằng Thủy là ta hậu tình⁽²⁷⁾
- 2051 Chín e đường sá một mình,
Ở đây chờ đợi Sư huynh ít ngày.”
- 2053 Gửi thân được chốn am mây,
Muối dưa đắp đổi tháng ngày thông dong.
- 2055 Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay⁽²⁸⁾
- 2057 Sớm khuya lá bối⁽²⁹⁾ phướn mây,
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chầy nện sường⁽³⁰⁾
- 2059 Thấy nàng thông tuệ khác thường,
Sư càng nể mặt nàng càng vững chân.

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 1981 – Nghĩa câu này là nhìn ngừng hết cả sự thở than và nuốt hết cả sự tủi cực đi mà đứng xa nhau ra. Có bản Kiều Quốc ngữ dịch chữ *nhìn ngừng* ra *nhận ngừng* và giảng nghĩa “nhận” là nén xuống, “ngừng” là thương xót, nhận ngừng tức là nén sự thương xót xuống. Giảng thế thật là gượng ghịu.

Câu 2050 – Chữ *Ni Hằng Thủy* ở câu này nhiều bản Quốc ngữ dịch là *Núi Hằng Thủy* thành ra vô nghĩa. Chữ *ni* đây dùng nguyên nghĩa là Sư bà.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Vấn an** – là về quê nhà hỏi thăm cha mẹ và anh em có được bình yên không.

2. **Giot châu tâm tã đượm tràng áo xanh** – nghĩa là nước mắt rơi xuống ẩm ướt cả vạt áo đơn mặc ngoài. Câu này lấy điển ở câu cuối cùng bài *Tỳ Bà Hành* của Bạch Cư Dị :

Toạ trung khắp hạ thủy tối đa ?
Giang châu Tư Mã thanh sam sấp.
Lệ ại chan chứa hơn người ?
Áy quan Tư Mã đắm mùi áo xanh.

3. **Tông đường** – là nhà thờ cúng tổ tiên, ý câu này là Thúc Sinh nói chưa có con trai để nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên nên không nỡ mang Kiều bỏ nhà đi được.

4. **Trăm thân để chuộc một lời được sao** – nghĩa là dù đem trăm lần thân mình để chuộc cái lỗi thế ấy cũng không được. Câu này lấy điển ở câu trong Kinh Thi : Như khả thực hê, Nhân bách kỳ thân – *Nếu mà có thể chuộc được, thì mọi người ai cũng đem trăm lần thân mình ra mà chuộc.*

5. **Chiếc bách** – là chiếc thuyền làm bằng gỗ bách. Bách là một loài thông gỗ nhẹ mà dai bền, làm thuyền rất tốt. Chữ *chiếc bách* lấy điển ở chữ Bách chu trong Kinh Thi, tượng trưng cho người đàn bà goá chồng như chiếc thuyền gỗ bách lênh đênh giữa dòng sông.

6. **Cũng liều một hạt mưa rào** – ý câu này nói Kiều muốn nhảy xuống giếng mà tự tử cho hết đời.

7. **Con tầm đến thác cũng còn vương tơ** – câu này lấy điển ở câu thơ nhỏ tình nhân của Lý Thương Ẩn :

Tương kiến thì nan, biệt diệc nan
Đồng phong vô lực, bách hoa tàn
Xuân tầm đào tử ti phương tận
Lạp cụ thành hồi lệ thủy can

*Lúc gặp nhau khó, lúc từ giã nhau cũng khó
Gió đồng tuy hoà ảm, nhưng không giữ được trăm hoa tàn
Con tầm mùa xuân đến lúc chết mỗi hết tơ
Ngọn nến đến lúc bắc hoá tro giọt nước mắt mỗi khô.*

8. **Bút pháp** – là phép cầm bút để viết. Phép cầm bút lỏng để viết chữ Hán rất khó. Khi cầm bút nghiêng, khi cầm bút thẳng, khi nhấn mạnh ngòi bút, khi nhấn nhẹ, khi đưa nhanh, đưa chậm...

9. **Thiếp Lan đình** – chữ Hán là Lan đình thiếp. Vương Hi Chi người đời Tấn, có tiếng là tay chữ tốt đẹp nhất xưa nay. Ông có làm bài tựa tập thơ vịnh hội Lan Đình ông cho là thần giúp mới làm được bài tựa hay như thế. Cho nên ông mới kén dùng giấy bút, mực đều là hạng tốt nhất để viết thành một tập. Khi viết xong, ông cho là tập văn hay chữ tốt tuyệt bậc, mới truyền cho con cháu giữ làm gia bảo của họ Vương. Mãi đến người cháu 7 đời của ông là Sứ Trí Vinh, vì lời yêu cầu của vua Đường Thái Tông mới đem dâng. Vua Quý lắm, sai Trữ Toại Lương mặc lại để khắc bản in mà phát cho các quan, còn vua giữ bản chính. Khi vua gần mất, dặn lại chỉ mang tập *Thiếp Lan Đình* chôn theo cho vua. Tập thiếp này khắc đi khắc lại truyền mãi cho đến bây giờ.

10. **Thiên trà** – là nước trà nhà chùa vẫn nấu bằng gỗ hoa mai đểo mỏng. Vì mẫu gỗ hơi hồng hồng nên gọi là nước hồng mai.

11. **Dón chân** – là sẽ bước, không cho gót chân nện mạnh xuống đất thành tiếng.

12. **Sồn gai** – là giật mình sợ hãi, tóc gáy như dựng lên, và da nổi gai lên giống da gà vật lông rồi.

13. **Mà chàng Thúc phải ra người bó tay** – câu này tác giả chơi chữ vì Thúc Sinh tên là Thúc Thủ, chữ *thúc* nghĩa là bó, chữ *thủ* nghĩa là giũ nhưng đồng thanh với chữ *thủ* là tay. Nên tác giả mượn tiếng mà đặt.

14. **Thật tang** – là tang chứng rõ ràng, bắt được ngay trước mắt.

15. **Giận dẫu ra dạ thể thường** – câu này lấy điển ở lời Ngự Triều Ân như sau : Ngự Triều Ân là tên hoạn quan được vua Đại Tông nhà Đường tin dùng, rất có thế lực, oai quyền khắp trong triều, ngoài dân. Một hôm Ân mời hai ông Tể Tướng đến đãi tiệc, muốn chế diễu hai ông, sai bọn phường hát diễn kịch nấu canh. Một tên làm đồ nổi canh tắt cả bếp; một tên mắng rằng : “Thế mà cũng đòi nấu canh !”. Nghĩa bóng của chữ *nấu canh* ở Kinh Thư là làm Tể Tướng giúp vua coi việc nước. Một ông Tể Tướng giận quá bỏ tiệc ra về, còn ông kia là Nguyên Tái vẫn vui cười ăn uống như không. Tiệc tan khách về hết, Ngự Triều Ân bảo lũ thuộc hạ : “Người giận kia là nông nổi, tầm thường, ta không lo gì. Còn người kia, bụng dạ thâm độc kín đáo lắm, ta thật đáng sợ.” Sau quả nhiên bọn Ngự Triều Ân bị Nguyên Tái giết.

16. **Bẻ hoa** – đây nghĩa là giết chết.

17. **Hộ thân** – là giữ mình, nuôi sống mình.

18. **Tiếng gà điểm nguyệt, dẫu giày cầu sương** – câu này lấy ý ở hai câu thơ Thương Sơn táo hành – *Cảnh đi sớm ở Thương Sơn* của Ôn Đình Quân đời Đường :

Kê thanh mao điểm nguyệt
Nhân tích bản kiều sương

*Tiếng gà gáy ở trong điểm lộ cỏ gianh dưới bóng trăng
Vết chân người đi ở trên ván cầu đầy những sương móc.*

19. **Trời đông vừa rụng ngàn dâu** – trời đông là phương trời phía Đông, ngàn dâu đây là do chữ phù tang dịch ra. Theo sách *Đan Duyên Tổng Lục* nói thì phù tang là thứ dâu mọc ở trên bể, hai cây mọc liền nhau, nâng đỡ lẫn nhau, nên gọi là “phù tang”. Sách Thiên văn nói : “Mặt trời mọc ở Dương cốc, lặn ở Hàm Trì và phát lên ngon dấy phù tang, thế là lúc bình minh.”

Chỗ lằm với chữ *ngàn dâu* là phương Đông này với chữ *bóng dâu* ở phương Tây.

20. **Chiêu Ẩn Am** – nghĩa đen là cái am mời người đi ẩn vào.

21. **Trụ trì** – là người sư tu đã lâu thành bậc khá, sư ông, sư bà có thể làm chủ một ngôi chùa.

22. **Lành lòng** – do chữ *từ tâm* dịch ra.

23. **Quy sư, quy Phật** – tức là là phát thệ đi tu.

24. **Bổn sư** – là vị sư thấy của mình.

25. **Sư huynh** – là tiếng nói nhà tu hành gọi nhau giữa hai bậc ngang nhau để tỏ lòng thân quý, bất kỳ sư nam hay sư nữ đều gọi là huynh.

26. **Diện hiến** – là dâng trình trước mặt.

27. **Hậu tình** – là chỗ bạn thân tử tế với nhau.

28. **Trai phòng** – là buồng nấu đồ ăn chay ở chùa.

29. **Lá bối** – do chữ *bối điệp* dịch ra. Kinh nhà Phật trước kia thường viết lên lá cây bối đa, một loài cây lá gối, lá nón.

30. **Tiếng chầy nện sương** – là tiếng dùi đánh trống lúc mờ sáng.

đoạn XIX

trú chân nhà bạc
hồi kiếp lầu xanh

sư càng
nể mặt
hàng càng
vững chân.

- 2061 Cửa thiên vừa cũ cuối xuân⁽¹⁾
Bóng hoa đầy đất, vẽ ngân⁽²⁾ ngang trời.
- 2063 Gió quang mây tạnh thanh thời,
Có người đàn việt⁽³⁾ lên chơi cửa già.
- 2065 Giở đồ chuông khánh xem qua,
Khen rằng: “Khéo giống của nhà Hoạn nương!”
- 2067 Giác Duyên thực ý lo lường,
Đêm khuya mới hỏi lại nàng trước sau.
- 2069 Nghĩ rằng khôn nổi giấu màu,
Sự lòng⁽⁴⁾ nàng mới gót đầu bày ngay :
- 2071 “Bây giờ sự đã dường này,
Phận hèn dầu rủi dầu may tại người.”
- 2073 Giác Duyên nghe nói rụng rời,
Nửa thương nửa sợ bồi hồi chẳng xong.
- 2075 Rủi tai mới kể sự lòng :
“Ở đây cửa Phật là không hẹp gì.
- 2077 E chẳng những sự bất kỳ,
Để nàng cho đến thế thì cũng thương.
- 2079 Lánh xa trước liệu tìm đường,
Ngồi chờ nước đến⁽⁵⁾ nên đường còn quê.”
- 2081 Có nhà họ Bạc bên kia,
Am mây quen lối đi về đầu hương⁽⁶⁾
- 2083 Nhấn sang dặn hết mọi đường,
Dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chân⁽⁷⁾
- 2085 Những mừng được chốn yên thân,
Vội vàng nào kịp tính gần, tính xa.
- 2087 Nào ngờ cũng tổ bợm già,
Bạc Bà học với Tú Bà đồng môn⁽⁸⁾
- 2089 Thấy nàng nhột phẩn, nhàm son,
Mắng thầm được món bán buôn có lời.
- 2091 Hừ không đặt để nên lời⁽⁹⁾
Nàng đà nhón nhác rụng rời lắm phen.

- 2093 Mụ càng khua giục cho liền,
Lấy lời hung hiểm ép duyên Chu Trần.
2095 Rằng : “Nàng muôn dậm một thân,
Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa⁽¹⁰⁾
2097 Khéo oan gia, của phá gia,
Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây !
2099 Kíp toan kiếm chốn se dây,
Không dừng chứa dễ mà bay đường trời !
2101 Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
2103 Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
Cũng trong thân thích ruột rà chẳng ai,
2105 Cửa nhà buôn bán châu Thai,
Thật thà có một đơn sai⁽¹¹⁾ chẳng hề.
2107 Thế nào nàng cũng phải nghe,
Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai.
2109 Bấy giờ ai lại biết ai,
Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh⁽¹²⁾
2111 Nàng dù quyết chẳng thuận tình,
Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau.
2113 Nàng càng mặt ủ mày chau,
Càng nghe mụ nói, càng đau như dằm⁽¹³⁾
2115 Nghĩ mình túng đất, sẩy chân,
Thế cùng, nàng mới xa gần thở than :
2117 “Thiếp như con én lạc đàn,
Phải cung rầy đã sợ làn cây cong⁽¹⁴⁾
2119 Cùng đường dầu tính chữ tòng,
Biết người biết mặt biết lòng làm sao ?⁽¹⁵⁾
2121 Nữa khi muôn một thế nào,
Bán hùm buôn sói chắc vào lũng châu ?⁽¹⁶⁾
2123 Dầu ai lòng có sở cầu⁽¹⁷⁾
Tâm mình⁽¹⁸⁾ xin quyết với nhau một lời.

- 2125 Chứng minh có Đất, có Trời,
Bấy giờ vượt bể, ra khơi quản gì !”
- 2127 Được lời mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.
- 2129 Một nhà dọn dẹp linh đình,
Quét sân đặt trác⁽¹⁹⁾ rửa bình thấp nhang.
- 2131 Bạc sinh quì xuống vội vàng,
Quá lời nguyện hết Thành hoàng, Thổ công⁽²⁰⁾
- 2133 Trước sân lòng đã giải lòng,
Trong màn làm lễ tơ hồng kết duyên.
- 2135 Thành thân mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá, xuôi miền châu Thai.
- 2137 Thuyền vừa đỗ bến thành thời,
Bạc sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
- 2139 Cũng nhà hàng viện⁽²¹⁾ xưa nay,
Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.
- 2141 Xem người định giá vừa rồi,
Mỗi hàng một đã ra mười thì buông⁽²²⁾
- 2143 Mượn người thuê kiệu rước nàng,
Bạc đem mặt bạc kiếm đường cho xa.
- 2145 Kiệu hoa đặt trước thêm hoa,
Bên trong thấy một mụ ra vội vàng.
- 2147 Đưa nàng vào lễ gia đường,
Cũng thần mày trắng, cũng phường lâu xanh.
- 2149 Thoắt trông nàng đã biết tình,
Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao.
- 2151 Chém cha cái số hoa đào⁽²³⁾
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi !
- 2153 Nghĩ đời mà ngán cho đời
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen !
- 2155 Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẫn lên mấy lần !

- 2157 Hồng quân với khách hồng quân⁽²⁴⁾
Đã xoay đến thế còn vắn chưa tha !
- 2159 Lỡ từ lạc bước bước ra,
Cái thân liệu những từ nhà liệu đi⁽²⁵⁾
- 2161 Đầu xanh đã tội tình gì ?
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi !
- 2163 Biết thân tránh chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.

GIẢO ĐỊNH - XÁC ĐỊNH

Câu 2089 – Nhột phấn nhàm son nghĩa là da nàng chỗ màu trắng thì đẹp hơn phấn, bôi phấn vào thì nhột nhọt xấu đi; chỗ màu hồng thì đẹp hơn son, bôi son vào chỉ thêm nhàm vô ích. Những bản Kiều in là “mặt phấn tươi son” thì mất ý thâm thúy mà lại không hợp cảnh, vì Kiều đi tu thì còn phấn son nữa đâu.

Câu 2090 – Chữ “món” đây là một món hàng mua bán. Nhiều bản Kiều Quốc ngữ in *món* ra *mối* thật sai nghĩa vì mối hàng là người mua bán với cửa hàng còn món mới là đồ mua bán.

Câu 2097 – Giống oan gia là hạng người xấu xí, ở đâu cũng làm cho người ta mắc tội và oan vì mình. Cửa phá gia là hạng người ăn chơi, ở đâu cũng phá hoại gia đình người ta.

Câu 2098 – Rước nguyên nghĩa là đón một cách long trọng, nhưng khi nói miã mai người ta cũng hay dùng chữ *rước*, như khi mình trót mang một vật gì hay là người nào chẳng ra gì vào nhà, thường than nói: “Biết thế này thì rước cái của nợ ấy về nhà làm gì!” Chữ *rước* trong câu này dùng ý nghĩa miã mai đó.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Cũ cuối xuân** – là dạo cuối mùa xuân.

2. **Vẻ ngân** – về cuối mùa xuân, trời trong nhưng còn hơi sương, nên mặt trăng sáng êm đẹp trông như bạc, bởi vậy chữ Hán có câu: Nguyệt sắc như ngân – *Sắc mặt trăng như bạc*.

3. **Đàn việt** – nguyên nghĩa là người có nhiều công đức với nhà chùa. Về sau thành tiếng chung để gọi những người hay đi lễ chùa. Nguyên chữ đàn tức là đàn na ở Kinh nhà Phật và nghĩa là thí chủ. Và chữ *việt* là việt bản cùng hải – *vượt bể nghèo khổ*.

4. **Sự lòng** – là do chữ *tâm sự* dịch ra, nghĩa là mọi sự lo nghĩ ở trong lòng.

5. **Ngôi chờ nước đến** – lấy ý ở câu tục ngữ: “chờ để nước đến chân mới nhảy mà muộn quá”.

6. **Đi về dầu hương** – là mang đồ lễ đến chùa cúng lễ Phật.

7. **Trú chân** – là đến ở nhờ tạm một thời gian.

8. **Đồng môn** – đồng là cùng, môn là cửa, nghĩa là cùng vào một cửa trường, cùng học một thầy.

9. **Hử không đặt để nên lời** – là bỗng không bịa đặt ra những tin đồn nọ kia nguy hiểm để dọa Kiều.

10. **Dữ gần, lành xa** – ta có câu tục ngữ : “tiếng lành đồn gần, tiếng dữ đồn xa” nghĩa là ai có sự gì tốt lành thì mọi người chỉ nói ở nơi gần thôi, còn ai có sự gì ác dữ thì người nọ tuyên truyền cho người kia, đồn đi xa lắm.

11. **Đơn sai** – là người không hề lừa đảo ai bao giờ, có thể tin được.

12. **Bể rộng sông dài** – nghĩa là ví như con cá đương ở trong chậu được thả ra bể, tha hồ tự do, muốn đi đâu cũng được.

13. **Dẫn** – nghĩa là đánh rất đau.

14. **Phải cung, sợ cây cong** – sách Nho có câu : Thương cung chi điều kiến khúc mộc nhi cao phi – *Con chim đã bị cung bắn hề thấy thanh gổ cong cong là sợ mà cao bay ngay.*

15. **Biết người biết mặt biết lòng làm sao** – do câu chữ Hán : Tri nhân tri diện bất tri tâm dịch ra.

16. **Bán hùm buôn sói** – tục ngữ ta có câu : “Buôn da sói, bán da hùm” để nói kẻ lừa đảo người khờ dại, nhất là lừa gái.

17. **Sở cầu** – nghĩa đen là cái mình tìm kiếm ước ao. Đây nói : Ai muốn lấy tôi, thì phải đem lòng thành thật mà thể là không lừa đảo tôi.

18. **Tâm minh** – đem lòng thành thật mà thể.

19. **Trác** – là cái bàn để bày đồ cúng tế mà tiến dẫn lên bàn thờ.

20. **Thành Hoàng, Thổ Công** – Thành Hoàng là ông thần coi từng khu to như tỉnh, phủ. Thổ Công là ông thần coi một khu nhỏ, như xóm, phố.

21. **Hàng viện** – nghĩa là nhà hàng thanh lâu, ca kỹ.

22. **Buông** – là bán đi, như buông tay thả hàng ra.

23. **Số đào hoa** – theo phép lấy số Tử vi, số đàn bà mà có sao Đào hoa và sao Hồng Loan chiếu vào cung Mệnh thì cả đời sống kiếp trăng hoa giang hồ.

24. **Hồng quân** – hồng là lớn, quân nghĩa là cái mặt tròn to nặng ở dưới mặt bàn tròn nặn đồ sành đồ sứ tròn. Người thợ nặn lấy chân đạp cái hồng quân ở dưới quay lấy đà quay mặt bàn nặn ở trên và dùng tay khéo nặn đất dẻo ở mặt bàn thành hình các đồ tròn như bát đĩa, lọ, nồi.

Cổ nhân cho ông trời là cái máy quay ngẫm rất to rất tài, để nặn ra muôn vật, nặn nên vận mệnh. Cho nên gọi ông trời là Hồng quân.

25. **Liệu** – là tưởng tượng đoán trước những sự sẽ xảy ra cho mình sau này mà lo tính trước lấy cách đối phó cho khỏi khổ.

đoạn XX

gặp người tâm phúc
hả chí anh hùng

cũng liều
mặt phấn
cho rồi
ngày xanh.

- 2165 Lăn trâu⁽¹⁾ gió mát trăng thanh,
 Bồng dêu có khách biên đình⁽²⁾ sang chơi.
- 2167 Râu hùm hàm én mày ngài,
 Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.
- 2169 Đường đường một đấng anh hào,
 Côn quyền hơn sức lược thao⁽³⁾ gồm tài.
- 2171 Đội trời đạp đất ở đời⁽⁴⁾
 Họ Tù, tên Hải, vốn người Việt Đông
- 2173 Giang hồ quen thú vẫy vùng,
 Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo⁽⁵⁾
- 2175 Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,
 Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng.
- 2177 Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
 Hai bên cùng liếc⁽⁶⁾ hai lòng cùng ưa.
- 2179 Từ rằng : “ Tâm phúc tương cờ⁽⁷⁾
 Phải người trăng gió vật vờ hay sao ?
- 2181 Bấy lâu nghe tiếng má đào,
 Mắt xanh⁽⁸⁾ chẳng để ai vào có không ?
- 2183 Một đời được mấy anh hùng,
 Bõ chi cá chậu chim lồng mà chơi ! ”⁽⁹⁾
- 2185 Nàng rằng : “ Người dạy quá lời,
 Thân này còn dám coi ai làm thường !
- 2187 Chút riêng chọn đá thử vàng,
 Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu ? ”⁽¹⁰⁾
- 2189 Còn như vào trước, ra sau,
 Ai cho kén chọn vàng thau⁽¹¹⁾ tại mình ! ”
- 2191 Từ rằng : “ Lời nói hữu tình,
 Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân⁽¹²⁾
- 2193 Lại đây xem lại cho gần,
 Phỏng tin được một vài phần hay không ? ”
- 2195 Thừa rằng : “ Lượng cả bao dung⁽¹³⁾
 Tấn Dương được thấy mây rồng có phen ! ”⁽¹⁴⁾

- 2197 Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
Tắm thân bèo bọt dám phiền mai sau.”
- 2199 Nghe lời vừa ý gật đầu,
Cười rằng : “Tri kỷ trước sau mấy người
- 2201 Khen cho con mắt tinh đời,
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già !⁽¹⁵⁾
- 2203 Một lời đã biết đến ta,
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau.”⁽¹⁶⁾
- 2205 Hai bên ý hợp tâm đầu,
Khi thân chẳng lựa là cầu mới thân.
- 2207 Ngổ lời nói với băng nhân,
Tiền trăm lại cú nguyên ngân phát hoàn⁽¹⁷⁾
- 2209 Buồng riêng sửa chốn thanh nhàn,
Đặt giường Thất Bảo vây màn Bát Tiên⁽¹⁸⁾
- 2211 Trai anh hùng gái thiên quyên,
Phỉ nguyên sánh phượng, đẹp duyên cười rỗng⁽¹⁹⁾
- 2213 Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương⁽²⁰⁾
- 2215 Trông vời⁽²¹⁾ trời bể mệnh mang,
Thanh gươm yên ngựa, lên đường thẳng dong.
- 2217 Nàng rằng : “Phận gái chữ tòng,
Chàng đi, thiếp cũng quyết lòng xin đi !”
- 2219 Từ rằng : “Tâm phúc tương tri,
Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình ?⁽²²⁾
- 2221 Bao giờ mười vạn tinh binh,
Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh⁽²³⁾ dợp đường,
- 2223 Làm cho rõ mặt phi thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia⁽²⁴⁾
- 2225 Bằng nay bốn bể không nhà,
Theo càng thêm bận, biết là đi đâu ?
- 2227 Đành lòng chờ đón ít lâu,
Chầy chăng là một năm sau vội gì ”

- 2229 Quyết lời dứt áo ra đi,
Gió đưa bằng tiện⁽²⁵⁾ đến kỳ dặm khơi.
- 2231 Nàng thì chiếc bóng song mai⁽²⁶⁾
Đêm thu đặng đặng, nhật gài then mây⁽²⁷⁾
- 2233 Sân rêu chẳng vẽ dấu giày⁽²⁸⁾
Cỏ cao hơn thước liễu gây vài phân.
- 2235 Đoái thương muôn dặm tử phần⁽²⁹⁾
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa⁽³⁰⁾
- 2237 Xót thay xuân côi huyên già,
Tấm lòng thương nhớ biết là có ngòi ?
- 2239 Chốc đà mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mồi⁽³¹⁾ tóc sương.
- 2241 Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
Dấu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng⁽³²⁾
- 2243 Duyên em dầu nối chỉ hồng,
May ra khi đã tay bông tay mang.
- 2245 Tắc lòng cố quốc tha hương,
Đường kia nổi nọ, ngổn ngang bời bời.
- 2247 Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm.
- 2249 Ngày đêm luống những âm thầm,
Lửa binh đâu đã âm ẩm một phương.
- 2251 Ngát trời sát khí⁽³³⁾ mở màng,
Đầy sông kinh ngạc⁽³⁴⁾ chật đường giáp binh.
- 2253 Người quen thuộc, kẻ chung quanh,
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
- 2255 Nàng rằng : “Trước đã hẹn lời,
Dẫu trong nguy hiểm, dám rời ước xưa.”
- 2257 Còn dượng dùng dằng, ngẩn ngơ,
Mé ngoài đã thấy bóng cờ tiếng la⁽³⁵⁾
- 2259 Giáp binh kéo đến quanh nhà,
Đồng thanh cùng gửi : “Nào là phu nhân”

- 2261 Hai bên mười vị tướng quân,
Đặt gươm cưỡi giáp trước sân khấu đầu.
- 2263 Cung nga thể nữ nói sau⁽³⁶⁾
Rằng: “Vâng lệnh chỉ⁽³⁷⁾ rước Châu Vu qui.”
- 2265 Sẵn sàng phượng liễn, loan nghi⁽³⁸⁾
Hoa quan giáp giới, hà y rõ ràng⁽³⁹⁾
- 2267 Dựng cờ nổi trống lên đàn,
Trúc tử nổi trước đào vàng⁽⁴⁰⁾ kéo sau.
- 2269 Hỏa bài⁽⁴¹⁾ tiền lộ ruổi mau,
Nam Đình⁽⁴²⁾ nghe động trống châu⁽⁴³⁾ đại doanh.
- 2271 Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ Công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
- 2273 Rõ mình lạ vẻ cân đai,
Hãy còn hàm én mày ngài như xưa.
- 2275 Cười rằng: “Cá nước duyên ưa⁽⁴⁴⁾
Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
- 2277 Anh hùng mới biết anh hùng,
Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?”
- 2279 Nàng rằng: “Chút phận ngây thơ,
Cũng may dây cát được nhờ bóng cây.
- 2281 Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai!”
- 2283 Cùng nhau trông mặt cả cười,
Dan tay về chốn trướng mai tự tình.
- 2285 Tiệc bày thưởng tướng khao binh,
Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân.
- 2287 Vinh hoa bỏ lúc phong trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

GIẢO ĐỈNH - XÁC ĐỊNH

Câu 2186 – Chữ *coi* câu này có bản in là *xem*, hai chữ này tuy nghĩa giống nhau, nhưng chữ “*coi*” đúng hơn vì có ý so sánh cân nhắc. Nói “*Coi* người có nửa con mắt” nghĩa là khinh người.

Câu 2273 – Chữ *lạ* trong câu này, các bản Nôm, bản thì in là *lạ*, bản thì in là *là*. Tôi thì cho chữ “*lạ*” đúng hơn vì có ý liên với câu dưới hơn: Tuy chỉ *lạ* về áo mũ rực rỡ cao quý, nhưng vẫn vòn hàm yếm, mây ngài như trước. Nhưng có một cụ đồ đã khảo cứu nhiều về truyện Kiều thì lại nhất định chữ *là* đúng hơn. Cụ nói “*Rõ* mình là về cân đai” có vẻ văn chương đẹp đẽ và ý nghĩa thâm thúy hơn. Vậy xin ghi vào đây để quý vị độc giả suy nghĩ cân nhắc.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. ***Lần đầu*** – là lần hồi hết ngày đêm nọ đến ngày đêm kia vui vẻ với khách trong cảnh trăng gió.

2. ***Biên đình*** – là triều đình ở ngoài biên thùy. Tác giả có ý cho là Từ Hải ở riêng một nơi biệt lập khác sang đây chơi.

3. ***Lược thao*** – do chữ *Lục thao* Tam lược là hai thiên trong sách *Bình pháp* dạy những phép dùng cơ mưu và dùng quân đánh nhau. Nên những người có tài làm tướng cầm quân gọi là có tài lược thao.

4. ***Đội trời đạp đất*** – là ý nói chí khí ngang tàng, trên đầu mình chỉ có trời, chứ không còn ai hơn mình nữa; dưới thì chân đạp đất mà đi khắp mọi nơi, chẳng ai cản được.

5. ***Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo*** – chữ *đàn* đây là cái cung. Câu Kiều này lấy điển ở hai câu thơ của Hoàng Sào cuối đời Đường. Hoàng Sào thi Tiến sĩ hỏng mãi, nổi lên thành một tướng giặc to mạnh, có hồi đánh phá cả kinh thành, vua phải bỏ chạy. Sào có câu thơ tỏ chí khí mình rằng:

Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng
Nhất trạo giang sơn tận địa duy

*Nửa vai mang cung kiếm nhờ tài trời buông thả ra cho,
Một mái chèo đi khắp non sông bốn phương đất
(chữ duy là bốn phương mặt đất)*

Câu này ý tác giả nói Từ Hải có chí làm giặc.

6. **Liếc** – nghĩa là ngấm nhìn xem tướng nhau.

7. **Tâm phúc tương kỳ** – nghĩa đen là lấy lòng bụng ra mà hứa hẹn với nhau.

8. **Mắt xanh** – Nguyễn Tịch đòi nhà Tấn quý ai thì làm mắt hoá màu xanh mà vui vẻ nhìn; không thích ai thì làm mắt trắng mà nhìn. Người đời sau nói quý ai là để vào mắt xanh.

9. **Cá chấu chim lồng** – ý nói những người tâm thường chịu người trên lấy lợi danh bó buộc được mình, như cá chim bị nhốt.

10. **Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu** – câu này mượn ý ở một câu trong bài thơ *Hàm Đan thiếu niên Hành* : Bất tri can đảm hướng thủy thị – *Chẳng biết đem gan mật mà hướng vào ai để tin cậy cho đúng*.

11. **Vàng thau** – những kẻ gian thương vẫn thường dùng thau làm vàng để bán cho người khổ đại. Những nhà giàu trước cũng hay dùng thau làm đồ vàng giả để lừa quân kẻ cướp.

Tôi đã được xem một người mang một con trạch bằng đồng thau giả vàng đến bán cho bà cô tôi. Bà nhờ tôi xem hộ thật hay giả. Tôi cân được đúng năm lạng. Tôi bảo người bán nếu là vàng thật, thì tôi thả con trạch này xuống nước mà cân lại hao ít, còn bốn lạng tám đồng cân; nếu là thau thì chỉ còn bốn lạng là cùng. Lúc cân lại còn gần bốn lạng, anh ta vội vàng thu lại đi ngay.

Lại có người đào được một hũ đầy vàng đúc hình con hến – *vàng giả*, nhà giàu chôn để lừa kẻ cướp, anh ta mừng lắm, mang giấu một gói đến nhờ tôi xem hộ. Tôi cũng dùng cách cân như trên mà nghiệm ra là thau.

12. **Câu Bình Nguyên Quân** – là câu Bình Nguyên Quân nói than là xem người rất khó.

Sự tích ấy như sau : Bình Nguyên Quân tên là Triệu Thắng, em vua Triệu, lại là Tướng quốc nước Triệu. Lúc nào trong nhà cũng nuôi ba nghìn người khách. Gặp khi quân Tần vây đánh kinh đô Hàm Đan nước Triệu rất nguy cấp, ông phải đi sang cầu cứu nước Sở. Ông định kén lấy 20 người khách thật giỏi để cùng đi, mà chỉ được có 19 người.

Có người khách vào hạng kém nhất xin đi theo. Ông hỏi tên là gì, đến ở đâu, từ bao giờ ? Người đó nói tên là Mao Toại và đến đây đã được ba năm rồi. Ông cười nói : “Người giỏi ở đời như cái dù nhọn để trong túi, thế nào cũng phải hở mũi nhọn ra. Nay tiên

sinh ở nhà tôi đã ba năm, mà tôi không được nghe chút tài nào của tiên sinh, đủ biết tiên sinh văn võ đều kém cả.”

Toại nói : “Bây giờ tôi mới xin vào trong túi, nếu được vào túi, thì tôi sẽ hở cả chuỗi ra chứ đâu chỉ hở có mũi nhọn.” Quân thấy lời Toại nói lạ, mới đành cho đi cho đủ số. Khi sang tới Sở, Bình Nguyên Quân ngồi trên bàn với Sở Vương xin liên kết hai nước Sở Triệu chống Tần. Nhưng Sở Vương sợ Tần, tìm lời từ chối mãi.

Mao Toại chống gươm bước lên bực thêm hỏi Bình Nguyên Quân : “Việc liên kết này tôi tưởng chỉ nói vài lời là xong, sao mà bàn từ sáng đến trưa rồi vẫn chưa quyết định được ?” Vua Sở mắng là sao dám lên leo nhéo nói leo và quát thét đuổi xuống. Toại tiến gần Sở Vương nói : “Việc liên kết hai nước là việc to, ai cũng có quyền bàn đến. Sao Đại Vương dám thét đuổi tôi trước mặt vua tôi ?” Rồi Toại kể cho Sở Vương nghe mọi lẽ Sở rất cần phải liên kết với Triệu : “Chỉ vì Sở trước bỏ Triệu mà bị Tần đánh thua nhục nhiều phen. Nay Sở cần phải liên kết với Triệu để rửa nhục đó.” Sở Vương liền xin đoàn kết và làm lễ uống máu ăn thề, rồi sai tướng mang quân sang cứu.

Đây là lời than của Bình Nguyên Quân khi về nước : “Ba tác lỗi của Mao tiên sinh mạnh hơn trăm vạn quân. Thắng nay cũng có quyền bàn đến. Sao Đại Vương dám thét đuổi tôi trước mặt vua tôi ?” Rồi Toại kể cho Sở Vương nghe mọi lẽ Sở rất cần phải liên kết với Triệu : “Chỉ vì Sở trước bỏ Triệu mà bị Tần đánh thua nhục nhiều phen. Nay Sở cần phải liên kết với Triệu để rửa nhục đó.” Sở Vương liền xin đoàn kết và làm lễ uống máu ăn thề, rồi sai tướng mang quân sang cứu.

Ý câu này Từ Hải khen phục Kiều là giỏi hơn Bình Nguyên Quân, chỉ xem mình chốc lát mà biết ngay mình là anh hùng, mà muốn gửi can tràng vào mình.

13. **Lượng cả bao dung** – là hạng người anh hùng độ lượng bao dung được hết thấy mọi người sang hèn, hay dở như bể cả, sông trong, sông đục, sông lớn, nhỏ thế nào cũng nhận hết. Câu này lấy điển ở câu Sứ thần khen vua Hán Cao Tổ : *Đế khoáng đạt đại độ, khoan nhân ái nhân – Tâm trí to rộng hiểu biết, độ lượng rộng rãi nhân đức bao dung được mọi người.*

14. **Tấn Dương được thấy mây rồng có phen** – ông Lý Uyên làm quan nhà Tùy, trấn thủ ở Tấn Dương, thấy có điềm làm vua, mây rồng hiện lên ở trên, bèn lên ngôi vua, mang quân đi lấy được thiên hạ lập ra cơ nghiệp nhà Đường.

15. **Anh hùng đoán giữa trần ai mỗi già** – câu này lấy ý ở câu chữ Hán : *Vật sắc trần ai – Xem tướng mặt mà biết được người sau này sẽ thành sự nghiệp to, từ lúc còn ở nơi gió bụi.*

Từ Hải khen Kiều thật là tay tài giỏi không vừa – mỗi già, biết mình lúc hãy còn ở trong đám gió bụi hèn mọn này.

16. **Muôn chung nghìn tử** – chung là đồ đồng cổ, tính ra được chừng 320 lít, tử là cỗ xe bốn ngựa. Nghĩa là bổng lộc vương hầu.

17. **Nguyên ngân phát hoàn** – nghĩa là xem số tiền vốn mua trước là bao nhiêu lạng bạc – nguyên ngân, thì lại trả đúng số bạc đó để chuộc Kiều ra.

18. **Màn Bát Tiên** – là bức màn chung quanh có thêu hình 8 vị tiên xưa :

- Chung Ly Quyền
- Lã Động Tân
- Trương Quả
- Lý Thiết Quài
- Lâm Thái Hoà
- Tào Quốc Cửu
- Hà Tiên Cô
- Hàn Tương

19. **Sánh phượng cưới rồng** – trai lấy được vợ đẹp gọi là sánh phượng; gái lấy được chồng tài gọi là cưới rồng.

20. **Lòng bốn phương** – là lòng ngang tàng của người anh hùng xông pha đây đó để lập nên đế nghiệp, làm vua làm tướng.

21. **Trông vời** – là trông xa bốn phương trước mắt.

22. **Nữ nhi thường tình** – là tâm tình tâm thường của đàn bà con gái quần quýt chồng con.

23. **Bóng tinh** – tinh là thứ cờ rước đi trước đoàn quân cho oai; bên lá cờ có giải đẹp, đầu cán cờ có mũi nhọn và có túm lông mao, lá cờ có màu năm sắc để chỉ rõ quân đội nào.

24. **Nghi gia** – là đón dâu về nhà chồng. Kinh Thi có câu : Chi tử vu quy, nghi nhĩ thất gia – *Cô ấy về nhà chồng, lập nên một gia đình êm ấm thuận hoà.*

25. **Bằng tiện** – là con chim bằng bay bổng bay xa khi được dịp thuận tiện. Nghĩa bóng chữ bằng tiện để nói người hào kiệt khi gặp dịp ra đi lập công danh. Cổ nhân nói bằng là loài chim to lắm, nằm thì như quả núi, bay thì như đám mây lớn.

Trang Tử nói : “Khi chim bằng bay về cõi trời Nam, thì làm nước bể nổi sóng ba nghìn dặm, rồi nhân gió cuốn bay lên cao

mà bay một mạch chín vạn dặm.” Điển chữ *bằng tiện* lấy ở lời này của Trang Tử.

26. **Chiếc bóng song mai** – thơ Tô Đông Pha có câu : Độc lập vô tình tự, ý song điểm mai hoa – Một mình đứng vẫn vô chẳng nghĩ gì, tựa cửa sổ mà ngắm hoa mai.

27. **Then mây** – chữ Hán có câu : Vân phong vũ toả – Lấy mây làm cánh cửa đóng lại, lấy mưa làm khóa khóa lại.

28. **Sân rêu chẳng vẽ dấu giày** – ý nói ngồi trong nhà không hề ra đến sân, nên sân thì mọc rêu mà chẳng có vết giày nào.

29. **Tử phần** – là hai thứ cây có hoa đẹp bóng mát, người Tầu xưa hay trồng ở quanh nhà, quanh làng. Văn chương hay dùng chữ *tử phần* để nói quê hương.

30. **Mây Tần** – chữ này lấy điển trong câu thơ Hàn Dũ tả cảnh đi đường khi ông phải đối quan đi xa :

Vân hoành Tần lĩnh gia hà tại ?
Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền

*Mây chắn ngang ngọn núi Tần, nào ta có biết nhà ta ở đâu ?
Tuyết ôm kín cửa đèo Lam, ngựa không tiến lên được.*

31. **Da môi** – da người già hay mốc mác loang lổ như vậy đổi môi.

32. **Ngó ý tơ lòng** – tích này lấy điển ở sách Hán văn : Ngẫu đoạn nhi ti bất đoạn – Cái ngó sen dẫu bẻ rời ra rồi, nhưng tơ vẫn còn vướng với nhau. Người ta dùng ý câu này để nói tình trai gái khi đã hẹn hò lấy nhau rồi, mà sau không lấy được nhau thì vẫn không sao quên được. Ý là Kiều vẫn nhớ tình Kim Trọng.

33. **Sát khí** – là luồng khí bốc lên bùng bùng như sui giục người ta chém giết nhau.

34. **Kình ngạc** – kình là cá voi, ngạc là cá sấu. Chữ *kình ngạc* đây nghĩa bóng nói những thuyền binh có vẻ dữ mạnh.

35. **Tiếng la** – là tiếng đánh thanh la bằng đồng để tập trung tướng sĩ lại một nơi. Thanh la là thứ nhạc khí bằng đồng hình như cái mâm, một mặt có hai lỗ buộc dây xách. Trong phép hành quân, nghe tiếng trống thì tiến, nghe tiếng la thì dừng lại, tụ lại.

36. **Cung nga thể nữ** – là những hầu gái ăn mặc lộng lẫy đủ màu sắc như các cung nữ ở trong cung vua.

37. **Lệnh chỉ** – là lệnh vua. Ý là Từ Hải đã như vua riêng một cõi.

38. **Phượng liễn loan nghi** – phượng liễn là kiệu có hình đôi chim phượng ở trước; loan nghi là có riềm thêu chim loan ở hai bên. Phượng liễn loan nghi là hạng xe kiệu riêng cho các bà Hoàng phi Công chúa.

39. **Hoa quan, Hà y** – hoa quan là mũ có trang sức bằng hoa vàng ngọc của các bà chúa đội.

Hà y là áo màu đỏ hồng như màu ráng trời rực rỡ buổi chiều.

40. **Đào vàng** – là đoàn xe đón dâu, ngoài thành thì nam vạng lóng lánh; cang xe, bánh xe thì sơn màu đỏ đào. Ý này lấy từ điển *Văn xa* của Ngụy Văn Đế đón nàng Tiết Linh Vân trong Tình Sử.

41. **Hoà bài** – là những lính kỵ mã có mang bài chì – *biển gổ con để viết chỉ thị ngắn*, hình ngọc lửa để tỏ ý khẩn cấp.

42. **Nam đình** – là triều đình phía Nam, tức là dinh đồn Từ Hải đóng lập thành một triều đình con.

43. **Trống chầu** – là trống to ở đại doanh để đánh ra lệnh cho cả ba quân.

44. **Cá nước duyên ưa** – do chữ *duyên hải ngư thủy* dịch ra, nguồn gốc chữ này ở lời ông Lưu Bị nói : “Ta được Khổng Minh như cá gặp nước.”

đoạn XXI

tha người tri quá
cứ phép gia hình

chữ tình
ngày lại
thêm xuân
một ngày.

- 2289 Trong quân có lúc vui vầy,
Thong dong mới kể sự ngày hàn vi⁽¹⁾
- 2291 Khi Vô Tích, khi Lâm Chi,
Nơi thì lửa đảo, nơi thì xót thương.
- 2293 Tắm thân rầy đã nhẹ nhàng,
Chút còn ân oán, đôi đường chưa xong.
- 2295 Từ công nghe nói thủy chung,
Bất bình nổi trận dùng dùng sấm vang.
- 2297 Nghiêm quân, tuyển tướng sẵn sàng,
Dưới cờ một lệnh vội vàng ruổi sao⁽²⁾
- 2299 Ba quân⁽³⁾ chỉ ngọn cờ đào,
Đạo ra Vô Tích, đạo vào Lâm Chi.
- 2301 Máy người phụ bạc xưa kia,
Chiếu danh tắm nã⁽⁴⁾ bắt về hỏi tra.
- 2303 Lại sai lệnh tiến⁽⁵⁾ truyền qua,
Giữ gìn họ Thúc một nhà cho yên.
- 2305 Mụ quản gia, vãi Giác Duyên,
Cũng sai lệnh tiến đem tin rước mời.
- 2307 Thệ sư⁽⁶⁾ kể hết mọi lời,
Lòng lòng cùng giận, người người chấp uy.
- 2309 Đạo trời báo phục chửi ghê,
Khéo thay một mẻ tóm về đây nơi⁽⁷⁾
- 2311 Quân trung gươm lớn dao dài,
Vệ⁽⁸⁾ trong thị lập, cơ ngoài song phi.
- 2313 Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi,
Bác dòng chặt đất, tình kỳ rợp sân.
- 2315 Trưởng hùm mở giữa trung quân,
Từ công sánh với phu nhân cùng ngồi.
- 2317 Tiên nghiêm⁽⁹⁾ trống chửi dứt hồi,
Điểm danh trước dẫn chục ngoài cửa viên⁽¹⁰⁾
- 2319 Từ rằng : “Ân oán hai bên,
Mặc nàng xử quyết, báo đền cho minh.”

- 2321 Nàng rằng : “Nhờ cậy uy linh,
Hãy xin báo đáp ân tình cho phu⁽¹¹⁾
- 2323 Báo ân rồi sẽ trả thù.”
- Từ rằng : “Việc ấy để cho mặc nàng.”
- 2325 Cho gươm mời đến Thúc lang,
Mặt như chàm đỏ, mình dường giẻ run.
- 2327 Nàng rằng : “Nghĩa trọng nghìn non,
Lâm Chi người cũ, chàng còn nhớ không ?
- 2329 Sấm Thương, chẳng vẹn chữ tòng⁽¹²⁾
Tai ai há dám phụ lòng cố nhân.
- 2331 Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,
Tạ lòng để xứng báo ân gọi là !
- 2333 Vợ chàng quý quái, tinh ma,
Phen này kẻ cắp, bà già gặp nhau⁽¹³⁾
- 2335 Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa ! ”
- 2337 Thúc sinh trông mặt bấy giờ,
Mồ hôi chàng đã như mưa ướt đầm.
- 2339 Lòng riêng mừng sợ khôn cầm,
Sợ thay mà lại mừng thầm cho ai.
- 2341 Mụ già, Sư trưởng thứ hai,
Thoắt đưa đến trước, vội mời lên trên.
- 2343 Dắt tay mở mặt cho nhìn,
Hoa nô kia với Trạc Tuyển cũng tôi.
- 2345 Nhớ khi lỡ bước sẩy vời⁽¹⁴⁾
Non vàng chưa để đền bồi tấm thương.
- 2347 Nghìn vàng gọi chút lễ thường,
Mà lòng Phiếu mẫu⁽¹⁵⁾ mấy vàng cho cân ! ”
- 2349 Hai người trông mặt tần ngần,
Nửa phần khiếp sợ nửa phần mừng vui.
- 2351 Nàng rằng : “Xin hãy rón gối,
Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù.”

- 2353 Kíp truyền chú tướng hiển phù⁽¹⁶⁾
 Lại đem các tích phạm đồ hậu tra⁽¹⁷⁾
- 2355 Dưới cờ gươm tuốt nắp ra,
 Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư.
- 2357 Thoạt trông nàng đã chào thưa :
 “Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây !
- 2359 Đàn bà dễ có mấy tay ?
 Đòi xưa mấy mặt, đòi này mấy gan ?
- 2361 Dễ dàng là thói hồng nhan,
 Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều !
- 2363 Hoạn thư hồn lạc phách xiêu,
 Khẩu đầu dưới trướng, giở điều kêu ca.
- 2365 Rằng : “Tôi chút phận đàn bà,
 Ghen tuông thì cũng người ta thường tình,
- 2367 Nghĩ cho khi gác viết kinh,
 Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
- 2369 Lòng riêng riêng cũng kính yêu,
 Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai !
- 2371 Trót lòng gây sự chông gai,
 Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng !”
- 2373 Khen cho thật đã nên rằng,
 “Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời.
- 2375 Tha ra thì cũng may đời,
 Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
- 2377 Đã lòng tri quá thì nên !”⁽¹⁸⁾
 Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay.
- 2379 Tạ lòng lạy trước sân mây,
 Cửa viên lại dặt một dây dẫn vào.
- 2381 Nàng rằng : “Lồng lộng trời cao !
 Hại nhân nhân hại sự nào tại ta !”⁽¹⁹⁾
- 2383 Trước là Bạc Hạnh, Bạc Bà,
 Bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở Khanh.

- 2385 Tú Bà cùng Mã Giám Sinh,
Các tên tội ấy đáng tình còn sao ?”
- 2387 Lệnh quân truyền xuống nội đao⁽²⁰⁾
Thế sao thì lại cứ sao ra hình.
- 2389 Máu rơi thối nát tan tành,
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.
- 2391 Cho hay muôn sự tại trời,
Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta !
- 2393 Mấy người bạc ác, tình ma,
Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương !
- 2395 Ba quân đông mặt pháp trường,
Thanh thiên bạch nhật rõ ràng cho coi.
- 2397 Việc nàng báo phục vừa rồi,
Giác Duyên vội đã gửi lời từ quy⁽²¹⁾
- 2399 Nàng rằng : “Thiên tại nhất thì⁽²²⁾
Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn⁽²³⁾
- 2401 Rồi đây bèo hợp mây tan,
Biết đâu hạc nội, mây ngàn là đâu ?”⁽²⁴⁾
- 2403 Sư rằng : “Cũng chẳng mấy lâu,
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà !
- 2405 Nhớ khi hành cước phương xa⁽²⁵⁾
Gặp sư Tam Hợp, vốn là tiên tri.
- 2407 Bảo cho hội hợp chi kỳ :
Năm nay là một, nửa thì năm năm.
- 2409 Mới hay tiên định chẳng lầm,
Đã tin điều trước, ắt nhằm điều sau.
- 2411 Còn nhiều ân nghĩa với nhau,
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì !”
- 2413 Nàng rằng : “Tiên định tiên tri,
Lời sư đã dạy, ắt thì chẳng sai.
- 2415 Họa bao giờ có gặp người,
Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân !”⁽²⁶⁾

- 2417 Giác Duyên vâng dặn ân cần,
Tạ từ thoát đã dời chân cỏi ngoài⁽²⁷⁾
- 2419 Nàng từ ân oán sạch rồi,
Bể oan dường đã vơi vơi cạnh lòng.
- 2421 Tạ ân lạy trước Từ công :
“Chút thân bồ liễu nào mong có rầy !
- 2423 Trộm nhờ sấm sét ra tay,
Tắc riêng như cát gánh đầy đồ đi.
- 2425 Chạm xương khắc dạ xiết chi !⁽²⁸⁾
Để đem gan óc đền nghì trời mây !”⁽²⁹⁾
- 2427 Từ rằng : “Quốc Sĩ⁽³⁰⁾ xưa nay,
Chọn người tri kỷ một ngày được chẳng ?
- 2429 Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha ?
- 2431 Huống chi việc cũng việc nhà,
Lộ là thâm tạ mới là tri ân !
- 2433 Xót nàng còn chút song thân,
Bấy nay kẻ Việt, người Tần cách xa.
- 2435 Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người thấy mặt, là ta cam lòng !”
- 2437 Vội truyền mở tiệc quân trung,
Muôn binh nghìn tướng hội đồng tẩy oan.

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 2308 – Chữ *giúp* uy câu này nghĩa là ai cũng tỏ vẻ hăng hái để giúp cho khí oai hùng của quân được thêm mạnh mẽ. Chữ Hán là trợ uy – *giúp* uy.

Câu 2310 – Chữ *đầy* nơi trong câu này nghĩa bắt được đầy đủ khắp mọi nơi không thiếu kẻ tội phạm nào. Vì chữ *đầy* hơi hụt nghĩa, nên có người đổi ra chữ *đòi* nơi, nghĩa vẫn không thanh thoát, lại thiếu ý bắt được đầy đủ mọi kẻ.

Câu 2314 – Chữ *bác* bản Nôm viết là thứ dao có 2 - 3 mũi, ta thường gọi là cái đinh ba. Đòng là thứ dao có một mũi, lúc ai bị dao đâm thường nói bị một mũi đòng.

Câu 2326 – Nghĩa nói Thúc Sinh sợ quá, mặt thì xám xanh như đối nước chàm nhuộm xanh vào, mình thì run cầm cập như chim giê bị bắt. Giê là loài chim chân cao mỏ dài như cò, cũng to như con cò, lông màu nâu, đi ăn đêm; khi bị bắt thì run nhiều quá rồi gầy rạc mà chết. Nên khi bắt được giê thì người ta bóp chết ngay mà bán, ăn mới béo ngon.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Hàn vi** – là lúc còn đói rét, hèn mọn.

2. **Ruổi sao** – chữ Hán là tinh trì. Tinh là sao, trì là đuổi, là đi mau vội. Nghĩa bóng là đi cho mau chóng suốt ngày đêm.

3. **Ba quân** – khi quân đi thì ba quân là Tiền quân – toán quân đi trước, Trung quân – toán quân đi giữa và Hậu quân – toán quân đi sau. Khi tiến quân hàng ngang vào trận thì ba quân là Trung quân, Tả quân và Hữu quân.

4. **Chiếu danh tâm nã** – chiếu xem từng tên ở trong sổ biên tên mà tìm bắt cho kỳ được.

5. **Lệnh tiễn** – nghĩa đen chữ *lệnh tiễn* là cái tên truyền lệnh, đây là cái tên có ghi danh hiệu của ông Tướng để cầm đi làm tin.

6. **Thệ sư** – là lễ cúng Trời đất quỷ thần để quân sĩ thể trước khi ra đi, là không những nhiều dân và hết sức làm theo mệnh lệnh.

7. **Tóm về một mẻ** – câu này dịch ở câu chữ Hán : Nhất vãng đã tận – *một mẻ lưới bắt được hết*.

8. **Vệ** – là toán lính đặt ở gần vua, tướng để hộ vệ vua, tướng.

Thị lập là đứng hầu.

Cơ là những đội lính đóng ở bên ngoài doanh trại.

Song phi là đứng dàn ra hai bên.

9. **Tiên nghiêm** – là ba hồi trống canh đánh lúc sắp bắt đầu mở cuộc tế lễ hay hội họp quan trọng để báo cho ai nấy nghiêm chỉnh giữ trật tự. Trong cuộc tế lễ quan trọng, bắt đầu xuống: Cổ sơ nghiêm, cổ nhị nghiêm, cổ tam nghiêm.

10. **Cửa viên** – do chữ Hán là viên môn dịch ra. Viên là đôi cang xe. Trước đồn đóng quân thường dựng hai dãy cang xe lên làm cửa đồn, nên gọi cửa đồn quân là viên môn.

11. **Phu** – chữ Hán nghĩa là đầy đủ, đáng công, đáng ơn.

12. **Sâm thương** – hai sao Sâm, sao Thương nguyên vẫn là một ngôi Kim tinh. Lúc mặt trời sắp lặn chiều hôm trước, thì ta trông thấy Kim tinh ở xế về phía Tây, nên gọi là *sao Hôm* tức là sao Sâm. Sáng sớm ta trông thấy Kim tinh ở xế phương Đông, gọi là *sao Mai* tức là sao Thương. Ta thấy vậy lầm tưởng là hai sao, một mọc buổi chiều, một mọc buổi sáng, không bao giờ gặp nhau. Nên gọi hai người không được gặp nhau nữa là Sâm, Thương.

13. **Kẻ cắp gặp bà già** – kẻ cắp thì tinh ranh, nhanh nhẹn; bà già thì lờ mờ, chậm chạp. Thế mà tình cờ có khi bà già túm được tay kẻ cắp.

14. **Sẩy vời** – là gặp bước khốn khổ như sẩy chân ngã xuống bể.

15. **Phiếu mẩu** – là bà thợ giặt quần áo. Hàn Tín lúc còn hàn vi phải câu cá kiếm ăn. Bà Phiếu mẩu ra sông giặt thấy Tín ngồi câu suốt ngày chẳng ăn gì, mới mỗi ngày đem mấy bát cơm ra cho Tín ăn trong mấy mươi hôm. Sau Hàn Tín giúp vua Hán Cao Tổ đánh được Hạng Vũ, được phong làm Tể Vương, sai người tìm Phiếu mẩu mời về tạ ơn nghìn vàng. Người sau có câu: “Bát cơm Phiếu mẩu đền ơn nghìn vàng”.

16. **Hiến phù** – hiến là dâng, phù là kẻ tù bị bắt. Hiến phù là đem tù lên trình.

17. **Các tích phạm đồ** – là lũ tù có tội.

Hậu tra là đợi để tra xét.

18. **Tri quá** – là tự biết tội lỗi của mình.

19. **Hại nhân, nhân hại** – là mình mà làm hại người ta thì sẽ lại bị người ta làm hại mình.

20. **Nội đao** – là bợn đao phủ ở trong dinh, trong trại quân, giữ việc chém giết kẻ có tội tử hình.

21. **Từ quy** – là từ giã nhau để ra về.

22. **Thiên tải nhất thì** – nghìn năm một dịp, tức là lâu lắm mới có một dịp may gặp nhau.

23. **Bàn hoàn** – là quanh quẩn ở mãi với nhau.

24. **Hạc nội mây ngàn** – Hồng Lô Mộng có câu : Giã hạc nhàn vãn lai khứ vô câu thúc – *Người đi tu như chim hạc ngoài đồng, như đám mây bay trên trời, muốn đi đâu không bị gì bó buộc.*

25. **Hành cước** – là đi bộ, đi bằng chân. Các sư đi đạo cảnh chùa không bao giờ đi xe ngựa, nên gọi là hành cước. Vua Trần Nhân Tông tu ở chùa Yên Tử đi bộ 800 dặm đường về Thăng Long thăm bà chị bệnh nặng, chỉ có một tiểu đi theo.

26. **Lời chung thân** – là lời đoán trước cho biết cuộc đời của nàng sẽ kết liễu như thế nào.

Câu này mào đầu cho sự Sư Tam Hợp bảo Giác Duyên kết lưới đón Kiều khi Kiều tự tử ở sông Tiền Đường và rồi Kiều lại được gặp gia đình, gặp Kim Trọng.

27. **Côi ngoài** – do chữ *phương ngoại* dịch ra, nghĩa là ngoài cõi sống của người đời, tức là cõi tiên.

28. **Chạm xương chép dạ** – do câu : *Mình tâm khắc cốt* dịch ra. Mình là làm thành lời văn để khắc vào đồng, vào bia để ghi công đức; Mình tâm là ghi nhớ mãi mãi như chạm khắc vào lòng. Khắc cốt là nhớ mãi như khắc vào xương cho chết cũng không quên.

29. **Gan óc đến nghi** – câu này dịch ở câu chữ Hán : Can não đồ địa – *Gan óc nát thành bùn ở đất.* Ý nói đầu đem gan óc làm nát ra cũng chưa đủ để đến ơn.

30. **Quốc sĩ** – hạng người cả nước đều cho là tài giỏi.

đoạn XXII

triều đình riêng cõi
thiên thổ một đôi

mười bình
nghìn tướng
hội đồng
tẩy oan.

- 2439 Thừa cơ trúc chẻ, ngôi tan⁽¹⁾
 Binh uy từ đấy sấm ran trong ngoài.
- 2441 Triều đình riêng một góc trời,
 Gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà.
- 2443 Đòi cơn gió táp mưa sa,
 Huyện thành đập đổ năm tòa cũi nam.
- 2445 Phong trần mài một lưỡi gươm⁽²⁾
 Những loài giá áo, túi cơm sá gì⁽³⁾
- 2447 Nghênh ngang một cũi biên thùỵ,
 Thiếu gì Cô Quả thiếu gì Bá Vương⁽⁴⁾
- 2449 Trước cờ ai dám tranh cường,
 Năm năm hùng cứ một phương hải tần.
- 2451 Có quan Tổng đốc⁽⁵⁾ trọng thần,
 Là Hồ Tôn Hiến kinh luân⁽⁶⁾ gồm tài.
- 2453 Đẩy xe⁽⁷⁾ vâng chỉ đặc sai,
 Tiện nghi phủ tiểu, việc ngoài đồng nhung⁽⁸⁾
- 2455 Biết Từ là đáng anh hùng,
 Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.
- 2457 Đóng quân làm chước chiếu an⁽⁹⁾
 Ngọc vàng gấm vóc sai quan thuế hàng.
- 2459 Lại riêng một lễ với nàng
 Hai tên thể nữ, ngọc vàng nghìn cân.
- 2461 Tin vào gửi đến trung quân,
 Từ công riêng hãy mười phân hồ đồ⁽¹⁰⁾
- 2463 “Một tay gây dựng cơ đồ⁽¹¹⁾
 Bấy lâu bể Sở, sông Ngô tung hoành.
- 2465 Bó thân về với triều đình,
 Hùng thần lơ lảo, phận mình ra dâu.
- 2467 Áo xiêm ràng buộc lấy nhau⁽¹²⁾
 Vào luôn ra cúi, Công Hầu mà chi!⁽¹³⁾
- 2469 Sao bằng riêng một biên thùỵ,
 Sức này đã dễ làm gì được nhau!

- 2471 Chọc trời khuấy nước mặc dầu,
 Dọc ngang nào biết trên đầu có ai !”
- 2473 Nàng thì thật dạ tin người,
 Lẽ nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu.
- 2475 “Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
 Đã nhiều lưu lạc, lại nhiều gian truân⁽¹⁴⁾
- 2477 Bằng nay chịu tiếng vương thân,
 Thên thên đường cái thanh vân hẹp gì !⁽¹⁵⁾
- 2479 Công tử vẹn cả hai bề,
 Dân dả rồi sẽ liệu về cố hương.
- 2481 Cũng ngôi mạnh phụ đường đường⁽¹⁶⁾
 Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha.
- 2483 Trên vì nước, dưới vì nhà,
 Một là đắc hiếu, hai là đắc trung⁽¹⁷⁾
- 2485 Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng⁽¹⁸⁾
 E dè gió đập, hãi hùng cỏ hoa.”⁽¹⁹⁾
- 2487 Nhân khi bàn bạc gần xa,
 Thừa cơ, nàng mới bàn ra nói vào.
- 2489 Rằng : “Ôn Thánh Đế⁽²⁰⁾ dôi dào,
 Tuổi ra đã khắp, thấm vào đã sâu.
- 2491 Bình thành⁽²¹⁾ công đức bấy lâu,
 Ai ai cũng đội trên đầu biết bao.
- 2493 Ngấm từ đây việc binh đao,
 Đồng xương Vô định⁽²²⁾ đã cao bằng đầu.
- 2495 Làm chi để tiếng về sau,
 Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào !⁽²³⁾
- 2497 Sao bằng lộc trọng, quyền cao,
 Công danh ai dứt lối nào cho qua ?”⁽²⁴⁾
- 2499 Nghe lời nàng nói mặn mà,
 Thế công Từ mới đổi ra thế hàng.
- 2501 Chinh nghi tiếp sứ vội vàng,
 Hẹn kỳ thúc giáp⁽²⁵⁾ quyết đường giải binh.

- 2503 Tin lời thành hạ yêu mình⁽²⁶⁾
Ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trể tràng.
- 2505 Việc binh bỏ chẳng giữ giàng,
Vương Sư⁽²⁷⁾ dòm đã tỏ tường thật hư.
- 2507 Hồ công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên, binh hậu, khắc cờ tập công.
- 2509 Kéo cờ chiêu phủ tiên phong,
Lễ nghi giàn trước, bác đồng phục sau.
- 2511 Từ công hờ hững biết đâu,
Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên.
- 2513 Hồ công ám hiệu trận tiền,
Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.
- 2515 Đang khi bất ý chẳng ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.
- 2517 Tử sinh liều giữa trận tiền,
Dạn dầy cho biết gan liên tướng quân⁽²⁸⁾
- 2519 Khí thiêng khi đã về thần⁽²⁹⁾
Nhơn nhơn⁽³⁰⁾ còn đứng chôn chân giữa vòng.
- 2521 Trơ như đá, vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.
- 2523 Quan quân truy sát đuổi dài,
Âm âm sát khí, ngất trời ai đang ?
- 2525 Trong hào, ngoài lũy, tan hoang,
Loạn quân vừa dắt tay nàng đến nơi.
- 2527 Trong vòng tên đá bởi bởi⁽³¹⁾
Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ trơ.
- 2529 Khóc rằng : “Trí dũng có thừa,
Bởi nghe lời thiếp nên cơ sự này !
- 2531 Mặt nào trông thấy nhau đây ?
Thà liều sống chết một ngày với nhau !”
- 2533 Dòng thu như suối mạch sâu⁽³²⁾
Dứt lời, nàng cũng gieo đầu một bên.

- 2535 Lạ thay oan khí tướng triền !⁽³³⁾
 Nàng vừa phục xuống, Tù liền ngã ra.
- 2537 Quan quân kẻ lại người qua,
 Xót nàng sẽ lại vực ra dần dần.
- 2539 Đem vào đến trước trung quân,
 Hồ công thấy mặt ân cần hỏi han.
- 2541 Rằng : “Nàng chút phận hồng nhan,
 Gặp cơn binh cách⁽³⁴⁾ nhiều nàn cũng thương.
- 2543 Đã hay thành toán miếu đường⁽³⁵⁾
 Giúp công cũng có lời nàng mới nên.
- 2545 Bây giờ sự đã vẹn tuyền,
 Mặc lòng nghĩ lấy, muốn xin bề nào.”
- 2547 Nàng càng giọt ngọc tuôn rào,
 Ngập ngừng mới gửi thấp cao sự lòng.
- 2549 Rằng : “Tù là đáng anh hùng,
 Dọc ngang trời đất, vẫy vùng bể khơi.
- 2551 Tin tôi nên quá nghe lời,
 Đem thân bách chiến làm tôi Triều đình.
- 2553 Tưởng là phu quý, phụ vinh,
 Ai ngờ một phút tan tành thịt xương.
- 2555 Năm năm trời bể ngang tàng,
 Dẫn mình đi bỏ chiến tràng như không.
- 2557 Khéo khuyển kẻ lấy làm công,
 Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.
- 2559 Xét mình công ít, tội nhiều,
 Sống thừa tôi đã nên liều mình tôi.
- 2561 Xin cho thiển thổ một đôi⁽³⁶⁾
 Gọi là đắp điểm lấy người tử sinh.”⁽³⁷⁾
- 2563 Hồ công nghe nói thương tình,
 Truyền cho cỏ táng⁽³⁸⁾ di hình bên sông.

GIẢO ĐỈNH - XÁC ĐỊNH

Câu 2443 – Chữ *gió táp* ở câu này có bản Kiều in là *gió quét*. Chữ “gió táp” ý nói nhiều trận đánh nhanh, mạnh như mưa bão bất kỳ, làm cho bên địch không kịp chống đỡ. Còn “gió quét” chỉ là gió lướt qua trên mặt đất quét sạch lá bụi, chưa đủ mạnh mẽ.

Câu 2458 – Chữ Hán *thuyết* hay *thuế* vẫn là một. Nhưng khi dùng nghĩa là bàn nói hay kể chuyện thì đọc là *thuyết* như luận thuyết, tiểu thuyết. Mà khi dùng nghỉ là khéo nói dụ dỗ cho người ta theo mình thì phải đọc là *thuế*. Nên chỗ này phải viết là “sai quan thuế hàng” mới thật đúng nghĩa.

Bây giờ hay nói *thuế khách* lắm ra *thuyết khách*, thành ra quen đi rồi.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Trúc chẻ ngói tan** – chữ Hán có câu : Thừa phá trúc chi thế – Nhân cái thế dễ dàng như bửa tre. Còn trong Tam Quốc, Đổng Dục nói với vua Tấn : “Nay binh uy quân ta đã nổi, ví như chẻ tre, đã chẻ được mấy đốt gốc, thì đốt sau đưa dao đến đốt nào là tung ngay ra.”

Ngói tan ý nói lòng dân đã chán bỏ chính phủ mà tan rã như ngói ở mái nhà rơi xuống mỗi hòn một nơi. Sử Tầu nói : Tần chi tích suy, thiên hạ thổ băng ngoã giải – Nhà Tần suy mãi, lòng dân thiện hạ như đất lở ngói tan.

2. **Phong trần mài một lưỡi gươm** – nghĩa là múa gươm xông pha trong chiến trận như mài gươm trong gió bụi.

3. **Già áo túi cơm** – chữ Hán có câu : Phạn nang y giá – Cái túi cơm, cái giỏ áo để nói miả mai những kẻ giàu sang mà ngu hèn chẳng khác gì cái túi đựng cơm, cái giỏ xếp áo. Ý nói Từ Hải coi lũ quan triều đình chẳng ra gì, chém giết không tiếc tay.

4. **Cô Quả Bá Vương** – vua nước nhỏ xưng là Cô, ý nói nhún mình coi cút lè loi không ai theo phục. Vua nước lớn tự xưng là Quả nhân; quả là ít, ý nói nhún mình là người ít đức đáng thẹn với ngôi vua. Thời cổ Tầu, Vương tức là Thiên tử, làm vua cả nước, và vua các nước nhỏ là Công, Hầu hay Bá.

Sau vua nước nhỏ mà mạnh cũng lạm quyền xưng là Vương. Chữ *Bá* câu này là ông vua nước Chu Hưu mà mạnh, bắt được các vua Chu Hưu khác phải theo mình.

Chữ *Bá* Vương đây lấy theo Hạng Vũ, tự xưng là Tây Sở Bá

Vương cầm đầu các vua chư Hầu mà Vũ lập ra sau khi diệt được nhà Tần.

5. **Tổng đốc** – là ông quan đứng đầu một tỉnh hay hai tỉnh, có khi ba tỉnh.

6. **Kinh luân** – là tài xếp đặt mọi việc chính trị. Nghĩa đen hai chữ này là : Kinh – gỡ tơ ra thành từng sợi, luân – đan tơ thành lụa vải.

7. **Đẩy xe** – điển chữ Hán là thôi cốc – *đẩy bánh xe*. Lẽ xưa khi tiễn một ông Đại tướng đi dẹp giặc ra đến cửa thành vua xuống đẩy bánh xe ông Tướng đi mà nói : Khốn dĩ nội, Quả nhân chủ chi; Khốn dĩ ngoại, tướng quân chủ chi – *Từ cửa này vào trong thì Quả nhân làm chủ, từ cửa này ra ngoài thì Tướng quân làm chủ*.

Vâng chỉ đặc sai là vâng lời chỉ dụ của vua sai đi một cách trịnh trọng đặc biệt.

8. **Tiện nghi phủ tiểu** – *tiện* là tiện lợi; *nghi* là hợp lý nên làm, *phủ* là vỗ về yên ủi; *dỗ* về hàng phục; *tiểu* là dùng quân lực đánh mà dẹp đi; việc ngoài là công việc trị an ở ngoài kinh đô nhà vua, đối với việc trong là việc trị an ở trong kinh đô; đồng nhưng là trông coi việc quân.

Nghĩa câu này là vua cho Hồ Tôn Hiến được chủ trương hết thấy mọi việc cấm quân dẹp giặc ở ngoài nước, hoặc dùng lời yên ủi dụ hàng, hoặc đánh dẹp tùy cách nào tiện lợi hơn thì làm.

9. **Chiếu an** – là dụ hàng, nói về hàng thì sẽ được đối đãi tử tế.

10. **Mười phân hồ đồ** – là dùng dằng đủ mười phân, dỏ tin lời dụ muốn về hàng, dỏ không tin chẳng muốn hàng.

11. **Cơ đồ** – là công cuộc cơ nghiệp đã gây dựng được.

12. **Áo xiêm ràng buộc lấy nhau** – câu này tác giả lấy ý trong lời ông Nguyễn Huệ, khi mang quân ra Bắc đánh lần đầu, trừ được chúa Trịnh rồi vào bái yết vua Hiến Tông nhà Lê và trao trả chính quyền chúa Trịnh cho vua Lê; được vua Lê Hiến Tông phong cho tước Oai Quốc Công.

Khi về đến trại quân, ông Huệ bảo Nguyễn Hữu Chỉnh rằng : “Ta mang mười mấy vạn quân, vượt mấy ngàn dặm đường ra đây lấy được Bắc Hà. Ta tưởng một tấc đất, một ngọn cỏ ở đây đều là của ta cả. Nay ta đem giang sơn này trả lại vua Lê, mà chỉ được phong cho ta cái Tước Quốc Công hào huyền này dễ hòng lấy bộ

phẩm phục đó mà buộc ta ở dưới quyền vua chẳng! Ta nghĩ thật uổng công vô vị quá!” Chính nghe sợ Huệ bỏ chỉ Phù Lê, liền vào xin vua gả Ngọc Hân Công Chúa cho Huệ để cố kết lòng Huệ ở lại Phù Lê với mình.

Lời ông Huệ nói trên đây là tôi theo đại ý lời chép bằng chữ Hán ở trong Sử Nam mà thuật ra. Tôi rất tiếc Sử gia không chép nguyên lời tiếng Việt ta của vị anh hùng đó nói thật ra là thế nào.

13. **Công hầu** – lúc trước ông quan nào có công to, nhất là đánh được giặc thì được phong tước. Tước có 5 bậc, to nhất là tước Công, rồi đến Hầu, Bá, Tử, Nam. Nên người ta hay dùng hai chữ Công Hầu để nói các quan to.

14. **Gian truân** – là vất vả cùng khổ.

15. **Đường cái thanh vân** – nghĩa đen là con đường lên mây xanh. Người ta ví người ra làm quan dần dần lên cao như con chim bay lên trời dần dần cao mãi đến tầng mây xanh. Ai làm quan chóng lên chức cao, người ta gọi là : thanh vân đặc lộ – *được đường lên mây xanh*.

16. **Đường đường** – là hiển vinh, danh giá.

17. **Đắc trung đắc hiếu** – được cả tiếng là trung với vua và hiếu với cha mẹ. Về hàng rồi làm quan giúp vua là đắc trung, về làng làm về vang cha mẹ, thế là đắc hiếu.

18. **Chiếc bách giữa dòng** – là chiếc thuyền nhẹ làm bằng gỗ bách lênh đênh giữa sông. Ý nói làm giặc tình thế rất nguy hiểm bấp bênh.

19. **E dè sóng gió, hãi hùng cỏ hoa** – câu này ý nói lúc nào cũng lo sợ những cuộc càn quét mạnh như chiếc thuyền nhẹ sợ sóng gió dòn dập ở giữa sông. Mà lại gây hãi hùng cho nhân dân đương yên vui phải lo sợ mình đến, như đám cỏ hoa rià sông lo thuyền lướt qua làm tàn hại hết cảnh tươi đẹp.

20. **Thánh Đế** – là ông vua đương trị vì, được dân tin yêu, coi như Thánh. Trong các tờ tâu lên vẫn gọi là Thánh Thiên Tử.

21. **Bình thành** – do chữ địa bình thiên thành rút ngắn lại. Địa bình thiên thành nghĩa là ơn vua đã làm cho mặt đất được bình trị, khí giới được thuận lợi cho dân cây cấy dễ dàng yên ổn.

22. **Đống xương Vô Định** – là đống xương quân lính chết trận ở bờ sông Vô Định. Đây nói rộng là quân chết trận.

Sông Vô Định là phụ lưu sông Hoàng Hà ở vùng Lũng Tây tỉnh Thiểm Tây. Trên bờ sông này có trận 5000 quân Hán đánh Hung Nô chết cả ở đó. Thi sĩ Trần Đào đời Đường có thơ vịnh cảnh thể thảm để tỏ lòng than thở về chiến tranh như sau :

Thệ tảo Hung Nô bất cố thân
Ngũ thiên diêu cảm táng Hồ trần
Khả liên Vô Định hà biên cốt
Do thị thâm khuê mộng lý nhân

*Quyết thể quét sạch quân Hung Nô,
không ngó thân mình*

*Năm nghìn quân giặc mặc áo gấm
lót da diêu thủ chết ở bãi bụi cát đất Hồ.*

*Thật đáng thương những bộ xương
phối ở bên sông Vô Định*

*Mà vẫn là những người mà vợ
ở trong nơi buồn sâu mơ mộng mong về.*

23. **Hoàng Sào** – học giỏi, thi mãi không đậu bèn khởi binh làm giặc, vùng vẫy trong 10 năm (khoảng 874 – 886) có lúc lấy được Kinh đô Lạc Dương, xưng là Tể Đế. Sau bị tướng nhà Đường là Lý Khắc Dụng đánh thua mãi, rồi bị thủ hạ giết chết.

24. **Công danh ai dứt lối nào cho qua** – ý nói muốn lập công danh thì chỉ có một cách là về với triều đình.

25. **Thúc giáp** – là xếp áo giáp mà bỏ lại. Giải binh là giải tán quân đội, không phòng bị để đánh nhau nữa.

26. **Thành hạ yêu minh** – là hai bên yêu cầu cùng tới dưới thành chỗ Hồ Tôn Hiến đóng, mà làm lễ ăn thể giảng hoà với nhau.

27. **Vương Sư** – do chữ Vương giả chi sư – *Quân đường hoàng đúng dẫn của đức Vương giả*. Tác giả dùng câu này có ý mỉa mai : Quân đường hoàng của Vương giả mà lại lén lút dòm trộm quân của địch khi địch đã tin mình mà hẹn về hàng. Ba chữ *vương sư dòm* thật là chua chát.

28. **Gan liền** – là lòng gan trở ra, không chút sợ hãi như cục đá, cục sắt không chút kẽ nứt. Tục ngữ thường nói : “Gan lý tướng quân” cũng tức là lòng gan lý nhẵn như gan liền.

29. **Khí thiêng khi đã về thần** – nghĩa là hồn vía đã bỏ xác thịt mà về cõi thần rồi, tức là chết rồi.

30. **Nhơn nhơn** – nghĩa là vẫn đứng thản nhiên như khi còn sống, không có vẻ sợ hãi chút nào.

31. **Tên đá** – chữ Hán là thi thạch – *tên đá*. Cung nỏ đời xưa có thứ bắn đá gọi là đàn cung; đạn bắn đàn cung gọi là đàn hoàn.

32. **Dòng thu như suối mạch sâu** – dòng thu là nước mắt sâu thương. Suối là chảy ra như suối; Mạch sâu là nguồn sâu thương.

33. **Oan khí tướng triền** – là khí oan nó cùng buộc kéo lấy nhau. Từ thì bị lửa chết oan, Kiều thì bị lửa mắc tội oan giết chồng.

34. **Bình cách** – bình là bình khí, các đồ gươm đao đánh nhau; cách là da, là các thứ áo giáp làm bằng da. Cờn bình cách là cuộc chiến tranh.

35. **Thành toán miếu đường** – do chữ Hán : Miếu đường chi thành toán – *Miếu tính đã bàn định đâu vào đấy ở nơi miếu thờ nhà vua*. Vì những cơ mưu lớn vua bàn với các quan, khi bàn định xong phải cúng cáo các vua tổ tiên, rồi mới thi hành, bởi vậy gọi là thành toán của Miếu đường.

36. **Thiến thổ một đôi** – do chữ Thiến thổ nhất đôi – *Một đồng đất nông*, tức là nắm mồ đào nông chôn tạm. Lời nói nhún xin cho Từ Hải được chôn nguyên hình, không phải chém đầu đem bêu.

37. **Người tử sinh** – nghĩa là người đã kết nghĩa vợ chồng sống chết có nhau.

38. **Cảo táng** – cảo là cỏ khô; cảo táng là bọc thây vào cỏ khô mà chôn thay hòm gỗ.

đoạn XXIII

sông tiền sạch nợ
am cỏ chay lòng

truyền cho
cảo táng
dị hình
bên sông.

- 2565 Trong quân mở tiệc hạ công⁽¹⁾
 Xôn xao ty trúc⁽²⁾ hội đồng quân quan.
- 2567 Bắt nàng thị yến⁽³⁾ dưới màn,
 Giở say lại ép vận đàn nhật tâu⁽⁴⁾
- 2569 Một cung gió tủi mưa sầu,
 Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay.
- 2571 Ve ngâm vườn hót nào tà,
 Lọt tai Hồ cũng nhả mảy rơi châu.
- 2573 Hỏi rằng : “Này khúc ở đâu ?
 Nghe ra muôn oán, nghìn sầu lắm thay !”
- 2575 Thừa rằng : “Bạc mệnh khúc này,
 Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.
- 2577 Khúc cầm lựa những ngày xưa,
 Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây.”
- 2579 Nghe càng đắm ngắt càng say,
 Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình !
- 2581 Dạy rằng : “Hương hoả ba sinh,
 Dây loan xin nối cầm lành cho ai.”
- 2583 Thừa rằng : “Chút phận lạc loài,
 Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
- 2585 Còn chi nữa cánh hoa tàn,
 Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân⁽⁵⁾
- 2587 Rộng thương còn mảnh hồng quần,
 Hỡi tàn được thấy gốc phần là may !”⁽⁶⁾
- 2589 Hạ công chén đã quá say,
 Hồ công đến lúc rạn ngày nhớ ra.
- 2591 Nghĩ mình phương diện quốc gia⁽⁷⁾
 Quan trên nhắm xuống, người ta trông vào.
- 2593 Phải tuồng trăng gió hay sao ?
 Sự này biết tính thế nào được đây ?
- 2595 Công nha vừa buổi rạn ngày,
 Quyết tình Hồ mới đoán ngay một bài.

- 2597 Lệnh quan ai dám cãi lời?
 Ép tình mới gán cho người Thổ quan⁽⁸⁾
- 2599 Ông Tở thật nhé đa đoan.
 Se tơ sao khéo vợ càn vợ tiên ?
- 2601 Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,
 Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.
- 2603 Nàng càng ủ liễu phai đào⁽⁹⁾
 Trăm phần nào có phần nào phần tươi.
- 2605 Đành thân cát dập sóng vùi,
 Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh.
- 2607 Chân trời mặt bể lênh đênh,
 Nắm xương biết gửi tử sinh chốn nào ?
- 2609 Duyên đâu ai dứt tơ đào ?
 Nợ đâu ai đã dắt vào tận tay ?
- 2611 Thân sao thân đến thế này ?
 Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi !
- 2613 Đã không biết sống là vui,
 Tắm thân nào biết thiệt thòi là thương !
- 2615 Một mình cay đắng trăm đường,
 Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi !
- 2617 Mảnh trăng đã gác non đoài⁽¹⁰⁾
 Một mình luống những đứng ngồi chưa xong.
- 2619 Triều⁽¹¹⁾ đâu nổi sóng dưng dưng,
 Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền Đường.
- 2621 Nhớ lời thần mộng rõ ràng :
 Ngày thôi hết kiếp đoạn tràng là đây !
- 2623 “Đạm Tiên nàng nhé có hay ?
 Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta !”
- 2625 Dưới đèn sẵn bức tiên hoa,
 Một thiên tuyệt mệnh gọi là để sau⁽¹²⁾
- 2627 Cửa bông vội mở rèm châu,
 Trời cao sông rộng một màu bao la.

- 2629 Rằng : “Từ công hậu đãi ta,
Xót vì việc nước mà ra phụ lòng !
- 2631 Giết chồng mà lại lấy chồng,
Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời ?
- 2633 Thôi thì một thác cho rồi !
Tắm lòng phớ mặc trên trời dưới sông !”
- 2635 Trông vời con nước⁽¹³⁾ mệnh mông,
Đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang.
- 2637 Thổ quan theo vớt vôi vàng,
Thì đà đắm ngọc chìm hương cho rồi.
- 2639 Thương thay cũng một kiếp người,
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi.
- 2641 Những là oan khổ lưu ly,
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân !
- 2643 Mười lăm năm bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng quần thử soi.
- 2645 Đời người đến thế thì thôi,
Trong cơ âm cực dương hồi khôn hay⁽¹⁴⁾
- 2647 Mấy người hiếu nghĩa xưa nay,
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương.
- 2649 Giác Duyên từ tiết già nàng,
Đeo bầu quả níp⁽¹⁵⁾ rộng đường vân du.
- 2651 Gặp bà Tam Hợp Đạo Cô,
Thông dong hỏi hết nhỏ to sự nàng :
- 2653 “Người sao hiếu nghĩa đủ đường,
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi ?”
- 2655 Sử rằng : “Phúc họa đạo Trời,
Cội nguồn⁽¹⁶⁾ cũng ở lòng người mà ra.
- 2657 Có trời mà cũng tại ta,
Tu là cõi phúc⁽¹⁷⁾ tình là dây oan.
- 2659 Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành;

- 2661 Lại mang lấy một chữ tình,
 Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
 2663 Vậy nên những chốn thông dong,
 Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.
 2665 Ma đưa lối quỷ đưa đường,
 Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.
 2667 Hết nạn ấy đến nạn kia,
 Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần⁽¹⁸⁾
 2669 Trong vòng đao dộng, gương trần⁽¹⁹⁾
 Kê lưng hùm sói gửi thân tôi đòi.
 2671 Giữa dòng nước chảy sóng giồi,
 Trước hàm rồng cá gieo mỗi băng tanh.
 2673 Oan kia theo mãi với tình,
 Một mình mình biết, một mình mình hay.
 2675 Làm cho sống dọa thác đầy,
 Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi !”
 2677 Giác Duyên nghe nói rưng rờ :
 “Một đời nàng thế, thương ôi còn gì !”
 2679 Sư rằng : “Song chẳng hề chi,
 Nghiệp duyên⁽²⁰⁾ cân lại, nhắc đi còn nhiều.
 2681 Xét trong tội nghiệp⁽²¹⁾ Thúy Kiều,
 Mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm,
 2683 Lấy tình thâm trả tình thâm,
 Bán mình đã động hiếu tâm đến Trời.
 2685 Hại một người cứu muôn người,
 Biết đường khinh trọng, biết lời phải chẳng.
 2687 Thửa⁽²²⁾ công đức ấy ai bằng,
 Túc khiên⁽²³⁾ đã rửa lông lông sạch rồi.
 2689 Khi nên Trời cũng chiều người,
 Nhẹ nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.
 2691 Giác Duyên dầu nhớ nghĩa nhau,
 Tiên Đường thả một bè lau rước người.

- 2693 Trước sau cho vẹn một lời,
Duyên ta mà cũng phúc Trời chi không !”
- 2695 Giác Duyên nghe nói mừng lòng,
Lân la tìm thú bên sông Tiền Đường,
2697 Đánh gianh⁽²⁴⁾ chụm nóc thảo đường,
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.
- 2699 Thuê năm⁽²⁵⁾ ngư phủ hai người,
Đóng thuyền⁽²⁶⁾ chực bến, kết chài trắng sông.
- 2701 Một lòng chẳng quản mấy công,
Khéo trong gập gổ cũng trong chuyển vần⁽²⁷⁾
- 2703 Kiều từ gieo xuống doanh ngân,
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.
- 2705 Ngư ông kéo lưới vớt người,
Ngẫm lời Tam Hợp rõ mười chẳng ngoa.
- 2707 Trên mui lướt muốt áo là,
Tuy dầm hơi nước, chưa lòa bóng gương.
- 2709 Giác Duyên nhận thật mặt nàng,
Nàng còn thêm thiếp giấc vàng chưa phai.
- 2711 Mơ màng phách quế hồn mai,
Đạm Tiên thoát đã thấy người ngày xưa.
- 2713 Rằng : “Tôi đã có lòng chờ,
Mất công mười mấy năm thừa ở đây.
- 2715 Chị sao phận mỏng đức dày,
Kiếp xưa đã vậy lòng này để ai !
- 2717 Tâm thành đã thấu đến Trời,
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.
- 2719 Một niềm vì nước vì dân,
Âm công cất một đồng cân đã già⁽²⁸⁾
- 2721 Đoạn trưởng sổ rút tên ra,
Đoạn trưởng thơ phải đưa mà trả nhau.
- 2723 Còn nhiều hưởng thụ về sau,
Duyên xưa đầy đủ phúc sau dồi dào.”

- 2725 Nàng còn ngỡ ngần biết sao,
Trạc Tuyền nghe tiếng gọi vào bên tai.
2727 Giật mình thoát tỉnh giấc mai,
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
2729 Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên?
Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề.
2731 Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,
Dọn thuyền mới rước nàng về thảo lư.
2733 Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trắng mát mặt muối dưa chay lòng.
2735 Bốn bề bát ngát mênh mông,
Triều dương hôm sớm mây lồng trước sau.

GIẢO ĐỈNH – XÁC ĐỊNH

Câu 2638 – Nhiều bản Kiều Nôm và hết thấy các bản Kiều Quốc ngữ đều in câu này là “Thì đà đắm ngọc chìm hương cho rồi”. Xét chữ “cho” ở đây thật vô nghĩa. Đó là vì nhiều bản Nôm khắc và in chữ *thất* – tức là mất lăm ra chữ cho.

Câu 2672 – Chữ *bằng tanh* Nôm viết gần giống như chữ *vắng tanh* nên các bản Nôm khắc lăm ra “vắng tanh”, thành vô nghĩa.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Hạ công** – tiệc mừng dẹp giặc thành công.

2. **Ty trúc** – đàn sáo.

3. **Thị yến** – đứng hầu rót rượu trước mâm tiệc.

4. **Vận đàn nhật tâu** – tôi không hiểu đích xác nghĩa bốn chữ *vận đàn nhật tâu* là gì. Tôi chỉ nhớ chữ “nhật tâu” thì ở bản Kiều Nôm viết là ngày tâu; chữ “vận” thì không nhớ bản in là *vận - vận chuyển* hay là *vận - một vần, một khúc đàn*.

Cuốn Kim Kiều của ông Bùi Kỳ thì in là “vận đàn nhật tâu” mà không giải nghĩa là gì. Tôi cho “nhật tâu” là vô nghĩa, vả lại chữ “a” và chữ “ã” ở Quốc ngữ in lăm là thường, chắc gì mà lấy hai chữ “vận nhật” này làm bằng có mà luận nghĩa được.

Tôi nhớ có bản Kiều in câu này là “Giở say lại ép cung đàn nhật tâu”, vậy có lẽ chữ *vận* ở đây là chữ *vận - một khúc đàn*. Nên nhà văn nào đó mới đổi “vận” ra “cung” để cho rõ nghĩa và liên với chữ “cung” ở câu sau: “một cung gió thảm mưa sầu”.

Còn chữ *nhật tâu* thì có lẽ là khúc đàn hay, ngày nào cũng gảy. Đáng lẽ phải nói là “nhật tấu” nhưng trong văn thơ thường hay đổi thanh trắc ra thanh bằng cho hợp âm luật; như đổi *nghĩa* ra *nghe*; đổi *nạn* ra *nàn*...

5. **Dây đàn Tiểu Lân** – nàng Tiểu Lân là vợ vua nước Bắc Tề. Khi nước Tề bị nhà Đường tiêu diệt, nàng phải vào cung Đại vương nhà Đường. Một hôm nàng gảy đàn, đàn đứt dây, nàng ngồi khóc mà không nổi lại dây đàn. Đại vương hỏi sao, thì nàng ngâm một bài thơ trong đó có hai câu sau:

Dục tri trường đoạn tuyệt,
Ứng khan tất thượng huyền

*Muốn biết lòng này đứt thế nào,
Thì nên xem sợi dây trên đùi này.*

6. **Gốc phần** – làng vua Hán Cao Tổ trồng nhiều cây phần, nên vua gọi làng vua là phần hương – *làng cây phần*. Sau người ta gọi làng quê mình là phần hương. Được thấy gốc phần tức là được về làng quê cha mẹ.

7. **Phường diện quốc gia** – phường diện là ông quan to cai trị một phường trong nước. Phường diện quốc gia là ông quan to của nhà nước, của triều đình.

8. **Thổ quan** – là người quan nhỏ, cai trị ngay tại địa phương quê mình. Ngày xưa ở vùng hiểm trở, hay dùng chính người bản xứ ở đó để cai trị cho dễ.

9. **Ủ liễu phai đào** – là mặt mày buồn ủ tê tái.

10. **Mảnh trăng đã góc non đoài** – là hồi nửa đêm thượng tuần âm lịch, trăng có một nửa sáng và đã xế xuống dãy núi phía Tây.

11. **Triều** – ở đây nghĩa là nước thủy triều.

12. **Thiên tuyệt mệnh** – là bài văn thơ làm lúc sắp chết, sắp tự tử.

13. **Con nước** – nhà thuyền chài vắn hay dùng tiếng con nước để tính nước thủy triều to hay nhỏ : một con nước, hai con nước, ba con nước...

14. **Âm cực dương hồi** – nghĩa là hết vận khổ rồi lại chuyển sang vận sướng, cũng như khí tiết trong một năm; rét đến cực độ rồi lại ấm dần trở lại.

15. **Níp** – hay kíp, là cái giỏ vuông đan bằng tre để chứa sách vở, đồ đạc mang đi đường.

Vân du là đi vân cảnh trời mây chùa chiền mọi nơi.

16. **Cội nguồn** – do chữ căn – *gốc rễ cây*; nguyên – *nguồn sông suối*.

17. **Côi phúc** – do chữ phúc căn dịch ra. Đi tu thì được sung sướng thanh thoi; đa tình thì hay gặp sự oan khổ.

18. **Thanh y hai lần** – một lần hầu rượu mẹ con Hoạn Thư và một lần hầu rượu họ Hồ.

19. **Guôm trần** – là guôm tuốt vỏ ra.

20. **Nghiệp duyên** – nghiệp là tội nghiệp do tình ái gây ra; duyên là phúc duyên có được vì nhiều công đức và lòng hiếu nghĩa.

21. **Tội nghiệp** – tội nghiệp của Kiều có hai phần : Một phần từ kiếp trước như Đạm Tiên nói : “Số còn nặng nghiệp má đào”. Phần nữa là mắc điều tình ái trong kiếp này.

Chuộc tội kiếp trước bằng sự “hại một người, cứu muôn người”; chuộc tội kiếp này bằng sự “lấy tình thâm trả tình thâm”.

22. **Thửa** – là tiếng cổ, nghĩa là của ai. Chữ thửa do chữ Hán là kỳ dịch ra. Trước kia ta vẫn học “kỳ” là “thửa”.

Vì chữ kỳ bao giờ cũng để ở trên danh từ, như nói : Dưỡng ngưư dĩ dụng kỳ lục, dĩ thực kỳ nhục – *Nuôi trâu để dùng thoả sức, để ăn thửa thịt*. Bởi vậy đây mới nói “Thửa công đức ấy”

23. **Túc khiên** – túc là cũ, khiên là tội lỗi. Túc khiên là tội lỗi từ kiếp trước để lại.

24. **Đánh gianh** – là xếp lá cỏ gianh thành túm rồi dùng ba nan tre dài đan kẹp đầu gốc lại thành từng phen dài mà lợp lên mái nhà. Chum là gò buộc tre nửa thành một khung nhà lều tạm. Thảo đường là nhà lợp cỏ có vẻ sạch sẽ để coi.

25. **Thuê năm** – là thuê làm việc cả năm.

26. **Đóng thuyền** – đây nghĩa là đỗ thuyền luôn luôn ở đó.

27. **Trong chuyển vận** – là trong cuộc xoay chuyển dun dủi tự nhiên của trời đất.

28. **Âm công cất một đồng cân đã già** – âm công là công đức mình làm mà không ai biết; đồng cân là một phần của lạng.

Những đơn vị trong phép cân của ta là :

Tạ = 60 kg

Yến = 6 kg

Cân = 600 g

Lạng = 37,5 g

Đồng hay đồng cân = 3,75 g

Phân = 0,375 g

Tạ = 10 yến, Yến = 10 cân, Cân = 16 lạng, Lạng = 10 đồng cân,

Đồng cân = 10 phân.

Câu này nghĩa là nếu đem âm công đo với kiếp xưa thì bên đĩa cân để âm công đã nặng hơn đĩa cân kiếp xưa một đồng cân.

đoạn XXIV

lạ cảnh điêu tàn
thương người lưu lạc

triều dương
hôm sớm
mây lồng
trước sau.

- 2737 Nạn xưa trút sạch lâu lâu,
Duyên xưa, chưa dễ biết đâu chốn này.
- 2739 Nỗi nàng lưu lạc đã đầy,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương,
- 2741 Từ ngày muôn dặm hộ tang,
Nửa năm ở đất Liêu dương lại nhà.
- 2743 Vội sang vườn Thúy dò la,
Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa.
- 2745 Đây vườn cỏ mọc lau thưa,
Song trăng quạnh quẽ, vách mưa rã rời.
- 2747 Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông⁽¹⁾
- 2749 Xập xùy én liệng lâu không,
Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày⁽²⁾
- 2751 Cuối tường gai gốc mọc đầy,
Đi về này những lối này năm xưa.
- 2753 Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai ?
- 2755 Láng giềng có kẻ sang chơi,
Lên la sẽ hỏi một hai sự tình.
- 2757 Hỏi ông ông mắc tụng đình;
Hỏi nàng nàng đã bán mình chuộc cha;
- 2759 Hỏi nhà nhà đã dời xa,
Hỏi chàng Vương với Vương bà, Thúy Vân.
- 2761 Đều là sa sút khó khăn,
May thuê viết bán kiếm ăn lần hồi.
- 2763 Điều đầu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe chàng thoát rúng rời xiết bao.
- 2765 Vội han⁽³⁾ di trú nơi nào,
Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi.
- 2767 Nhà tranh vách đất tả tơi,
Lau treo rèm nát trúc gài phen thưa.

- 2769 Một sân đất cỏ dầm mưa,
Càng ngao ngán nỗi càng ngơ ngẩn đường.
2771 Đánh liêu lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe tiếng vội vàng chạy ra.
2773 Dắt tay vội rước vào nhà,
Mé sau Viên ngoại ông bà ra ngay.
2775 Khóc than kể hết niềm tày :
“Chàng ôi ! Biết nỗi nước này cho chưa ?
2777 Kiều nhi phận mỏng như tờ,
Một lời đã lỗi tóc tơ cùng chàng.
2779 Gặp cơn gia biến⁽⁴⁾ lạ đường,
Bán mình nó đã tìm đường cứu cha.
2781 Dừng dằng khi bước chân ra,
Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần :
2783 ‘Trót lời nặng với Lang quân,
Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
2785 Gọi là trả chút nghĩa người,
Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên⁽⁵⁾
2787 Kiếp này duyên đã phụ duyên,
Dạ dài còn biết sẽ đền lai sinh.
2789 Mấy lời ký chú⁽⁶⁾ đình ninh,
Ghi lòng để dạ, cất mình ra đi.
2791 Phận sao bạc mấy Kiều nhi !
Chàng Kim về đó con thì đi đâu ?”
2793 Ông bà càng nói càng đau,
Chàng càng nghe nói, càng dẫu như dứa⁽⁷⁾
2795 Vật mình vẫy gió tuôn mưa,
Dầm dề giọt ngọc thẫn thờ hồn mai.
2797 Đau đời đoạn ngắt đời thôi,
Tĩnh rồi lại khóc khóc rồi lại mê.
2799 Thấy chàng đau nỗi biệt ly,
Nhịn ngừng ông mới vỗ về giải khuyên :

- 2801 Bầy giờ ván đã đóng thuyền,
Đã dành phận bạc khôn đền tình chung.
2803 Quá thương chút nghĩa đèo bông,
Nghìn vàng thân⁽⁸⁾ ấy dễ hòng bỏ sao ?”
2805 Đỗ dành khuyên giải trăm chiều,
Lửa phiền càng dập càng khêu mối phiền.
2807 Thề xưa giở đến kim hoàn,
Của xưa lại giở đến đàn với hương⁽⁹⁾
2809 Sinh càng trông thấy càng thương
Gan càng tức tối ruột càng xót xa.
2811 Rằng : “Tôi trót quá chân ra,
Để cho đến nổi trôi hoa dạt bèo.
2813 Cùng nhau thề thốt đã nhiều,
Những điều vàng đá, phải điều nói không !
2815 Chưa chẵn gối cũng vợ chồng,
Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang ?
2817 Bao nhiêu của mấy ngày dang,
Còn tôi tôi gặp mặt nàng mới thôi !”
2819 Nổi thương nói chẳng hết lời,
Tạ từ⁽¹⁰⁾ Sinh mới sụt sùi trở ra.
2821 Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời Viên ngoại ông bà cùng sang.
2823 Thần hôn chăm chút lễ thường,
Dưỡng thân thay tắm lòng nàng ngày xưa.
2825 Đình ninh mài lệ chép thư⁽¹¹⁾
Cắt người thân tín đưa tờ nhắn nhe.
2827 Biết bao công mượn của thuê,
Lâm Thanh mấy độ đi về dậm khơi.
2829 Người một nơi, hỏi một nơi,
Mệnh mệnh nào biết bể trời nơi nao !
2831 Sinh càng thảm thiết khát khao,
Như nung gan sắt, như bào lòng son.

- 2833 Ruột tằm ngày một héo hon,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve⁽¹²⁾
- 2835 Thẩn thơ lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao.
- 2837 Xuân Huyền lo sợ xiết bao,
Quá ra khi đến thế nào mà hay !
- 2839 Vội vàng sắm sửa chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.
- 2841 Người yếu điệu⁽¹³⁾ kẻ văn chương,
Trai tài gái sắc xuân đương vừa thì.
- 2843 Tuy rằng vui chữ vu phi⁽¹⁴⁾
Vui này đã cất sầu kia được nào.
- 2845 Khi ăn ở, lúc ra vào,
Càng sâu duyên mới, càng dào tình xưa.
- 2847 Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.
- 2849 Có khi vắng vẻ thư phòng,
Đốt lò hương giở phím đồng ngày xưa.
- 2851 Bể bai rầu rĩ tiếng tơ,
Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm.
- 2853 Đường như góc chái bên thêm,
Tiếng Kiều đồng vọng⁽¹⁵⁾ bóng xiêm mớ màng.
- 2855 Bối lòng tạc đá ghi vàng,
Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây.

GIẢO ĐỈNH - XÁC ĐỊNH

Câu 2749 – Nhiều bản Kiều phiên âm chữ *xập xùy* ra chữ *xập xoè* thành sai nghĩa ở đây. Vì “xập xùy” là lạng lẽ bay ra bay vào, trông có vẻ buồn bã vì nhà vắng chủ; “xập xoè” là chim non tập bay cánh còn gượng, lúc xòe ra, lúc cụp lại chưa lanh lẹ.

Câu 2843 – Kinh Thi có câu : *Phượng hoàng vu phi – đôi chim phượng hoàng vui bay cùng nhau*, ý nói vợ chồng hoà hợp vui vẻ. Nhiều bản Kiều đổi lầm *vu phi* ra *vu quy*, thành ra nghĩa không thật hay. Vì “vu quy” là gái về nhà chồng, thiếu ý vui.

Câu 2853 – Câu này lấy ý trong truyện Tiểu Tạ ở Liêu Trai : Hốt văn ô quỷ khóc ư âm tuyền – *Bỗng nghe tiếng ma khóc nỉ non ở góc tối*. Truyện tóm tắt như sau : Hai cô gái ma Thu Dung, Tiểu Tạ cùng yêu Đào Sinh. Sau Thu Dung được nhập vào xác Hắc Nữ hồi lại thành người lấy được Đào Sinh. Tối đến vợ chồng vào buồng làm lễ hợp cẩn, bỗng nghe tiếng Tiểu Tạ khóc rên rĩ ở xó tối. Vợ chồng thương quá, mang đèn tới xem thấy nàng áo xiêm đầy nước mắt do suốt đêm không nín. Trong bấy đêm liền không sao làm được lễ hợp cẩn. Sau nhờ Đạo sĩ sai âm binh đi lấy trộm được xác chết Sái Nữ về cho Tiểu Tạ nhập vào hoá người. Thế là Đạo Sinh được hai vợ rất đẹp.

Lối nhà ta làm trước thường có sáu hay tám hàng cột ngang, mỗi khoảng giữa hai hàng cột gọi là một gian nhà. Ba gian giữa là nhà ngoài, một hay hai gian đầu ngăn ra làm hai buồng ngủ. Chái là gian hẹp làm phụ vào gian buồng để chứa hòm tủ quần áo, đồ đạc. Gian chái nhà thường khuất tối, dễ tưởng tượng có ma ẩn. Vì chữ *chái* dễ lầm với chữ *nóc* nên có bản in là “đường như bên nóc bên thêm” thật là vô nghĩa.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông** – Thôi Hộ đời Đường người đẹp, thơ hay. Một hôm tiết Thanh Minh, Hộ ra ngoài đô thành chơi, thấy trong một thôn trang hoa đào nở đầy chung quanh nhà, mới gõ cửa vào xin nước uống. Một cô gái bưng bát nước mở cửa ra đưa cho Hộ, bốn mắt nhìn nhau tha thiết.

Hôm Thanh Minh năm sau, Hộ lại ra thăm nhà đó, thấy cửa khóa kỹ, mới để một bài thơ ở ngoài cửa rằng :

Khứ niên thử nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện chỉ kim hà xứ khứ ?
Đào hoa y cựu tiếu đông phong

*Năm ngoái hôm nay ở trong cửa này,
Hoa đào và mặt người cùng ánh lên sắc hồng
Gương mặt người xưa giờ không biết chốn nao
Chỉ còn hoa đào vẫn như cũ cười với gió xuân.*

Đề thơ xong Hộ ra đi, rồi mấy hôm sau lại đến thì thấy trong nhà có tiếng khóc. Một cụ già ra hỏi có phải Hộ để bài thơ này không. Và nói: “Anh đã giết con gái tôi rồi! Từ hôm nó đọc bài thơ, nó không ăn uống gì cả, rồi hôm nay nó vừa mới chết.” Hộ cảm thương xin vào viếng và đứng trước cô gái gọi to rằng: “Thôi Hộ đến đây! Cô có biết không?” Cô gái liền tỉnh dậy.

2. **Rêu phong dấu giấy** – bài ca Tràn Can Hành của Lý Bạch tả cảnh cô gái nhớ chồng đi xa có hai câu :

Môn tiên tống hành tích
Nhất nhất sinh lục đài
*Vết chân tiền đưa chàng lúc chàng ra đi xa
Từng vết một đều đầy rêu xanh sinh ra.*

3. **Han** – tiếng cổ tức là hỏi, bây giờ ta vẫn nói “hỏi han”.

4. **Gia biến** – là tai vạ bất kỳ xảy ra cho gia đình, phải chịu tội.

5. **Sâu này dằng dặc muôn đời chưa quên** – câu này lấy ý ở hai câu cuối của bài *Trường Hận Ca* :

Thiên trường địa cửu hữu thì tận
Thủ hận miên miên vô tuyệt kỳ
*Trời dài đất rộng cũng có lúc phải hết
Uất hận này sẽ kéo dài mãi mãi không bao giờ dứt*

6. **Kỳ chú** – là lời ghi lại nhờ nói hộ với người vắng mặt. Đây tức là lời Kiều dặn lại nhờ cha mẹ nói hộ với Kim Trọng.

7. **Dầu như dưa** – là ủ rũ như rau đã phơi héo dùng để làm dưa.

8. **Thân nghìn vàng** – sách Hán có chữ : Thiên kim chi tử, toạ bất thuý đường – *Người con nghìn vàng, không ngồi ở chỗ thêm cao mà rũ chân xuống kéo có khi rơi ngã xuống mà sinh què*. Ý nói người con nhà quý phải biết giữ mình cẩn thận.

9. **Đàn với hương** – đàn đây là cái đàn Kim Trọng trao cho Kiều gảy (câu 467-468); hương đây là mảnh gỗ trầm mà Kim Trọng bỏ thêm vào đỉnh hương để đón Kiều khi nàng lại sang đêm hôm sinh nhật ngoại gia, rồi sau làm lễ khấn thề với nhau. Khi thề xong, cháy chưa hết Kiều giữ làm kỷ niệm.

10. **Tạ tử** – chào xin phép ra về.

11. **Mài lệ chép thư** – là lấy nước mắt mà mài mực viết thư. Ý nói vừa khóc vừa viết thư gửi cho nàng.

12. **Hao mòn mình ve** – ve nở về tháng 7, tháng 8 có sương lạnh thì gầy dần rồi chết.

13. **Yếu điệu** – yếu là đức tính, điệu là nhan sắc đẹp. Yếu điệu là người con gái vừa đẹp vừa hiền

14. **Vu phi** – Kinh Thi có câu : Phượng hoàng vu phi – *đôi chim phượng hoàng cùng bay lượn*. Ý nói vợ chồng vui hoà với nhau, như đôi chim phượng cùng bay lượn vui vẻ với nhau trên trời.

15. **Đồng vọng** – là tiếng nghe văng vẳng thấy như tiếng thân, tiếng ma. Ta trước thường nói : Nhà có người bệnh nặng, mà đêm vắng, lắng tai nghe thấy văng vẳng có tiếng vọng ở lưng trời thì thế nào cũng chết.

đoạn XXV

thăng đường hỏi mộng
thiết vị chiêu hồn

tướng nàng
nên lại
thấy nàng
về đây.

- 2857 Những là phiên muộn⁽¹⁾ đêm ngày,
Xuân thu⁽²⁾ biết đã đổi thay mấy lần.
2859 Chế khoa⁽³⁾ gặp hội tràng văn.
Vương Kim cùng chiếm bảng xuân⁽⁴⁾ một ngày.
2861 Cửa trời rộng mở đường mây,
Hoa chào ngõ hạnh⁽⁵⁾ hướng bay dặm phần.
2863 Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung lão tạ ân chu tuyền.
2865 Tình xưa ân trả nghĩa đền,
Gia thân⁽⁶⁾ lại mới kết duyên Chu Trần.
2867 Kim tử nhẹ bước thanh vân,
Nổi nàng càng nghĩ xa gần càng thương.
2869 Ấy ai hẹn ngọc thề vàng,
Bây giờ Kim mã Ngọc đường⁽⁷⁾ với ai ?
2871 Rễ bèo⁽⁸⁾ chân sóng lạc loài,
Nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu ly.
2873 Vâng ra ngoại nhậm⁽⁹⁾ Lâm Chi,
Quan sơn nghìn dặm, thê nhi một đoàn.
2875 Cầm đường⁽¹⁰⁾ ngày tháng thanh nhàn,
Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đàn tiêu dao⁽¹¹⁾
2877 Phòng xuân trướng rủ hoa đào,
Nàng Vân nằm bổng chiêm bao thấy nàng.
2879 Tỉnh ra mới rỉ cùng chàng,
Nghe lời chàng cũng hai đường tín, nghi⁽¹²⁾
2881 Nọ Lâm Thanh với Lâm Chi,
Khác nhau một chữ hoặc khi có lầm.
2883 Trong cơ thanh khí tương tâm,
Ở đây hoặc có giai âm chẳng là ?⁽¹³⁾
2885 Thăng đường chàng mới hỏi tra,
Họ Đô có kẻ lại già thừa lên :
2887 “Sự này đã ngoại mười niên,
Tôi đà biết mặt, biết tên rành rành.

- 2889 Tú Bà cùng Mã Giám Sinh,
Đi mua người ở Bắc Kinh đưa về.
- 2891 Thúy Kiều tài sắc ai bì,
Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ;
- 2893 Kiên trinh chẳng phải gan vừa,
Liều mình thế ấy, phải lửa thế kia;
- 2895 Phong trần chịu đã ê chề,
Dây duyên sau lại se về Thúc lang.
- 2897 Phải tay vợ cả phũ phàng,
Bắt về Vô Tích toan đường bẽ hoa.
- 2899 Bức mình nàng phải trốn ra,
Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia.
- 2901 Thoát buôn về, thoát bán đi,
Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi !
- 2903 Bồng đầu lại gặp một người,
Hơn người trí dũng, nghiêng trời uy linh;
- 2905 Trong tay mười vạn tinh binh,
Kéo về đóng chặt một thành Lâm Chi.
- 2907 Tóc tơ các tích mọi khi,
Oán thì trả oán, ân thì trả ân.
- 2908 Đã nên có nghĩa có nhân,
Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen.
- 2911 Chưa từng được họ được tên,
Sự này hỏi Thúc Sinh viên mới tưởng.”
- 2913 Nghe lời Đô nói rõ ràng,
Tức thì đệ thiệp mời chàng Thúc Sinh.
- 2915 Nổi nàng hỏi hết phân minh :
“Anh hùng lúc ấy, tính danh là gì ?”
- 2917 Thúc rằng : “Gặp lúc lưu ly,
Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.
- 2919 Đại vương tên Hải, họ Từ,
Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người.

- 2921 Gặp nàng khi ở Châu Thai,
Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên.
2923 Vầy vùng trong bấy nhiêu niên,
Làm cho động địa kinh thiên dùn dùn.
2925 Đại quân đồn đóng cõi Đông,
Về sau chẳng biết Vân Mông⁽¹⁴⁾ ra sao.”
2927 Nghe tường ngành ngọn tiêu hao⁽¹⁵⁾
Lòng riêng chàng luống lao đao thần thờ.
2929 Xót thay chiếc lá bơ vơ,
Kiếp trần biết rũ bao giờ cho xong.
2931 Hoa trôi nước chảy xuôi dòng,
Xót thân chìm nổi, đau lòng hợp tan.
2933 Lời xưa đã lỗi muôn vàn,
Mảnh hương còn đó, phím đàn còn đây,
2935 Đàn cầm khéo ngăn ngở dây,
Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi ?
2937 Bình bông⁽¹⁶⁾ còn kẻ xa xôi,
Đỉnh chung⁽¹⁷⁾ sao nỡ ăn ngồi cho an !
2939 Rắp mong treo ấn tử quan⁽¹⁸⁾
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha.
2941 Giấn mình trong đám can qua,
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau.
2943 Nghĩ điều trời thẳm vực sâu,
Bóng chim tăm cá, biết đâu mà tìm ?
2945 Những là nắn ná đợi tin,
Nắng mưa đã biết mấy phen đổi dời !
2947 Năm mây⁽¹⁹⁾ bỗng thấy chiếu Trời,
Khâm ban sắc chỉ⁽²⁰⁾ tới nơi rành rành :
2949 Kim thì cải nhiệm Nam Bình,
Vương thì cũng cải nhiệm thành Tuy Dương.
2951 Sấm sanh xe ngựa vội vàng,
Hai nhà cùng thuận một đường phó quan⁽²¹⁾

- 2953 Xảy nghe thế giặc đã tan,
Sóng êm Phúc Kiến, lửa tàn Triết Giang.
- 2955 Được tin Kim mới rủ Vương,
Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa.
- 2957 Hàng Châu đến đó bấy giờ,
Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành :
- 2959 “Rằng ngày hôm nọ giao binh,
Thất cơ Từ đã thu linh trận tiền⁽²²⁾
- 2961 Thúy Kiều công cả chẳng đền,
Lệnh quan lại bắt ép duyên Thổ tù.
- 2963 Nàng đà gieo ngọc trầm châu,
Sông Tiền Đường đó, ấy mồ hồng nhan.”
- 2965 Thương thay không hợp mà tan,
Một nhà vinh hiển, riêng oan một nàng !
- 2967 Chiêu hồn⁽²³⁾ thiết vị lễ thường,
Giải oan⁽²⁴⁾ lập một đàn tràng bên sông.
- 2969 Ngọn triều non bạc trùng trùng⁽²⁵⁾
Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo.
- 2971 Tình thâm bể thảm⁽²⁶⁾ lạ điều :
Nào hồn tình vệ⁽²⁷⁾ biết theo chốn nào ?

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 2899 – Nhiều bản Kiều in chữ *bức* thành *bực*, e không xác đáng. Vì Kiều phải trốn là vì tính thế nguy hiểm bức bách chứ không phải vì bức tức.

Câu 2916 – Câu này bản thì in “Chồng con đâu tá”, bản thì viết “Anh hùng lúc ấy”. Câu “chồng con đâu tá” nghe có vẻ thông thường hơn nhưng e không thật xác đáng. Vì thế là câu hỏi chồng con ở đâu? tên họ là gì? mà sao câu trả lời lại chỉ nói có tên và họ. Như vậy, câu “anh hùng lúc ấy” hợp lý hơn, vì chữ “anh hùng” hợp với chữ “đại vương” ở câu trả lời.

Câu 2940 – Chữ *pha* đây nghĩa là len chui bữa vào, không sợ nguy hiểm. Nhiều bản Kiều đổi chữ *pha* ra chữ *qua*, thật lắm.

Câu 2950 – Tuy Dương là một huyện ở tỉnh Hà Nam bên Tàu, vì ở phía Tây sông Tuy Thủy, nên mới gọi tên là huyện Tuy Dương. Các bản Nôm đều viết đúng là Tuy Dương, nhưng ta thường đọc sai là Thư, vì chữ Tuy và chữ Thư viết theo chữ Hán chỉ khác nhau một ly, nên ta thường viết cả hai chữ là Thư. Cho nên có bản Kiều in lầm là Thư Dương.

Xét ra lúc Kim Trọng, Vương Quan đi nhậm chức, lúc mới khởi hành thì cùng đi về phía Nam. Gần tới Hàng Châu thì đáng lẽ Kim Trọng phải rẽ về phía Đông Nam để tới huyện Nam Bình; Vương Quan thì phải rẽ về phía Tây để tới Tuy Dương. Nhưng được tin giặc tan, nên Kim mới rủ Vương cùng đi với mình về phía Phúc Kiến để tìm tin tức Kiều.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Muộn** – là buồn; Chinh phụ ngâm có câu :

*Sầu ôm nặng hãy chồng làm gối
Muộn chưa đầy hãy thổi làm cơm
Muộn hoa muộn rượu giải buồn
Sầu làm rượu nhạt, muộn làm hoa ôi.*

2. **Xuân thu** – nghĩa là một năm. Tiếng ta trước, người lịch sự thường hỏi tuổi nhau bằng câu : “Thưa ông, năm nay xuân thu ông bao nhiêu ạ ?”

3. **Chế khoa** – là khoa thi văn cao cấp nhất mở ra bất kỳ, ngoài kỳ thi Hội thường lệ, để thu vớt nhân tài vì rơi sót. Người ứng thi Chế khoa không cần có bằng Cử nhân. Chế khoa chính vua ra làm chủ khảo, nên các ông Tiến Sĩ đồ kỳ Chế khoa có danh giá hơn các ông Tiến Sĩ đồ khoa thường lệ.

4. **Bảng xuân** – là xuân bằng. Khoa thi Hội bao giờ cũng thi vào mùa xuân, nên ai đậu Tiến Sĩ gọi là “chiếm bảng xuân”. Còn thi Hương để lấy bằng Cử nhân thì vào mùa thu, nên bảng đồ Cử nhân gọi là “bảng thu”.

5. **Hoa chào ngô hạnh** – thi Tiến Sĩ xong vào tháng ba, đương độ hoa hạnh đào nở, các ông Tiến Sĩ mới được vua dẫn đi dạo chơi trong vườn hoa nhà vua, hay những ngô nhiều hoa ở kinh đô, chỗ nào cũng nhiều hoa hạnh đào như chào mừng các vị tân khoa.

Dặm phần là đường về làng quê mình. Ai đỗ Tiến Sĩ thì được người hàng tỉnh hàng huyện rước vinh quy về làng rất vẻ vang.

6. **Gia thân** – gia là thêm, thân là tình thân thiết. Gia thân là đã thân lại càng thân hơn.

7. **Kim mã Ngọc đường** – cửa cung Vị Ương nhà Hán có tượng ngựa đồng nên gọi là Kim mã môn.

Ngọc đường là nhà xây bằng ngọc thạch. Cổ thi có câu :

*Hoàng kim vi quân môn, Bạch ngọc vi quân đường
Vàng làm cửa nhà chàng, Ngọc trắng xây nền nhà chàng*

Vua Tống Thái Tông thì có câu tả chúc Hàn Lâm Quý rằng :

Hàn Lâm thừa chỉ quý, thanh tĩnh Ngọc đường trung

*Chúc Hàn Lâm thừa chỉ tuy nhỏ nhưng sang,
vì được ở nơi nhà ngọc rất trong sạch.*

Thuà chỉ – là chức quan đầu tiên mà các ông Tiến Sĩ được bổ nhiệm, ở gần Vua để lĩnh ý Vua mà viết sắc lệnh.

8. **Rễ bèo** – do chữ *bình ngạnh* là cái nhánh bèo dịch ra.

9. **Ngoại nhậm** – nhậm cũng như nhiệm, nghĩa là cho ra làm quan ở các tỉnh ngoài kinh đô. Còn gọi là bổ nhậm, bổ nhiệm.

10. **Cầm đường** – nghĩa đen là nhà gảy đàn cầm; nghĩa bóng là dinh quan Tri huyện. Ông Phục Tử Tiên, đời Xuân Thu làm quan huyện ở nước Lỗ, thường vừa gảy đàn vừa làm việc quan mà dân vẫn yên trị, nên đời sau gọi dinh tri Huyện là Cầm đường.

11. **Tiếng hạc tiếng đàn** – ông Triệu Biên đời Tống lúc làm Ngự Sử rất thanh liêm cương trực, không kiêng nể ai. Lúc ra làm quan ở đất Thục, nhà nghèo, chỉ có một cây đàn và một con hạc, nhưng dân rất kính sợ, quận rất yên trị.

12. **Tín** – là tin, nghi là ngờ; tín nghi là nửa tin nửa ngờ.

13. **Giai âm** – giai là tốt, âm là tiếng. Giai âm là tin tốt, tin hay.

14. **Vân Mộng** – là tin tức xa thăm mờ mờ không rõ.

15. **Tiêu hao** – là tin tức lúc thế nọ lúc thế kia, không biết thế nào.

16. **Bình bông** – bình là bèo; bông là loài cỏ mọc bám trên tường, vào thân cây to, về mùa khô thì bông theo gió bay đi. Đây dùng chữ *bình bông* để nói đời Kiều lênh đênh như cánh bèo mặt nước, cỏ bông trước gió.

17. **Đỉnh chung** – đỉnh là cái vạc lớn để nấu đồ ăn; chung là cái chuông. Hai chữ *đỉnh chung* dùng tả cảnh nhà giàu sang, đông người; phải nấu ăn bằng vạc, phải đánh chuông để gọi người về.

18. **Treo ấn từ quan** – ông Đào Tiềm là thi sĩ trứ danh đời nhà Tấn. Lúc nhà Tấn suy, ông đương làm Huyện lệnh ở Bành Trạch. Một hôm có viên Đốc Bưu đến huyện, có người bảo ông phải mặc áo mũ ra lạy chào, ông cười nói : “Khi nào ta lại phải vì năm đấu gạo lương mà lạy chào hân.” Rồi ông treo ấn ở cổng huyện mà bỏ quan về nhà sống đời nghèo túng nhưng tự do ung dung.

19. **Năm mây** – là đám mây đủ năm sắc vàng, đỏ, xanh, trắng, đen tượng trưng cho oai quyền vua chúa. Bởi vậy sắc vua ban vẫn vẽ hình mây ngũ sắc. Sử Hán nói : Phạm Tăng bảo Hạng Vũ giết Bái Công đi, vì Bái Công ở đâu thường có mây ngũ sắc che ở trên, báo điềm Bái Công sẽ được làm vua, cướp mất thiên hạ của Vũ.

20. **Khâm ban sắc chỉ** – khâm là kính; ban là ban cho; sắc chỉ là tờ chỉ thị của vua. Khâm ban sắc chỉ là kính vâng nhận sắc lệnh của vua ban cho.

21. **Phó quan** – phó là tới; phó quan là tới chỗ làm quan.

22. **Thất cơ, thu linh** – thất cơ là bị lừa; thu linh tức là chết.

23. **Chiêu hồn** – là lễ cúng để mời vong hồn người chết đuối hay chết mất tích nơi xa, trở về với gia đình.

24. **Giải oan** – là lễ cúng Phật, xin đức Phật cỗi hết những nút oan nghiệt kiếp trước mình đã buộc vào.

Đàn là một nền cao đắp lên để kê bàn thờ tụng kinh niệm Phật, cầu Phật ban phúc giải tội cho oan hồn được thoát khỏi cõi khổ cực, về cõi yên vui.

25. **Ngọn triều non bạc** – nghĩa là nước triều lên to có những làn sóng nổi cao rồi tung toé trước gió, thành ngọn trắng như bạc. Người ta còn gọi là sóng bạc đầu.

26. **Tình thâm bề thâm** – tình thâm là nơi cúng chiêu hồn ở trên bờ, có đủ cả mặt mọi người gia đình thân thiết; bề thâm là nơi đáy sông, hồn chết thê thảm.

27. **Hồn tinh vệ** – sách Sơn Hải Kinh nói : “Ở núi Phất Cưu có loài chim gọi là tinh vệ, ngày ngày cầm đá, cầm cành cây thả xuống bể Đông.” Đó là hồn con gái Hoàng Đế tên là Nữ Oa chết đuối ở bể Đông, nên muốn lấp bể để bảo thủ.

Chỗ lấp bà Nữ Oa này với bà Nữ Oa đội đá, vá trời.

đoạn XXVI

mừng cảnh đoàn viên
tủi tình lưu lạc

hào hồn
tĩnh vệ
biết theo
chốn hào ?

- 2973 Cơ duyên⁽¹⁾ đâu bỗng lạ sao ?
Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.
- 2975 Trông lên linh vị⁽²⁾ chữ bài,
Thất kinh mới hỏi : “Những người đâu ta ?
- 2977 Với nàng thân thích gần xa ?
Người còn sao bỗng làm ma⁽³⁾ khóc người ?”
- 2979 Nghe tin ngỡ ngác rụng rời,
Xúm quanh kể họ, rộn lời hỏi tra :
- 2981 “Này chồng này mẹ này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.
- 2983 Thật tin nghe đã bấy lâu,
Pháp sư⁽⁴⁾ dạy thế, sự đâu lạ đường ?”
- 2985 Sử rằng : “Nhân quả với nàng⁽⁵⁾
Lâm Chi buổi trước, Tiền Đường buổi sau.
- 2987 Khi nàng gieo ngọc trầm châu,
Đón nhau tôi đã gặp nhau rước về.
- 2989 Cùng nhau nường cửa Bồ Đề⁽⁶⁾
Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa.
- 2991 Phật tiền ngày bạc lân la,
Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây.”
- 2993 Nghe tin nổ mặt mở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng ?
- 2995 Từ phen chiếc lá lìa rừng,
Thăm tìm luống những liễu chùng nước mây.
- 2997 Rõ ràng hoa rụng hương bay,
Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi !
- 2999 Mạnh dương⁽⁷⁾ đôi ngả chắc rồi,
Cõi trần mà lại thấy người cứu nguyên !⁽⁸⁾
- 3001 Cùng nhau lạy tạ Giác Duyên,
Bộ hành một lũ theo liền một khi.
- 3003 Bẻ lau vạch cỏ tìm đi,
Tình thâm luống hầy hồ nghi nửa phần.

- 3005 Quanh co theo giải giang tân⁽⁹⁾
 Khỏi rừng lau đã tới sân Phật đường.
- 3007 Giác Duyên lên tiếng gọi nàng,
 Buồng trong nàng đã vội vàng bước ra.
- 3009 Trông xem đủ mặt một nhà :
 Xuân già còn khỏe, huyên già còn tươi.
- 3011 Hai em phương trưởng⁽¹⁰⁾ hòa hai,
 Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa.
- 3013 Tưởng bây giờ là bao giờ ?
 Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao !
- 3015 Giọt châu thánh thót quện bào⁽¹¹⁾
 Mừng mừng tủi tủi biết bao sự tình !
- 3017 Huyên già dưới gối gieo mình,
 Khóc than mình kể sự mình đầu đuôi :
- 3019 “Tử con lưu lạc quê người,
 Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm.
- 3021 Tính rằng sông nước cát lầm⁽¹²⁾
 Kiếp này ai lại còn cầm⁽¹³⁾ gập đây !”
- 3023 Ông bà trông mặt cầm tay,
 Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra.
- 3025 Bấy chủ dãi nguyệt, dầu hoa,
 Mười phân xuân có gầy ba bốn phần.
- 3027 Nỗi mừng biết lấy chi cân ?
 Lỗi tan hợp chuyện xa gần thiếu dẫu !
- 3029 Hai em hỏi trước han sau,
 Đứng trông chàng cũng trở sầu làm tươi.
- 3031 Quây nhau lạy trước Phật đài,
 Tái sinh thâm tạ lòng Người từ bi.
- 3033 Kiệu hoa giục giã tức thì,
 Vương ông dạy rước cùng về một nơi.
- 3035 Nàng rằng : “Chút phận hoa rơi,
 Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.

- 3037 Tính rằng mặt nước chân mây,
Lòng nào còn tưởng có rầy nữa không ?
- 3039 Được rầy tái thế tướng phùng.
Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay.
- 3041 Đã đem mình bỏ am mây⁽¹⁴⁾
Tuổi này gửi với cỏ cây cũng vừa⁽¹⁵⁾
- 3043 Mùi thiền⁽¹⁶⁾ đã bén muối dưa,
Mầu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng.
- 3045 Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi !
- 3047 Dở dang nào có hay gì ?
Đã tu tu trót quá thì thì thôi.
- 3049 Trùng sinh ớn nặng biển trời,
Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi !”
- 3051 Ông rằng : “Bỉ thử nhất thì⁽¹⁷⁾
Tu hành thì cũng phải khi tòng quyền.
- 3053 Phải điều cầu Phật cầu Tiên,
Tình kia hiểu nọ ai đền cho đây ?
- 3055 Độ sinh⁽¹⁸⁾ nhờ đức cao dày,
Lập am rồi sẽ rước thầy ở chung.”
- 3057 Nghe lời nàng phải chiều lòng,
Giã sư giã cảnh đều cùng bước ra.

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 3008 – Câu này nhiều bản Kiều in là “Buồng trong vội dạo sen vàng bước ra”. Hai chữ *sen vàng* không hợp với Kiều lúc này, vì nàng đã mặc áo nâu theo thiên rồi.

Câu 3030 – Chữ *chàng* câu này, có bản in là *nàng*. Thế là sai lầm. Mới gặp Kiều, ai cũng xúm lại mà nhìn mà hỏi. Ông thì trông mặt, bà thì cầm tay, hai em thì hỏi trước han sau, còn chàng Kim thì phải giữ gìn ý tứ, không tiện lại gần Kiều mà chào hỏi, chỉ đứng xa nhìn, vẻ tươi vui.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Cơ duyên** – nghĩa đen chữ *cơ* là cái máy phát động đưa đẩy cho chạy; chữ *duyên* là cái nguyên nhân sinh ra một sự gì – sách Phật gọi là *nhân quả*. Nghĩa rộng hai chữ *cơ duyên* là sự tình cờ tự nhiên xảy ra, như Trời dun dủi đưa đến.

2. **Linh vị** – là bàn thờ cúng linh hồn người mới chết, trên ngai linh vị có bày một bài vị để tên tuổi người chết.

3. **Làm ma** – là lễ chôn và cúng tế người chết.

Theo tục ta trước, những người chết mất xác cũng vẫn có lệ làm ma chôn cất : Người ta làm hình giả xếp vào quan tài mà chôn, lấy sọ dừa làm đầu, cắt gióng cành cây núc nác làm xương, giải chỉ ngũ sắc lên làm mạnh máu rồi cúng chiêu hồn về vào quan mà chôn. Gọi là ma chiêu hồn.

4. **Pháp sư** – chữ Pháp ở đây nghĩa là đạo Phật. Pháp sư là thầy giảng đạo Phật.

5. **Nhân quả** – nhân là cái nhân hột mình đem trồng, quả là cái trái cây mình trồng được. Theo Kinh nhà Phật thì nhân quả là sự báo ứng; làm thiện thì sẽ được hưởng phúc, làm ác thì sẽ phải khổ sở. Dân ta có câu : “Nhân nào quả ấy” giống như trồng hột đậu thì sẽ được ăn đậu, trồng hột mận thì sẽ được ăn mận.

6. **Cửa Bồ Đề** – là cửa nhà Phật, tức là chùa. Đức Thích Ca ngồi tu ở gốc cây Bồ Đề thành Phật, nên các chùa hay trồng cây Bồ Đề ở trước làm kỷ niệm.

7. **Manh dương** – manh là chỗ mờ tối âm u, tức là cõi âm phủ; dương là chỗ sáng sủa, tức là cõi dương thế. Chớ lầm chữ *manh* với chữ *minh* nghĩa là sáng.

8. **Cửu nguyên** – cửu nguyên trước kia là tên nơi đất chôn các quan to nước Tần đời Xuân Thu, sau ta dùng để chỉ nơi mồ mả.

9. **Giang tân** – là bến sông, bờ sông.

10. **Phượng trưởng** – là đã lớn thành người đứng đắn, tử tế.

11. **Quện bào** – là nước mắt làm hoen ầm cả áo bào – áo ngoài.

12. **Cát lấm** – chữ lấm ở đây nghĩa là bùn. Thành phố Hà Nội trước kia có một cửa ô gọi là cửa ô Đồng Lấm, vì là nơi thợ nhuộm thâm – đen ở, nhà nào cũng chứa bùn để ngâm lụa vải nhuộm đen.

13. **Cầm** – chữ *cầm* ở đây là đoán trước chắc sẽ được như thế.

14. **Am mây** – chữ Hán nghĩa là ngôi nhà nhỏ và rất cao sạch.

15. **Gửi với cỏ cây** – nghĩa là sống cuộc đời tu hành, rũ sạch hết nhân tình như loài cỏ cây, lúc sống thì vui bạn với cỏ cây, lúc chết cũng chôn vùi với cỏ cây.

16. **Mùi thiền** – là đồ ăn chay nhà Phật; màu thiền là quần áo mặc nhà Phật.

17. **Bỉ thử nhất thì** – là nói rút ngắn lại của câu : Bỉ nhất thì, thử nhất thì – *trước kia một thì, bây giờ một thì, mỗi thì mỗi khác*.

18. **Độ sinh** – là cứu cho sống lại, làm cho đời sống được thanh thoi, vui vẻ.

đoạn XXVII

kẻ thẹn hoa tàn
người khen trắng tở

giã sư
giã cảnh
đều cùng
bước ra.

- 3059 Một đoàn về đến quan nha,
Đoàn viên⁽¹⁾ vội mở tiệc hoa⁽²⁾ vui vầy.
- 3061 Tàng tàng⁽³⁾ chén cúc⁽⁴⁾ dở say,
Đứng lên Vân mới giải bày một hai,
- 3063 Rằng : “Trong tác hợp cơ trời.
Hai bên gặp gỡ một lời kết giao.
- 3065 Gặp cơn bình địa ba đào⁽⁵⁾
Vây đem duyên chị buộc vào duyên em.
- 3067 Cũng là phận cải duyên kim,
Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao !⁽⁶⁾
- 3069 Những là rày ước mai ao,
Muời lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình !
- 3071 Bây giờ gương vỡ lại lành⁽⁷⁾
Khuôn thiêng lựa lọc đã rành có nơi.
- 3073 Còn duyên may lại còn người,
Còn vầng trăng bạc, còn lời nguyên xưa.
- 3075 Quả mai ba bảy đường vừa⁽⁸⁾
Đào non⁽⁹⁾ sớm liệu xe tơ kịp thì !”
- 3077 Dứt lời nàng vội gạt đi :
Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ !
- 3079 Một lời tuy có ước xưa,
Xét mình dải gió dầu mưa đã nhiều.
- 3081 Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi !”⁽¹⁰⁾
- 3083 Chàng rằng : “Nói cũng lạ đời,
Dầu lòng kia vậy còn lời ấy sao ?
- 3085 Một lời đã trót thâm giao⁽¹¹⁾
Dưới dày có đất, trên cao có trời !
- 3087 Dầu rằng vật đổi sao dời⁽¹²⁾
Tử sinh cũng giữ lấy lời tử sinh.
- 3089 Duyên kia có phụ chi mình,
Mà toan chia gánh chung tình làm hai ?”

- 3091 Nàng rằng : “Gia thất duyên hài⁽¹³⁾
Chút lòng ân ái ai ai cũng lòng.
- 3093 Nghĩ rằng : “Trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhị⁽¹⁴⁾ trăng vòng tròn gương.
- 3095 Chữ ‘trinh’ đáng giá nghìn vàng,
Đuốc hoa⁽¹⁵⁾ chẳng thẹn với chàng mai xưa.
- 3097 Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.
- 3099 Bấy chầy gió táp mưa sa,
Mấy trăng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn.
- 3101 Còn chi là cái hồng nhan,
Đã xong thân thế, còn toan nỗi nào ?
- 3103 Nghĩ mình chẳng thẹn mình sao ?
Dám đem trần cấu⁽¹⁶⁾ dự vào bố kinh !
- 3105 Đã hay chàng nặng vì tình,
Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lấm ru !
- 3107 Từ rày khép cửa phòng thu,
Chẳng tu thì cũng như tu mới là !
- 3109 Chàng dầu nghĩ đến tình xa,
Đem tình cầm sắt⁽¹⁷⁾ đổi ra cầm cò.
- 3111 Nói chi kết tóc xe tơ,
Đã buồn cả ruột lại dơ cả đời !”
- 3113 Chàng rằng : “Khéo nói nên lời;
Mà trong lẽ phải có người có ta.
- 3115 Xưa nay trong đạo đàn bà,
Chữ ‘trinh’ kia cũng có ba bảy đường,
- 3117 Có khi biến có khi thường,
Tòng quyền⁽¹⁸⁾ nào phải một đường chấp kinh.
- 3119 Như nàng lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay !
- 3121 Trời còn để có hôm nay,
Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời⁽¹⁹⁾

- 3123 Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa !
3125 Có điều chi nữa mà ngờ ?
Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu ?”⁽²⁰⁾
3127 Nghe chàng nói đã hết điều,
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.
3129 Hết lời khôn lẽ chối lời,
Cúi đầu nàng những ngẩn dài thở than.

GIẢI ĐÍCH - XÁC ĐỊNH

Câu 3072 – Chữ *lựa lọc* trong câu này hầu hết các bản Kiều đều in lầm ra *lừa lọc*. Và chữ *rành* bị đổi ra chữ *đành*.

Lựa là so lựa cho vừa đôi phải lứa với nhau, lọc là chọn lọc cho hợp tình hợp ý lẫn nhau; rành là rõ ràng đâu vào đấy rồi.

Câu 3089 – Chữ *mình* câu này nghĩa là chúng mình. Có bản đổi chữ *mình* ra chữ *tình*, rõ là vô nghĩa.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Đoàn viên** – là xum họp đông đủ.

2. **Tiệc hoa** – do chữ hoa diên dịch ra, nghĩa là tiệc vui mừng.

3. **Tàng tàng** – là đã hơi say rượu.

4. **Chén cúc** – là uống chén rượu cất với hoa cúc.

5. **Bình địa ba đào** – nghĩa là cơn sóng cồn bỗng nổi lên ở mặt đất bằng. Nghĩa bóng là sự tai vạ bất kỳ xảy ra.

6. **Máu chảy ruột mềm** – nghĩa bóng là khi thấy người thân mình bị nạn thì mình thương xót đau lòng.

7. **Gương vỡ lại lành** – lấy điển ở câu trong *Tình Sử* : Phá Kính trùng viên – *Gương vỡ đôi lại khớp lại thành tròn*.

Sự tích này như sau : Đời nhà Trần bên Tàu (557—589) có Từ Đức Ngôn lấy Lạc Sương Công chúa. Khi nhà Trần sắp mất, Đức Ngôn bảo vợ : “Nước mất thì thế nào nàng cũng bị vua, tướng nhà Tùy nó bắt, ta bẻ cái gương ngọc này làm đôi, mỗi người giữ một nửa. Sau này nếu nàng còn sống, thì cứ hôm rằm tháng giêng nă nào nàng cũng cho người mang mảnh gương của nàng ra chợ Kinh đô bán mà đòi giá rõ đắt cho không ai mua, để ta đến đó mà tìm.” Khi nhà Trần mất, Công chúa bị Đại Tướng nhà Tùy là Dương Tố bắt. Đức Ngôn tới Kinh đô, ra chơi hội chợ rằm tháng giêng, thấy người mang mảnh gương ra rao bán. Đức Ngôn lấy mảnh gương của mình ra khớp in với mảnh kia, rồi để bốn câu thơ gửi theo hai mảnh gương cho Công chúa. Công chúa được thơ thương khóc nhận ăn. Dương Tố biết chuyện, mới cho người tìm Đức Ngôn đến trả Công chúa cho về đoàn tụ với nhau.

Bốn câu thơ đó như sau :

Kính dữ nhân câu khứ

Kính quy nhân bất quy

Bắt phục Thường Nga ảnh
Không lưu mình nguyệt huy

*Giường với người cùng ra đi
Giường về người chẳng về
Giường không còn bóng cô Thường Nga nữa
Chỉ còn lại ánh sáng không của mặt trăng sáng này thôi*

8. **Quả mai ba bảy đường vừa** – bài thơ Phiếu Hữu Mai – *thơ mai rụng* trong Kinh Thi có những câu :

Phiếu hữu mai kỳ thật thất hể,
Phiếu hữu mai kỳ thật tam hể.

Nghĩa là quả mai rụng mười phần còn bảy phần; quả mai rụng mười phần còn ba phần.

Ý nói, tuy chỉ còn ba phần, nhưng hãy còn hái được, ví như đàn bà đã luống tuổi, nhưng lấy chồng hãy còn vừa.

9. **Đào non** – Kinh Thi có câu : Đào chi yêu yêu – *Cây đào non dờn dờn* để nói con gái đương thời trẻ trung vừa tuổi lấy chồng.

10. **Ngọn nước thủy triều** – câu này lấy điển ở câu thơ cổ : Tâm như quy hải triều, mộ phong lưu bất trụ – *Lòng này giống như nước triều lui về bể, gió chiều tối không ngăn cản lại được nữa.*

11. **Thâm giao** – chữ thâm giao đây nghĩa là giao ước một cách sâu nặng, chứ không phải nghĩa bạn bè thân thiết.

12. **Vật đổi sao dời** – trong bài tựa *Đăng Vương Các* của Vương Bột có câu : Vật hoá tinh di kỳ độ thu – *Vật đổi sao dời trải qua bao nhiều mùa thu rồi.* Ý nói mọi việc thay đổi luôn luôn.

13. **Gia thất duyên hải** – do chữ : nam hữu gia, nữ hữu thất – *con trai có vợ, con gái có chồng.* Duyên hải là kết duyên vui vẻ. Bốn chữ này có nghĩa là đàn ông đàn bà, ai cũng muốn có vợ có chồng.

14. **Hoa thơm phong nhị** – là hoa hãy còn giữ bọc nhị thơm kín đáo, nguyên vẹn.

15. **Đuốc hoa** – tức là đèn tân hôn, vì trong buồng dâu đêm tân hôn ngày xưa có lệ đốt hai cây nến chung quanh có trổ hoa để cúng lễ hợp cẩn.

16. **Trần cấu** – trần là bụi đất; cấu là chất ghét bẩn. Ý nói Kiều tự cho mình là dơ bẩn, không xứng đáng lấy Kim Trọng nữa.

17. **Cầm sắt** – là tình vợ chồng. Cầm kỳ là tình bè bạn.

Kinh Thi có câu : *Thê tử hảo hợp như cổ sắt cầm – vợ chồng hoà hợp với nhau như gảy đàn sắt đàn cầm ăn nhịp với nhau.*

Cầm kỳ thi tửu là bốn cuộc chơi thanh nhã giữa bạn bè.

18. **Tòng quyền** – nghĩa đen chữ *quyền* là cái quả cân; nghĩa rộng là câu Mạnh Tử nói : *Quyền chi nhiên hậu tri khinh trọng – Cân đi thì biết bên nào nặng bên nào nhẹ.*

Gặp việc khó xử phải cân nhắc xem bên nào hệ trọng thì theo mà làm cho hợp tình hợp lý gọi là tòng quyền. Nếu cứ giữ một mực không biết thay đổi, gọi là *chấp kinh*, nghĩa là giữ đạo thường.

19. **Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời** – đám sương ở đầu ngõ tan đi thì lại thấy hoa trong vườn; đám mây ở giữa trời vén gọn thì lại thấy mặt trăng. Ý nói Kiều lúc sống đời tủi nhục cũng như hoa bị sương phủ, trăng bị mây che. Bây giờ đời khổ nhục hết rồi thì hoa lại tươi, trăng lại sáng.

20. **Chàng Tiêu** – văn thơ đời Đường, Tống thường gọi con trai là Tiêu Lang – *chàng Tiêu*; gọi con gái là Tiêu Nương – *nàng Tiêu*. Câu “khách qua đường hững hờ chàng Tiêu” này lấy điển ở câu thơ của Thôi Giao đời Đường.

Thôi Giao có người vợ lẽ đẹp, bị người bắt đi dâng ông Liên Sứ (Nguyên Sứ họ Liên). Giao viết một bài thơ tìm cách gửi vào Sứ phủ cho nàng, hai câu cuối bài thơ đó là :

Hầu môn nhất nhập thâm như hải

Tòng thủ Tiêu Lang thị lộ nhân

Một khi đã vào trong cửa dinh Vương Hầu sâu như bể,

Từ đó ta thành ra một chàng Tiêu lạ như khách qua đường.

Một đứa thị tỳ trong Sứ phủ có ý ghen ghét nàng, đem bài thơ đó lên trình Liên Sứ. Sứ cho gọi Giao đến, đưa thơ cho xem và hỏi có phải chàng là thi sĩ làm bài thơ này không. Thôi Giao can đảm nhận ngay, Liên Sứ liền khen thơ hay và gọi nàng ra trả lại cho Giao, lại tặng thêm nữ trang rất hậu.

đoạn XXVIII

chút trình cầm vững
muôn phần kính thêm

cúi đầu
nàng nhũng
ngắn dài
thở than.

- 3131 Nhà vừa mở tiệc đoàn loan,
 Hoa soi ngọn đuốc, hồng chan bức là.
- 3133 Cùng nhau giao bái⁽¹⁾ một nhà,
 Lễ đà đủ lễ đôi đà đủ đôi.
- 3135 Động phòng dìu dặt⁽²⁾ chén môi,
 Bâng khuâng duyên trước, ngậm ngùi tình xưa.
- 3137 Những từ sen ngó đào tơ⁽³⁾
 Mười lăm năm mới bây giờ là đây !
- 3139 Tình duyên ấy hợp tan này,
 Bi hoan⁽⁴⁾ mấy nỗi đêm chầy trăng cao.
- 3141 Canh khuya bức gấm rủ thao,
 Dưới đèn tỏ mặt má đào thêm xuân.
- 3143 Tình nhân lại gặp tình nhân,
 Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình.
- 3145 Nàng rằng : “Phận thiếp đã đành,
 Có làm chi nữa cái mình bỏ đi.
- 3147 Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
 Chiều lòng gọi có xướng tùy⁽⁵⁾ mảy may.
- 3149 Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
 Cũng đà mặt dạn mày dầy khó coi.
- 3151 Những như âu yếm vành ngoài,
 Còn toan mở mặt với người cho qua.
- 3153 Lại như những thói người ta,
 Vết hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.
- 3155 Khéo là giở nhuốc bày trò,
 Còn duyên đâu nữa là thù đấy thôi⁽⁶⁾
- 3157 Người yêu ta xấu với người,
 Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau.
- 3159 Cửa nhà⁽⁷⁾ dù tính về sau,
 Thì còn em đó nợ cầu chi đây.
- 3161 Chữ ‘trinh’⁽⁸⁾ còn một chút này,
 Chẳng cầm cho vững lại dày cho tan ?

- 3163 Còn nhiều ân ái chan chan,
Hay gì vậy⁽⁹⁾ cánh hoa tàn mà chơi ?”
- 3165 Chàng rằng : “Gắn bó một lời,
Bỗng không cá nước, chim trời lữ nhau.
- 3167 Xót người lưu lạc bấy lâu,
Tưởng thể thốt nặng cũng đau đớn nhiều.
- 3169 Thương nhau sinh tử đã nhiều,
Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.
- 3171 Chừng xuân tơ liễu còn xanh,
Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vảnh ái ân.
- 3173 Gương trong chẳng chút bụi trần,
Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm.
- 3175 Bấy lâu đáy bể, mò kim,
Là theo vàng đá, phải tìm trăng hoa !
- 3177 Ai ngờ lại hợp một nhà,
Lọ là⁽¹⁰⁾ chẵn gôi mới ra sắt cầm !”
- 3179 Nghe lời sửa áo cài trâm,
Khẩu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng,
- 3181 Thân tàn gạn đục khơi trong⁽¹¹⁾
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
- 3183 Mấy lời tâm phúc ruột rà⁽¹²⁾
Tướng tri đường ấy mới là tướng tri⁽¹³⁾
- 3185 Chở che đùm bọc thiếu gì,
Trăm năm danh tiết⁽¹⁴⁾ cũng vì đêm nay !”

GIẢO ĐỈNH - XÁC ĐỊNH

Câu 3131 – Tiệc đoàn loan là bữa tiệc họp nhau lại làm lễ kết hợp cho hai người sum họp thành vợ chồng, tức là tiệc cưới. Có mấy bản Kiều in đoàn loan ra chữ đoàn viên là lầm. Vì “đoàn viên” không có ý cưới.

Câu 3132 – “Hoa soi ngọn đuốc” là dịch từ chữ hoa chúc ra. “Hong chan bức là” không biết tác giả diễn dịch ở đâu. Chỉ biết *hong* là màu sắc vui mừng của cả Ta và Tầu xưa; Quần áo và chăm mừng của cô dâu đều dùng màu hồng cả. Chữ *bức* là đây có lẽ là bức màn may bằng là – *lụa mỏng*.

Câu 3154 – Chữ *vớt* ở đây có nghĩa là vớt vát, không có nghĩa là vớt một vật gì đó lên.

Câu 3176 – Câu này nghĩa là : Sở dĩ ta phải hết sức tìm nàng như thế là vì ta phải theo lời thề như khắc vào biển vàng bia đá. Chữ không phải vì đường trăng hoa mà tìm nàng về để thỏa dục tình.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Giao bái** – nghĩa là dâu rể chào bái lẫn nhau để làm lễ kết nhau lại thành một nhà với nhau.

Nhân tiện đoạn này có chữ *bái* và chữ *khẩu đầu*, xin kể rõ các lối chào lạy của người Tầu trước :

- Ấp – *vái* : chắp hai tay ở trước ngực và hơi cúi đầu.
 - Trường ấp – *vái dài* : hai tay vẫn chắp ở trước ngực, nhưng đầu cúi gằm, ngang về phía trước.
 - Bái – *lạy* : hai tay chắp giơ lên trước trán, rồi cong lưng, cúi đầu, hạ hai tay chắp xuống trước rốn.
 - Bái thủ khể thủ – tay bái đầu cúi xuống tận đất
 - Khẩu đầu – là *kiểu lạy trịnh trọng nhất* : hai chân quỳ xuống, hay tay chống xuống hai bên phía trước mặt, đầu gục xuống sát đất giữa khoảng hai bàn tay.
- Người Tầu vẫn lễ thần theo kiểu này.

2. **Dùu dặt** – là vui vẻ mời nhau uống mãi. Chén mời là chén làm bằng đôi mời.

3. **Sen ngó đào tơ** – là lúc mới lớn lên, mới dậy thì.

4. **Bi hoan** – bi là buồn thương lúc trước; hoan là vui vẻ bây giờ.

5. **Xướng tùy** – sách Nho có câu : Phu giả xướng, phụ giả tùy – *Chồng là người chủ trương mọi việc, vợ là người theo mà làm.* Ý nói vợ chồng hoà thuận với nhau.

6. **Còn duyên đầu nũa là thù đấy thôi** – câu này lấy ý ở câu trong sách Tả Truyện : Giai ngẫu viết phối, oán ngẫu viết cừu – *Lừa dối vui đẹp gọi là vợ chồng, lừa dối oán ghét nhau gọi là kẻ thù.*

7. **Cửa nhà** – chữ này ở đây ý nói con cái nối dõi.

8. **Chữ trinh** – trinh là tấm lòng ngay ngắn. Đối với đàn bà thì trinh là đức tính biết giữ mình cho hết sức đứng đắn trong sạch và biết hết lòng yêu mến kính trọng chồng, giữ trọn đạo nghĩa với chồng. Vì lòng tôn kính quý trọng chồng nên người trinh phụ thường phải giữ gìn mình và can ngăn chồng, để vợ chồng không mang tiếng về đường ân ái bất chính.

9. **Vậy** – là chơi đùa nhảm nhí, như trẻ con vậy nghịch nước bắn.

10. **Lọ là** – là chẳng cần gì phải thế.

11. **Gạn đục khơi trong** – câu này lấy ý ở câu Thi Tử nói về đức tính của nước : Nước có tính Khích trọc dương thanh, Đãng khứ tri uế – *Nước có tính tốt : quấy phần cặn bã cho lắng lên rồi lắng xuống để gở phần trong ra cho mọi người biết.*

Ý câu này là Kiều ví mình như thùng nước đục; nhờ ơn Kim Trọng có lòng quân tử ra tay gạn chất đục cho được trong sạch.

12. **Ruột rà** – là rất thành thật, rất kín đáo trong lòng.

13. **Tương tri đường ấy mới là tương tri** – Kim Trọng thì tưởng là Kiều chưa thoát ra khỏi vòng ái ân, nên thương Kiều, mà làm ra vẻ say mê Kiều. Kiều thì tưởng là Kim Trọng say mê mình thật, nên hết sức từ chối. Rồi Kim lại cũng giảng giải cho nàng khỏi tủi thẹn. Nhưng đến khi nghe lời nàng khuyên xin cùng nắm vững lấy “chút trinh còn lại” để giữ danh tiết cho cả hai người, bấy giờ Kim mới hiểu lòng kiên trinh của Kiều và mới bấy tỏ thật tình cho nàng biết rằng : “Bấy lâu đáy bể mò kim, Là theo vàng đá phải tìm trăng hoa.”

Đến lúc này, hai người mới thật tương tri lẫn nhau và lại càng kính trọng yêu Quý nhau thêm một cách thanh tao.

14. **Danh tiết** – danh giá của chàng; tiết trinh của nàng.

đoạn XXIX

tình xưa điệu mới
khổ tận cam lai

“trăm năm
danh tiết
cũng vì
đêm nay!”

- 3187 Thoắt thôi tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nét càng say vì tình.
- 3189 Thêm nết giá nổi hương bình,
Cùng nhau lại chước chén quỳnh giao hoan⁽¹⁾
- 3191 Tình xưa lai láng khôn hàn,
Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
- 3193 Nàng rằng : “Vì mấy đường tơ,
Lắm người cho đến bây giờ mới thôi !
- 3195 Ăn năn thì sự đã rồi,
Nể lòng người cũ vâng lời một phen.”
- 3197 Phím đàn dịu dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa⁽²⁾
- 3199 Khúc đầu đầm ấm dương hòa⁽³⁾
Ấy là hồ điệp hay là Trang Sinh ?⁽⁴⁾
- 3201 Khúc đầu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục Đế hay mình đồ quyền.
- 3203 Trong sao châu rỏ doanh quyền!⁽⁵⁾
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông!⁽⁶⁾
- 3205 Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng náo nùng xôn xao⁽⁷⁾
- 3207 Chàng rằng : “Phổ ấy tay nào ?
Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy ?
- 3209 Thương vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận, đến ngày cam lai ?”
- 3211 Nàng rằng : “Vì chút nghề chơi,
Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu !
- 3213 Một phen tri kỷ cùng nhau,
Cuốn dây từ đấy về sau cũng chừa.”
- 3215 Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
Gà đà gáy sáng trời vừa rạng đông.
- 3217 Tình riêng chàng lại nói sòng,
Một nhà ai cũng lạ lòng khen khao.

- 3219 Cho hay thực nữ chí cao,
Phải người sớm muộn tối đào như ai!⁽⁸⁾
- 3221 Hai tình⁽⁹⁾ vẹn vẽ hòa hai,
Chẳng trong chẵn gối, cũng ngoài cầm thơ;
3223 Khi chén rượu lúc cuộc cờ,
Khi trông hoa nở, khi chờ trăng lên.
- 3225 Ba sinh đã phỉ mười nguyên⁽¹⁰⁾
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.
- 3227 Nhớ lời lập một am mây,
Khiến người thân tín rước thầy Giác Duyên.
- 3229 Đến nơi đóng cửa gài then,
Rêu phong kẽ ngạch⁽¹¹⁾ cỏ lên mái nhà.
- 3231 Sứ đà hái thuốc⁽¹²⁾ phương xa,
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu!
- 3233 Nàng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.
- 3235 Một nhà phúc lộc hòa hai⁽¹³⁾
Nghìn năm dằng dặc, quan giai⁽¹⁴⁾ lần lần.
- 3237 Thừa gia⁽¹⁵⁾ chẳng hết nàng Vân,
Một cây cù mộc, một sân quế hòe⁽¹⁶⁾
- 3239 Phong lưu phú quý ai bì,
Vườn xuân⁽¹⁷⁾ một cửa để bia muôn đời.

CHÚ GIẢI – DẪN ĐIỂN

1. **Giao hoan** – vui vẻ cùng nhau.

2. **Tiếng huyền** – là tiếng đàn.

3. **Dương hòa** – dương là hơi nắng ấm; dương hoà là hơi ấm êm ái của mùa xuân.

4. **Hồ điệp, Trang Sinh** – hồ điệp là con bướm.

Trang Sinh – tên là Trang Chu, một nhà triết học nổi tiếng thời Xuân Thu. Có một buổi sáng ông nằm ngủ mơ thấy mình hoá con bướm, bay chơi thích lắm. Lúc tỉnh dậy giật mình, không biết Chu mơ hoá bướm hay bướm mơ hoá Chu, rồi ngần ngừ tiếc giấc mơ bướm vui ít quá.

5. **Doanh quỳên** – doanh là vùng bể – biển; quỳên là đẹp. Doanh quỳên là vùng bể có trăng sáng chiếu trong rất đẹp.

Câu này lấy điển ở câu thơ của Đỗ Phủ : Thạch lại nguyệt quỳên quỳên – *Nước suối đá có trăng đẹp sáng soi xuống*, để diễn dịch câu : Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ – *Nước bể rộng mênh mông dưới ánh trăng sáng, có những giọt nước mắt giổ xuống thành ngọc*.

6. **Mối đông** – là mối đặc lại thành ngọc.

Mấy câu tả tiếng đàn này là tác giả diễn dịch bốn câu thơ vịnh đàn Cẩm sắt của Lý Thương Ẩn đời Đường :

Trang Sinh hiểu mộng mê hồ điệp
Vọng Đế xuân tâm thác đổ quỳên
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam diển nhật noãn ngọc sinh yên

*Ông Trang Sinh trong giấc ngủ lúc mờ sáng,
mơ thấy mình hoá ra bướm bướm,
Vua Vọng Đế nước Thục
gửi lòng xuân của mình vào chim đỗ quỳên.
Nước bể rộng mênh mông dưới ánh trăng sáng,
có những giọt nước mắt giổ xuống thành ngọc,
Núi Lam Diển có ánh nắng ấm
làm cho những hạt ngọc mối đông bốc khói lên.*

7. **Não nùng xôn xao** – là tiếng đàn hay khiến người nghe phải nao nức, say sưa.

8. **Sớm muộn tới đào** – Kinh Thi có câu : Đầu ngã dĩ đào, báo chi dĩ lý – *Chàng ấy cho ta quả đào, ta đưa quả muộn trả lại*. Ý nói người con gái không đúng đắn, trao đổi ân ái với con trai.

9. **Hai tình** – là tình vợ chồng và tình bạn bè. Ý nói Kiều vừa là vợ hiền, vừa là bạn Quý của Kim Trọng.

10. **Ba sinh đã phỉ mười nguyên** – nghĩa là hai bên thật là đã được mãn nguyện đầy đủ mười phần trong cuộc tình duyên.

11. **Kẽ ngạch** – là chỗ khe ở dưới ngưỡng cửa trước nhà cách với mặt thềm, mặt nền nhà.

12. **Hải thuốc** – người ẩn dật tu đạo Tiên, Phật thường hay vào ở rừng núi và đi lấy quả, lá, củ rễ cây làm thuốc được để mình dùng, để cứu người, để bán lấy tiền sinh sống. Chữ *hải thuốc* ở đây nghĩa bóng là Sư Giác Duyên đã đi vân cảnh đây đó nơi xa.

13. **Hòa hai** – là cả hai phần; chữ hoà ở đây nghĩa là cùng.

14. **Quan giai** – nghĩa đen là các bậc trên dưới trong quan trường. Nghĩa bóng là nói con cháu nối nghiệp nhau đồ đạt làm quan đời đời. Ở đây nên hiểu theo nghĩa bóng.

15. **Thừa gia** – nghĩa là vâng nhận lấy việc gây dựng dòng dõi để kế tiếp thờ cúng tổ tông và truyền nối nghiệp nhà. Có bản Kiều đổi chữ *thừa gia* là *thừa tông* cho rõ nghĩa hơn về phương diện thờ cúng, nhưng e hẹp nghĩa hơn về kế nghiệp khoa bảng.

16. **Quế hoè** – là hai thứ cây to bóng mát hay trồng ở trước sân.

Ông Đậu Yên Sơn có năm con đều đỗ Tiến Sĩ, người ta gọi là Đậu gia ngũ quế – *Năm cây quế nhà họ Đậu*.

Ông Vương Hựu trồng ba cây hòe ở trước nhà và nói rằng : “Ta có công to mà không được thưởng, thế nào con ta cũng có đứa làm đến Tam Công để đền bù lại.” Sau quả nhiên con ông là Vương Đán đỗ Trạng Nguyên làm Tế Tướng.

Vì hai sự tích họ Đậu, họ Vương này mà người sau dùng hai chữ quế hoè để nói con cháu tài giỏi vinh hiển.

18. **Vườn xuân** – đây dùng nghĩa bóng nói một nhà thịnh vượng, cảnh tươi vui như vườn hoa về mùa xuân.

đoạn XXX

chớ cậy chi tài
nên tu lấy thiện

vườn xuân
một cửa
để bìa
muôn đời.

- 3241 Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
3243 Bắt phong trần phải phong trần⁽¹⁾
Cho thanh cao mới được phần thanh cao⁽²⁾
3245 Có đâu thiên vị⁽³⁾ người nào,
Chữ Tài chữ Mệnh dồi dào cả hai,
3247 Có tài mà cậy chi tài ?
Chữ “tài” liền với chữ “tai” một vần⁽⁴⁾
3249 Đã mang lấy nghiệp⁽⁵⁾ vào thân,
Cũng đừng trách lẫn⁽⁶⁾ Trời gần Trời xa.
3251 Thiện căn⁽⁷⁾ ở tại lòng ta,
Chữ “tâm” kia mới bằng ba chữ “tài”
3253 Lời quê chấp nhật đông dài⁽⁸⁾
Mua vui cũng được một vài trống canh.

CHÚ GIẢI - DẪN ĐIỂN

1. **Phong trần** – nghĩa đen là nơi có gió bụi bốc lên; nghĩa bóng là bước đời lắm than cơ cực. Con trai thì phải làm ăn vất vả nay đây mai đó; con gái thì phải long đong sa đọa vào những nơi thanh lâu ô nhục.

Câu này tác giả than thở cho số phận của mình long đong trong cuộc bể dâu vừa than thở cho số phận của Kiều, gặp cơn gia biến phải sa ngã vào cuộc đời khổ nhục.

2. **Thanh cao** – là cuộc sống trong sạch, đáng Quý không ai khinh rẻ chê cười được.

3. **Thiên vị** – là vì nể, không công bằng.

4. **Tai** – nghĩa đen là *lụt* – nếu viết xuyên là *sông* ở trên hay *cháy* – nếu viết hòa là *lửa* ở dưới; nghĩa là sự hại do trời đất sinh ra, tự nhiên xảy ra cho ta phải chịu.

5. **Nghiệp** – nghĩa đen của chữ nghiệp nguyên là thanh gỗ mỏng hai bên có những răng cưa to để hạn định công việc mình phải làm, xong mỗi việc, lại bẻ một răng cưa, bao giờ bẻ hết tức là xong việc – *tất nghiệp*.

Nghĩa bóng của chữ này là việc mình đã làm. Theo lẽ nhân quả báo ứng sách Phật nói : Những việc ác mình đã làm trong kiếp trước là cái nhân, cái mầm nó kết thành quả của sự khổ sở kiếp này mình phải chịu để đền tội kiếp trước. Những việc mình làm kiếp này lại là cái nhân sinh ra quả số phận kiếp tiếp sau. Cái sự khổ sở mình phải chịu lần hồi kiếp kiếp như vậy gọi là nghiệp.

6. **Trách lẫn** – trách một cách lằng lằng, không đúng lẽ phải.

7. **Thiện căn** – là cội gốc lòng thiện nghĩa là cái gốc nhân từ ở lòng mình sinh ra.

8. **Lời quê chấp nhặt đông dài** – đó là tác giả nói quá khiêm tốn, thật ra lời chẳng quê chút nào và qua những điển tích tác giả chấp nhặt vào suốt câu chuyện có thể thấy tác giả thu nhặt rất rộng rãi, gần như hầu hết câu nào cũng đặt theo điển cố hẩn hoi, hoặc theo phương ngôn tục ngữ của nền văn Việt. Tôi tiếc là tôi đã học ít, trí nhớ lại kém, lại gặp lúc không có sách để tra cứu, nên phải đành chịu bỏ qua hầu hết.

5

phụ lục

ĐỘNG CƠ ÔNG NGUYỄN DU DIỄN TRUYỆN KIỀU ?

Hồi tôi 15 – 16 tuổi, có học cụ Cử Nguyễn Đăng để tập văn thi khoa Hương Nhâm Tý ở trường thi Nam Định. Cụ người làng Nội Duệ, tỉnh Bắc Ninh, đỗ Tú Tài năm 17 tuổi, đỗ Cử nhân năm 27 tuổi khoa Bính Tuất (1886) đồng bảng với ông Chu Mạnh Trinh. Cụ Cử Đăng là bậc thâm nho, học rộng biết nhiều, tính khảng khái, tránh xa nơi quyền thế. Suốt đời dạy học, hay đem những truyện nghĩa khí kể cho học trò nghe.

Tôi còn nhớ một buổi giảng sử Nam đến đoạn nói : Khi Nhạc Huệ rút quân về nam rồi, buổi đầu tiên vua Lê Chiêu Thống ra coi triều, các quan cựu thần tan hết, chỉ còn 8 ông Tiến Sĩ tân khoa là các ông Trần Danh Ấn, Phạm Quý Thích, Phạm Nguyễn Du... có anh học trò hỏi Cụ : “Có phải ông Nghè Phạm Nguyễn Du này đã viết ra truyện Kiều là ông Nguyễn Du, con cháu một nhà trâm anh thế phiệt, cha, anh làm Quốc Sư kia.”

Rồi nhân tiện cụ kể cho biết sơ dĩ ông Nguyễn Du viết ra truyện Kiều là vì nhiều lẽ. Mà lẽ thứ nhất là vì trong bữa yến tiệc vua Gia Long đãi các cựu thần nhà Lê. Ông Nguyễn Du vì là con nhà vọng tộc lại có lòng khảng khái chống lại Tây Sơn nên cũng được mời. Trong khi dự yến, các vị Tòng Vong ở Tàu về được vua có ý trọng đãi hơn là các vị lẩn tránh ở trong nước, đã làm cho các vị cựu thần này méch lòng, nhất là ông Phạm Quý Thích và ông Nguyễn Du.

Rồi lại thêm chuyện lũ phường tuồng ra hát giúp vui, diễn một tấn hài kịch bất nhã như sau :

Một ông vua bị giặc đánh phải bỏ chạy ra nước ngoài cầu cứu. Khi được viện trợ và khôi phục được nước rồi, có một vị cựu thần vào yết kiến chào mừng. Vua hỏi sao trước kia không theo phò vua xuất ngoại ? Vị cựu thần thưa :

- *Thần định ở nhà để lo sự khôi phục, rồi đi rước vua về.*

Vua nói :

- *Chỉ to ấy thật đáng khen ! Nhưng chỉ to phải tài cũng to mới làm nên việc. Vậy nhà người có đủ tài đó không ?*

Viên cựu thần vừa nói vừa chỉ vào bụng mà thưa rằng :

- *Thần tướng bụng thần đầy đủ lực thao, tam lược như thế này thì rất đủ sức thực hiện được chí đó.*

Vua bảo :

- *Thao lược nhà người thế nào thử bày tỏ cho ta coi !*

Viên kia vâng lời, liền moi trong áo trước bụng ra 3 đôi thao nón cũ và 3 chiếc lược răng đã cùn gãy ra trình mà nói :

- *Tâu bệ hạ ! Lực thao của hạ thần đây ! Tam lược của hạ thần đây ! Đâu phải tầm thường.*

Vua Gia Long nghe thích chí vui cười, trong khi ông Thích, ông Du thật thâm gan tím ruột. Từ đó hai ông mất hết cảm tình với nhà Nguyễn. Ông Thích thì lấy cớ đau mắt xin được ở nhà dạy học, nhưng suốt đời ngồi trong phòng giảng sách, chấm bài, ít ai được thấy mặt. Còn ông Du thì vì tài chí lỗi lạc quá, bất đắc dĩ phải nhận chức ra làm quan.

Năm Gia Long thứ 12 (1813) ông Du sang sứ Tàu thấy cuốn Phong Tình Lục tả cảnh nàng Vương Thúy Kiều chung kiếp bị Giời ghen với mình, mới mua hai cuốn về cho ông Thích xem rồi bàn mỗi người diễn riêng thành một truyện để gửi tâm sự mình vào đó cho thiên hạ đời sau biết. Ông Du về Trung, vì có công đi sứ, được nghỉ việc quan, chuyển tâm cố diễn Phong Tình Lục thành truyện Kiều trong khoảng hơn một năm thì xong, mang ra Bắc cho ông Thích xem. Ông Thích thấy ông Du diễn đã xong, mới bỏ quyển của mình đi và bàn nhau với ông Du cùng sửa lại đôi chỗ trong quyển của ông Du.

Lúc ông Du mới diễn xong truyện Kiều đặt tên là Đoạn Trường Tân Thanh. Ông Thích cho là tên đó nghe đã thô thảm quá, e lại lộ tâm tích, mới bàn với ông Du đổi tên là Kim Vân Kiều Truyện cho được bình thường và kín đáo hơn. Khi hai ông cùng sửa lại xong rồi, ông Thích đề một bài thơ Đường luật bằng chữ Hán coi như bài tựa và cho khắc một bản ấn hành. Bài thơ tựa này lúc mới chỉ có bản in bằng Hán văn, sau ông mới diễn ra tiếng Nôm nên không kịp khắc in.

Tôi được nghe cụ Cử Đảng kể cho học trò nghe rõ ràng như vậy, nên xin ghi lại để độc giả biết động cơ đã thúc giục hai ông Tố Như và Hoa Đường phỏng diễn quyển Phong Tình Lục thành Kim Vân Kiều Truyện.

Ý NGHĨA CHỮ “KIM VÂN KIỀU”

Truyện Kiều có hai tên, trước đặt là Đoạn Trường Tân Thanh, sau đổi là Kim Vân Kiều Truyện.

Chữ *Đoạn Trường Tân Thanh* thì nhiều người biết là ở Tàu trước kia đã có một cuốn sách chép toàn những truyện đau thương thê thảm ở đời, tên là *Đoạn Trường Thanh – Tiếng kêu đứt ruột*. Trong cuốn này, đầu tiên là truyện một con vượn mẹ thấy con bị tên bắn chết, chạy tới ôm con rồi kêu lên một tiếng dài rất thê thảm, đứt ruột từng khúc, rồi lăn ra chết bên thây con. Người ta gọi tiếng kêu ấy là *Đoạn Trường Thanh*. Bởi vậy ông Nguyễn Du mới đặt quyển truyện Kiều ông diễn là *Đoạn Trường Tân Thanh – Tiếng kêu đứt ruột mới*.

Ông Phạm Quý Thích thấy tên *Đoạn Trường Tân Thanh* này vừa lộ tâm tích quá, vừa e không có điềm tốt lành, mới bàn với ông Du đổi là *Kim Vân Kiều Truyện*. Để ngoài thì nghĩa rất thông thường khỏi ai để ý đến tâm tích bất mãn, mà trong thì ngụ ý thâm thúy mong đợi nhà Lê trung hưng, để lại được giúp vua Lê chính thống. Nghĩa thâm thúy của ba chữ Kim Vân Kiều như sau :

Kim vân là mây vàng; *Kiều* là kiểng chân mà mong đợi. Kim Vân Kiều là kiểng chân lên mà mong đợi đám mây vàng. Mây vàng tức là điềm báo trước vua sẽ được gặp Hiền Tướng.

Khoa ông Hàn Kỳ đỗ Trạng Nguyên, vua Tống Nhân Tông được toà thiên văn báo tin mừng là có đám mây vàng ánh ngũ sắc ôm dưới mặt trời. Khoa ông Văn Thiên Tường đỗ Trạng Nguyên, vua Tống Lý Tông nằm mơ thấy có đám mây vàng từ trên giời bay xuống phủ đầu vua. Ông Hàn Kỳ và ông Văn Thiên Tường đều là Tể Tướng trứ danh đời nhà Tống.

Nghĩa ba chữ *Kim Vân Kiều* kín đáo sâu xa là như thế chứ không phải là tầm thường.

VÌ MỤC ĐÍCH GÌ ÔNG DU DIỄN TRUYỆN KIỀU ?

Xét trong hai đoạn cuối cùng, chúng ta thấy *Đoạn Trường Tân Thanh* có 3 cuộc kết thúc :

- Sau khi Thúy Kiều vâng lời cha mẹ, bắt đắc dĩ phải kết duyên cùng Kim Trọng, thì có cuộc kết thúc thành giả phu thê.
- Sau khi thành hôn thì có cuộc kết thúc bằng tiếng đàn ngoài vui hoà, trong than khóc.
- Lời kết thúc cuốn truyện bằng 14 câu khuyên thiện, khuyên người có tài vun giữ thiện căn, khuyên người bạc mệnh đành chịu phong trần, chớ trách lẫn Trời.

Theo những kết thúc nhận thấy ở trên, thì biết tác giả *Đoạn Trường Tân Thanh* có 3 mục đích :

- Để ngấm tở cho thiên hạ biết tâm trạng tiên sinh bất thân với nhà Nguyễn, nhưng bắt đắc dĩ phải ra làm quan vì nghĩ đến tổ tiên, gia tộc. Cuộc tiên sinh kết duyên giả quân thân với vua Gia Long để giữ chút lòng trung còn lại với Cố Lê Chính thống.
- Để gửi gắm tâm hồn đau đớn của tiên sinh lại mãi cho đời sau biết : đau đớn vì thương nhớ cố quân, cố quốc; đau đớn vì phải lơ lảo đứng giữa tân triều. Ngoài mặt tỏ ra vui vẻ, mà trong lòng hổ thẹn.
- Để khuyên thiện trừng ác theo như mục đích thông thường của phần nhiều các truyện, các tiểu thuyết xưa.

Tuy mục đích tỏ tâm sự và gửi tâm hồn là hai điều chủ yếu đã thúc giục tiên sinh viết ra tác phẩm Quý vô giá này nhưng tiên sinh không dám bày tỏ rõ ràng, phải ngấm tở kín đáo. Nên phải lấy mục đích khuyên thiện làm chủ truyện để hậu thế thưởng thức và lưu truyền tấm lòng trung nghĩa đau thương của tiên sinh; hiểu thấu tâm sự tiên sinh mà viếng khóc tiên sinh mãi mãi.

Cụ Cử Đảng sau khi kể vì sao ông Nguyễn Du diễn truyện Kiều rồi, lại kể luôn cho học trò nghe thêm hai việc có liên hệ đến truyện Kiều sau khi truyện này được thịnh hành.

TRUYỆN KIỀU BỊ ĐỀ THƠ CHỈ TRÍCH

Khi truyện Kiều xuất bản rồi, được mọi người tán phục đua nhau mua đọc. Có một người học trò cụ Hoa Đường lại chê là một quyển truyện phong tình lục không nên đọc, mới mua một cuốn mà để một bài thơ ở ngoài rằng :

Hà tằng tạo vật đổ hồng nhan ?
Chỉ tự hồng nhan khởi nghiệp đoan
Mối tín vị thông xuân tứ loạn
Tình lang tài khú thế bôi hàn
Thanh lâu đảo khách giai Kim Trọng
Hồng phần tàn thì hựu Thổ quan
Quái đắc Tân thanh lưu nhạc phủ
Đảo kim ca vịnh mãn Tràn An

*Nào có bao giờ ông Giời ghen khách má hồng đâu ?
Chỉ tự khách má hồng gây mối oan nghiệt cho mình thôi
Chưa có tin mối lái gì,
mà lòng xuân đã bùng rồi lên rồi;
Tình lang vừa mới đi khỏi,
thì đã để chén rượu thể nguội lạnh đi rồi;
Lúc ở lầu xanh,
khách nào đến cũng coi là Kim Trọng cả;
Khi má hồng đã phai tàn rồi,
lại vẫn còn lấy tên Thổ quan,
Thật quái lạ sao cuốn Tân thanh lại được để ở nhạc phủ.
Mà đến nay người ta còn ngâm nga khắp Tràn An.*

Cụ Hoa Đường thấy anh chàng này ngu gàn, ngông hỗn mới đánh cho mấy chục roi và xoá tên trong sổ cập môn, không nhận làm học trò của cụ nữa.

Bài thơ này nhiều cụ đồ nho hạt Bắc Ninh biết. Có hôm một cụ đọc cho tôi nghe, tôi hỏi cụ có biết ai làm không và làm hồi nào, thì cụ không biết.

VĂN SĨ TẦU KHÉO VU CHO TRUYỆN KIỀU

Một người văn sĩ Trung Hoa ở nước Nam đã lâu thông thạo cả chữ Nôm, thấy truyện Kiều rất hay, vượt cả các truyện hay của Tầu, mới theo khuôn mẫu truyện Kiều và lấy thêm nhiều chi tiết ở cuốn *Phong Tình Lục*, viết ra cuốn *Thanh Tâm Tài Nhân* rồi phao tiếng lên rằng ông Nguyễn Du đã theo cuốn *Thanh Tâm Tài Nhân* mà diễn ra truyện Kiều. Nhà văn sĩ Tầu làm chuyện giả mạo này một là để tỏ ra rằng truyện Kiều hay thế là vì dịch ở một truyện Tầu ra thôi chứ chẳng lạ gì; hai là để cuốn *Thanh Tâm Tài Nhân* chàng viết được theo ảnh hưởng truyện Kiều mà cùng lưu hành rộng rãi bất tử.

Vào khoảng năm 1920 – 1922 gì đó, tôi đọc báo *Trung Bắc Tân Văn* có thấy đăng một bài khảo cứu về truyện Kiều của một vị mà rất tiếc tôi đã quên mất họ tên.

Bài khảo cứu đó nói đích xác là cuốn *Thanh Tâm Tài Nhân* không phải là quyển *Phong Tình Lục* mà ông Nguyễn Du đã dùng làm căn cứ để viết truyện Kiều. Mà trái lại cuốn *Thanh Tâm Tài Nhân* lại là một cuốn truyện do văn sĩ Tầu lấy những chi tiết hay ở truyện Kiều thêm vào những chi tiết tầm thường ở cuốn *Phong Tình Lục*, mà ông Du đã loại bỏ, để viết thành truyện. Rồi mang về Tầu in và mang lại sang Nam phát hành, nói lừa người Nam ta rằng cuốn đó là *Phong Tình Lục*, tức là nguồn gốc truyện Kiều.

Lời bài khảo cứu này nói đại khái vậy, tôi thấy phù hợp với lời cụ Cử Đăng kể với học trò ở trên, nên tôi nhớ mãi.

Vậy xin ghi ra đây để ta cùng suy xét cho khỏi bị tưởng lầm là truyện Kiều dịch ở cuốn *Thanh Tâm Tài Nhân* ra. Truyện Kiều đích xác Nguyễn Du lấy quyển *Phong Tình Lục* làm căn cứ, rồi thêm những chi tiết quan trọng vào, đồng thời bỏ bớt những tình tiết tầm thường trong nguyên văn mà diễn ra thơ để ký thác tâm sự đau thương của tiên sinh vào đó cho thiên hạ đời sau biết.

BÀI THƠ ĐỀ TRUYỆN KIỀU CỦA CỤ HOA ĐƯỜNG

Hán văn

Giai nhân bất thị đáo Tiền Đường
Bán thế yên hoa trái vị thường.
Ngọc diện khởi ứng mai thủy quốc,
Bằng tâm sự khả đối Kim Lang.
Đoạn trường mộng tỉnh căn duyên liễu;
Bạc mệnh cầm chung oán hận trường.
Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy,
Tân thanh đáo để vị thủy hương ?

Giải nghĩa

*Cô giai nhân này
nếu không đến sông Tiền Đường,
Thì dấu cuộc trăng hoa nửa đời
cũng vẫn chưa đến hết nợ.
Mặt đẹp như ngọc của cô sao
nên chôn vùi ở dưới nước ?
Vì tâm lòng trong như băng của cô
đã không đủ thẹn với chàng Kim rồi.
Khi giấc mơ Đoạn trường tỉnh dậy
cô đã hiểu rõ cả cội gốc nghiệp duyên rồi.
Nên khi gảy xong khúc đàn Bạc mệnh,
lòng cô mang mãi nỗi oán hờn.
Một mảnh tài tình từ nghìn đời đến nay,
nó vẫn làm tai vạ cho người mãi.
Quyển Tân Thanh này kết cục vì ai
mà tỏ lời khóc thương như vậy ?*

Diễn ra Quốc âm

Giọt nước Tiền Đường chẳng rửa oan,
Phong hoa bao trắng nợ Hồng nhan.
Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng,
Mặt ngọc khôn nhòa chốn Thủy quan.
Nửa gối Đoạn trường tan giấc điệp;
Một dây Bạc mệnh đứt cầm loan.
Cho hay những kẻ tài tình lắm,
Giời bắt làm gương để thế gian.

Theo lời cụ Cử Nguyễn Đăng
thì Tổ Như tiên sinh diễn truyện Kiều
vào khoảng 1814 – 1815,
sau khi đi sứ Tàu về
và sau đó 4 năm
thì tiên sinh tạ thế.

Đính giải giả
HƯƠNG NGẠN ĐÀO TỬ
Đàm Duy Tạo
kính đề
Montréal, 1980
mùa đông năm Kỷ Mùi, 1979

*nhập text, dàn trang
& thiết kế bằng InDesign CS4
trên máy Apple MacBook Pro,
tại trường nghệ thuật amiens
hoàn thiện tháng 4, 2012*

Bản ebook
© Édition d14

